NĂM THỨ MƯỜI BẢY • 199 • NOVEMBER 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 891-8142
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

động thơ thơ

HOÀNG ĐẠO

NGÒI BÚT VÔ ÚY TRONG ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG

Viet Satellite

FREE Satellite dish
4 Receivers
Installation

BASIC CHOICE $24.98

Đài truyền hình Việtnam SBTN 24/24 và các đài địa phương

PREFERRED CHOICE $44.98

Gồm đài SBTN và 80 đài Mỹ

JADEWORLD $36.99

Gồm 5 đài nói tiếng Quảng Đông. FREE 2 tháng đầu.

Promotion ends Nov 05, 2005

NFL + SBTN $ 84.99

FREE 7 đài HBO, 12 đài STARZ, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX, 25 đài SPORTS PACK

cho 4 tháng đầu

toll free 1-800-581-6910

OPEN 7 DAYS

** Tất cả giá ghi trên chỉ áp dụng cho máy receiver thứ nhất. Receiver thứ 2 trở đi, thêm $4.99/tháng/receiver

DIRECTV
AUTHORIZED DEALER

15567 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683

714-775-5400
1-800-581-6910

www.vietsatellite.com

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

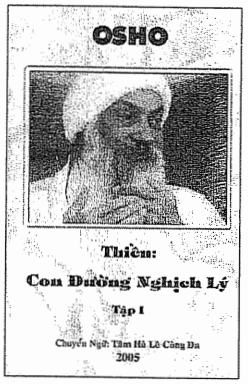

THIỀN, CON ĐƯỜNG NGHỊCH LÝ

Nguyên tác của OSHO,
Tâm Hà LÊ CÔNG ĐA dịch

Osho nguyên là giáo sư Đại học giảng dạy bộ môn triết học tại Viện đại học Jabalpur, Ấn Độ, trước khi trở thành một bậc Đạo sư nổi tiếng trên thế giới. Trong sự nghiệp văn chương và triết học đồ sộ của ông còn để lại, một số lượng lớn nói về Phật giáo, hoặc thuyết giảng những kinh sách Phật giáo. Những tư tưởng và phát biểu này của ông dựa trên tinh thần phóng khoáng của một giáo sư triết học hơn là một "tín đồ" nên mang nhiều nét rất độc sáng. Tập I, giá 15 Mỹ kim.

CÁNH CHIM BÊN TRỜI

Truyện dài của **HOÀNG NGỌC LIÊN**

Tác giả bắt đầu sáng tác và có sách xuất bản từ cuối thập niên 1950 của thế kỷ trước, và từ đó đến nay số truyện ngắn, truyện dài, thơ, phóng sự của ông đã được xuất bản khá nhiều. Đây là một cây bút điêu luyện trong kỹ thuật viết văn. Truyện Cánh Chim Bên Trời kể chuyện một góa phụ mang một đứa con gái nhỏ vượt biên sang Mỹ, đi làm, nuôi con cho đến ngày con tốt nghiệp bác sĩ và kết thúc với một mối "tình già" rất cảm động. Giá 16 Mỹ kim.

MA QUỶ YÊU TINH THIÊN HÌNH VẠN TRẠNG XUÂN TƯỚC

Đây là sách kể chuyện ma. Chuyện ma thì từ xưa cho đến nay trên thế giới chỗ nào cũng có. Vì thuộc về một thế giới huyền bí nên chuyện ma có người tin, có người không tin, nhưng sự kiện quá phổ biến của chuyện ma phải nói lên một sự thật nào đó, tuy rằng không thể chứng minh bằng phương pháp khoa học thực nghiệm. Bộ "Ma quỷ yêu tinh" này kể rất nhiều chuyện ma, ma Việt Nam, ma bên Anh, bên Mỹ... cũng là sách giải trí một cách... rùng rợn. Trọn bộ 2 cuốn, giá mỗi cuốn 15 Mỹ kim.

TRẠI ĐÁ BÀN & A.30

Chuyện lao tù cộng sản của NGUYỄN THANH TY

Đá Bàn là một trại tù của cộng sản ở tỉnh Khánh Hòa, A.30 là một trại khác ở Phú Yên. Đó là các nhà tù mà tác giả đã trải qua từ 1975 đến 1981, và ông đã viết lại chuyện ở tù đó trong cuốn sách 344 trang này. Sau khi đi cải tạo về và ra được nước ngoài, tác giả Nguyễn Thanh Ty đã xuất bản những cuốn sách như "Về một quãng đời của Trịnh Công Sơn," "Dư âm ngày cũ," "Ngải Hời." Lối kể chuyện của ông giản dị và thành thật, nhưng rất linh động và lôi cuốn người xem. Giá 20 Mỹ kim.

TỪ ĐIỂN VĂN PHẠM TIẾNG ANH

SYLVIA CHALKER, EDMUND WEINER
VÕ TRỌNG THỦY, VÕ THỊ HỒNG VÂN dịch

Mọi khoa học đều cần đến từ chuyên môn, khoa văn phạm tiếng Anh cũng vậy. Các nhà ngữ pháp thường phân tích ngôn ngữ theo những cách khác nhau và cần có những thuật ngữ mới để diễn tả những ý niệm mới. Trong sách này, các tác giả đưa ra các ý nghĩa khác nhau của một thuật ngữ, và đặc biệt nhấn mạnh đến hệ thống thuật ngữ của của ngữ pháp phổ thông hiện đại. Những thuật ngữ ngữ pháp đã lỗi thời thì không được đưa vào, trừ một số đã quá quen thuộc với đại đa số quần chúng. Giá 15 Mỹ kim.

NỖI ĐAU QUÊ TÔI

LÂM XƯƠNG YÊN

Cuốn sách ghi lại nhiều tài liệu về lịch sử cận đại Việt Nam: lược qua các nhân vật chính trị như Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Hồ Chí Minh; các đảng phái quốc gia và đảng cộng sản; các bản Hiệp ước như Vịnh Hạ Long, Elysée, Genève; cuộc chiến tranh Nam Bắc Việt Nam; Mặt trận Giải phóng Miền Nam; hòa đàm Paris; các chính phủ miền Nam Việt Nam trước 1975; bản Hiến pháp VNCH... Nói chung rất nhiều thứ thuộc về lịch sử, được trình bày theo một thứ tự riêng của tác giả. Giá 25 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

ĐÓN XEM THẾ KỶ 21

Số

THÁNG 12 – 2005

Để được giới thiệu một Website hoàn toàn đổi mới

RADIOVNCR.COM

Với các chương trình phát thanh

TIN TỨC
PHÓNG SỰ
PHỎNG VẤN
VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
CHÚNG TA ĐI MANG THEO QUÊ HƯƠNG
KIẾN THỨC NGÀY NAY
CÂU CHUYỆN ÂM NHẠC
TRƯỜNG HỌC TRƯỜNG ĐỜI
CHUYỆN BÀN TRÒN
KINH TẾ...

Tìm đọc

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH VÀ TÔI

Hồi ký gia đình của
HỨA BẢO LIÊN

"Dưới ngòi bút mộc mạc nhưng mặn mà có duyên của Hứa Bảo Liên, nghĩ sao viết vậy, sự việc thế nào trình bày đúng như thế, tôi cho đấy là một điều đặc sắc.

... Hứa Bảo Liên đúng là một cây bút có tài, tuy bà không có ý định làm văn chương. Một cuốn sách đáng để cho con cháu tìm đọc, để hiểu biết về lịch sử cha ông, lịch sử đất nước ở một giai đoạn đầy bi kịch."

Nguyễn Chí Thiện

Giá US$ 14.00
Liên lạc: Jay Ruan
9702 Bolsa Ave. SP 32
Westminster CA 92683 - USA

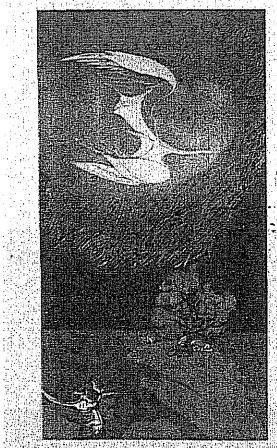

MỘT CÀNH MAI

Dịch và minh họa
VÕ ĐÌNH

Chữ Tàu
HẠNH CƠ

Bản dịch Anh ngữ
VÕ ĐÌNH và **CÔNG-HUYỀN TÔN-NỮ NHA-TRANG**

AN-TIÊM

MỘT CÀNH MAI

Thơ kệ của các Thiền sư:

Khuông Việt, Vạn Hạnh, Viên Chiếu, Lý Thái Tông, Mãn Giác, Ngộ Ấn, Không Lộ, Thường Chiếu, Huệ Sinh, Đạo Hạnh, Diệu Nhân, Trần Thái Tông, Trúc Lâm, Huyền Quang, Tuệ Trung, Chân Nguyên, Minh Lương, Liễu Quán, Tông Diễn, Tịch Truyền, Như Trừng, Hương Hải

và của **Nguyễn Trãi và Nguyễn Bỉnh Khiêm**.

Dịch và minh họa: VÕ ĐÌNH
Viết Hán tự: HẠNH CƠ
Bản dịch Anh ngữ: VÕ ĐÌNH
và CÔNG-HUYỀN TÔN-NỮ NHA-TRANG
Giá US$ 12.00
Liên lạc: **Tạp chí Thế Kỷ 21**
14775 Moran Street
Westminster CA 92683 - USA

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 657-8051
E-mail: **theky21@mail.nguoi-viet.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Tranh bìa và trình bày bìa: **Đặng Thơ Thơ**
Minh họa: trích lại của báo **Ngày Nay**
Hí họa: **Babui** và báo **Ngày Nay**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: tư liệu của gia đình **Nguyễn Tường**

MỤC LỤC

Số 199 – Tháng Mười Một 2005

6. Thư Tòa soạn – **Thế Kỷ 21**
10. Hối mại quyền thế kiểu Mỹ – **Cổ Lũy**

CHỦ ĐỀ HOÀNG ĐẠO
24. Tưởng nhớ anh Hoàng Đạo – **Viễn Sơn Nguyễn Tường Bách**
28. Hoàng Đạo, người trí thức dấn thân – **Thụy Khuê**
37. Đọc lại Hoàng Đạo – **Nguyễn Mộng Giác**
40. Báo chí tự do – **Hoàng Đạo**
42. Tự do ngôn luận: chưa nên thất vọng – **Hoàng Đạo**
43. Hoàng Đạo và Cách mạng – **Nguyễn Đức Tường**
54. Tang tóc không ngờ – **Hứa Bảo Liên**
55. Bác Tư Hoàng Đạo – **Duy Lam**
60. Cúc xưa – **Nhất Linh**
62. Ba tôi – **Ng. Tuyền** (Minh Thu)
66. Cây đàn muôn điệu – *thơ* **Thế Lữ**
67. Ga Thạch Long – **Nguyễn Tường Thiết**
74. Đọc và đặt lại vị trí Hoàng Đạo – **Thế Uyên**
88. Giấc mơ – **Nguyễn Lân**
91. Cấy óc – **Đặng Thơ Thơ**
99. Một gia đình – **Hoàng Đạo**
102. Lấy thuộc địa có chính đáng không? – **Hoàng Đạo**
103. "Hai trăm họ" ở thuộc địa – **Hoàng Đạo**
104. Giấc ngủ chiều – *thơ* **Huy Cận**
105. Hoàng Đạo qua các mục thường lệ trên báo "Ngày Nay"
115. Đi xem mũ giấy – **Tứ Ly**
120. Hậu Tây Du – **Hoàng Đạo**

MỤC THƯỜNG LỆ
8. Bạn đọc viết
9, Hộp thư trị sự
18. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**

Thư Tòa Soạn

Mở đầu số báo đặc biệt này, mời quý độc giả đọc một trích đoạn từ một bài được viết cách đây 66 năm.

Nhân Quyền

Như ta đã biết, ở thời đại này phần đông đều công nhận rằng cứu cánh của xã hội là người. Xã hội tổ chức không phải là để đè bẹp dân chúng dưới gót một quyền lực độc đoán, mà là để cho mọi người có thể làm nẩy nở bản năng của mình một cách đầy đủ. Người không phải là một đồ vật hay là một loài cầm thú; đã sinh ra làm người, ai cũng có nhân phẩm, nhân quyền, người khác cần phải kính trọng và xã hội cần phải che chở. Một chính thể, một hiến pháp nào mà không nhìn nhận nguyên tắc ấy là một chính thể vô nhân đạo, một hiến pháp vô giá trị.

Sự vẻ vang của cuộc Đại Cách Mệnh Pháp, là đã tuyên bố một cách rõ ràng quyền của người và của công dân. Không như hiến pháp Anh hay hiến pháp Mỹ, chỉ nói riêng đến quyền riêng của công dân Anh và Mỹ, bản tuyên ngôn của Pháp đã hiểu minh quyền chung của cả nhân loại, không kể gì chủng tộc, không kể gì thời đại. Nhân quyền theo bản tuyên ngôn ấy, là những quyền người ta sinh ra đã có rồi và không bao giờ mất được. Cứ giở bản tuyên ngôn ấy ra đọc là thấy rõ cái ý tưởng muốn nêu những chân lý bất diệt đó: "Người ta sinh ra là được tự do và bình đẳng về quyền lợi..." - "Mục đích của xã hội là để bảo vệ những quyền tự nhiên và bất diệt của người..."

Những quyền tự nhiên và bất diệt ấy, những nhân quyền ấy là những gì?

Bản tuyên ngôn năm 1789, điều thứ 2, có kể: "quyền tự do có tài sản, quyền được sống yên ổn, quyền phản kháng sự áp chế" và trong điều thứ nhất: tự do và bình đẳng. Nhưng quyền sống yên ổn chỉ là quyền được xã hội bảo vệ sinh mệnh và quyền lợi của mình, nghĩa là chỉ là sự đảm bảo cho nhân quyền, chứ không phải là một nhân quyền. Quyền phản kháng sự áp chế cũng không phải là một nhân quyền; đó chỉ là sự tự vệ của dân chúng nếu nhân quyền không được nhìn nhận. Như vậy còn lại: tự do, quyền có tài sản, và bình đẳng.

Bản tuyên ngôn năm 1793, cũng của Đại Cách Mệnh Pháp, điều thứ 21, có chua thêm vào số nhân quyền hai thứ quyền nữa: quyền làm việc và quyền được cứu trợ: "Công việc cứu tế là món quốc trái. Xã hội phải nuôi những công dân nghèo khổ, hoặc cho người ta việc làm, hoặc chu cấp cho những người không thể làm việc được."

Những bản tuyên cáo của Anh, Mỹ và của nhiều nước đại khái cũng nêu lên những dân quyền tương tự như bản tuyên cáo 1789 của Pháp.

Đoạn trên đây trích từ bài Nhân Quyền của Hoàng Đạo, đăng trên báo *Ngày Nay* số 168 ra ngày 1 tháng Bảy năm 1939. Ngày đó chưa có bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, sự "giác ngộ" về quyền con người của nhà báo Hoàng Đạo bắt nguồn từ tư tưởng của cuộc Đại Cách Mạng Pháp 1789, và ông đã can đảm nêu nó lên trong một đất nước đang bị

nô lệ, mọi quyền hạn của người dân đều bị tước đoạt, đang sống quằn quại rên siết dưới sự bóc lột của thực dân Pháp. Đây chỉ là một ví dụ gây ngạc nhiên cho người đang đi tìm kiếm một Hoàng Đạo của quá khứ, nhưng bỗng nhiên gặp một kho tàng với không biết bao nhiêu là châu báu mà trong bao nhiêu năm mình không ngờ là có.

Khi báo *Thế Kỷ 21* định làm một số đặc biệt về Hoàng Đạo cách đây độ một năm, thú thật chúng tôi chưa thấy hết được tầm vóc của ông. Chúng tôi tìm đọc những gì người ta đã viết và nhận định về ông, những sách đã được xuất bản của ông, trong một cuộc khai quật nho nhỏ, khiêm tốn, vừa tầm với một số báo. Lâu nay hầu hết chúng ta chỉ biết Hoàng Đạo qua số tác phẩm không nhiều đã được xuất bản, nhưng khi có dịp đọc những bài báo của ông đăng trên *Phong Hóa* và *Ngày Nay*, nhất là *Ngày Nay* trong nửa sau của thập niên 1930, người ta mới gặp một nhà báo tranh đấu đầy kiến thức và can đảm. Đó là một nhà viết chính luận trầm tĩnh và trong sáng, lý luận khúc chiết, đanh thép và dễ hiểu, giúp người dân biết được quyền họ phải có và thân phận nô lệ hiện tại của họ, đồng thời cũng là những lời tố cáo sự tàn ác của nhà cầm quyền thực dân. Các mục do ông phụ trách như Người Và Việc, Từng Tuần Lễ Một, Ngày Nay Trào Phúng... điểm qua những việc đang xảy ra trong xã hội hay tin tức thời sự với ý kiến hướng dẫn dư luận xuất phát từ trái tim yêu nước nồng nàn và trí tuệ quảng bác của ông, luôn luôn nặng tính cách tranh đấu, làm lộ ra những nét bất công, những thân phận bị đè nén của nông dân ở thôn quê hay công nhân tại thành thị. Gom tất cả những bài báo này lại chúng ta sẽ có một bức tranh xã hội và một bản án thực dân Pháp khá sát thực, đầy đủ của thời ấy. Mà bức tranh ấy được vẽ ngay dưới ánh sáng ban ngày của một nước Việt Nam đang bị đô hộ, công khai đối đầu trực tiếp với kẻ thù của dân tộc đang nắm quyền sinh sát một cách tuyệt đối trên đất nước chúng ta. Công việc ấy khó khăn và đòi hỏi sự dũng cảm lớn lao, khác hẳn với việc soạn những tài liệu tuyên truyền chống Pháp trong bóng tối, hoặc ở nước ngoài, của các đảng phái bí mật. Những bài viết của ông vừa có tính cách giáo dục quốc dân, vừa mang tính tranh đấu với kẻ thù, mặt nào ông cũng làm một cách trọn vẹn và xuất sắc, và chắc chắn, về mặt giác ngộ dân chúng, ông chính là người quan trọng giúp tạo nên những tiền đề cho các biến chuyển dữ dội của cách mạng Việt Nam giữa thập niên 1940.

Nhưng chúng ta sẽ không chỉ tìm thấy Hoàng Đạo như một dấu vết của quá khứ. Càng đọc ông càng thấy ông gần với chúng ta ngày hôm nay, nghĩa là những vấn đề ông đặt ra để tranh đấu trong thời của ông ngày nay hầu như vẫn còn nguyên trên đất nước Việt Nam của chúng ta. Vấn đề nhân quyền, tự do ngôn luận, tự do tư tưởng, tự do tôn giáo, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do nghiệp đoàn... những quyền căn bản của con người ông đưa ra còn nguyên là những bài học cho người công dân Việt Nam bây giờ, đã bao lâu bị chế độ toàn trị của một đảng tước đoạt sạch. Tiếng nói của Hoàng Đạo cách đây sáu bảy mươi năm hãy còn mới toanh giá trị, vì nước Việt Nam tuy đã thoát chế độ thực dân nhưng nay lại rơi vào một chế độ độc đảng cũng có đặc tính đè nén đời sống dân chúng, nhiều chỗ còn dã man hơn chế độ thực dân, vì đảng ấy cương quyết theo hẳn một phương pháp toàn trị chỉ nhằm làm lợi cho một bè nhóm và lại không được soi sáng bởi một tư tưởng văn minh nào.

Dĩ nhiên số báo này không thể phản ảnh hết những nét độc đáo của Hoàng Đạo. Cách tốt nhất để độc giả tiếp cận ông là trực tiếp đọc văn của ông. Vì vậy chúng tôi cố gắng tái hiện càng nhiều càng tốt các bài viết của ông, lượm lặt từ những số báo Ngày Nay, mà trước đây chưa được in thành sách. Chúng tôi nghĩ, về Hoàng Đạo việc cần thiết là phải thực hiện một toàn tập hay ít ra một tuyển tập khá đầy đủ về ông. Việc đó quá giới hạn và khả năng của một tờ báo, nhưng hoàn toàn có thể thực hiện được với một nhóm người có quyết tâm và yêu mến những gì còn ẩn giấu trong kho tàng văn hóa Việt Nam. Với ý nguyện như thế, số báo này có thể coi như là một lời đề nghị, phần nhập đề của một công trình dày hơn, sâu rộng hơn về nhà văn, nhà báo Hoàng Đạo, có thể được thực hiện trong tương lai.

Thế Kỷ 21

Màu da và Ngôn ngữ

Thế Kỷ 21 số 198 rất thú vị với chủ đề Màu Da và Ngôn Ngữ, do Nguyễn Hương và Đặng Thơ Thơ thực hiện. Những câu trả lời phỏng vấn rất đáng lưu tâm và riêng tôi rất xúc động đọc những dòng tư tưởng của những người này. Các mục thường lệ cũng rất thú vị. Cám ơn Thế Kỷ 21 đã cho những bài đọc rất thích thú. Hai bài thơ tôi rất thích là Vietnamese của Đỗ Lê Anhdao và Mot Two của Quốc Bảo. Về bài viết, tôi thích Những Ngụ Ngôn Miền Đất Hoang của Đinh Từ Bích Thúy. Tâm trạng của những người trẻ giữa hai dòng văn hóa đã được các tác giả thể hiện qua nhiều tác phẩm. Rất xúc động và nhiều suy tư, cho người viết –cố nhiên- và cho người đọc. Thế Kỷ 21 còn khai thác những đề tài như thế này nữa không?

Tôi cũng rất thích những hình chụp của Đặng Thơ Thơ, xin chuyển lời cám ơn cô ấy.

Lai Hồng (Florida)

Đẹp và sang

Thế Kỷ 21 số tháng Mười đã tới San Jose. Kỳ này báo in đẹp và sang quá các anh ạ.

Tưởng Năng Tiến (Internet)

Lời khen

Hôm nay tôi vừa nhận được báo mới. Báo tháng này có đóng gáy khiến tờ báo trang trọng hẳn lên. Đây quả là một cố gắng không nhỏ. Trong những số đã qua tôi đã rất thích thú trước những bài vở súc tích, nay lại thêm hình thức như vậy thì bộ lưu trữ Thế Kỷ 21 trong tủ sách gia đình hẳn sẽ thêm đẹp đẽ.

Cám ơn và chúc Thế Kỷ 21 luôn thăng tiến và nhiều thành công.

Trần Hùng (VNN)

Cũ và mới

Một tờ báo đã đi vào năm thứ 17 thì đương nhiên đã định hình từ lâu một truyền thống của chính nó. Tôi nghĩ Thế Kỷ 21 là tạp chí duy nhất ở hải ngoại theo lối bách khoa, trong đó khía cạnh chính trị, thời sự, kinh tế khá xuất sắc, có vẽ tranh hí họa theo biến cố đang xảy ra, các loại bài khác về văn hóa, lịch sử v.v... cũng đa dạng, giữa một rừng tạp chí văn học (đã đủ một chục chưa nhỉ, các tạp chí mà tên có mang chữ VĂN, chưa kể các tạp chí có tên khác mà nội dung cũng là... văn). Người đọc báo thì mỗi người một gu, riêng tôi thì chọn cái xì-tin Thế Kỷ 21, mỗi tháng ăn một bữa có nhiều món, mỗi món một ít bày la liệt giống như trong một bữa giỗ của người Huế. Quen nếm nhiều vị quen rồi, phải ăn một bữa "chủ đề" sao nghe mệt quá, đâm ra nhớ những vị quen thân của mình suốt bao nhiêu năm.

Tôi biết độc giả ở lứa tuổi bảy mươi như tôi không muốn đi ra khỏi con đường mình đã đi nhiều năm, mỗi khi bị dẫn vào con đường lạ không khỏi cảm thấy ngán ngại. Và tôi cũng biết những người làm báo Thế Kỷ 21 –tòa soạn, ban biên tập, và hầu hết những người cộng tác- cũng cùng một thế hệ với chúng tôi, tạm gọi là thế hệ thứ nhất di dân, cho nên lâu nay có một sự gắn bó tự nhiên, cùng nhau làm và đọc tờ Thế Kỷ 21 trong một niềm thông hiểu chung. Có vẻ như cùng một não trạng, một lập trường, và những sở thích. Bỗng xuất hiện số báo vừa rồi, màu da và ngôn ngữ, mọi chuyện khác hoắc, như đem một thế giới lạ đặt vào cái khung cũ.

Nếu tiếp tục như kiểu thế này, chúng tôi, những độc giả "già", có quen được không? Dĩ nhiên phải gắng để quen, còn có quen được không, nghĩa là có cảm thấy thú vị được hay không, thì chưa biết được.

Trần Nghĩa (Anaheim, CA)

Lại chuyện cờ xí

Báo chí Little Saigon mấy ngày cuối tháng 10 xôn xao vì mấy lời tuyên bố của ông đại sứ Mỹ tại Việt Nam trong buổi nói chuyện với sinh viên University of California, Irvine, nguyên văn lời nói của ổng được dịch ra như sau: "Chính sách của chính phủ Hoa Kỳ là chúng ta công nhận nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, chúng ta công nhận lá cờ của họ, chứ không phải lá cờ kia, và tôi không tin rằng có lợi gì để công nhận lá cờ kia."

Không có gì sai trong lời nói ấy cả. Bang giao quốc tế bao giờ chẳng vậy, công nhận và thiết lập ngoại giao với một nước thì hẳn nhiên phải công nhận lá cờ của họ như một biểu tượng của nước đó. Nhưng sở dĩ ông đại sứ phải nói lại điều ai cũng biết rồi ấy tại miền Nam California, là vì đây là "thủ đô" của người Việt tị nạn, và là "thành trì" của việc vận động cho lá cờ Việt Nam Cộng Hòa được công nhận trong các tiểu bang và các thành phố tại Hoa Kỳ. Chắc chắn cái việc vận động nhiều thành công này của các cộng đồng người Việt khắp nước Mỹ khiến cho chính quyền Hà Nội bực mình lắm, và chắc là họ đã nhiều lần trút sự bực mình lên ông đại sứ Michael Marine, và bây giờ ông đại sứ trút lại lên dân tị nạn ở Quận Cam... cho huề!

Nhưng nếu ông đại sứ muốn thuyết phục cộng đồng tị nạn Việt Nam thay đổi ý kiến về việc công nhận lá cờ đỏ sao vàng thay cho cờ vàng ba sọc đỏ thì ông phải nói và hành động cách khác, chứ không phải tuyên bố một câu có tính cách chọc giận như trên. Về tâm lý, người Việt tị nạn cộng sản không công nhận lá cờ cộng sản là việc đương nhiên, và họ nâng niu lá cờ cũ của họ như một biểu

tượng cho sự tự do của nước Việt Nam cũng là việc dễ hiểu: nếu không, họ đi tị nạn làm gì? Cũng phải hiểu, dù là thua trận, nhưng họ cũng có lý tưởng của họ về nước Việt Nam chứ, cái lý tưởng họ đã đổ máu dưới lá cờ vàng của họ để bảo vệ, đó là sự tự do. Bây giờ dưới mắt họ, nước Việt Nam vẫn bị cai trị bởi một đảng duy nhất, mà chủ thuyết của đảng đó thì đã bị loài người vứt vào thùng rác từ lâu rồi. Chỉ một cách làm cho họ tâm phục thì may ra có thể họ thay đổi ý kiến, và cách đó chính là tự do hóa Việt Nam. Chứ còn vẫn cứ độc tài, vẫn cứ áp bức, vẫn bắt giam người bất đồng chính kiến với tội danh gián điệp, vẫn đàn áp tôn giáo v.v... mà cứ dí lá cờ đỏ như máu ấy vào tay những người tự do bảo họ phất và hoan hô mình, thì... khó quá! Ông đại sứ đã làm được bao nhiêu việc để giúp cải thiện tình hình Việt Nam? Chính cái đó mới là điều cần thiết, thưa ông đại sứ.

Hồ Việt Khanh
(Mission Viejo, CA)

Nước lèo

Là dân Hương Bình, hoài cổ, sau khi được đọc bài Bún Bò Huế của tác giả Trần Kiêm Đoàn tôi thích thú vô cùng. Bài Bún Bò Huế diễn tả đầy đủ chi tiết, người đọc tưởng như đang được thưởng thức tô bún bò thật sự. Số báo kế tiếp, 197, ông Nguyễn Vĩnh

Xuân cũng tự xưng là dân Huế rành về bún bò, lại chê ông Đoàn gọi nước xúp hầm thịt xương và gia vị màu mỡ là "nước bún" là sai, mà phải gọi là "nước lèo." Tôi cho ông Xuân gọi như thế là không chỉnh, vì "nước lèo" thật ra chỉ là một loại nước chấm được pha bằng nhiều thứ khác nhau như tương, ruốc, nước mắm hay nước cá kho. Có hai loại nước lèo, lỏng và đặc, tùy theo món chấm nó. Ví dụ với rau muống, rau khoai... thì dùng với nước lèo lỏng, còn nước lèo đặc thì được dùng để chấm bánh "khoái" hay "khói," thường được chế biến với tương trộn với mè và bột chưng lên cho nó sệt lại. Hầu hết các loại nước chấm thường có ớt màu đỏ, thơm và ngọt.

Tôi có cậu con trai vượt biên sang Mỹ cùng với tôi năm lên tám tuổi cách đây đã ¼ thế kỷ, vẫn còn nói rành tiếng Việt nhưng viết thì sai, cũng dễ hiểu thôi. Cậu bé cùng bạn bè hay thích đi ăn bún, và cũng gọi là nước lèo, tôi bực mình và giải nghĩa mãi không nghe. Cậu bé bảo con đi tiệm nào người ta cũng bảo là nước lèo, tất cả mọi người gọi là nước lèo. Tôi phân biệt rõ cho cháu, nước lèo là nước chấm có màu mè gia vị, còn nước để ăn bún là nước thịt-xương hầm rục có đủ các loại gia vị màu mỡ, có khi còn kèm thêm măng khô, kim châm... tùy theo vùng ở Huế, như các gánh bún bò rong ở An Cựu, Bến Ngự cổ truyền...

Fransis Vinh
(Lillestrom, Norvege)

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Mải lo làm những số báo "đặc biệt" vào thời gian cuối năm, chúng tôi quên mất là năm đã sắp hết, Tết đã sắp đến, và hình như thời điểm nhắc nhở nhau về việc làm báo Xuân cũng đã sắp qua rồi. Vâng, thưa quý vị, chúng ta chỉ còn thời gian có hai tháng để số báo Xuân Thế Kỷ 21 ra mắt với năm Tuất và 2006. Một lần nữa, phải trích dẫn Xuân Diệu "Mau với chứ, vội vàng lên với chứ..." Mùa Xuân đến cũng vội, đi cũng vội, thành ra việc đón Xuân cũng vội vội vàng vàng. Nhưng dù thế nào, số Xuân vẫn phải nghiêm chỉnh, chúng tôi có một số đề tài đã được chuẩn bị, như giới thiệu về họa sĩ Cát Tường Le Mur, người đã vẽ kiểu áo dài tân thời cho phụ nữ Việt Nam từ thập niên 1930; giới thiệu họa sĩ Lương Văn Tỷ với các tác phẩm hiện nay của ông. Hai họa sĩ, một cổ một tân, hứa hẹn đem lại vẻ tươi đẹp và niềm cảm hứng nghệ thuật cho mọi người trong dịp Xuân về. Và không chỉ có thế, còn nhiều điều khác nữa, trong đó hẳn có nhiều đóng góp ý kiến và bài vở của quý độc giả và văn hữu.

Hạn chót bài vở cho số Xuân là ngày 15 tháng Mười Hai, 2005. Số báo Xuân Thế Kỷ 21 sẽ đến với bạn đọc vào đầu năm 2006.

Độc Giả Mới

Asian Health Services – CA; Nguyen Son Minh – Italy; Tom Dien – Germany; Duc Le – VA; Biblio INterculturelle De Adultes – Canada; Thomas Jefferson- VA.

Độc Giả Gia Hạn

Tang Tu Lien – Italy; Phương Quốc Phi – Japan; Ton That Trach – France; Phan Lien – New Caledonia; Do Van Khanh – CA; Le Thi Tham – CA; Võ Công – WA; Pham Nguyen Hong – CA; Nguyen Thi Thu Huong – Canada; Nguyễn Lưu Kim Loan – TX; Hoa Nguyễn – CA; Nguyen Van Tru – AZ; Nguyen Huu Dien – AL; Hoang Tuy An – CA; Le Hieu Liem – CA; Tien Pham – CA; Lib Paul Bechtold – IL; Nguyen Thanh Bich – Belgium; Tran M Huy – CA; Le Cong Giao – CA; Hong Pham – CA; Trinh Nhu Hoa – TX; Lam Ung – OR; Nguyen Di – France.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Nguyen Van Ngoc, Ton That An – CT.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

HỐI-MẠI QUYỀN-THẾ KIỂU MỸ

CỔ LŨY

Ngày 21 tháng Chín năm 2004, ba chuyên-viên gây quĩ chính-trị (political fund-raiser) có liên-hệ với ông Tom DeLay, lãnh-tụ khối đa-số Cộng-hòa Hạ-viện Mỹ và được xem là nhân-vật quyền-thế thứ nhì sau tổng thống George W. Bush, bị đại bồi-thẩm-đoàn (grand jury) tiểu-bang Texas kết tội chuyển một cách bất hợp-pháp tiền bạc thu từ các đại công-ty tư đến các ứng-viên Cộng-hòa cấp tiểu-bang.

Cuối tháng Chín cùng năm, ông DeLay bị Ủy-ban Đạo-đức Chính-trị (Ethics Committee) Hạ-viện khiển-trách vì tội hứa ủng-hộ con dân-biểu Nick Smith (Cộng-hòa, tiểu-bang Michigan) lên thay quyền bố trong Hạ-viện nếu dân-biểu này chịu bỏ phiếu ủng-hộ dự-luật mua thuốc trong chương-trình Medicare do tổng-thống đề-nghị.

Liên-tiếp sau đó trong cùng năm 2004, ông DeLay bị khiển-trách hoặc liên-hệ đến những trò "ma-nớp" chính-trị dính-dáng đến tiền-bạc. Cuối năm 2004 phe đa-số Cộng-hòa Hạ-viện thay-đổi luật-lệ với mục-đích giữ ông DeLay trong chức-vụ lãnh-tụ đa-số dù ông có bị kết tội bởi đại bồi-thẩm. Nỗ-lực trắng-trợn này bị giới truyền-thông (được xem như quyền thứ tư trong xã-hội dân-chủ thực-sự) và phe Dân-chủ phản-đối kịch-liệt, và rồi phe Cộng-hòa phải gạt bỏ.

Tháng Ba, Tư, Tám và Chín năm 2005 liên-tiếp cho thấy các liên-hệ đáng ngờ giữa ông DeLay, hoặc những người gây quĩ chính-trị có dính-dáng tới ông, với giới "lốp-bi" chuyên-nghiệp đầy rẫy ở Hoa-Thịnh-Đốn. Cuối tháng Chín, đại bồi-thẩm Texas kết tội ông DeLay và hai người gây quĩ tội âm-mưu chuyển tiền bất hợp-pháp vào quĩ tranh-cử. Đầu tháng Mười ngay sau đó ông lại bị đại bồi-thẩm Texas kết tội "giặt tiền" (money laundering, biến tiền bất hợp pháp thành tiền hợp-pháp). Cũng trong thời gian này đại bồi-thẩm liên-bang dòm-ngó vào việc ông DeLay có thể dùng tiền gây quĩ tranh-cử tổng-thống năm 2000 vào việc tranh-cử thống-đốc Missouri của con dân-biểu Roy Blunt, người vừa được chọn vào chức-vụ lãnh-tụ đa-số thay ông Delay. Theo luật-lệ Mỹ các tòa án tiểu-bang và liên-bang sẽ xét-xử các kết tội của bồi-thẩm.

Chi-tiết đáng chú-ý là ông Roy Blunt, bị xem là "lem nhem" không kém gì ông DeLay, đã được khối dân-biểu Cộng-hòa cực-kỳ bảo-thủ làm áp-lực với chủ-tịch Hạ-viện Dennis Hastert đưa vào chức-vụ này sau khi ông Hastert đã chọn dân-biểu David Drier (Cộng-hòa, California) tương-đối "sạch-sẽ" và ôn-hòa hơn.

Những hành-động và liên-hệ đi liền với hối-mại quyền-thế trắng-trợn nói trên không chỉ là độc-quyền của đảng Cộng-hòa; nói chung đảng đang nắm quyền, Cộng-hòa hoặc Dân-chủ, đều có "cơ-hội đồng-đều" (equal opportunity) để làm chuyện này - tuy phe Cộng-hòa có cơ-hội nhiều và lớn hơn vì chủ-trương nòng-cốt ủng-hộ giới đại kỹ-thương với tiền-bạc, quyền-lợi và ảnh-hưởng bao trùm xã-hội Mỹ.

Những hành-động và liên-hệ trên cũng không phải là hiện-tượng mới-mẻ; chúng như đi liền với hệ-thống kinh-tế thị-trường và văn-hóa với định-nghĩa "chính-trị" thực-tế và khá đơn-giản: "ai được quyền-lợi gì? lúc nào? và bằng cách nào?" ("politics: who gets what, when and how?"). Nay chỉ khác một ít là mức-độ hối-mại quyền-thế như gia-tăng với nhiệm-kỳ hai của tổng-thống Bush, nhất là trong hai nhánh hành-pháp và lập-pháp.

CỔ-LŨY

Như đã nhắc tới trong bài *Hoa-Kỳ Sau Bầu Cử: Bốn Năm Tới* (Thế-Kỷ 21, tháng Mười-hai năm 2004, cùng người viết), nhiệm kỳ hai của tổng thống Bush, giống như nhiệm kỳ hai của nhiều tổng thống tiền nhiệm, có nhiều triển vọng bị mang tiếng vì những xì-căng-đan vì ảo tưởng quyền lực lớn lao của mình, đặc biệt là những xì-căng-đan liên hệ đến tiền bạc và quyền lực của giới nắm quyền. Tiền bạc và quyền lực chính trị thường

đi đôi với nhau ở nhiều nơi trên thế giới từ trước đến nay. Nhưng ở hoa-Kỳ giây liên hệ này khá rõ rệt, một phần vì hệ thống kinh tế chính trị cho cơ hội, một phần vì tự do ngôn luận và vai trò quan trọng của giới truyền thông, nhất là những người cầm bút.

HỐI-MẠI QUYỀN-THẾ: CÁI NHÌN LỊCH-SỬ

Dùng tiền bạc để mua chuộc giới nắm quyền đem lợi nhuận gián tiếp cho mình là điều thông thường ở khắp mọi nơi. Dùng tiền bạc để trực tiếp nắm lấy quyền lực và đem lại lợi nhuận cho mình, gia đình và bè phái là điều thông thường ở Hoa-Kỳ. Lằn ranh giới giữa quyền lực (công) và quyền lợi (tư) nhiều khi như khó phân biệt rõ rệt trong nhiều giai đoạn lịch sử Hoa-Kỳ.

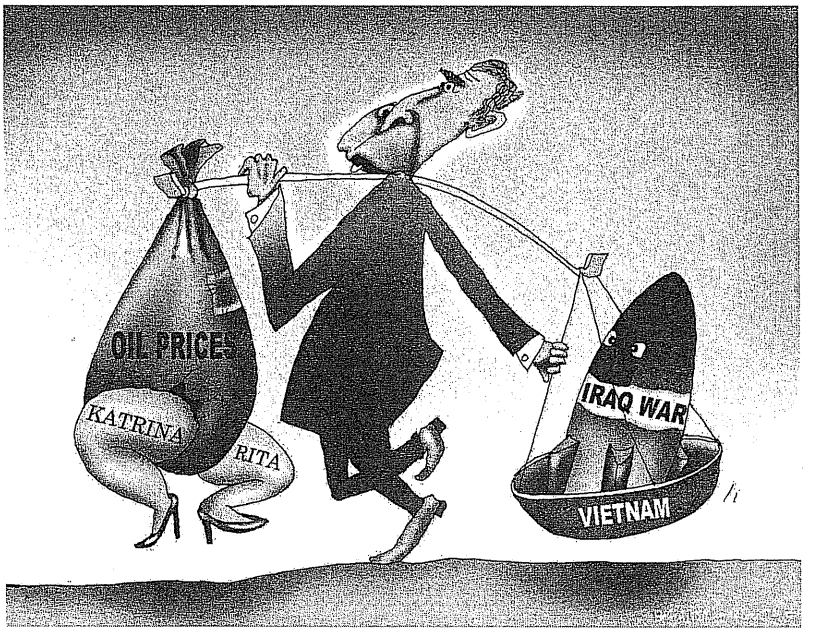

Thời "mạ vàng"

Cuối thế kỷ 19, nhất là trong ba thập niên chót, Hoa-Kỳ trở thành một quốc gia mới với nghị lực, của cải và quyền lực lớn lao. Những thay đổi kinh tế, chính trị trong giai đoạn này cải thiện đời sống nhiều người Mỹ.

Ông Mark Twain, tác giả nhiều sách vở châm biếm thâm thúy gọi đây là giai đoạn hay "Thời-đại Mạ Vàng" (Gilded Age): xã hội Mỹ như một miếng kim loại rẻ tiền được mạ vàng che ra bên ngoài. Ông Twain nghĩ rằng nhiều người nghèo khổ và không có quyền lực bị che lấp dưới lớp của cải và quyền thế hào nhoáng. Người Mỹ trung lưu nghĩ rằng xã hội kỹ nghệ Mỹ có hại cho họ. Giới cải cách chính trị nghĩ rằng tiền bạc và quyền lực đã hủ hóa chính quyền toàn quốc lẫn địa phương.

Năm 1872, nhật báo *New York Sun* đăng tin về công ty hỏa xa Union Pacific, một trong những đại công ty đang xây đường xe hỏa chạy từ đông sang tây Hoa-Kỳ. Tin này thuộc loại điều tra phóng sự về lối làm ăn bất hợp pháp của Union Pacific (không khác mấy lối làm ăn đang bị điều tra của đại công ty buôn bán dầu khí Enron có liên hệ chặt chẽ với gia đình Bush, và đại công ty Halliburton có liên hệ chặt chẽ với phó tổng thống Dick Cheney): Union Pacific tạo một công ty xây cất "ma." Công ty "ma" với tên Tây là Credit Mobilier ký giao kèo lớn với Pacific Union để xây đường xe hỏa. Chính quyền liên bang trả tiền cho Union Pacific theo từng dặm đường xe hỏa xây được. Union Pacific trả tiền này cho Credit Mobilier, nhưng Credit Mobilier không có thực và cũng không xây một dặm đường xe hỏa nào.

Cũng giống như Enron, giấy tờ sổ sách giả mạo của Union Pacific cho thấy công ty rất thành công. Cổ phần của công ty bán ra có giá trị rất lớn và được tặng cho nhiều dân biểu nghị sĩ trong quốc hội. Người đứng đầu công ty "ma" Credit Mobilier là ông Oakes Ames, một dân biểu đại diện tiểu bang Massachusetts. Điều tra của Quốc hội cho thấy nhiều nhân vật chính quyền cao cấp, kể cả phó tổng thống Schuyler Colfax có liên hệ dính dáng đến "công ty" Credit Mobilier, nhưng chẳng một ai bị khiển trách hay mất chức cả. Ông Ames tiếp tục làm dân biểu.

Đến thời tổng thống Cộng-hòa Ulysses Grant, danh tướng miền Bắc trong thời nội chiến Hoa-Kỳ với hai nhiệm kỳ (1869-1877), những hủ hóa của cải và uyền lực đã có từ saumột phần tư đầu thế kỷ 19 gia tăng mạnh mẽ. Cũng giống như ông Bush hiện nay, tổng thống Grant là người tốt, nhưng nhiều bạn bè và người ủng hộ chính trị (thường là bằng tiền bạc) được ông bổ nhiệm vào vị trí cao cấp trong chính quyền như cách đền ơn (spoils system) là người hủ hóa: nổi bật nhất là tổng trưởng quốc phòng William Belkap ăn tiền

lừa bịp người "Da Đỏ," giới lãnh đạo bộ tài chánh nhận tiền hối lộ từ các công ty sản xuất rượu huýt-ky để trốn thuế, cùng vô số những người bỏ tiền mua ơn huệ chính trị khác với mục đích độc nhất là củng cố tiền bạc và địa vị chứ không phải phục vụ đất nước và dân chúng.

Tham nhũng hủ hóa không phải chỉ giới hạn ở mức liên bang. Ở mức thấp hơn chính quyền địa phương bị khống chế bởi những chính khách gọi là ông "trùm" ("bosses"). Những ông trùm này không thuộc giới dân cử; nhưng họ dùng tiền bạc vật chất và liên hệ với giới quyền thế gia ân cho các xóm nghèo trong thành phố, và để bù lại người được giúp phải bầu cho các ứng viên có ông trùm ủng hộ. Dĩ nhiên các ứng viên muốn đắc cử phải trả nợ ông trùm bằng quyền lợi và tiền bạc kiểu "spoils system" vì họ quyết định số phận người làm chính trị, theo đúng đường lối "dân chủ," bằng lá phiếu.

Ông trùm Tweed và giới đòi cải tổ

Ông William Marcy Tweed là một ông trùm quyền thế ở thành phố Nữu-Ước cuối thế kỷ 19. Ông nắm đầu một guồng máy chính trị thuộc đảng Dân-chủ gọi là Tammany Hall. Ông Tweed cùng đồng lõa bòn rút cả triệu đô-la từ công quĩ thành phố. Họ làm ăn rất công khai trắng trợn, ví dụ như một người cùng phe đảng được thành phố xuất quĩ trả 180 ngàn đô-la cho bốn-mươi chiếc ghế chẳng hạn.

Giới tranh đấu đòi hỏi cải tổ chính quyền rất bất mãn. Giới báo chí viết bài chỉ trích tham nhũng hối mại quyền thế. Ông Tweed không mấy bận tâm vì có ủng hộ lớn trong chính quyền; hơn nữa ông nghĩ những người chịu mang ơn và bầu theo ý ông không biết đọc thì báo chí tố cáo chỉ trích cũng không đi đến đâu. Báo chí chuyển qua các hí họa châm biếm để tấn công trùm Tweed. Những tranh hí họa của họa sĩ Thomas Nast cho người đọc và dân chúng không biết đọc thấy hình ảnh một ông Tweed tham nhũng phạm pháp. Lần hồi dư luận chống đối mỗi ngày một mạnh và trùm Tweed bắt đầu lo sợ; ông định hối lộ ông Nast nửa triệu đô-la, nhưng ôn Nast không chịu nhận tiền hối lộ để qua Âu-châu học thêm về hội họa. Sau đó trùm Tweed bị bắt vì tội tham nhũng chính trị. Ông trốn Hoa-Kỳ chạy qua Tây-Ban-Nha nhưng dân chúng ở đây nhận diện được ông qua các hí họa nổi tiếng của ông Nast. Trùm Tweed phải trở về lại Hoa-Kỳ và sau chết trong tù thuộc thành phố Nữu-Ước.

Giới tranh đấu cải tổ thuộc đảng Cộng-hòa lên tiếng chỉ trích spolis system và được gọi tên là *Mugwump,* rút từ tiếng người "Da Đỏ" có nghĩa là "ông tù trưởng lớn." Các mugwump muốn thay hệ thống ăn chia lợi lộc chính trị thối nát bằng hệ thống thi tuyển công chức (civil service) vào làm việc cho chính quyền ở cấp liên bang, tiểu bang và địa phương. Giới mugwump đã thất vọng khi tổng thống Cộng-hòa Rutherford Hayes nhậm chức năm 1876 vì ông không có tiếng là trong sạch. Nhưng ông cũng chịu chống tham nhũng qua việc cách chức cả trăm nhân viên quan thuế "ngồi chơi xơi nước."

Bốn năm sau tổng thống Cộng-hòa James Garfield lên nhậm chức và bị bắn chết trong vòng chín tháng cùng năm bởi Charles Guiteau, một người bất mãn vì hai phái Cộng-hòa tranh giành chức vụ trong chính quyền mới và ông không được chức vụ mong muốn. Phó tổng thống Chester Arthur lên nhậm chức tổng thống thời gian còn lại của nhiệm kỳ, sau khi ông Garfield mất. Nhưng ông không được chọn ra tranh cử liên danh Cộng-hòa cuối nhiệm kỳ vì những kẻ thù chính trị ghét việc ông ủng hộ luật lệ về thi tuyển công chức. Đảng Cộng-hòa chọn ông James Blaines vì có nhiều hy vọng ông sẽ chọn bạn bè vào các chức vụ lớn trong chính quyền. Giới mugwump và một số người Cộng-hòa tiến bộ hoạt động tranh cử cho ông Grover Cleveland, thuộc liên danh Dân-chủ, và ông Cleveland đắc cử tổng thống—nhưng chỉ hơn ông Blaines có sáu-mươi ngàn phiếu toàn quốc.

Ông Cleveland lại bị nhiều khó khăn vì spoils system không kém gì ông Chester Arthur. Phe nhóm Dân-chủ làm áp lực với ông để đòi chức vụ, và ông làm họ tức giận khi ông đứng về phe mugwump và bổ nhiệm người có khả năng và tư cách vào chính quyền. Ông cũng phải đương đầu với khối tài phiệt hỏa xa, một trong những kỹ nghệ làm tiền nhiều nhất thời bấy giờ.

Người tranh đấu đòi cải tổ rất bận tâm về tiền bạc và quyền lực của những đại kỹ nghệ đang vươn lên. Những công ty kỹ thương lớn giết chết các công ty nhỏ và nhập các công ty nhỏ vào các công ty lớn, gọi là "trust," có sức mạnh tiêu diệt mọi cạnh tranh và tự do thao túng thị trường. Ví dụ như đại công ty dầu hỏa Standard Oil (tiền thân của Esso), thuộc gia đình tỉ phú John D. Rockefeller, kiểm soát chín-mươi phần trăm số dầu đi vào Hoa-Kỳ lúc bấy giờ. Đây là một độc quyền, bên cạnh những độc quyền khác trong

các kỹ nghệ có ảnh hưởng trực tiếp vào đời sống dân chúng như hỏa xa, sắt thép, đồng, đường mía, than đá và đồ ăn đóng hộp. Luật lệ chính quyền đưa ra như Ủy-hội Thương-mại Xuyên-bang (ICC, Interstate Commerce Commission, ICC), luật chống độc quyền Sherman Anti-Trust Act dưới thời tổng thống Cộng-hòa Benjamin Harrison đều không đưa đến kết quả mấy.

Tinh thần tranh đấu cải tổ đưa đến sự thành hình của một đảng chính trị thứ ba: đảng Dân-chúng (Peolpe's Party) hay thường gọi là Populist Party (tạm dịch là Duy-dân) năm 1892. Đảng này nghĩ rằng tự do dân chủ ở Hoa-Kỳ đang bị tiêu diệt vì giới kỹ thương to lớn. Trong cuộc tranh cử tổng thống cuối thế-kỷ 19, đảng Populist có sự ủng hộ mạnh mẽ của dân chúng bị thua đảng Cộng-hòa với ứng viên William McKinley. Với tiền bạc ủng hộ từ giới hỏa xa và ngân hàng ông McKinley có những người làm công đi vận động cho mình; ông không cần phải đọc diễn văn hoặc đích thân vận động tranh cử ngoài tiểu bang cũng thắng. Phong trào Populist cũng tan vỡ.

Đầu thế-kỷ 20 những người tranh đấu cải tổ lại xuất hiện với phong trào Tiến-bộ (Progressive) gồm người thành thị trung lưu và học thức thuộc cả hai đảng chính; giới lãnh đạo gồm các nhà báo và nhà văn "dấn thân" (crusading) như Lincoln Steffens (viết về tham nhũng chính trị), Ida Tarbell (tố cáo những nhũng loạn của giới dầu hỏa) và Upton Sinclair (trình bày những kinh hoàng trong kỹ nghễ đồ ăn hộp) nối gót những người đi trước như Mark Twain, Henry George, Edward Bellamy và William Bryan. Họ tin rằng Hoa-Kỳ phải thay đổi để thành một quốc gia tốt đẹp hơn, và thay đổi sẽ xảy ra nếu Hoa-Kỳ thông qua luật lệ sửa đổi những tệ hại trong xã hội và chính trị.

Người Tiến-bộ tranh đấu một cách có hệ thống: dựa vào tài liệu khoa học, những nhân chứng và lời khai của người trong cuộc họ bắt đầu nghiên cứu điều tra một tệ hại nào đó, như đời sống dân chúng khu bùn lầy nước đọng hay một xưởng may quần áo bóc lột công nhân chẳng hạn. Sau đó, qua báo chí sách vở họ công bố những kết quả điều tra nghiên cứu. Người đọc dựa vào đây có thể làm áp lực giới lập pháp và hành pháp làm và thi hành luật lệ mới nhằm sửa đổi các tệ hại. Những hội đoàn phụ nữ và các tổ chức thiện nguyện cũng tích cực giúp sức vào việc làm áp lực giới dân cử và chính quyền chống tệ hại xã hội chính trị. Người Tiến-bộ khác với người theo xã hội chủ nghĩa (socialist); họ không muốn những thay đổi lớn lao về mặt kinh tế và chính trị hoặc cách mạng. Họ là người trung lưu muốn duy trì mức sống cao và tự do cá nhân do dân chủ và kinh tế thị trường mang lại. Họ chỉ chống đối những tệ hại chính trị xã hội và muốn chính quyền mạnh hơn để bảo vệ người lao động và kẻ nghèo khó. Họ là tiền thân của phái Tự-do Tiến-bộ (Liberal), được xem như cánh "tả" của đảng Dân-chủ hiện nay.

Trên đường đi đến hiện nay, cái mốc quan trọng có lẽ là cuộc tranh cử gắt gao giữa hai ứng viên tổng thống Richard M. Nixon (Cộng-hòa) và John F. Kennedy (Dân-chủ) đầu thập niên 1960. Nhiều nhà khoa học chính trị vẫn nhắc tới một loạt những tranh luận giữa hai ứng viên trên vô tuyến truyền hình với hình ảnh tràn ngập Hoa-Kỳ và thế giới. Họ xem đây là yếu tố quyết định giữa hai đối thủ ngang ngửa: với vô tuyến truyền hình ông Kennedy có lợi điểm của một người ăn ảnh và trẻ trung lịch lãm, trong khi ông Nixon thì già hơn hẳn và cũng không có vẻ như tài tử minh tinh điện ảnh. Dù còn nhiều bàn cãi về tranh cử năm 1960, một điều khá rõ là năm 1960 đánh dấu một cái gì mới mẻ trong chính trị Mỹ: lần đầu tiên mọi người thấy rõ sức mạnh và ảnh hưởng của vô tuyến truyền hình trong việc thuyết phục quần chúng (mass persuasion, mass manipulation) từ quảng cáo chiêu khách cho đến thuyết phục chính trị.

Từ đây trở đi truyền hình là phương tiện hữu hiệu trong các hoạt động chính trị, nhất là các cuộc tranh cử. Và đây cũng trở thành phương tiện đắt giá nhất. Cùng với phát giác này chính trị Mỹ gắn bó liên hệ mật thiết hơn nữa với tiền bạc. Cả một kỹ nghệ mới dựa vào hình ảnh bên ngoài hơn là thực chất mở rộng cửa cho các ông "bầu," hay "phù thủy" đạo diễn chính trị (campaign manager, political handler), các chuyên viên về dư luận quần chúng, giới miệng lưỡi lắt léo nói cách nào cũng được ("spin doctor")—tất cả đều cần thiết và đắt giá. Và tất cả đều đòi hỏi người ra ứng cử hoặc làm chính trị phải có nhiều tiền. Tất cả đều cần những nguồn tài trợ. Nhu cầu này đưa đến sự lớn mạnh của giới "lốp-bi" trung gian nối người có nhu cầu với nguồn tài trợ: người có quyền với người có tiền, người làm luật và thi hành luật với người bị ảnh hưởng của luật lệ, người có nhiệm vụ chế tài với người bị chế tài có nhiều tiền—một cách hợp pháp (khác hẳn những nước khác trên thế giới xem đây là phạm pháp), và tân

tiến hơn thời "Mạ Vàng" rất xa. Đây là chưa kể các dân biểu, nghị sĩ, nhân viên cao cấp chính quyền tại chức hoặc đã hồi hưu, và cả nhiều tổng thông, phó tổng thống đã hết nhiệm kỳ "lốp-bi" cho người và các nước ngoài.

Với thời giờ nhiều hơn bất cứ các nước kỹ nghệ hóa nào khác dồn vào công ăn việc làm (công dân lý tưởng phải là "good producer") và tiêu thụ (lý tưởng phải là "good consumer"), và với vô tuyến truyền hình chỉ nhằm vào giải trí thương mại, trình độ hiểu biết chính trị của người Mỹ trung bình tương đối thấp so với lượng sách vở và phương tiện giáo dục, truyền thông dồi dào. "Dân chủ," với căn bản dựa vào sự hiểu biết của người dân, trở thành chuyện hình thức: những tranh cử có khi thành lừa phỉnh, gạt gẫm; những bầu cử nhiều khi thành sai lầm. Thêm nữa số người đi bầu ơ thờ, thường khó đến một nửa tổng số cử tri, cũng đưa nhiều người thiếu tài thiếu đức vào vị thế lãnh đạo quan trọng..

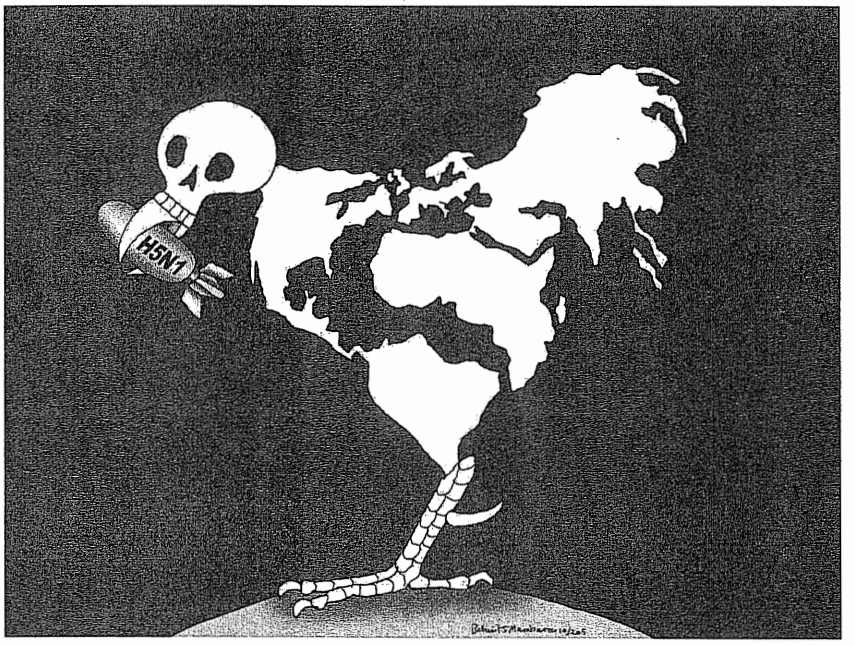

Đầu thập niên 1970 trong nhiệm kỳ của tổng thống Nixon (1969-1974), phó tổng thống Spiro Agnew phải từ chức vì tội hối lộ và trốn thuế; nhiều dân biểu, nghị sĩ có dính líu tiền bac đến một tay "lốp-bi" gốc tình báo Nam-Hàn (KIA). Cuối thập niên, giám đốc ngân sách Bert Lance của tổng thống Jimmy Carter (Dân-chủ) phải từ chức vì lem nhem tiền bạc với hai ngân hàng. Đầu thập niên 1980 tổng trưởng tư pháp Edward Meese của tổng thống Ronald Reagan (Cộng-hòa) phải từ chức vì nhiều lem nhem tiền bạc. Cuối thập niên đổng lý văn phòng John Sununu của tổng thống George H. W. Bush (Cộng-hòa) phải từ chức vì hối mại quyền thế.

HỐI-MẠI QUYỀN-THẾ THẾ-KỶ 21

Cuộc tranh cử tổng thống giữa hai ứng viên George W. Bush (Cộng-hòa) và John F. Kerry (Dân-chủ) năm 2004 có lẽ là mùa chính trị đáng ghi nhớ trong lịch sử chính trị Mỹ, ít nhất là về khía cạnh tiền bạc. Ông Bush thu được số vốn tranh cử (war chest) hơn hai trăm triệu đô-la, một lượng tiền lớn chưa từng thấy trong lịch sử tranh cử Mỹ; ông Kerry cũng xấp xỉ gần hai trăm triệu—cả hai vốn tranh cử phần lớn là từ giới bỏ tiền ra để lấy ân huệ chính trị về sau. Tổng thống Bush không che giấu khuynh hướng ủng hộ giới đại kỹ thương và người giầu có bằng các luật lệ cũng như biện pháp có lợi cho hai giới này. Giới Cộng-hòa đa số trong hai viện quốc hội cũng có khuynh hướng tương tự. Và không có gì đáng ngạc nhiên trong bốn năm nhiệm kỳ đầu của ông Bush số người làm nghề "lốp-bi" chính thức ghi danh với nhà nước gia tăng hơn gấp đôi: từ khoảng mười-lăm ngàn năm 2000 lên đến gần ba-mươi-lăm ngàn người cuối năm 2004. Và cũng không có gì lạ nhiều xì-căng-đan hối mại quyền thế và tham nhũng đang lần hồi được phanh phui ra.

Dân biểu Tom Delay và TRMPAC

Lãnh tụ khối đa số Cộng-hòa vừa mất chức, ông Tom DeLay trong lời giới thiệu đầu bài, ngoài những rắc rối hối mại quyền thế kể trên còn đang bị liên bang nhòm ngó vì những liên hệ chặt chẽ với một tay "lốp-bi" chuyên nghiệp với thành tích "đáng nể," Jack Abramoff, cũng là một trong những người gây quĩ nhiều nhất cho ông Bush. Ông Abramoff đã bị kết tội lem nhem ở Florida, lại dính líu với ông Michael Scanlon, nguyên tùy viên báo chí của ông DeLay, và cả hai đang bị

kết tội lấy sáu-mươi-sáu triệu đô-la của các bộ lạc người "Da Đỏ" để lốp-bi chính quyền liên bang và địa phương cho mở sòng bài. Tháng Tám vừa qua FBI điều tra một cộng sự của ông Abramoff và ông này khai rằng, "Họ trao đổi vô số các điện thư, vô số những đi lại giữa văn phòng chúng tôi và văn phòng ông DeLay." Luật lệ cho phép dân biểu nhận quà cáp một cách hạn chế, nhưng dân biểu không được phép đòi hỏi quà cáp. Người cộng sự nói tiếp, "Ông DeLay không trực tiếp đòi hỏi, nhưng có nhiều đòi hỏi qua các phụ tá của ông. Các phụ tá thường cho biết ông DeLay muốn cái này cái nọ." Ông DeLay, cùng vô số viên chức lớn khác, từng có nhiều chuyến xuất ngoại giải trí đài thọ bởi Abramoff với hình ảnh, chi tiết rõ ràng trên báo chí và truyền hình. Ông Abramoff cũng dính dáng đến chuyện lốp-bi tòa Nhà Trắng (White House) giải nhiệm quan tòa đang điều tra một khách hàng của ông ở đảo Guam.

Rắc rối mới nhất của ông DeLay bắt nguồn từ tham vọng củng cố đa số Cộng-hòa lâu dài ở Hạ-viện và cả toàn quốc nữa; trong chiều hướng này ông chia xẻ tham vọng với tổng thống Bush và cố vấn thân tín và uy quyền Karl Rove của ông Bush (tuy nhiên ông Bush không thân với ông DeLay lắm vì ông coi thường và chỉ trích ông Bush bố không bảo thủ cực đoan). Ông muốn, và qua các ma-nớp chính trị bị xem là không lương thiện lắm, thực hiện được chuyện vẽ lại ranh giới tranh cử ở Texas có lợi cho đảng Cộng-hòa, sau khi đảng này chiếm được đa số tại hai viện thuộc quốc hội Texas. Kết quả là Texas được thêm năm ghế dân biểu trong Hạ-viện liên bang, và ông muốc chắc là năm ghế mới này là năm ghế Cộng-hòa. Để thực hiện tham vọng này ông cần tiền đóng góp của các đại công ty kỹ thương vào tổ chức TRMPAC (Người Texas Ủng-hộ Đa-số Cộng-hòa) của ông, nhưng luật lệ Texas cấm việc đóng góp của các công ty vào chính trị. Theo kết tội của đại bồi thẩm ông cùng hai đồng lõa lấy được 190 triệu đô-la (trong đó phải kể đóng góp của công ty Sears-Roebuck và hãng rượu Bacardi USA) và gửi tiền này về Ủy-ban Cộng-hòa Toàn-quốc (Republican National Committee, RNC); sau đó Ủy-ban RNC gửi một ngân phiếu đúng 190 triệu xem như tiền của RNC cho TRMPAC sử dụng, với kết quả là thêm bẩy dân biểu Cộng-hòa Texas có nhận tiền đều đắc cử, gia tăng khối đa số Cộng-hòa có sẵn trong Hạ-viện liên bang. Nhưng cũng từ đây ông DeLay bị buộc ba tội hình nặng nề: âm mưu, vi phạm luật tiểu bang và "giặt tiền," có thể bị tù tới hai năm và cả chục ngàn tiền phạt hoặc hơn nữa. Dĩ nhiên ông DeLay là người gây quĩ hữu hiệu nhất cho đảng mình và người cùng đảng trong quốc hội, và họ chịu ơn ông rất nhiều; ông cũng là người duy trì kỷ luật sắt đối với dân biểu cùng đảng và có hỗn danh là "Búa Tạ" ("The Hammer"). Bên ngoài giới Cộng-hòa Hạ-viện mạnh mẽ lên tiếng bênh vực ông DeLay và xem chuyện kết án là trò chính trị của công tố viên Dân-chủ Ronald Earle (tuy ông Earle có tiếng là gắt gao với các tay chính trị phạm pháp lớn: ông từng kết tội mười-hai nhân vật Dân-chủ trên tổng số mười-lăm người phạm pháp lớn ở Texas). Nhưng bên trong Hạ-viện nhiều nhân vật Cộng-hòa đang ráo riết vận động giành chức ông DeLay vừa mất; họ hiểu rằng có trắng án ông không thể trở về chức vụ cũ. Và giới "lốp-bi" trước đây có liên hệ chặt chẽ với ông DeLay cũng ráo riết móc nối với các nhân vật sáng giá có thể chính thức thay thế ông DeLay như dân biểu Roy Blunt và David Dreier. Một phụ tá cho hai dân biểu cho biết, "Có cả triệu đô-la đang được đặt lên bàn. Những tay "lốp-bi" sẽ giết lẫn nhau để liên hệ với hai vị này." Nhưng nhiều người và giới truyền thông đều nhận rằng khó có người nào có thể hoàn toàn thay thế ông DeLay. Ông là người xây dựng nên guồng máy chính trị sử dụng hữu hiệu lợi thế lớn lao của các đại công ty kỹ thương và tạo cách cho họ dồn tiền bạc vào đảng Cộng-hòa. Bắt đầu với việc đảng này nắm đa số trong quốc hội năm 1994 ông là người mạnh tiếng nhất trong việc đòi hỏi giới đại kỹ thương ủng hộ đảng này, không những bằng tiền bạc mà còn chọn người trong đảng vào các hãng "lốp-bi" và các công ty lớn. Hơn hai tá người làm việc dưới quyền ông trước đây hiện là nhân viên cao cấp trong các hãng "lốp-bi" lớn nằm trên đường K tại thủ đô Hoa-Thịnh-Đốn. Trong "Kế-hoạch Đường K" ông đưa ra biện pháp đe dọa "trả thù chính trị" những công ty không giúp đảng Cộng-hòa mà đóng góp tiền bạc cho đảng và tạo công ăn việc làm cho giới "lốp-bi" Dân-chủ; ngoài thực tế ông có tiếng là người thực thi biện pháp này.

Từ tay "Lốp-bi" Jack Abramoff đi lên Phủ Tổng thống

Ông Abramoff, một tay "lốp-bi" và gây quĩ phe Cộng-hòa đắt giá nhất ở vùng thủ đô, đang bị bồi thẩm liên bang kết tội gian lận bằng đường

viễn liên và âm mưu phạm pháp; ông cũng đang bị FBI và quốc hội điều tra gắt gao. Trong tháng Mười vừa qua nhân vật được ông Bush chọn làm thứ trưởng tư-pháp, ông Timothy Flanigan, đã tự ý rút đơn vào vị trí thứ nhì trong ngành tư pháp trong nước vì những tiếng tăm không tốt dính liền với ông Abramoff.

Từ trái, Bill Frist và Tom Delay

Ông Flanigan nguyên là luật sư chính thuộc công ty Tyco International, với nhiều tai tiếng về tiền bạc và vi phạm luật lệ thuế khóa, trước khi rút đơn ứng viên thứ trưởng tư pháp từng huênh hoang rằng liên hệ giữa ông với Abramoff, người có nhiều móc nối với quốc hội, có thể giúp Tyco tránh tội vi phạm thuế khóa và ông Abramoff tuyên bố rằng ông "có liên lạc với [cố vấn] Karl Rove" về vấn đề này.

Giấy tờ sổ sách và các phỏng vấn điều tra của chính quyền cho thấy ông Flanigan hai năm trước có liên hệ chặt chẽ với nỗ lực "lốp-bi" của Abramoff nhằm thúc đẩy quốc hội giết chết luật trừng phạt các công ty đổi trụ sở qua các đảo quốc vùng biển Caribbean (Trung Mỹ) để trốn cả tỉ tiền thuế —Tyco cũng như nhiều đại công ty khác đổi trụ sở qua Bermuda. Tyco trả lệ phí một-triệu-bẩy đô-la cho hãng "lốp-bi" Abramoff trong hai năm 2003 và 2004. Ông Flanigan cũng khai Abramoff khoe có liên hệ chặt chẽ với ông DeLay.

Đây có lẽ rất đúng vì ông DeLay từng mô tả Abramoff như "một trong những bạn bè gần gũi và thân mến nhất của tôi." Và người bạn thân mến này từng tháp tùng và tài trợ nhiều chuyến xuất dương du hí của ông DeLay, nhưng ông DeLay xác nhận đây không dính dáng gì đến những ơn huệ chính trị.

Ông Abramoff cũng có một "người bạn thân mến" khác, ông David Safavian, nguyên được tổng thống Bush chọn làm viên chức thu mua cao cấp nhất trong chính quyền liên bang (trông coi ngân sách ba trăm tỉ đô-la thu mua), đã từ chức giữa tháng Chín, trước khi bị bắt cùng tháng vì tội khai gian và phá rối ngăn cản một cuộc điều tra của bộ tư pháp về liên hệ giữa ông và Abramoff. Ông Safavian từng được Abramoff tháp tùng và tài trợ chuyến du hí sang Tô-Cách-Lan (Scotland) chơi golf—bị xem như để trả công ông Safavian đã giúp Abramoff mua bất động sản liên bang. Hai ông trước đây từng làm việc chung tại một hãng "lốp-bi" lớn ở Hoa-Thịnh-Đốn.

Trước khi từ chức và bị bắt ông Safavian đang soạn nhiều giao kèo tái thiết ở Louisiana sau trận bão khốc hại Katrina. Một công ty vĩ đại đã nhận được nhiều giao kèo tái thiết độc quyền (không có cạnh tranh, y hệt như giao kèo thầu tái thiết Iraq) ở vùng thành phố New Orleans và vịnh Mễ-Tây-Cơ; tên công ty này cũng khá quen thuộc: KBR (Kellogg-Brown and Root, có tiền thân là RMK ở thời chiến tranh Mỹ ở Việt-Nam), một bộ phận thuộc đại công ty Halliburton với liên hệ chặt chẽ với phó tổng thống Dick Cheney, và đang bị điều tra về tội tham nhũng và gian lận thầu độc quyền ở Iraq và Kuwait lên đến cả trăm triệu đô-la. Nhưng nhiều người nói ông Safavian không lo lắng lắm: vợ ông là luật sư chính của Ủy-ban Cải-tổ Nhà-nước Hạ-viện, với quyền thanh tra kiểm soát những thu mua cấp liên bang.

Cùng ngày ông Safavian bị bắt, nguyên tổng giám đốc công ty Tyco nói trên Dennis Kozlowski bị án tù từ tám tới hai-mươi-lăm năm vì tội bòn rút cả chục triệu của công ty. Chuyên viên "lốp-bi" hiện tại của Tyco là ông Edward Ayoob, từng làm chung một tổ hợp luật sư với ông Abramoff ở Hoa-Thịnh-Đốn, và cũng từng chạy "lốp-bi" cho Flanigan vào chức vụ thứ nhì trong bộ tư pháp trước khi ông này rút đơn. Dĩ nhiên ông Ayoob nhắc đi nhắc lại rằng ông "lốp-bi" tự theo ý mình chứ không phải vì Tyco. Nếu không rút đơn vì những phanh phui bất lợi ông Flanigan đã được ông Bush chọn làm thứ trưởng tư pháp, và ở vị trí này ông sẽ điều tra người bạn thân mến Abramoff vì những liên hệ với Tyco.

Đồng thời lãnh tụ Cộng-hòa đa số Thượng-viện bác sĩ Bill Frist, một nhân vật sáng giá cho kỳ tranh cử tổng thống năm 2008, cũng gặp rắc rối tiền bạc và đang bị điều tra vì tội bán tháo tất cả cổ phần trong công ty HCA chuyên lập hệ thống bệnh viện thuộc gia đình ông để khỏi thua lỗ tiền triệu. Ông bị liên bang nghi ngờ là người

bên trong công ty với nhiều tin mật về tương lai tài chính công ty—mà người có cổ phần nhưng không phải là "tay trong" không biết được—và dùng tin tức này để thủ lợi bằng cách bán tháo cổ phần sẽ đi xuống hoặc mua cổ phần có mòi lên giá để thủ lợi (insider trading). Liên bang đang nhìn vào những điện thư văn kiện trao đổi giữa ông và người anh Thomas Frist, hiện nay là một giám đốc và trước kia là chủ tịch hội đồng quản trị HCA.

Chính quyền Bush bị tố cáo và than phiền nhiều về những bổ nhiệm vào các chức vụ chế tài những người từ giới "lốp-bi" làm việc cho giới kỹ thương chịu chế tài hoặc những người từ giới chịu chế tài, cùng những người quen biết hoặc bà con họ hàng không cần biết đến khả năng và đạo đức (cronyism). Trường hợp bác sĩ Scott Gotlieb là một thí dụ. Ông Gotlieb mới có ba-mươi-ba tuổi, chưa phải và chưa từng là khoa học gia nghiên cứu với công trình lớn lao và kinh nghiệm lâu năm, đã được chọn làm một trong ba viên chức đứng hàng thứ nhì (đứng đầu là ông Mark McLellan, anh ruột ông Scott McLellan, phát ngôn viên của tổng thống Bush) trong cơ quan Quản-trị Thực-phẩm và Thuốc-thang (Food and Drug Administration, FDA), có nhiệm vụ bảo đảm an toàn của mọi thứ: từ thực phẩm cho đến thuốc thang, cả thuốc chủng ngừa bệnh cho người đến đồ ăn cho thú vật và thuốc nhuộm tóc. Thành tích quan trọng nhất của ông Gotlieb là tài đoán thị trường chứng khoán, thành viên của viện nghiên cứu bảo thủ thân chính quyền Enterprise Institute, và liên hệ móc nối tiền bạc với nhiều dược phòng vĩ đại như Ely Lily, Roche và Proctor & Gamble—cũng như trước khi vào làm ở FDA ông là người gay gắt chê bai chỉ trích FDA theo quan điểm của giới chịu chế tài của FDA.

Một ví dụ khác là bà Julie Myers mới ba-mươi-sáu tuổi và tốt nghiệp trường luật khoảng mười năm mới từ một chức vụ nhỏ (trông coi 170 nhân viên với ngân sách hai-mươi-lăm triệu) với kinh nghiệm chưa đủ năm năm đã được chọn làm người đứng đầu cơ quan chế tài Di-trú và Quan-thuế (Immigration and Customs Enforcement, ICE) với nhiệm vụ lớn lao ngăn chặn khủng bố xâm nhập nội địa Hoa-Kỳ. Bà sẽ trông coi hai-mươi ngàn nhân viên với ngân sách bốn tỉ đô-la và trực tiếp dưới quyền ông Michael Chertoff, tổng trưởng bộ An-ninh Quốc-gia bao gồm nhiều sở bộ độc lập trước đây. Bà có điểm hơn người vì là cháu tướng Richard Myers, tổng tham mưu trưởng quân lực Hoa-Kỳ vừa mới hồi hưu, và thêm nữa chồng bà là đổng lý văn phòng của ông Chertoff . Bà cũng có thành tích bảo thủ quan trọng vì từng làm dưới quyền ông Kenneth Starr, công tố viên từng theo đuổi vợ chồng Bill Clinton từ Arkansas cho đến nỗ lực bãi nhiệm tổng thống Dân-chủ Clinton trong nhiệm kỳ hai. Với những ưu điểm trên bà đã qua đợt đầu ở Thượng-viện và chắc sẽ là người đứng đầu cơ quan ICE với đa số Cộng-hòa trong Thượng-viện bỏ phiếu tín nhiệm.

Trong tháng Mười ,và còn kéo dài nữa, tổng thống Bush gặp khó khăn trong việc chọn một "bạn thân" nữa vào chức vụ quan trọng lớn lao lâu dài trong Tối-cao Pháp-viện. Bà Harriet Meiers, người "bạn thân," bị giới bảo thủ cực đoan xem là không đủ bảo thủ; đa số các giới khác xem bà không đủ thành tích và khả năng vì chưa hề làm quan tòa bao giờ và cũng không có kinh nghiệm hay thành tích về luật hiến pháp rất quan trọng và cần thiết ở Tối-cao Pháp-viện. Nhưng nhìn ở chiều hướng có lợi cho chính quyền bà có ưu điểm là "bạn thân" và luật sư của tổng thống.

Những ví dụ trên chỉ là điển hình cho nhiều trường hợp tham nhũng, hối mại quyền thế đã và đang bị phanh phui ra. Phần đông các nhà phân tích chính trị cho thấy những trường hợp tham nhũng, hối mại quyền thế gắn liền với đảng Cộng-hòa cho phe Dân-chủ lợi thế. Phe này bắt đầu lập đi lập lại để nhắc nhở cử tri về cái "văn hóa bại hoại" (corruption culture) của đảng Cộng-hòa. Cộng với giá dầu nhớt tăng vọt, những bất ổn và bạo hành ở Iraq, và những chậm chạp lủng củng khi đối phó với vùng bị bão Katrina tàn phá (ông Michael Brown, một tay nuôi ngựa nòi với đóng góp hậu hĩ vào kỳ tranh cử tổng thống vừa qua, được ông Bush đặt vào vị trí lãnh đạo chống thiên tai và khủng bố dù không có chuyên môn hoặc kinh nghiệm, đã phải từ chức), thêm hai cố vấn thân cận nhất của tổng thống và phó tổng thống có thể bị kết tội hình vì liên hệ đến một xì-căng-đan về Iraq, cái "văn hóa" này như bắt đầu làm cử tri nghĩ lại. Một đầu phiếu của tờ *Wall Street Journal* và hệ thống truyền hình NBC cho thấy gần một nửa dân chúng muốn phe Dân-chủ chiếm lại đa số trong quốc hội vào kỳ bầu cử năm 2006. Còn quá sớm để thấy những ảnh hưởng vào kỳ tranh cử tổng thống 2008, nhưng nói chung phe Cộng-hòa không mấy phấn khởi lắm.

NGÔ NHÂN DỤNG

Rosa Parks, bà mẹ của phong trào dân quyền

Rosa Parks là phụ nữ đầu tiên thi hài được quàn ở tiền đường của trụ sở quốc hội Mỹ, Điện Capital, nơi thường chỉ làm lễ quốc táng các vị tổng thống. Một ngày cuối năm 1955, Rosa 42 tuổi, làm nghề thợ may, đi làm về lên chiếc xe buýt ở thành phố Montgomery, tiểu bang Alabama. Bà ngồi lên hàng ghế đầu tiên ở phía sau xe, phần ghế dành cho người da đen. Thời đó, ở đây cũng như nhiều tiểu bang miền Nam khác, chính sách phân biệt chủng tộc được luật lệ địa phương quy định. Người da đen không được vào các tiệm ăn dành cho người da trắng, hoặc phải ngồi trong ở khu vực riêng của họ. Không được uống nước ở chỗ dành cho người da trắng, không đi học trường trắng, đi lễ không vào nhà thờ trắng, không được dùng nhà vệ sinh chung với dân trắng; trong rạp hát, trong sân vận động, trong thư viện đều có chỗ ngồi phân biệt. Trên xe buýt người da trắng được dành 4 hàng ghế phía trước; người da đen phía sau – số người da trắng dùng xe buýt cũng không nhiều, đó là những người nghèo. Một người da đen cũng trả giá vé như người trắng. Nhưng sau khi mua vé ở cửa trước rồi phải bước xuống đường, trở lại cửa sau mới được leo lên xe. Nhiều khi cửa sau chen chúc đông quá, đến giờ thì anh tài xế da trắng cứ thế vọt xe đi, mặc cho những hành khách đứng lại, cầm vé trên tay. Có người té bị xe cán chết.

Ngày 1 tháng Mười Hai năm 1955 bà Rosa Parks leo lên xe mà không nhìn kỹ mặt anh tài xế. Bà đã bị chính anh này đuổi xuống xe một lần 12 năm trước. Năm đó Rosa Parks mua vé ở cửa trước xong thì cứ thế mà đi về phía cuối xe, không quay xuống đường để leo lên cửa sau. Người tài xế quát bảo bà quay lại, không được đi qua bốn hàng ghế da trắng. Bà đành phải vâng lời, và trong 12 năm sau đó đã tìm cách tránh mặt, không leo lên chiếc xe buýt nào do anh ta lái.

Khi xe buýt đến một trạm thêm một người đàn ông da trắng leo lên, thiếu chỗ phải đứng. Anh tài xế ra lệnh những người ngồi hàng ghế đầu ở khu da đen phải đứng dậy nhường chỗ. Ba người lẳng lặng đứng lên. Bà Rosa Parks không nhúc nhích. Người tài xế nhắc lại lệnh đứng dậy. Rosa Parks ngồi bình thản. Mấy câu đối thoại đã ghi vào lịch sử:

"Mày có đứng dậy không?'

"Không."

"Tao sẽ kêu cảnh sát bắt."

"Cứ kêu đi."

Tiếng nói "Không" bình thản của bà châm ngọn lửa mở màn cuộc tranh đấu cho dân quyền của người da đen ở miền Nam nước Mỹ. Bà Rosa Parks bị bắt để thụ lý đưa ra tòa. Ngay lập tức, những người bạn của bà, da đen và da trắng, phát động một phong trào, hô hào người da đen ở Montgomery tẩy chay không đi xe buýt!

Bà Rosa Parks vốn đã tham dự nhiều tổ chức tôn giáo, xã hội và dân quyền, trong hội tranh đấu cho người da mầu (NAACP). Bà đã cùng hội NAACP đòi hãng xe buýt phải thuê tài xế da đen, mở cuộc tranh đấu cho các người da đen vào thư viện được dùng những phương tiện cùng người da trắng - nhưng không thành công. Mùa Hè năm 1955 bà được một người bạn da trắng rủ đi dự một cuộc hội thảo 10 ngày ở tiểu bang Mississippi, huấn luyện về quyền bình đẳng chủng tộc. Bà còn kể lại cái cảm giác sung sướng khi buổi sáng thức dậy nghe tiếng ai đang làm bếp chuẩn bị bữa sáng, ngửi mùi cà phê và bacon chiên, chợt nhận ra mình không phải làm bếp hầu ai mà chính những bàn tay da trắng đang làm bữa sáng cho mình ăn!

Bà Rosa Parks cũng không phải là người đầu tiên ở Montgomery bướng bỉnh không vâng lệnh nhường chỗ cho người da trắng. Đầu tháng Ba năm 1955, một học sinh 15 tuổi, Claudette Colvin đã bị bắt khi không chịu nhường chỗ cho một bà da trắng. Khi đó, bà Parks đã họp với mấy người bạn, đen cũng như trắng, đã bàn việc tổ chức tẩy chay xe buýt. Nhưng các người lãnh đạo da đen khuyên nên chờ một cơ hội khác, vì dư luận chưa chín mùi, nhất là không đủ tiền bạc để tổ chức tẩy chay xe buýt.

Đến khi chính bà Rosa Parks bị bắt thì không còn ai ngần ngại nữa, vì số người ủng hộ rất đông. Bà lại là người có thể đứng mũi chịu sào, không

sợ sẽ bỏ cuộc. Là một công dân lương thiện và đạo đức, hoạt động nhiều, bà có uy tín trong cộng đồng; những kẻ chống quyền bình đẳng không thể đi tìm những chuyện xấu trong quá khứ của bà để bôi nhọ.

Người da đen ở Montgomery tẩy chay xe buýt ngay sau ngày phiên tòa xử bà Parks. Bà được hưởng án treo nhưng bị phạt 10 đô la và trả 5 đô la án phí (một đô la thời đó bằng khoảng 15 đô la bây giờ.) Cuộc tẩy chay bắt đầu, dư luận cả nước Mỹ ủng hộ. Báo chí thế giới phải nói tới. Người da đen ở Montgomery càng cương quyết hơn. Mấy chục chiếc xe tư nhân và 14 xe buýt nhỏ của nhà thờ được dùng để chở người da đen đi làm. Nếu không, người ta đi bộ, đi xe đạp. Họ đặt ra 32 trạm chờ xe, mỗi ngày làm việc từ 5 giờ 30 sáng đến nửa đêm, và họ đã chở 30,000 người đi làm. Không hãng bảo hiểm nào ở thành phố chịu bảo hiểm cho các xe đó, họ phải nhờ một hãng của người da đen ở Atlanta, dưới sự giúp đỡ của công ty Lloyd ở London, Anh quốc. Cuộc "đình công" kéo dài hơn một năm (381 ngày) cho đến khi Tối Cao Pháp Viện Mỹ chuẩn y bản án của tòa dưới, tuyên bố những đạo luật vi phạm quyền tự do và bình đẳng của người da đen trên các xe công cộng là vi phạm hiến pháp Mỹ. Mấy tháng sau, bà Parks và chồng bà, một người thợ hớt tóc, bị mất việc. Họ phải đi Detroit tìm việc làm, dân da đen tại những thành phố miền Bắc được bình đẳng hơn.

Không phải một mình bà Rosa Parks đã đưa cuộc tranh đấu đến thành công. Những cuộc tranh đấu cho dân quyền nhiều lần trước đó đã thành công, đặc biệt là bản án của Tối Cao Pháp Viện Mỹ tuyên bố việc phân biệt chủng tộc trong các trường học ở miền Nam là vi hiến.

Bà Rosa Parks đã tham dự những tổ chức vận động người da đen đi bầu, chính bà đã đi ghi tên vào danh sách cử tri hơn 10 năm trước, bà bị gạt ra ngoài hai lần vì không đủ điểm khi bị trắc nghiệm có biết đọc biết viết hay không. Lần thứ ba bà chép lại tất cả các câu hỏi và câu trả lời của mình để nếu rớt thì kháng cáo, nhưng bà đậu! Bà Rosa Parks tham dự nhiều hội đoàn tôn giáo, chính trị của người da đen, chính nhờ thế bà dấn thân vào cuộc đấu tranh chống kỳ thị ngay khi cuộc đình công bắt đầu, mặc dù lúc đầu ông chồng bà không đồng ý.

Bài học của câu chuyện bà Rosa Parks là một cá nhân có thể thay đổi vận mạng cả triệu người khác, dù đó là một người đàn bà bé nhỏ, nhỏ nhẹ, nhưng điềm đạm và dũng cảm. Khởi từ cuộc vận động tẩy chay xe buýt đó mà có những cuộc vận động nhân quyền và dân quyền sau này, sự nghiệp của mục sư Marin Luther King Jr. cũng xuất phát từ cuộc vận động này. Nhưng một cá nhân thôi không đủ, phải có cả một phong trào, nhiều người tranh đấu, người nọ tiếp nối người kia, mà vụ bà Rosa Parks chỉ là một giọt nước làm tràn ly.

Một yếu tố quan trọng giúp họ thành công là ý thức tập thể của các người da đen ở thành phố Montgomery đã lên cao. Họ đoàn kết đòi quyền sống tự do và bình đẳng. Ý thức đó một phần do nỗi tủi nhục nung nấu âm ỉ qua nhiều năm bị coi thường, coi khinh; đã bùng lên khi thấy có một người đứng lên nói: "Không thể chấp nhận được!" Nhưng ý thức đó cũng đã được tôi luyện qua những sinh hoạt tập thể trong các tổ chức tôn giáo, giáo dục, xã hội, nói chung là trong xã hội công dân nằm ngoài khuôn khổ chính quyền. Các tiểu bang miền Nam tuy kì thị mầu da nhưng vẫn tôn trọng quyền tự do báo chí và tự do hội họp. Và cũng phải kể tới sự đóng góp của rất nhiều người Mỹ da trắng bất bình trước cảnh con người khinh rẻ con người trên đất nước họ. Nhưng tất cả cuộc tranh đấu này chỉ có thể diễn ra trong hòa bình là nhờ nước Mỹ sống trong một chế độ dân chủ, tự do, có một hệ thống tư pháp độc lập, mọi người phải tôn trọng luật pháp và được bình đẳng trước pháp luật.

Đó là một bài học cho cả loài người cũng như cho người Việt Nam. Nếu không có tự do, dân chủ, khó lòng tranh đấu cho được quyền bình đẳng.

Cơn bão lốc Harriet!

Thời Chiến quốc, vua nước Ngụy chiêu hiền đãi sĩ; nghe tin thầy Tử Hạ, một học trò của đức Khổng Tử đến Tây Hà mở trường bèn xin thụ giáo. Lại kết bạn với Điền Tử Phương, nghe Phương nói Đoàn Cam Mộc là một cao sĩ đức hạnh hơn người, đang ở Tây Hà. Ngụy Hầu bèn thắng xe đến. Đoàn Cam Mộc nghe tiếng ồn ào, hỏi bọn trẻ lối xóm, biết có một ông vua đến tìm mình, bèn leo tường trốn đi. Vua Ngụy khen: Thế mới thật là kẻ cao sĩ!

Một bạn trẻ sống ở Mỹ bây giờ có thể sẽ đoán mục đích Ngụy Hầu tìm Đoàn Cam Mộc là để mời ông vào một chức thẩm phán Tối Cao Pháp Viện đang bỏ trống. Mà Đoàn Cam Mộc phải trốn đi cũng vì biết chuyện đó chán lắm, chẳng bõ công! Sẽ bị các tờ báo, các phe nhóm chính trị

tìm hiểu về mình, tra hỏi tông tích mình, kẻ khen, người chê không ngớt, rồi lại phải ra trước Thượng viện phỏng vấn trước khi các nghị sĩ bỏ phiếu chấp thuận. Chịu cực hình như vậy, thà leo tường tránh mặt còn hơn!

Cuối cùng ông Bush rút tên bà Harriet Miers. Ba tuần trước, khi ông Bush đề cử bà, Tòa Bạch ốc tiết lộ có nhiều ứng viên khác được thăm dò ý kiến mời làm thẩm phán tối cao nhưng họ đã từ chối ngay, không muốn đi qua đoạn đường chiến binh gian khổ đó. Thế ra ở nước Mỹ cũng có những ông hay bà Đoàn Cam Mộc. Văn hóa Mỹ vốn không đề cao các ẩn sĩ, nhưng vẫn có những người không chịu sống trong bầu không khí chính trị ở thủ đô.

Làn sóng chống đối việc đề cử bà Harriet Miers phát xuất từ giới bảo thủ tôn giáo trong đảng Cộng Hòa. Những người này thất vọng vì bà ta chưa bao giờ bầy tỏ ý kiến về quyền phá thai, trong án lệ Roe v. Wade của Tối Cao Pháp Viện năm 1973; trong lúc khối bảo thủ đã đề nghị nhiều ứng viên khác có lập trường dứt khoát muốn lật ngược phán quyết trên. Những người khác chống lại bà Miers vì bà chưa bao giờ bầy tỏ ý kiến về các vấn đề hiến luật quan trọng khác. Phe bảo thủ ủng hộ quan niệm "về nguyên gốc;" tức là giải thích bản hiến pháp Mỹ theo sát ý nghĩa gốc khi được ban hành hơn 200 năm trước đây. Các vị thẩm phán tối cao đương nhiệm, như Antonin Scalia và Clarence Thomas được coi là kiểu mẫu để chọn lựa, họ chủ trương lối đọc hiến pháp như vậy. Ngược lại, khuynh hướng cấp tiến muốn giải thích theo lối mới phù hợp với hoàn cảnh xã hội bây giờ, lấy cớ rằng đời sống dân Mỹ đã thay đổi mà các nhà lập quốc không thể biết trước. Trong hai lần tranh cử năm 2000 và 2004, Tổng thống Bush đều tuyên bố ông sẽ bổ nhiệm những thẩm phán có lập trường giống các ông Scalia và Thomas. Sau khi rút tên bà Miers, ông Bush đã đề nghị một thẩm phán có đủ thành tích như giới bảo thủ muốn, ông Samuel Alito. Ông này vẫn được gọi đùa là Scalito, vì lập trường giải thích hiến pháp giống ông Scalia, cả hai cùng gốc Ý.

Ai cũng đồng ý rằng Bush thắng cử năm 2004 một phần nhờ lá phiếu của những người theo các giáo phái bảo thủ. Không phải vì các cử tri này đông đảo hơn, nhưng vì họ có quyết tâm hơn và đi bầu đông đảo hơn các nhóm cử tri khác. Năm ngoái, họ đang phẫn nộ về những vụ "hôn nhân đồng tính" cử hành ở San Francisco và phán quyết của Tối Cao Pháp Viện tiểu bang Massachussetts công nhận các cuộc hôn phối này. Họ lo lắng rằng hệ thống tư pháp nước Mỹ đã nghiêng sang phía tả, các quan tòa thiên lệch trong việc bảo vệ quyền của những người đồng tính và quyền phá thai, cả hai "tội lỗi" này đều trái ngược với đức tin của họ. Họ muốn chấm dứt trào lưu thiên tả trong nền tư pháp nước Mỹ bằng việc bổ nhiệm các thẩm phán mới.

Guồng máy vận động của ông Bush đã thiết lập danh sách tất cả những người hăng hái trong các giáo hội Tin lành Thuyết giáo (Evangelicals) ở các tiểu bang "ngang ngửa" cần chinh phục. Họ mời những người đó tham gia vận động cho liên danh Bush-Cheney. Những ủng hộ viên nhiệt thành này trông đợi gì ở ứng cử viên George W. Bush? Họ biết là trong bốn năm sau đó, sẽ có vài ba thẩm phán trong Tối Cao Pháp Viện Mỹ sắp về hưu; và họ tin rằng nếu được tái cử ông Bush sẽ bổ nhiệm những thẩm phán có quan niệm bảo thủ về các vấn đề mà họ quan tâm. Vì thế, việc đề cử bà Miers bị coi là ông Bush đã bội ước. Tệ hơn nữa, nhiều người tố cáo đã khinh thường cả khối bảo thủ, coi thường cả chức vụ thẩm phán Tối Cao Pháp Viện vì đưa ra một ứng viên bị các nghị sĩ đảng Cộng Hòa chê là tầm thường, chỉ có một ưu điểm là đã quen biết ông tổng thống từ 20 năm.

Ông Bush lúng túng

Chính mấy phe cánh trong đảng Cộng Hòa đã "nổi loạn" chống lại ông tổng thống. Bà Miers là nạn nhân của cuộc tranh hùng giữa ông Bush và các thế lực cùng đảng muốn cho ông một bài học. Một bài học về giới hạn của quyền lực trong thể chế dân chủ.

Người phát pháo đầu tiên là ký giả William Kristol, chủ bút tạp chí Weekly Standard, thành trì bảo thủ. Kristol tuyên bố ông "thất vọng," "buồn u uất, depressed," và "mất tinh thần" về việc ông Bush lựa chọn luật sư riêng của mình đưa vào Tối Cao Pháp Viện. Sáng hôm sau, nhật báo *Wall Street*, một thành trì bảo thủ khác, phê bình ông Bush đã bỏ lỡ một cơ hội xác định quan điểm hiến pháp bảo thủ của ông.

Không phải chỉ những người rất mộ đạo mới chống việc bổ nhiệm bà Miers. Khuynh hướng bảo thủ trên mặt trận pháp lý từ lâu vẫn muốn có những thẩm phán giải thích hiến pháp theo cách trung thành với nguyên văn viết từ 200 năm trước. Họ chống khuynh hướng tòa án giải thích hiến pháp như để làm ra các điều luật mới, xâm phạm vào mảnh đất của quyền Lập pháp. Họ thấy trong một thế hệ vừa qua các tòa án ở Mỹ đã nghiêng

sang phía tả, phe bảo thủ chủ trương phải có các vị thẩm phán mới thay đổi chiều hướng đó. Họ tin tưởng Tổng thống Bush là người sẽ thực hiện cuộc đổi chiều này. Và họ bất mãn vì ông Bush đã quyết định một cách đơn phương, không quan tâm đến ước vọng của cả khối chính trị bảo thủ đã đưa ông vào Tòa Bạch ốc. Ông Bush "coi thường việc bổ nhiệm một thẩm phán tối cao," đó là lời kết án mạnh mẽ nhất.

Nhưng cách chữa chạy của Tòa Bạch ốc rất vụng về, càng đào sâu hố chia cách. Phó Tổng thống Cheney và các cố vấn Tòa Bạch ốc chỉ biết bào chữa bằng cách cam kết rằng ông Bush biết rõ bà Miers, đừng lo, ông Bush không thể lầm được! Nhưng người làm tổng thống một nước dân chủ khác một hoàng đế ở chỗ là dân chúng có quyền nghĩ rằng ông tổng thống cũng có khi lầm lẫn, phải có người nhắc nhở ông ta luôn luôn bằng những lời phê bình, chỉ trích.

Hai nhân vật bảo thủ giúp ông Bush đứng ra bảo đảm cho bà Miers. Họ nói rằng đã được nghe giới thân cận Tòa Bạch ốc bảo bà Miers chống phá thai, nhưng họ không thể nói hết chi tiết. Các nghị sĩ cả hai đảng nổi giận: Chính họ sẽ phỏng vấn và bàn việc bổ nhiệm thẩm phán liên bang, một bổn phận hiến pháp trao cho họ. Tại sao có những tin tức về ứng viên mà người khác biết, còn họ không được biết? Báo *Wall Street* lại đăng các bài điều tra cho thấy bà Miers có quan niệm về "hiến pháp sinh động," giống như quan điểm của các thẩm phán cấp tiến! Trong khi đó, giới bảo thủ muốn các thẩm phán phải tôn trọng ý nghĩa nguyên thủy của hiến pháp, không được giải thích theo sự thay đổi của xã hội. Cuối cùng ông Bush phải ra quân, đích thân giới thiệu bà Miers là một người ngoan đạo, lại theo một giáo hội Tin lành luôn luôn chống phá thai. Nói như vậy là lỡ lời tai hại nữa! Không nên đem tôn giáo một thẩm phán ra nói. Trước đó, khi việc bổ nhiệm Chánh Thẩm Tối cao Roberts được Thượng viện thảo luận, chính ông Bush đã nói không ai nên đem đạo Công giáo của ông Roberts ra làm tiêu chuẩn phê phán.

Rồi chính bà Miers cũng tự làm hại mình. Bà đi thăm xã giao các nghị sĩ trong ủy ban tư pháp. Nhiều người gặp bà xong tỏ ý thất vọng là cuộc gặp gỡ không giúp họ hiểu quan niệm về hiến pháp của bà rõ thêm chút nào. Có lẽ thói quen ăn nói khôn ngoan, bao hàm nhiều nghĩa của một luật sư đã khiến bà lảng tránh các câu hỏi gay gắt. Hoặc bà chưa hề được chuẩn bị trước những câu hỏi về luật hiến pháp, không thuộc lãnh vực chuyên môn của bà.

Tai hại hơn nữa là khi bà Miers nộp bản trả lời cho những câu hỏi của ủy ban Tư pháp Thượng viện về một số vấn đề hiến luật. Các nghị sĩ thuộc hai đảng đồng ý là bản trả lời không đầy đủ, không thỏa mãn, họ gửi trả lại để yêu cầu bà viết các câu trả lời cho rõ hơn. Nhiều tờ báo ví hành động đó giống như một giáo sư cho học trò đem bài thi về nhà làm mà thí sinh trả lời không được, phải cho đem về nhà làm lại.

"Cơn bão Harriet" tai hại cho ông Bush hơn cả bão Katrina. Vì bão Katrina có thể đổ tại trời gây ra, còn vụ bà Miers là do ông Bush quyết định hết. Cán cân chính trị ở Washington sẽ thay đổi. Có một cuộc nổi loạn bên trong đảng Cộng Hòa, nhiều người chống lại ông Bush trong lúc uy tín ông đang xuống trong dư luận dân Mỹ. Chiến tranh Iraq lằng nhằng không biết bao giờ yên. Chi tiêu nhiều quá, trái với nguyên tắc của đảng Cộng Hòa. Các vụ cải tổ Quỹ Hưu bổng xã hội và cải tổ thuế vụ bị đình hoãn. Sang năm bầu lại Hạ viện và một phần ba Thượng viện, đảng Cộng Hòa cần phải lấy lại uy tín! Điều an ủi duy nhất của giới bảo thủ là bên đảng Dân Chủ chưa thấy ai xuất sắc nổi lên mà họ cũng chưa có một chương trình chính trị nào hấp dẫn được dân chúng. Liệu ai có thể đoàn kết đảng Cộng Hòa lại, trước cuộc bầu cử năm 2006?

Làm lớn càng không được nói dối

Làm cách nào bảo vệ đức tính khiêm cung của một người có quyền lực lớn nhất thế giới? Cách tốt nhất là đặt ra những cơ chế tự động giới hạn quyền lực của người đó. Như vậy, không những cá nhân người cầm quyền được bảo vệ bớt phạm sai lầm, mà quốc gia cũng được bảo vệ khỏi lo có kẻ lạm dụng quyền hành gây thêm tai hại. Có một câu nổi tiếng của Lord (John Emerich Edward Dalberg) Acton: "Mọi quyền lực làm hư con người, quyền lực tuyệt đối làm hư hỏng tuyệt đối," (All power tends to corrupts, and absolute power corrupts absolutely). Một xã hội theo chế độ dân chủ có những cơ chế để giới hạn quyền lực của người nắm quyền. Cuối cùng, các nhà chính trị nên cảm ơn những ai đã bầy ra chế độ đó. Nó dậy những kẻ nắm quyền nên biết khiêm cung để tránh lầm lẫn.

Một cơ chế để giới hạn quyền lực ông tổng thống Hoa kỳ là ngành tư pháp độc lập. Các quan tòa không cần nghe lệnh quan chức nhà nước, đã đành. Ngay các vị biện lý, đóng vai trò đại diện cho nhà nước để điều tra và truy tố các vụ phạm

tội, tư cách độc lập cũng được tôn trọng. Vì họ lãnh lương của nhà nước, nhưng làm việc cho nhân dân. Sau vụ ông Bush phải rút tên bà Miers, ông Fitzgerald, trong vai trò công tố viên đặc biệt, đã ký lệnh truy tố ông Lewis Libby, một phụ tá của tổng thống, chánh văn phòng phó tổng thống, về năm tội nặng, từ cản trở công lý đến khai man trước đại bồi thẩm đoàn. Ông Fitzgerald do chính Thứ trưởng Bộ Tư pháp trong chính phủ Bush bổ nhiệm là biện lý đặc biệt vào năm 2003 sau khi CIA yêu cầu phải làm cho rõ tại sao báo chí lại biết tên một nhân viên "chìm" của họ.

Một bài học của vụ Watergate thời Tổng thống Nixon năm 1973 là: Hành động phạm luật lúc đầu không gây tai hại bằng những hành động tìm cách che giấu lỗi lầm đầu tiên đó. Ông Libby không bị truy tố vì tiết lộ danh tánh một điệp viên chìm, mà bị tố cáo đã khai gian và ngăn cản việc làm của bộ máy công lý, khi ông được thẩm vấn về vụ tiết lộ đó. Vụ truy tố này cũng giống như vụ Al Capone hồi xưa. Cảnh sát Mỹ không cách nào tìm được chứng cớ là Al Capone buôn rượu lậu, chứa bạc chứa điếm lậu, cuối cùng đem được ông ta ra tòa, cho vô tù về tội trốn thuế! Ông Fitzgerald vẫn tiếp tục điều tra xem ông Karl Rove, cố vấn chính trị số một của ông Bush, xem có phạm tội khai man trong vụ tiết lộ bà Valerie Plame là nhân viên CIA chìm hay không.

Điều tai hại cho Tổng thống Bush không phải là có thể mất một phụ tá đắc lực, mà là vụ án này sẽ nhắc tất cả mọi người Mỹ nhớ đến cuộc chiến tranh Iraq. Bản cáo trạng truy tố ông Libby nhắc nhiều lần hai tiếng the "sixteen words," (mười sáu chữ). Những tội mà ông Libby đang bị truy tố bắt nguồn từ 16 chữ trong bài diễn văn về Tình trạng Liên bang mà ông Bush đọc trước hai viện quốc hội ngày 28 tháng Giêng năm 2003, gần hai tháng trước khi quân Mỹ tấn công Iraq. Ông Bush nói: "Chính phủ Anh biết rằng Saddam Hussein gần đây đã tìm mua Uranium ở Phi châu." (Uranium là chất để chế bom nguyên tử, tình cờ câu này dịch ra tiếng Việt cũng đúng 16 chữ). Khi bản cáo trạng ông Libby lập đi lập lại mười-sáu-chữ, mười-sáu-chữ, mười-sáu-chữ, . . . người nghe sẽ phải nhớ đến và hỏi lại nguyên ủy vì sao nước Mỹ dính vào cuộc chiến Iraq. Quân Mỹ không tìm đâu ra những vũ khí nguy hiểm của ông Saddam Hussein. Hiện đã hơn 2,000 quân nhân Mỹ thiệt mạng.

Chính vì mười-sáu-chữ ông Bush nói mà ông Libby tìm cách bảo vệ uy tín của ông tổng thống. Ông đại sứ Wilson tố cáo chính quyền Bush gạt bỏ những báo cáo của ông ta nộp cho CIA sau chuyến đi Phi châu từ đầu năm 2002, mà ông không thấy có dấu hiệu gì là Hussein đã tìm mua urarium ở Niger. Muốn cho người ta lãng quên những cáo giác của ông Wilson thì đổi đề tài cho các nhà báo quay sang hướng khác, tha hồ mà điều tra và bàn tán. Tòa Bạch ốc đã tiết lộ, dần dần, rằng bà vợ ông đại sứ là nhân viên CIA, chính bà là người vận động cho chồng đi Niger năm trước. Thả một cái tin ra cho các ký giả đi tìm và đặt câu hỏi. Thủ đoạn này có kết quả. Từ cuối năm 2003 đến mùa bầu cử 2004, các báo, đài chỉ nói chuyện bà Plame, và đặt câu hỏi ai tiết lộ danh tánh vợ ông, nhân viên chìm của CIA? Không mấy ai quan tâm đến "mười-sáu-chữ" ông Bush nói nữa. Cái chiến thuật dương đông kích tây để lái dư luận này được bộ tham mưu của Tổng thống Bush áp dụng nhiều lần trong năm 2004. Khi đài truyền hình CBS nhắc lại chuyện ông Bush không đi trình diện nhận việc trong thời gian ông là Vệ binh quốc gia ở Alabama, thì người ta tìm ra một nhân chứng của đài truyền hình đó đã đưa bằng cớ giả. Thế là tất cả dư luận bàn tán chuyện tại sao một đài ti vi uy tín như thế mà lại bị lừa. Không ai quan tâm đến sự vắng mặt của ông Bush hồi xưa nữa; mà hồi chiến tranh Việt Nam đó ông đi lính vệ binh, quả đã vắng mặt không lý do thật! Vì thủ đoạn dương đông kích tây trong vụ Valerie Plame quen thuộc như thế, cho nên có giả thuyết cho rằng vụ này phải nằm trong một chiến dịch do Tòa Bạch ốc điều động, với bàn tay của cố vấn Karl Rove đâu đó.

Vì thế dư luận sẽ không ngừng ở năm tội trạng đem truy tố ông Libby, mà sẽ nhìn xa hơn. Bây giờ, "mười-sáu-chữ" của ông Bush lại được nhắc tới, sẽ có ngày người ta đặt câu hỏi không biết cả chính quyền Bush có cố ý chọn những tin tình báo sai lạc, gạt bỏ những tin tức đúng, vô tình hoặc cố ý đánh lừa dân chúng, để biện minh cho việc tấn công Iraq hay không? Nhiều người ở trong chính quyền, như một vị cựu bộ trưởng tài chánh, đã tiết lộ rằng chính phủ Bush đã có ý định đánh Iraq ngay từ lúc mới lên cầm quyền, và họ chỉ đi tìm các chứng cớ để biện minh mà thôi!

Vụ án này đã bắt đầu được báo chí gọi tên là Plamegate, nhại tên Watergate thời Nixon, như người ta đã gọi Iran-Contragate thời Reagan, hay Monicagate thời Clinton. Nhưng các vụ tai tiếng thời hai ông Reagan và Clinton không xẩy ra trong lúc ông tổng thống đang lo chống đỡ với nhiều tai họa dồn dập đổ lên, như ông Bush đang phải chịu. Về ngoại giao, ngoài chiến tranh ở Afghani-

stan và Iraq, nước Mỹ đang phải đối phó với những thách thức của chính quyền các nước Iran và Bắc Hàn. Ở trong nước thì sau vụ bão Katrina cho thấy nhân viên chính quyền do ông Bush bổ nhiệm thiếu khả năng, lại đến vụ đề cử bà Harriet Miers vào Tối Cao Pháp Viện. Các ông Reagan và Clinton đều phải đối phó với những quốc hội do đảng đối lập kiểm soát, còn ông Bush thì không, đảng Cộng Hòa đang kiểm soát cả hai viện quốc hội. Nhưng quốc hội Cộng Hòa không nhất thiết chỉ biết nghe lời vị tổng thống Cộng Hòa.

Để giới hạn quyền lực

Đây là một cơ chế khác để không cho các nhà chính trị lạm quyền. Sau khi nghe tin bà Miers rút lui, Nghị sĩ Brownback, Cộng Hòa, Kansas, một người chống việc đề cử bà Miers từ đầu, tuyên bố rằng vụ rút tên này chứng tỏ đảng Cộng Hòa không phải là đảng của một người! Ông Bush đã tính đưa vào Tối Cao Pháp Viện một ứng viên mà cả đảng ông, và cả nước, không biết bà ấy có quan điểm như thế nào về hiến pháp. Có người đã đem ví với chuyện Hoàng đế Caligula bổ nhiệm một con lừa của ông vào Thượng viện La Mã! Ông Ken Connor mới nhắc lại một châm ngôn của nước Mỹ, "In God we trust – all others pay cash!" – Chúng ta tin ở Thượng Đế – ngoài ra tất cả những người khác cứ xin trả tiền mặt!

Ngay trong đảng của ông tổng thống cũng có những người nổi lên chống lại một hành động của ông. Nếu không phải là một xã hội có truyền thống dân chủ thì không có cảnh đó. Nhưng tại sao một đảng lại tự làm hại uy tín của mình như vậy? Bởi vì bên trên quyền lợi phe đảng còn có những lý tưởng mà họ theo đuổi lâu dài. Người ta có thể không đồng ý với những người cực hữu bảo thủ, nhưng họ có những quan niệm rất rõ ràng. Và họ nói ra công khai minh bạch, là họ muốn dân tộc Mỹ, quốc gia Mỹ sống theo những quy tắc như thế nào. Tối Cao Pháp Viện là một cơ chế thể hiện các quy tắc mà họ muốn bảo vệ. Khi ông tổng thống của đảng họ đi ngược lại lý tưởng đó, họ chống lại, dù có thể gây thiệt hại cho đảng.

Chúng ta có thể không đồng ý với phe bảo thủ trong đảng Cộng Hòa. Nhưng việc họ chống lại ông Bush có lý. Trong một xã hội dân chủ, mọi sinh hoạt chính trị phải minh bạch, công khai, không được coi thường dư luận. Cho nên nói dối rất khó, dấu giếm che đậy cũng rất khó. Thà rằng sống ngay thẳng, nói rõ ràng những điều gì mình tin tưởng, điều gì mình yêu mình ghét, như thế sẽ được mọi người kính trọng hơn. Làm như vậy có thể bị thiệt thòi trong ngắn hạn. Nhưng nếu một người tin vào lý tưởng của mình thì phải tin là có ngày mọi người sẽ thấy điều mình tin là đúng! Cho nên cứ vững tâm tin ở lý tưởng và làm theo lý tưởng của mình, không cần che đậy hoặc gian dối. Nếu có thua, cũng bảo toàn được danh dự và lý tưởng của mình.

Nhưng điều đó chỉ xẩy ra được trong một xã hội mở, với quyền làm báo và quyền ngôn luận tự do. Người dân phải được nghe, được đọc và coi những tin tức khác biệt, những ý kiến trái ngược nhau; lúc đó họ mới đóng vai phán xét các nhà chính trị, những người vẫn nói là mình lo cho dân, cho nước. Báo chí tự do là một cơ chế khác giúp cho những nhà chính trị biết tránh việc lạm dụng quyền lực.

Người ngoại cuộc nhìn vào chính trị nước Mỹ có thể thấy nó lộn xộn, hết quốc hội chống tổng thống lại đến nhà báo chỉ trích quốc hội, rồi ngay trong một đảng ông này chống lại bà kia, vân vân. Nhưng đằng sau những lộn xộn đó là những nền nếp dân chủ có thật. Thể chế đó tự tạo ra các cơ cấu tự nhiên kiểm soát người cầm quyền; nó bảo đảm là sau cùng thì chính người dân sẽ quyết định ai được ngồi ở những ghế có quyền sai bảo, ra lệnh cho người khác – và bắt người ta đóng thuế! Chế độ Dân Chủ không hoàn hảo, không bao giờ hoàn hảo. Như Churchill đã nói, "Nó chỉ có vẻ khá nhất so với những thể chế chính trị khác đã thử trên trái đất này." Cho nên, nếu ai đã nếm thử cuộc sống dân chủ, có dịp so sánh rồi thì mới biết quý. Năm 1959 có một sinh viên Liên xô sang Mỹ, theo học Đại học Columbia ở New York trong chương trình trao đổi sinh viên. Sau đó, ông Alexander Yakovlev trở lại nước Liên xô, leo lên những chức vụ quan trọng. Nhưng ông đã nhiễm được cái thói ăn nói tự do, và không vừa lòng cấp trên, ông bị đẩy đi làm đại sứ ở Canada. Khi ông Mikhail Gorbachev lên làm Tổng Bí thư. Yakovlev được mời về, và chính ông khuyến cáo những chính sách cởi mở cho Gorbachev. Những chính sách đó giảm bớt quyền lực của vị chủ tịch trong Điện Kremlin, nhưng đưa tới một nước Nga dân chủ, tự do hơn, Gần đây ông vẫn chỉ trích các biện pháp tập trung quyền hành của ông Vladimir Putin. Ông Yakovlev mới mất tháng trước, ông là một nhân chứng cho thấy được sống trong một xã hội cởi mở, tự do vẫn thấy đời đáng sống hơn. Khi quốc gia đã thiết định các cơ chế tự do dân chủ rồi, khó lòng có ai lạm dụng được quyền lực để làm bậy!

Tưởng Nhớ
ANH HOÀNG ĐẠO

VIỄN SƠN NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Trời nắng đẹp chiếu trên một căn nhà đơn sơ, và trên những cánh hoa hồng màu đỏ rực, bên cạnh mấy cây đào lá còn xanh tơ.

Phong cảnh thực là ấm cúng và vui tươi. Qua những cành lá xanh, tôi ngồi bên thềm, nhìn ra xa bầu trời xanh biếc, với vài áng mây trắng ở trời xa. Lại nhớ đến câu thơ Đường dịch nghĩa (không đúng xin thông cảm).

Hạc vàng một đi, không bao giờ trở về.
Ngàn năm mây trắng lửng lờ còn bay...

Nhưng tại sao, mỗi lần tới tháng Bảy, lòng tôi lại thấy bâng khuâng vô hạn, lại nhớ tới những người xưa đã khuất, những người anh mà cuộc đời đã tưởng gắn bó với tôi trong bao nhiêu nỗi vui buồn, biết bao nhiêu phút tươi đẹp và bao nhiêu cơn sóng gió, nhưng cuối cùng cũng là rời bỏ ra đi một cách bi thương, nay chỉ còn tôi sống sót trên cuộc đời lưu vong cô quạnh tại nơi đất khách quê người.

Vận mệnh của con người thực là éo le, không tài nào hiểu thấu được. Tại sao mà hai người anh tài hoa xuất chúng của tôi lại cùng rời bỏ cuộc đời vào tháng bảy, tuy cách nhau 15 năm? Tôi không thương tâm sao được, khi mà cả hai đều đã sống một cách hào hùng, nhưng lại chết một cách bi thương khiến cho người ta nghe thấy ai cũng phải ngậm ngùi.

Hoàng Đạo đột nhiên vì bạo bệnh mất ngày 21.7 năm 1948 trong khi đang ngồi trên một chiếc xe lửa từ Hong Kong về Quảng Châu, Trung Quốc. Nhất Linh thì uống thuốc độc tự sát tại Saigon ngày 7.7 năm 1963, trong lúc gặp cảnh ngộ khó khăn. Nếu không có vận mệnh nổi trôi của đất nước thì làm sao có cảnh ngộ như thế?

Vì lúc đầu thuở xưa đó chỉ là hai đứa trẻ sinh ra trong một gia đình bình thường và nghèo nàn, tại một phố huyện nông thôn vắng vẻ, im lặng, tựa như không bao giờ có thể xảy ra một truyện gì sôi nổi, hay sinh ra những nhân vật hào hùng mà tên tuổi sau này vẫn còn sống mãi ở trong lòng bao người Việt Nam? Và đã ghi trong lịch sử?

Hai con phố lầy lội với những mái tranh thấp nhỏ, kiến trúc bằng gạch lớn nhất là dinh tư huyện có hai anh lính lệ ngây ngô đứng gác. Ngoài ra còn tòa nhà cao hơn là cửa hiệu người Hoa kiều buôn bán tạp hóa. Nếu có lúc nào rộn ràng hơn đôi chút thì là những tàu lên tàu xuống đổ vào ga nhỏ. Đặc điểm của các nhà ga là có hai rặng cây găng thấp để làm địa giới, tôi còn nhớ rõ.

Gia đình chúng tôi ở, mặt trông ra phố huyện, xế trước một quán chợ lèo tèo với những cột tre xơ xác chỉ đến ngày phiên mới có những người buôn bán gánh gồng ngồi xen nhau đợi khách hàng. Vì ông thân sinh qua đời sớm, bà mẹ chúng tôi phải tần tảo gánh vác việc nuôi dưỡng bảy người con. Tuy gọi là cửa hàng nhưng thực ra cũng chỉ là buôn thúng bán mẹt mà thôi với những đồ vật rẻ mạt thích hợp với túi tiền những người ở gần.

Vào đầu thế kỷ thứ 20, sau đệ nhất thế chiến kết thúc, Việt Nam bước vào một thời kỳ tương đối yên ổn. Những phong trào giải phóng dân tộc dần dần cũng bị đàn áp, phong trào Đông Du cũng suy yếu với việc chí sĩ Phan Bội Châu bị bắt và kết án. Do sự cố gắng của bà mẹ và bà nội để nối dài truyền thống học hành của gia đình, các anh tôi đều có điều kiện đến trường để theo học, và nhờ ở trí thông minh có lẽ là di truyền ai cũng học giỏi và đỗ đạt còn hơn sự mong muốn của hai bà.

Ông anh cả sau khi đỗ bằng thành chung đã đi làm giáo viên tiểu học một thời gian. Tôi còn nhớ khi ông làm đốc học trường tiểu học, bến Thư Trì, tỉnh Thái Bình thì tôi cũng đến học ở đó và nhờ vậy, tôi mới làm quen với đời sống nông thôn và với cảnh con sông Hồng cuồn cuộn, rộng mênh mông với giòng nước đỏ lừ chảy về xuôi rồi đổ ra bể, một cảnh đã ghi vào đầu óc đứa trẻ thơ là tôi mà tôi không bao giờ quên được. Đứng trên bờ sông Hồng, nhìn tàu bè ngược xuôi, tuy còn nhỏ nhưng mang máng đã cho tôi những cảm tưởng về đời người, vô định và hầu như vô vọng như nước sông trôi một cách không bờ bến đến tận chân trời xa.

Và do đó về sau tôi lại càng hiểu thấm thía cái

tuyệt hay của hai câu thơ Đường của Lý Bạch:

Cô phàm viễn ảnh bích không tận

Duy kiến Trường Giang thiên tài lưu.

Xin tạm dịch nghĩa:

Dáng chiếc buồm xa cô liêu, trên trời xanh biếc

Chỉ thấy Trường Giang nước chảy muôn đời.

Anh Cả là một người thông minh, sau này anh tự học và thi đỗ bằng Tú Tài, vào làm tham tá trong sở Bưu điện Hà Nội và lập gia đình mới.

Còn anh Hai tôi thì lại khác, anh thi vào học trường Cao đẳng Canh nông – không biết tại sao anh lại có hứng thú về nghề này, vừa vất vả vừa phải điều đi những nông trường xa vắng, xa lìa Hà Nội để đi miền Nam và có lúc tại miền Bolovens tận Hạ Lào. Tôi cũng không rõ anh lấy người vợ đích xác ở tỉnh nào. Đã có lúc anh xin tạm nghỉ về Hà Nội và làm giám đốc tờ Ngày Nay vào hồi cuối thập niên 30. Nói cho đúng anh em chúng tôi đều có khuynh hướng về văn học, nhưng anh Nguyễn Tường Cẩm không có viết văn, có điều là đời làm báo của anh rất ngắn, nghĩ cũng vì ông kiểm duyệt không ưa lắm bọn Nguyễn Tường hay quấy rầy này, không những ông này chỉ cắt từng đoạn, mà nhiều khi cắt cả trang, cả bài và cao hứng lên thì cắt luôn cả tờ báo cho nghỉ một vài tháng. Thế là anh lại phải vác ô rời khỏi Bắc kỳ về với ruộng đất miền Nam.

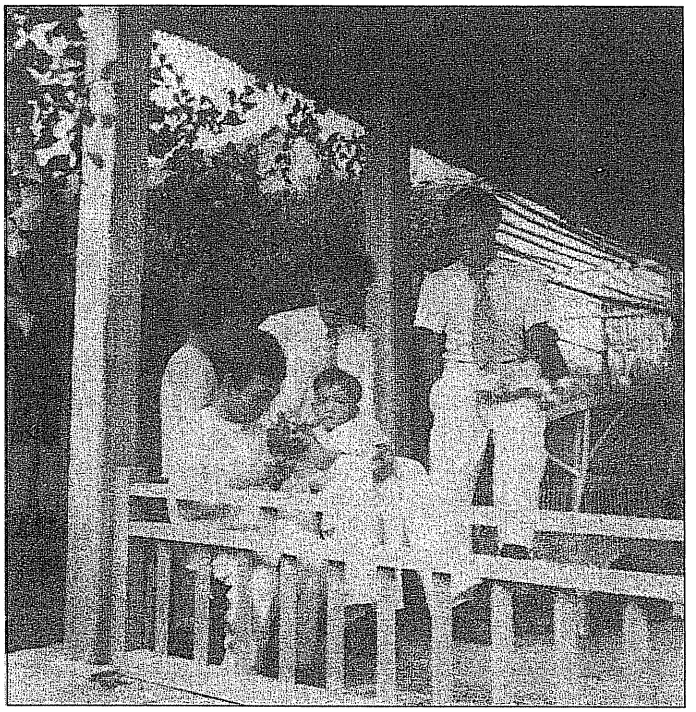

Thạch Lam (đeo kính đen), Hoàng Đạo và 3 con của Nhất Linh chụp ở trại Cẩm Giang (không rõ năm)

Tuy anh Hai không có tham dự chống đối đảng Cộng Sản, nhưng tới năm 1945, anh bỏ về Hà Nội để tìm một công việc khác thích hợp hơn, thì không may cho anh và người em bà Nhất Linh, cả hai đều bị Việt Minh bắt và đem đi sát hại trên Vĩnh Yên một cách vô cùng tàn nhẫn theo chính sách nhổ cỏ nhổ tận rễ, vô luận người đó có tội hay không. Nhưng theo ý Trời những tội ác man rợ cùng những kẻ tội phạm ấy tất sẽ phải bị trừng phạt đích đáng, không thể nào tránh khỏi, chóng hay chầy mà thôi bằng cách này hay cách khác.

Tuy nói chung, tôi không nghĩ bản chất của con người là xấu, nhưng đến giờ tôi không hiểu tại sao trên đời lại có nhiều cái xấu, cái ác, nhiều sự bất công và đau khổ như vậy. Hãy cứ nghĩ đến dân tộc Việt Nam hơn thế kỷ nay chưa hề được biết thế nào là tự do hạnh phúc, chỉ trừ những kẻ chỉ biết cam tâm làm nô lệ cho các bạo chúa. Hãy nghĩ đến bao nhiêu binh sĩ và thường dân đã bị hy sinh vì cuồng vọng xâm lược của đảng ấy. Thì những sự bất hạnh trong gia đình chúng tôi cũng chẳng đáng kể là bao.

Về cuộc đời của anh Nhất Linh thì ai cũng đã biết nhiều và chính tôi cũng đã viết trong cuốn Hồi ký vì thế ở đây chỉ xin nói thêm là anh một con người đặc biệt đã có chỗ trong lịch sử về cả mấy mặt văn học, xã hội và cách mạng, là người đi tiên phong, đi trước cả thời đại và là người dẫn đạo cho chúng tôi cùng bước theo chân anh vào con đường hoạt động xã hội. Anh là con người có nhiều sáng kiến nhất, vả lại là người có đảm lược dám bước vào hành động nhất. Tới những năm 30, Nhất Linh sau khi đã du học ở Pháp về, văn phong được hình thành – một sự kết hợp giữa tài năng văn chương và trình bày quan niệm về đời sống và xã hội, và rồi sau đó là Tự Lực Văn Đoàn.

Tinh thần đấu tranh kiên cường dựng trên trên một lập trường vững chắc và dựa vào những suy

xét chính xác thiết thực, đó chính là đặc điểm của Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long. Chí khí cao thượng của Hoàng Đạo đã biểu hiện rõ rệt khi anh không đi làm quan dù có cơ hội tốt, mà kiên quyết vẫn giữ chức tham tá lục sự ở tòa án và lăn mình vào nghề làm báo. Cùng với Nhất Linh, Tú Mỡ, anh đã chọn đúng đường vì không những anh rất có hứng thú về việc viết báo, mà đã tỏ ra rằng có biệt tài về mặt bình luận trào phúng, cùng về mặt quan niệm chính trị và xây dựng đất nước.

Trong ký ức của tôi, thời còn trẻ, anh là một người con trai khuôn mặt trắng trẻo, thông minh, cùng có đôi lông mày rậm, cặp mắt ngang to và sóng mũi cao – những nét chung của anh em chúng tôi. Anh là người điềm đạm nhất, bình tĩnh nhất, tôi ít khi nghe thấy anh cười vang, ít khi nổi nóng hấp tấp vội vàng, ăn nói thì từ tốn, cũng ít khi chê cười nhạo báng ai trong lúc nói chuyện. Có lẽ không đẹp trai bằng Thạch Lam với nét mặt dễ thương hơn và vui tươi hơn, nhưng Hoàng Đạo cũng là một thanh niên mẫu mực, gần như lý tưởng, có thể là đối với cả phụ nữ nữa. Cũng có lúc anh ngồi trầm ngâm, tựa như suy nghĩ điều gì sâu xa, chắc chắn là về tương lai dân tộc và trạng thái xã hội.

Hoàng Đạo là một sinh viên xuất sắc. Anh học khoa Luật, nhưng từ lúc học, anh đã suy nghĩ về những vấn đề thực tế nhiều hơn là về những giáo điều trong các giáo khoa. Rất sớm, anh đã thấy rằng học Luật là một việc mà hiểu được áp dụng Luật pháp lại là một việc.

Qua cuốn "Trước vành móng ngựa," những vụ án anh đã tường thuật tỏ ra anh có một cái nhìn sâu sắc nhiều khi chua chát và bi quan về thực tế trong cuộc đời. Dù thế nào chăng nữa, về nhân sinh quan qua nhiều thể nghiệm, càng ngày anh càng có tư tưởng vững chắc về hai quan niệm chân lý và công lý. Anh quyết tâm đi sâu vào hai vấn đề này và nhận thức đó đã thúc giục anh bước sang hai lĩnh vực xã hội và chính trị, và không dừng lại ở lý thuyết. Sau nét mặt hiền từ của anh, là một tâm hồn cao thượng, thương người, đồng thời cũng là một tấm lòng kiên quyết phụng sự cho công lý, đấu tranh binh vực những lẽ phải, những kẻ yếu thế, và dũng cảm không sờn, không lùi trước những thế lực áp bức.

"Mười điều tâm niệm" là sáng tác cơ bản quan trọng nhất của Hoàng Đạo, vì khái quát nguyên tắc lập trường và chủ trương chính trị của anh, bao gồm cả các mặt dân tộc độc lập và xây dựng một chế độ dân chủ công bằng. Đây là kết quả của sự nghiên cứu rộng rãi và sâu sắc về các chế độ chính trị trên thế giới, và những chủ trương này đã được nhiều tổ chức đấu tranh tham khảo. Đến tận bây giờ, bên này vẫn còn có nhiều điều có thể dẫn hướng cho hoạt động thực hiện tự do dân chủ và nhân quyền cho người Việt Nam.

Ở đây, có mấy điểm đáng chú ý là, tuy sự thống trị của Pháp hồi ấy rất khắc nghiệt, nhưng bản "tâm niệm" ấy cũng có thể công khai xuất hiện – nếu bây giờ ở trong nước thì nó sẽ bị cấm đoán ngay và tác giả sẽ bị cầm tù ngay lập tức, vì đã dám đề cập đến vấn đề tự do. Thực là buồn khi có độc lập, thì tự do lại kém xa hồi còn thực dân, về mặt tự do ngôn luận cũng như về tự do tôn giáo. Là người Việt Nam mà lại trói buộc đàn áp đồng bào hơn chính bọn đế quốc. Lúc đó các tôn giáo nói chung được hoạt động rộng rãi không có sự can thiệp của chính phủ và phần nhiều báo chí đều là của tư nhân mở ra, tuy có bị hạn chế về nội dung, khác với bây giờ báo chí toàn là của đảng, chỉ có một giọng nói tuyên truyền mà thôi. Vạch rõ điểm này là để chứng minh rằng dưới chế độ Cộng Sản hiện thời, tự do và nhân quyền còn bị cấm đoán, vi phạm nặng nề gấp bội dưới thống trị của thực dân Pháp.

Những bài bình luận của anh Hoàng Đạo thực là sâu sắc và gây ảnh hưởng mạnh mẽ tới quần chúng, điều chính là vì anh bênh vực lẽ phải, bình kích những thứ sai trái, anh bênh vực những kẻ yếu, bình kích những kẻ cậy mạnh, những thứ bất công, những phong tục hủ lậu như ỷ thế giàu sang, trọng nam khinh nữ, môn đăng hộ đối v.v..

Cùng với anh Nhất Linh, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí và một số anh em khác, Hoàng Đạo đã bí mật thành lập đảng Đại Việt Dân Chính để tiến hành công cuộc chống Pháp. Lúc đó là một thời cơ tốt với những diễn biến trên thế giới, nhất là tại Âu Châu. Song không may tới đầu thập niên 40, sự việc bị lộ và Phát ra tay khủng bố. Ba anh Hoàng Đạo, Khái Hưng, Gia Trí bị bắt, tra tấn và sau đưa đi tống giam trong một trại tù. Nhất Linh trước đó đã rời nước sang Trung Quốc.

Năm 1943, anh được trả tự do và tiếp tục về điều khiển nhà xuất bản Đời Nay. Trong thời kỳ đặc biệt này, công việc thực là bận rộn và phức tạp. Anh có trách nhiệm nặng nề, đối nội cũng như đối ngoại, nhất là sau ngày 9.3.1945, quân Nhật tước khí giới của Pháp ở Đông Dương. Anh đã có công góp sức vào việc liên kết các đảng phái quốc gia hồi ấy. Nhưng mọi người đều không

bắt kịp thời thế, kết quả là khi Nhật Bản đầu hàng vào tháng 8.45, Việt Minh đã cướp được chính quyền và áp đặt từ đó một chế độ chuyên chính lên toàn dân cho tới nay, 60 năm sau.

Trong điều kiện khó khăn và nguy hiểm, anh vẫn kiên trì đấu tranh cho tới năm 1946 thành lập một chính phủ Liên Hiệp các đảng phái trong đó anh giữ chức bộ trưởng bộ Kinh tế. Lúc ấy, theo chỉ thị của đảng (VNQDĐ) tôi lên phụ trách Đệ Tam chiến khu, là chiến khu quan trọng nhất và có quân đội. Dù có liên hiệp, Việt Minh vẫn tấn công để tiêu diệt lực lượng quốc gia. Vì thế yếu, chúng tôi phải rời bỏ Việt Trì để đi tới Yên Báy, một cứ điểm khác. Một sự tình cờ lịch sử là sáng hôm rút quân đó, vừa đi khỏi thị xã Việt Trì vài cây số thì gặp toán quân anh em từ Phú Thọ rút xuống. Đương lúc tập hợp và chỉnh đốn lại hàng ngũ ngay trên đại lộ thì bỗng nhiên một chiếc xe hơi có cắm cờ đỏ sao vàng cùng cờ xanh trắng của VNQDĐ từ phía dưới tiến lên. Chúng tôi ra lệnh cho xe phải dừng lại, thì một người từ trên xe bước xuống, giơ tay vẫy: không ngờ đó chính là anh Nguyễn Tường Long! Và đằng sau anh lại có hai người nữa bước xuống, không mang khí giới gì cả. Anh Hoàng Đạo giải thích đây là đoàn đại biểu giảng hòa gồm có một người của VNQDĐ, một người của Việt Minh – tướng Hoàng Văn Thái, và một người không đảng phái tôi không nhớ tên.

Giảng hòa? Trong tình thế đó, chúng tôi chỉ có cách là tiếp tục rút lên Yên Báy và đưa luôn cả ba người rút theo. Trên đường, một hôm tướng Thái và vị đại diện kia thừa cơ sơ hở bỏ chạy được. Cố nhiên anh Hoàng Đạo cùng chúng tôi rút tới Yên Báy, rồi sau cũng rút sang Côn Minh Vân Nam tháng 7 năm 1946, đó là số mệnh?

Năm sau, anh sang cư ngụ tại Quảng Châu, rồi đi dự hội nghị Hong Kong do vua Bảo Đại chủ tọa. Nhưng chúng tôi không ủng hộ chủ trương hợp tác với Pháp, nên vẫn tạm trú tại Quảng Châu, để tìm đường hoạt động.

Không ngờ tháng 7 năm đó, anh đi Hong Kong có việc và lúc về anh đột nhiên mất rất nhanh trên toa xe lửa. Không có chứng cớ gì về một sự ám hại hay đầu độc. Theo chỗ suy đoán và phân tích, thì khả năng lớn nhất là cơn đau tim bột phát, vì anh đã sẵn có bệnh tim. Tin này làm chúng tôi choáng váng bi thương vô hạn, vì tới trong lúc thất bại và lưu vong.

Một nhân tài xuất chúng, một chiến sĩ can trường cho độc lập và tự do của đất nước đã ra đi trong nỗi ngậm ngùi sâu xa, vì đã mất quá sớm và sự nghiệp anh từng hoài bão, lý tưởng cao cả mà anh từng theo đuổi vẫn chưa thực hiện được và đem lại đau thương vô hạn cho gia đình, cho các anh em chiến đấu và một mất mát lớn cho nền văn học nước nhà.

Nghe tin tang tóc, chúng tôi nén đau đáp xe lửa từ Quảng Châu tới một nhà ga không xa – ga Thạch Long. Tại đó, chúng tôi được nhìn thấy mặt người anh thân yêu một lần cuối cùng và trong bao giòng nước mắt bi thương và tuyệt vọng của các anh em, chúng tôi cử hành mai táng anh trong mộ địa gần đó.

Một chiến sĩ anh hùng và tài hoa xuất chúng của Việt Nam được dần dần đưa xuống huyệt mộ. Anh em gieo những miếng đất cuối cùng lên trên quan tài anh. Một ngôi mộ giản dị đã được đắp lên và một bia gỗ được dựng lên trên mộ với mấy giòng chữ:

Nguyễn Tường Long,
người Việt Nam
Sinh năm 1906, mất năm 1948
Yên nghỉ tại đây.

Cho tới nay vẫn chưa thay đổi, vận mệnh của dân tộc Việt Nam thực là bi đát. Tám mươi năm năm đô hộ thực dân Pháp, rồi 60 năm thống trị của Cộng Sản, chưa từng được hưởng thế nào là tự do và nhân quyền, lại thêm biết bao người Việt vô tội đã phải bắt buộc lưu vong tại tha hương.

Truyền thống anh hùng của dân tộc ta bây giờ đâu? Khí khái quật cường của người dân ta bây giờ đâu? Nếu còn một chút lương tâm, một chút ý chí, thì mỗi người chúng ta đều phải theo gương chiến sĩ Hoàng Đạo, can đảm đứng lên chống chuyên chế bạo tàn, bênh vực cho tự do, công bằng và dân chủ kiên quyết dành mọi nhân quyền căn bản cho mình, cho tới khi giải thể được chế độ độc đảng.

Hãy ủng hộ những người bất khuất đương đấu tranh cho dân chủ tại trong nước, hãy tham gia vào hàng ngũ những người đấu tranh cho tự do và nhân quyền tại hải ngoại. Hãy có đủ chí khí quyết không làm nô lệ cho bất cứ ai! Đó là thái độ tốt nhất để tưởng niệm Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long và hãy can đảm bước vào hành động – vô luận là nam hay nữ già hay trẻ! Đừng làm thẹn cho truyền thống dân tộc và cho ngay chính mình, hãy cùng nhau cố gắng chiến thắng khó khăn!

Tháng 10-05

Hoàng Đạo

(1907- 1948)

Người trí thức dấn thân

THỤY KHUÊ

Tiểu sử

Hoàng Đạo tên thật là Nguyễn Tường Long, sinh ngày 11/10 năm Đinh Mùi tức 16/11/1907, tại làng Hàn Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Nguyên quán: làng Cẩm Phô, xã Hội An, tỉnh Quảng Nam. Bút hiệu khác: Tứ Ly, Tường Minh... Theo Nguyễn Văn Xuân, dòng họ Nguyễn Tường gốc ở Bình Định: Ông Nguyễn Tường Vân người Bình Định, làm Binh bộ Thượng thư, có hai con trai nhập tịch Cẩm Phô, Hội An, là Nguyễn Tường Vĩnh, phó bảng, tuần vũ Vĩnh Long và Nguyễn Tường Phổ, tiến sĩ, dạy học và nhà thơ. Nguyễn Tường Phổ sinh ra Nguyễn Tường Tiếp, tri huyện Cẩm Giàng, nổi tiếng hay chữ, và là ông nội của Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo là người con thứ tư trong một gia đình bẩy anh chị em: Nguyễn Tường Thụy, Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo), Nguyễn Thị Thế, Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam), và Nguyễn Tường Bách. Cha là Nguyễn Tường Nhu (1881-1918), một nhà nho không thành đạt (mất ngày 23/10/ năm Mậu Ngọ), mẹ là bà Lê Thị Sâm, tần tảo buôn bán nuôi bảy người con. Khi các con đã trưởng thành, bà đi tu và mất năm 1963 tại Sài Gòn.

Thuở nhỏ học trường huyện, tên là Nguyễn Tường Tư (chính ra là Tứ, nhưng vì trùng tên một người bạn của cha, nên đổi là Tư), sau không đủ tuổi để đi thi, gia đình khai thêm bốn tuổi đổi tên thành Nguyễn Tường Long, và đổi ngày sinh (trên giấy khai sinh) thành 3/4/1903.

Sau bậc tiểu học, Tường Long bị ốm nên tự học tại nhà. Năm 1924, đậu bằng Cao đẳng tiểu học Pháp, và liền đó đỗ vào trường Luật Đông Dương tại Hà Nội. Tốt nghiệp năm 1927, ông vào làm tham tá Ngân khố Hà Nội. Tiếp tục học thêm, đậu tú tài Pháp và chuyển sang ngạch Tư pháp, làm tham tá lục sự từ năm 1929, trong các toà "Tây án" ở các tỉnh Trung, Nam, Bắc. Trong thời gian này, có lần đã được bổ tri huyện, nhưng ông từ chối.

Năm 1932, Nguyễn Tường Long đang làm việc ở Sài Gòn, được đổi về Hà Nội, Nhất Linh mua lại tờ Phong Hoá của Phạm Hữu Ninh và ngày 22/9/1932 báo Phong Hoá tái bản với nội dung và ê-kíp mới. Năm 1933, thành lập Tự Lực Văn Đoàn, cùng năm ấy, Nguyễn Tường Long lập gia đình với cô Marie Nguyễn Bình (1913-1975), được bốn người con: ba gái, một trai.

Trên Phong Hoá, Nguyễn Tường Long lấy bút hiệu là Tứ Ly (giờ xấu nhất trong ngày), viết những bài đả kích châm biếm toàn bộ hệ thống quan lại của chính quyền thuộc địa và Triều đình Huế, bài trừ hủ tục trong xã hội Việt Nam. Năm 1936, Phong Hoá bị đóng cửa. Tờ Ngày Nay -trước đã ra kèm với Phong Hoá, trong 18 số đầu, chuyên về hình ảnh- từ số 19 trở đi chuyển sang văn nghệ. Trên Ngày Nay, trong mục "Trước vành móng ngựa," Hoàng Đạo ghi lại những tình cảnh bi hài của dân nghèo trước toà tiểu hình Hà Nội.

Năm 1939, Nhất Linh thành lập đảng Hưng Việt, sau đổi thành Đại Việt Dân Chính. Vì đảng chủ trương công khai chống Pháp và lật đổ triều đình Huế, cuối năm 1940, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Nguyễn Gia Trí bị Pháp bắt, bị đi an trí tại Vụ Bản thuộc Châu Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình (theo tiểu sử Hoàng Đạo, do gia đình soạn. Nguyễn Tường Bách trong Việt Nam những ngày lịch sử và một số tài liệu khác, chép là Sơn La), mãi đến năm 1943 mới được giải về quản thúc tại Hà Nội. Trong thời gian đó, Thạch Lam và Nguyễn Tường Bách tiếp tục quản trị tờ Ngày Nay đến cuối năm 1941, mới bị đóng cửa. Năm 1942, Nhất Linh chạy sang Quảng Châu, Thạch Lam mất tại Hà Nội. Hoàng Đạo và Nguyễn Tường Bách tiếp tục lãnh

đạo phong trào. Theo lệnh của Nhất Linh từ Trung Quốc gửi về, báo Ngày Nay tục bản ngày 5/3/1945, với Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách, Khái Hưng và Nguyễn Gia Trí.

19/8/1945. Việt Minh nắm chính quyền. 25/8/1945 Bảo Đại thoái vị. 2/9/1945 Hồ Chí Minh tuyên bố độc lập. Trong khi ba thành phần Việt Minh, Việt Quốc và Việt Cách đang điều đình để thành lập chính phủ liên hiệp, ngày 13/1/1946, Vệ Quốc Quân tấn công bộ đội Việt Quốc tại Việt Trì.

2/3/1946 Chính phủ liên hiệp ra đời, nhưng các lực lượng quốc gia và cộng sản chia rẽ trầm trọng. Chủ trương của chính quyền thực dân không thay đổi: Hội nghị Đà Lạt thất bại. Sự đổ vỡ và chiến cuộc xẩy ra giữa hai phe quốc gia và cộng sản.

Cuối tháng 7 năm 1946, Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách và sáu bạn đồng hành đến Hà Khẩu, lên Côn Minh rồi sang Quảng Châu. Ngày 19/12/1946, Khái Hưng bị Việt Minh bắt và bị thủ tiêu năm 1947.

Hoàng Đạo mất đột ngột ngày 22/7/1948 (16/6/ năm Mậu Tý), trên chuyến xe lửa từ Hương Cảng về Quảng Châu, thi hài ông được an táng tại thị trấn Thạch Long.

Tác phẩm đã in: *Trước vành móng ngựa* (phóng sự, Đời Nay, Hà Nội, 1938), *Mười điều tâm niệm* (tiểu luận, Đời Nay, 1939), *Bùn lầy nước đọng, Con đường sáng* (tiểu thuyết, Đời Nay, 1940), *Tiếng đàn* (truyện ngắn, Đời Nay, 1941).

*

Có một cây bút viết *Con đường sáng* và *Tiếng đàn* và một cây bút khác viết *Mười điều tâm niệm*, nhưng không có hai Hoàng Đạo.

Hoàng Đạo là một trí thức dấn thân toàn diện cả bút lẫn súng, ông không "xuống đường," ông "lên đường." Là "quân sư" của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Tường Long giữ thế Khổng Minh, Tường Tam bôn ba Lưu Bị. Tường Long là Nguyễn Trãi bên cạnh Lê Lợi. Nhưng Lê Lợi thành công, Tường Tam và Lưu Bị thất bại.

Nguyễn Tường Tam thất bại trên mặt trận chính trị, nhưng Nhất Linh và Tự Lực Văn Đoàn thành công trên mặt trận xã hội. Tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn đã trình bày khá toàn diện bộ mặt xã hội Việt Nam thời đầu thế kỷ, và cũng chính những tác phẩm ấy, đã góp phần cải tiến cái xã hội, từ một lề lối nho phong hủ lậu, sang cuộc sống hiện đại hơn, phù hợp với thế kỷ XX hơn: Không thể chối cãi tác dụng của Mai trong *Nửa chừng xuân*, của Loan trong *Đoạn tuyệt* đối với người phụ nữ thời bấy giờ; bởi vì, ngay cả đối với một nữ độc giả "chưa tân tiến" lắm, chưa từng tham dự các phong trào nữ quyền -được xem như nhãn hiệu của người phụ nữ văn minh, tân tiến- thì chắc chắn hiệu lực của *Đoạn tuyệt* và *Nửa chừng xuân* vẫn mạnh hơn các hình thức đấu tranh khác, bởi tác phẩm rọi thẳng vào lòng người: Mai, Loan làm người phụ nữ phải suy nghĩ, khiến nam giới phải thay đổi thái độ, và từ đó tác phẩm trực tiếp góp phần "giải phóng" người phụ nữ ra khỏi những đàn áp của chế độ phụ quyền, vẫn còn mạnh mẽ, đặc biệt trong xã hội ta. Cách xử dụng "quyền làm người" của Mai là trực tiếp: Mai tìm cách tự lực để khỏi phải lệ thuộc vào Lộc, Mai tự do vì Mai tự lực, và chưa bao giờ một nhãn hiệu hay khẩu hiệu của một văn đoàn lại được nhà văn xử dụng một cách tài tình như thế trong tác phẩm văn học. Phong cách tự lực không riêng chỉ "giải phóng" cho Mai, cho người phụ nữ, mà nó còn là khẩu hiệu giải phóng dân tộc, giải phóng con người, cả nam lẫn nữ: và nó là tinh thần tác phẩm *Nửa chừng xuân*. Khái Hưng thầm nói lên cái nền móng tư tưởng nằm trong hai chữ Tự Lực, và tiếp theo Hoàng Đạo xây dựng đường đi của Văn Đoàn bằng *Con đường sáng*. Thái độ của Loan, có tác dụng hành động: dứt khoát cương quyết chống lại chế độ đại gia đình, chống lại cảnh khắc nghiệt mẹ chồng nàng dâu, đồng thời đưa ra một kinh nghiệm đấu tranh thực tiễn: không để cho bạo lực và ngu dốt nắm quyền, phải phản kháng một cách mãnh liệt bằng bất cứ giá nào.

Cho nên, khó có thể đồng ý với nhà nghiên cứu Nguyễn Văn Xuân, khi tổng kết hành trình lịch sử Việt Nam từ phong trào Duy Tân đến Tự Lực Văn Đoàn, ông cho rằng: Mười điều tâm niệm mà Hoàng Đạo đưa ra, cụ Phan, cụ Huỳnh... đều đã làm trước rồi. Và theo ông: "*Bây giờ* [tức là năm 1968] *người ta tìm đọc văn phẩm của Tự lực Văn Đoàn như tìm những truyện tình không hạ cấp. Thế thôi.*" (Nguyễn Văn Xuân, Hoàng Đạo với Con đường sáng, tạp chí Văn, Sài Gòn, số 107-108 tưởng niệm Hoàng Đạo, ra ngày 17/5/1968.) Cũng trong số báo ấy có đăng bài phản bác của Thế Uyên "Đọc và đặt lại vị trí Hoàng Đạo."

Tại sao một nhà nghiên cứu có tiếng là đứng đắn như Nguyễn Văn Xuân lại viết những dòng "hồ đồ" như thế? Rất có thể là bởi những dòng này nằm trong tư tưởng "bài Bắc" nói chung, sau 1954, và "bài Tự Lực" nói riêng, khá phổ biến

lúc bấy giờ. Điều oái oăm là những nhà văn Bắc trong nhóm Sáng Tạo cũng góp phần đắc lực cho phong trào này. Xét kỹ hơn, cùng là chữ "bài", nhưng có hai nguyên do khác nhau: Sự bài Tự Lực của Sáng Tạo mang tính cách văn học: nhóm Sáng Tạo muốn "chôn" đàn anh để đổi mới. Sự tẩy chay Tự Lực ở Nguyễn Văn Xuân mang tính cách tranh chấp Bắc Nam, phản ứng chống lại sự "ngự trị" gần như độc quyền và đôi khi trịch thượng của các nhà văn Bắc di cư trên văn đàn miền Nam, sau 1954. Nguyễn Văn Xuân muốn đả phá toàn bộ những bất công trong việc đề cao nền báo chí và các tác gia miền Bắc mà bỏ rơi nền báo chí Nam Kỳ, xuất hiện sớm hơn và hoạt động mạnh mẽ hơn, cùng việc coi nhẹ các tác gia miền Nam. Những sai lầm này -xuất phát từ các nhà nghiên cứu Bắc, từ Dương Quảng Hàm đến Vũ Ngọc Phan, trong văn học sử và trong phê bình văn học- đã chỉ đạo cho một nền giáo dục "Bắc khuynh" trong nhà trường miền Nam lúc bấy giờ. Đặt trong bối cảnh ấy, ta hiểu rõ hơn những lời nặng nề và bất công mà Nguyễn Văn Xuân dành cho Tự Lực Văn Đoàn nói chung và Hoàng Đạo nói riêng.

Riêng Hoàng Đạo còn chịu một bất công thứ nhì, phát xuất từ Vũ Ngọc Phan, vì những đánh giá sai lạc của ông về Hoàng Đạo; rồi những người đi sau, như Nguyễn Văn Xuân (trong Nam), Văn Tâm (ngoài Bắc)... tiếp tục dựa vào, giữ nguyên (Văn Tâm) hoặc cực đoan thêm (Nguyễn Văn Xuân), mà không chịu nhìn xa hơn.

Bài viết này muốn tìm hiểu một số khía cạnh của Hoàng Đạo, đã bị đánh giá bất công trong hai tác phẩm *Con đường mới* và *Tiếng đàn*. Nhận định của Vũ ngọc Phan đã dẫn đầu cho một định hướng phê phán đầy thiên kiến, như những lời sau đây của Nguyễn Văn Xuân: "*...tập truyện ngắn ấy [tức là Tiếng đàn] ngay thời sinh thời của tác giả, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan không nhắc đến tiếng nào trong tập Nhà văn hiện đại trong khi ông không quên quyển sách hồng "tuyệt tác", quyển Ông Đồ Bể của Khái Hưng.*" Nguyễn Văn Xuân viết tiếp: "*Vậy mà cây bút ôn hoà ấy* [Vũ Ngọc Phan] *đối với nhân vật nổi tiếng thời ấy là Hoàng Đạo, với quyển truyện xem như cụ thể hoá chủ trương của lý thuyết gia Tự Lực Văn Đoàn* [Con đường sáng], *lại gần như là một phủ nhận.*" (Nguyễn Văn Xuân, Hoàng Đạo với Con đường sáng, báo Văn, số đã dẫn). Nguyễn Văn Xuân tự hỏi tại sao ông có đủ "can đảm" để đọc hết cuốn *Con đường sáng*, và các lập luận ông đưa ra đại khái chỉ để chứng minh rằng Vũ Ngọc Phan đã chê rồi thì chỉ có vứt đi, còn cuốn *Tiếng đàn*, Vũ Ngọc Phan không thèm nói đến thì khỏi cần bàn. Kiểu phê bình thành kiến, xây dựng trên thành kiến một người khác, thật là ghê gớm. Ấy là ở trong Nam. Ở ngoài Bắc, trong bài viết về Hoàng Đạo in trên cuốn Từ Điển Văn Học vừa mới xuất bản, cũng lại thấy Văn Tâm kín đáo dựng lại gần như nguyên vẹn một số nhận định của Vũ Ngọc Phan.

Việc Vũ Ngọc Phan không nhắc gì đến *Tiếng đàn*, hoặc ông khen *Trước vành móng ngựa*, và chê *Con đường sáng* (mà ông Vũ cũng chê nhẹ thôi, rằng, theo ông có ba lý do làm cho cuốn sách đó dở: "ngôn ngữ và hành động của hai vai chính trong truyện khí tài hoa quá," "tác giả lại rất thiên về tả cảnh," "Duy là người luôn luôn quay về ký vãng"). Thì đó là ý riêng của nhà phê bình họ Vũ, chúng ta chẳng phải bàn. Trách là trách những người đi sau, ít ai có sáng kiến khác Vũ Ngọc Phan, mà cứ rập khuôn lấy lại ý của ông để khai thác, cái ấy mới là lạ. Nguyễn Văn Xuân viết ba bài, bài đầu phản ảnh những nét thâm thúy của Nguyễn Văn Xuân: ông có công nghiên cứu đến tên ông nội và cụ nội của Hoàng Đạo, với những khám phá lý thú về thi tài của hai vị tiền bối, để chứng minh rằng dòng họ này thật sự là dòng "nòi". Hai bài sau ông kịch liệt phê phán hoạt động và thành quả của Hoàng Đạo và Tự Lực Văn Đoàn. Thái độ mâu thuẫn ấy của Nguyễn Văn Xuân, như trên chúng tôi đã phân tích, chỉ có thể giải thích bằng mối chia rẽ Bắc Nam, phức tạp và phi lý, trong đời sống văn học miền Nam trước 75. Sự chia rẽ này lại càng sâu sắc, âm ỷ và mãnh liệt hơn, sau ngày "giải phóng," đến độ hai bên rất ít muốn đọc nhau, trừ một vài nhà nghiên cứu hoặc một số độc giả có lòng. Vết thương văn học, bắt nguồn từ lịch sử ấy, đã kéo dài hơn 30 năm, có lẽ đã đến lúc nên tìm cách phân tích, tìm hiểu và hoá giải, nếu chúng ta thật sự muốn tìm một lối thoát.

Hoàng Đạo: âm thanh và hồi ức

Nếu không có tập *Tiếng đàn* thì chắc ta không thể biết được trong con người chính trị cứng rắn, đã có những giây phút "*...toàn thân Xuân khi ấy chỉ còn là thính giác, rung động theo tiếng đàn giọng ngâm [...]chàng cảm như nghe thấy cung đàn đã từ thủa nào, ở một tiền kiếp xa xăm. Chàng vẫn biết không có cảm giác nào in sâu vào trí nhớ hơn là thính giác [...]Xuân rùng mình nhắm mắt*

lại. Trong hai dãy cây đen im lặng soi bóng xuống gương sông, chàng thoáng nhìn thấy nhấp nhô những hình kỳ dị trên một toà thành cổ" (trích truyện ngắn Tiếng đàn).

Những dòng trên, hiện thân của một tâm hồn nghệ sĩ, giầu tưởng tượng, yêu nhạc đến độ say mê, cảm xúc có thể tan tác trong xác thịt, tạo nên một ảo tưởng bất thường: Hoàng Đạo. Rất lạ là con người chủ trương "theo mới hoàn toàn theo mới" ấy lại khác hẳn với các nhà cách tân khác, ông không ca tụng tiếng dương cầm, vĩ cầm... tuyệt nhiên không thấy trong ông những tiếng đó, mà những tiếng xưa, tiếng cổ kính, tiếng dân tộc: *"hết điệu Nam bằng đến Nam ai. Tiếng độc huyền càng réo rắt"* (Tiếng đàn), rồi tiếng đàn hải đường, những cốc thủy tiên tươi thắm. Âm thanh pha trộn tiếng chửi rủa của người bếp "Bước ngay!" với tiếng pháo giao thừa và tiếng những *"số phận của đám bọt ánh sáng lênh đênh trôi trong biển trời đen thẳm"* (Tiếng pháo xuân).

Hoàng Đạo có trong Xuân, trong chị Tạc, trong Quỳnh Dao, trong Minh đứa bé lạc loài, như thể hoạ sĩ với người mẫu là một, như thể nghệ nhân với thính giả là một, như thể nhân vật với tác giả là một: Họ cùng gặp nhau trên cung bậc âm thanh, cùng có những dằn vặt khổ đau nội tại. Âm thanh và nội tại hoà nên "tiếng" của họ. Nghệ thuật Hoàng Đạo dựa trên tiếng ấy: ngũ quan cô đọng trong thính giác, rồi từ thính giác truyền đi các giác quan khác, trên đường đi chúng nhập vào

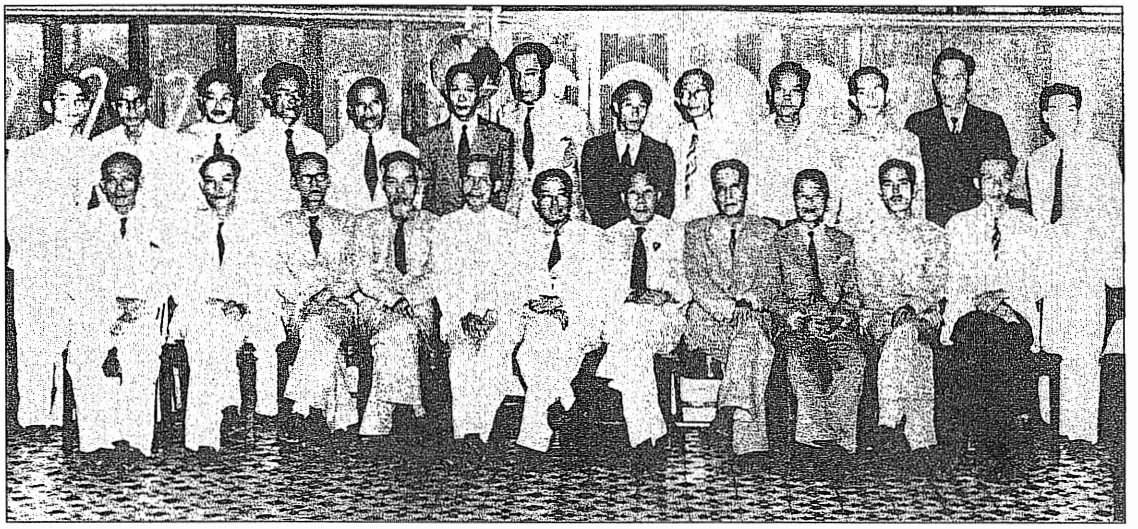

Các Chính khách Việt Nam tham dự Hội nghị Hương Cảng, chụp hình tại văn phòng Bảo Đại.
Hàng đầu: Phan Văn Giáo, Trần Văn Lý, Trần Thành Đạt, Hà Xuân Hải, Nguyễn Hải Thần, Lưu Đức Trung, Trần Quang Vinh, Trương Vĩnh Tống, Nguyễn Văn Tâm, Nguyễn Tường Tam và Vũ Kim Thành,
Hàng sau: Nguyễn Bảo Toàn, Trần Văn Tuyên, Lâm Ngọc Đường, Cung Giũ Nguyên, Cao Văn Chiểu, Trần Ngọc Liễng, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Văn Hải, Ngô Xuân Tích, Nghiêm Xuân Việt, Vũ Quốc Hưng, Nguyễn Phước Đàng và Nguyễn Tường Long.

chuyển sang tiếng đói rét, tiếng ho khan, tiếng lầm than, tiếng hát xẩm của vợ chồng chị Tạc: *"gió mỗi lúc một rét, tiếng đàn tiếng hát mỗi lúc một nhanh: và những buổi mưa phùn lạnh lẽo thì điệu Nam ai gần hoá ra điệu Bình bán"* (Một gia đình). Âm thanh luôn giữ vai chủ động trong sáng tác của Hoàng Đạo: âm thanh có thể vỡ ra trong trạng thái linh cảm phân thân mạnh mẽ đến triệt để trong tiếng rung động da thịt: *"Quỳnh Dao thấy mình chỉ còn là cảm giác, rung động như cây đàn căng thẳng dưới ngón tay của nhạc sĩ"* (Quỳnh Dao). Âm thanh có thể là tiếng sữa thơm ngọt trong giấc mơ của đứa bé lạc loài đêm ba mươi, thiếp đi trong tiếng thèm, dưới ánh sáng ấm cúng toả ra từ những biệt thự sang trọng có những đoá nỗi khổ đau, bất hạnh (như tiếng chị Tạc), hay niềm hạnh phúc (như tiếng tiên) trên vườn địa đàng; tiếng mơ, tiếng đói, hoà tiếng xua đuổi, tiếng đe dọa, trong tiếng pháo xuân: âm thanh hoàn tất một chu kỳ trước khi tắt đi để âm vang của nó được sống lại trong ký ức của người nghe một lần nữa, và cứ thế, như thế... hồi sinh một lần, hai lần... bao lần trong ký ức: Âm thanh tái tạo hồi ức trong lòng người viết và người đọc.

Hoàng Đạo là nhà văn sử dụng sự hồi ức nhiều nhất trong ba anh em. Mà hồi ức là gì? Là cái mà Kierkegaard gọi là "ressouvenir" và ông bảo mình đã sống suốt đời trong đó. Hồi ức cũng là thủ pháp xây dựng tiểu thuyết của Alain Robbe-Grillet. Tóm lại hồi ức là kỹ thuật của nhiều nhà

văn, mọi nơi mọi thời, cho nên, nếu ta thấy Hoàng Đạo sử dụng hồi ức, cũng đừng nên trách ông: cứ trở về dĩ vãng mãi thì làm sao mà tiến đến tương lai (con đường sáng) được!

Nếu hồi ức là yếu tố quan trọng thứ nhì, thì nhục cảm là yếu tố thứ ba trong tiểu thuyết Hoàng Đạo. Cả ba anh em Nguyễn Tường đều có độ nhạy cảm khác thường: Nhất Linh và Thạch Lam nghiêng về khứu giác, Hoàng Đạo nghiêng về thính giác, nhưng họ có chung một nồng độ mẫn cảm nhục tính.

"Chàng thẫn thờ ngắm mái tóc quấn lỏng buông xõa xuống một bên cổ, màu đen nhánh nổi bật lên màu da trắng, hàng lông mi dài và cong chớp trên đôi mắt huyền giương to như thu cả thanh sắc vũ trụ vào trong, những nét tà áo rung chuyển theo hình cong mềm của chiếc quần lụa ngà, và hai gót chân ửng màu hồng non như đương e thẹn trong đôi giày nhung" (Con đường sáng, trang 90). Trong tình yêu, Thạch Lam précoce, yêu sớm hơn hai anh, nhưng trong cách tả người con gái, Hoàng Đạo bạo hơn cả: "những nét tà áo rung chuyển theo hình cong mềm của chiếc quần lụa ngà", thật quyến rũ, uyển chuyển, thật "sexy", và đẹp, ít có hình ảnh nào vừa tinh khiết vừa "tội lỗi" như vậy, đặc biệt trong mắt người đẹp, còn cả một vũ trụ, như thể nàng mang cái "chí" của "người hùng" bên trong.

Thời ấy, người ta ít dám đụng đến "da thịt", vậy mà ống kính của Hoàng Đạo, khi chiếu vào người con gái, xoáy ngay phần nhạy cảm nhất: *"Thơ đắm đuối nhìn đôi mắt đen của Duy, nàng thấy rung động từng thớ thịt"* (Con đường sáng, trang 93). Cả đến không khí tiên cảnh cũng đượm mùi da thịt: *"Không khí nàng cảm thấy êm như da thịt"* (Quỳnh Dao). Đặc biệt trong Quỳnh Dao, thủ phạm làm thay đổi nhân sinh quan của cô tiên Quỳnh Dao là nụ hôn. Nàng tiên Quỳnh Dao tình cờ được chứng kiến một cảnh trần: *"Nàng vừa bước xuống một ngọn suối nhỏ chảy róc rách trong rừng, vốc nước, giơ tay lên nhìn những giọt nước trong vắt rỏ xuống khe đá, bỗng thoáng thấy bên bờ suối hai người ngồi sát cạnh nhau,"* và *"Người con gái đặt đầu lên vai tình nhân, âu yếm ngước mắt lên nhìn, Quỳnh Dao không bao giờ quên cái nhìn đắm đuối ấy. Nàng cảm thấy trong đôi mắt mơ màng kia một thứ say sưa huyền bí, và đến khi người con trai ghé xuống hôn môi người yêu, Quỳnh Dao thấy rung động một cảm giác chưa từng biết."*

Có lẽ lần đầu tiên trong văn chương Việt Nam xuất hiện một nụ hôn hàm thụ. Nụ hôn được nhìn trộm ấy đi vào tiềm thức Quỳnh Dao, cảm giác ngất ngây trở đi trở lại như một ảo ảnh tái sinh bất tận... Chính nụ hôn "hàm thụ" ấy đã thay đổi hoàn toàn cuộc đời của cô tiên vô tư trên cung quảng: nàng quyết định xuống trần để thực hiện những cảm giác đã sống trong hồi ức. Nhà văn trình bày ở đây một cảm giác nhục thể không sống trực tiếp qua cọ xát xác thịt, mà bắt nguồn từ hồi ức, và đó cũng là phong cách Hoàng Đạo: gián tiếp, phản ứng dây chuyền.

Nhục thể trong truyện "Sắc không" lộ ra dưới khung cảnh khác thường: một sư ông bắt gặp đôi trai gái lên chùa "ăn oản," "sư ông cuồng lên như con thú dữ," nhưng rồi chính vị tu hành khả kính cũng âm thầm cởi trả áo Phật để trở về với cuộc đời "nghiệp chướng": Sự đòi hỏi của thân xác trong môi trường nhà Phật vẫn là một cấm kỵ. Nói đến sẽ phạm tội bổ báng. *Sắc không hai lần vượt cấm, đề ra một trong những vấn đề bức thiết của con người.*

Quỳnh Dao -bỏ thiên thai xuống trần tìm tình yêu, nhưng tình yêu trần thế nhuốm màu lừa lọc, nàng lại bay về trời- nàng là hiện thân con người Hoàng Đạo, đã bỏ cõi thơ cõi nhạc để phục vụ con người, nhưng cõi người có nhiều "vấn nạn," cho nên người nghệ sĩ ấy "chiều chiều thấy rung động trong lòng một nỗi nhớ tiếc không bờ bến."

Những truyện hay trong tập *Tiếng đàn*, thường rất chấm phá: vài nét sơ, nhã và đậm, về một gia đình, một thân phận, như những nốt nhạc, đội lại nhờ điệp khúc, và vang âm; khiến những xúc cảm sâu sắc mà người đọc tiếp nhận được luôn luôn trở lại, và mỗi lần trở lại, càng đậm đà hơn, càng cay đắng hơn... Tiếng hôn trần thế vọng lên thiên thai; tiếng nước vỡ đê quấn theo tiếng người chìm trong dòng lũ; tiếng hát, tiếng đàn của đôi vợ chồng xẩm, tiếng ho khan của chị Tạc, tiếng run cầm cập của thằng cu, tiếng rút dây áo quan... tất cả đều có âm vang láy lại trong đầu, như những đoản khúc của bản đàn đời nhiều nốt vỡ.

Con đường sáng: giờ hoàng đạo

Chúng ta có cái may là trong nửa đầu thế kỷ XX, hình ảnh xã hội miền Nam được trình bày khá cặn kẽ trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh, xã hội miền Bắc trong tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn, đời sống thôn quê miền Bắc trong các tác phẩm của Ngô Tất Tố, Nam Cao, Tô Hoài... đời sống ăn chơi truỵ lạc, trong các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Tuân, Vũ Bằng... Cho nên một nhà làm phim tài ba có thể xây dựng lại toàn bộ xã hội Việt Nam, ít nhất trong nửa đầu

thế kỷ XX, qua tiểu thuyết.

Con đường sáng nằm trong bối cảnh xã hội miền Bắc, dưới cái nhìn Tự Lực Văn Đoàn, trong lập trường đấu tranh xã hội của Hoàng Đạo: tức là dùng tiểu thuyết luận đề để cải cách xã hội và thay đổi con người. Với một chủ đề rõ ràng như thế, tác phẩm rất dễ rơi vào vòng luân lý giáo khoa thư. Nhưng Hoàng Đạo đã thoát ra được và ông đã hoàn thành một tác phẩm nghệ thuật.

Không có gì cho phép chúng ta nghĩ đến sự trùng hợp giữa hai con người: Khương Duy (nhân vật chính trong *Con đường sáng*) và Hoàng Đạo. Đây là những nét Nguyễn Tường Bách mô tả người anh: "*...anh đã hợp tác chặt chẽ với anh Tam để tổ chức hoạt động bí mật chống Pháp và có thể nói anh là một nhân vật trọng yếu nhất sau anh Tam. Trông anh hiền lành như thế nhưng anh lại trấn tĩnh khác thường trong những lúc gian nguy. Tôi không hiểu cái gì đã rèn đúc nên ý chí cương nghị đó. Ngày anh bị bắt năm 1940, trước mọi thẩm vấn và tra vấn của Pháp, anh vẫn vững như đá, không chịu khai một lời. Những năm ở Sơn La, anh cũng không hề sờn mỏi ý chí, làm gương mẫu cho anh em và làm địch phải e sợ", "Có thể nói anh là người sống quy củ nhất, không uống rượu, không hút thuốc cũng không thích đánh bài, không lãng mạn như các anh em khác hay như các nhà văn nhà báo khác"* (Nguyễn Tường Bách, *Việt Nam những ngày lịch sử*, nhóm Nghiên cứu sử địa xuất bản, Montréal, 1981).

Đúng là Hoàng Đạo và Khương Duy bề ngoài chẳng có gì giống nhau: Duy là một thanh niên trí thức, chủ đồn điền, tự kiêu "rằng mình hơn người, vì đã ngẫm nghĩ đến cõi rễ của cuộc đời" (63), tìm cách thoát ra khỏi môi trường ăn chơi trụy lạc. Nhưng nếu xét kỹ hơn, *Con đường sáng* vẫn là một cuốn tự truyện: Khương Duy chính là Hoàng Đạo trên đường tìm cách thoát ly khỏi hoàn cảnh ông "Tham Long", trí thức tiểu tư sản của mình; đồng thời thoát khỏi thế giới trưởng giả của gia đình vợ ("bác Long và gia đình của cái thế giới cửa cao đóng kín chó bẹc-giê sủa vang xe hơi bóng lộn người làm khinh khỉnh," trích Thế Uyên, Hoàng Đạo hay sự trở về quê cũ, *Văn* số đã dẫn). Mặc dầu bà Hoàng Đạo có giúp đỡ những thân hữu Quốc Dân Đảng (xem Nguyễn Tường Bách và Hồ Hữu Tường), nhưng hố cách biệt giữa hai giai tầng dường như không thể lấp được: thế giới khốn khổ của người dân quê và thế giới long đong ngục tù của người cách mạng khó có thể đi đôi với khung cảnh chó bẹc giê kín cổng cao tường. Truyện ngắn Tiếng pháo xuân (tập *Tiếng đàn*) gợi lại sự cách biệt ấy trong tiềm thức của nhà văn. Hai "cục diện" trưởng giả và trí thức tiểu tư sản âm thầm đè nặng lên con người Hoàng Đạo, hệt như xã hội trụy lạc nghiền nát Duy. Có thể chính Hoàng Đạo cũng đã có lúc chán nản muốn quyên sinh như Duy. Sự bất lực của một Nguyễn Tường Long, luật gia trước vành móng ngựa, trước những khốn cùng của dân quê trong cảnh bùn lầy nước đọng cũng là sự bất lực của Duy trước những người dân quê "dốt đặc" không thể "cải tiến" được, không những thế, họ còn cho chàng là "điên." Nỗi bất lực này, chúng ta có thể tìm thấy trong truyện ngắn Dưới làn sóng (tập *Tiếng đàn*), dữ dội hơn, dưới bối cảnh con người chiến đấu vô vọng với thiên nhiên: "Trong khoảng trời mù mịt, hiện ra một bó đuốc gieo ánh sáng đỏ thê thảm ra xung quanh rồi biến đi, khiến đêm tối lại càng thêm tối." Dưới áp lực của gió bão, con người "nhỏ nhặt và yếu hèn như giống kiến, giống trùng, không thể cản trở hay kháng cự lại được" (Dưới làn sóng).

Mặc cảm vô vọng này cũng rất rõ trong Dũng của Nhất Linh. Đó là mặc cảm bất lực của tầng lớp thanh niên trí thức Tây học, xuất thân trong các gia đình dòng giõi, con quan như Khái Hưng, cháu quan như Nhất Linh, Hoàng Đạo... nhìn thấy những trụy lạc trong chính cái xã hội trưởng giả và trí thức của mình. Bộ mặt phấn son lòe loẹt của các cô gái nhẩy, bên những bàn đèn ẩm ướt trong *Con đường sáng*, chính là chân dung những ông Tuần, bà Án, trong gia đình, hình ảnh những nhà văn, nhà báo, trong giới trí thức nghệ sĩ mà Hoàng Đạo, Nhất Linh, Khái Hưng... hàng ngày va chạm. Duy tranh đấu để thoát ra khỏi sự vong thân, trác táng như họ. Cái mặc cảm và sự bất lực của Duy biến thành nỗi hoài nghi không ngừng: hoài nghi chính mình và hoài nghi tất cả những người chung quanh. Duy luôn luôn tự tra vấn về ý nghiã cuộc đời, về thành công và thất bại.

Cuộc đời Khương Duy trong *Con đường sáng* chia làm nhiều khúc quanh, bên nhiều cột mốc:

1/ Sau những đêm trác táng: âm thanh, ánh sáng và hồi ức, cho chàng thấy bên ngoài cõi tối tăm của tiệm nhảy, bàn đèn, còn có thiên nhiên: "ánh sáng, lúa chín, gió lạnh và thơm"; với "những bông thóc dáng cong cong" trong gió; với "những ngọn lá màu vàng trong như hổ phách" (trang 31). Ánh sáng và âm thanh của đồng lúa, dẫn Duy trở về những ngày còn bé, nhắc chàng nghĩ đến Thơ.

2/ Thơ hiện ra trong nắng, trong lúa, như một Quỳnh Dao giữa đời. Thơ đánh thức trong Duy

những âm thanh, mà chàng tưởng đã đánh mất trong những đêm trụy lạc: "Duy lặng yên nghe tiếng nói của Thơ vang lên, trong như tiếng suối dưới chân đồi."

Thơ cũng sống bằng hồi ức như chàng: "*Thơ ngừng nghĩ để sống lại một cảm giác êm dịu và mãnh liệt. Ánh nắng hôm nay như nhuộm màu rực rỡ của ánh nắng hôm qua, lúc nô giỡn trong mái tóc rối loạn của Duy" (trang 49)*

3/ Hồi ức kéo Duy về dĩ vãng, trốn vào tuổi nhỏ, như một lối thoát, rồi hồi ức dẫn chàng so sánh với cuộc sống hôm nay: "*Cả một cánh đồng im lặng dưới bóng trăng; những bông lúa nặng sương ở gần lóng lánh một thứ ánh sáng lạnh, ngoài xa, sương mù màu trắng đục êm toả mãi đến tận chân trời: từng chỗ trên biển sương, nổi lềnh bềnh màu lam nhạt của những giải rừng xa. Duy thấy trong lòng không lo nghĩ, êm nhẹ như cảnh sắc chung quanh, và khi tiếng đập lúa ở nhà Thơ vang lên trong thanh vắng, chàng nghe tiếng gọi của một nỗi vui mới hé nở trong lòng" (65).* Trước cảnh đẹp và những âm thanh tuyệt vời vừa sống lại trong tiếng hát hò và đập lúa, Duy muốn cởi áo nhập vào đám lực điền.

4/ Nhưng hồi ức ấy còn có khả năng phản bội: "*định cúi xuống hôn Thơ thì lại nhớ đến những cặp môi của các cô gái làng chơi đã để lại cho chàng cái dư vị chua chát*" (trang 52). Chính cái hồi ức phản bội ấy đã lẫn lộn "*môi Thơ lẫn với nụ cười đĩ thõa của Nga*" (53).

5/ Trong cảnh huyền ảo của thiên nhiên, Duy khám phá ra đời sống lầm than của những tá điền, của những đứa bé "mặt mũi nhăn nheo như ông cụ già" con bác Tẹo và tấm lòng từ thiện của Thơ.

6/ So sánh sự huy hoàng của cảnh sắc với sự khổ đau của con người, so sánh sự đớn đau của đói khát với đau đớn trong nội tâm Duy: "*Duy để tư tưởng đi sâu vào nỗi ngạc nhiên đau đớn của chàng trước sự trái ngược của đời cực khổ bên trong và cảnh rực rỡ bên ngoài. Duy nhớ lại và so sánh với đời chàng trước đây, một đời mà mọi người đều trông thấy vẻ lộng lẫy hào nhoáng nhưng chỉ có Duy đã âm thầm nhìn rõ sự thực điêu đứng. Nỗi đau khổ không căn cứ xưa kia của chàng, Duy cảm thấy thấm thía hơn, khó thoát khỏi hơn là sự cực khổ về vật chất của gia đình người tá điền.*" (trang 78-79)

7/ Tìm thấy con đường: "*Chỉ có chính mình mới cứu vớt được lấy mình. Chính mình phải cặm cụi tìm tòi cách thoát ly thì mới có thể đến được sự thoát ly.*"(109). Chàng khám phá ra một thứ ánh sáng khác: "*ánh sáng ở trong lòng chiếu ra làm tâm hồn chàng rung động một nỗi vui náo nức. Thứ ánh sáng ấy, Duy nhận ra là tình yêu"(113)*

8/ Thất vọng và cô đơn: "*Sao họ ngu đến thế được*!" (132), "*sự ngu độn dầy đặc quá*" (146) "*Họ vâng dạ cho xong chuyện, như để lấy lòng chàng, rồi đâu lại hoàn đấy*" (trang 146), "*đối với họ, Duy có lẽ điên*" (trang 146). Duy nhận thấy: "*Người, vật, cây cỏ quanh mình đều như sống theo một điệu riêng, không ăn nhập gì đến điệu sống cô độc của chàng*" (135), "*Duy chỉ là một con ruồi mắc trong mạng nhện, vùng vẫy mãi không sao thoát ra được*" (146). Ngay cả đối với Thơ, Duy cũng cảm thấy: "*dẫu yêu nhau đến bực nào chăng nữa, chàng và Thơ vẫn là hai người cách biệt nhau*" (trang 142)

9/ Trở lại đời trụy lạc: chìm trong thế giới của những "bộ mặt chết trôi."

10/ Lựa chọn sau cùng: Duy quay về với dân quê, chàng tìm thấy cứu cánh trong sách vở. Một hôm tình cờ vào thư viện "*chàng bỗng thấy sự nhẫn nại vô cùng của sách. Sách để đây, từ bao giờ, mười năm, hai mươi năm rồi, nhưng không khi nào tỏ ra ý vội vàng, tức bực. [...] Mười năm sau; có người giở đến, sẽ lại vang lên giọng thơ của Lý Bạch hay của Verlaine, sống lại những tư tưởng của Marc Aurèle hay của Mạc Tử*" (trang 175).

Truyện *Con đường sáng* có cấu trúc gần như tầm thường của một truyện kể cổ điển, nhưng tác phẩm bật ra hai góc cạnh bất ngờ: Yếu tố đầu tiên "cứu" Duy là thiên nhiên, là những bông lúa dưới nắng. Những bông lúa cong và những lá lúa trong như màu hổ phách đã cứu chàng trong chặng đầu của nhận thức. Yếu tố sau cùng giúp chàng thoát ly khỏi tình trạng tha hoá (không phải là dân quê như nhiều người lầm tưởng) mà là chữ nghiã, sách vở, là nghệ thuật. Vì vậy *Con đường sáng* thoát ra khỏi sự xoàng xĩnh chân chất của một cuốn tiểu thuyết lý tưởng, nhờ những yếu tố bất ngờ này: Duy không hề hy sinh cho một lý tưởng đã sắp đặt sẵn, Duy chỉ là người đi tìm lẽ sống. Và *Con đường sáng* phản ánh hệ tư tưởng của Khương Duy-Hoàng Đạo: Đường đi của nhà văn tất yếu phải qua hai điểm mấu chốt: thiên nhiên mở cửa cho anh vào đời và nghệ thuật là cứu cánh.

Thiên nhiên là yếu tố quan trọng không riêng gì đối với Hoàng Đạo mà đối với cả một thế hệ thi văn lãng mạn. Thiên nhiên: trăng, sao, sương, mây,... luôn luôn là những yếu tố quyến rũ như

một người tình: "*Cả một cánh đồng im lặng dưới bóng trăng, những bông lúa nặng sương ở gần lóng lánh một thứ ánh sáng lạnh, ngoài xa, sương mù màu trắng đục...*" (trang 64). Và mỗi nhà văn có một cách tiếp cận thiên nhiên riêng biệt. Ngay trong gia đình Nguyễn Tường: thiên nhiên của Hoàng Đạo là một vũ trụ khác với thiên nhiên của Nhất Linh và Thạch Lam. Chúng ta thử so sánh vài đoạn văn tiêu biểu của họ, để thấy rõ sự khác biệt này.

Nhất Linh viết:

"Dũng vòng hai tay ra phía sau làm gối ngửa mặt lên. Ánh nắng trên lá thông loé ra thành những ngôi sao; tiếng thông reo như tiếng vọng ra, đều đều không ngớt; Dũng có cảm tưởng rằng cái tiếng ấy đã có từ đời kiếp nào rồi nhưng đến nay còn vương lại âm thầm trên lá thông.

Không nghe tiếng Loan và Thảo nói chuyện nữa, Dũng nghiêng mặt quay về phiá hai người. Chàng thấp thoáng thấy hai con mắt đen của Loan. Thấy Dũng bắt gặp mình đương nhìn trộm, Loan vội nhắm mắt lại làm như ngủ; song biết là Dũng đã trông thấy rồi, nàng lại vội mở mắt ra, rồi qua những ngọn lá cỏ rung động trước gió, hai người yên lặng nhìn nhau" (*Đôi bạn*, trang 209- 210).

Một đoạn khác, vẫn trong *Đôi bạn*: "*Nền trời lúc đó, Dũng thấy như một tấm lụa trong; một con bướm trắng ở vườn sau bay vụt lên cao rồi lẫn vào màu trời. Dũng tự nhiên nghĩ đến một bãi cỏ rộng trên đó có Loan và chàng, hai người cùng đi ngược chiều gió...*" (trang 45).

Đối với Nhất Linh thiên nhiên chỉ là cái cớ để ông diễn đạt nội tâm con người. Lần nào cũng thế, sau khi lướt qua vài nét "phông" thiên nhiên, là ông vội xen ngay vào đó tâm trạng của nhân vật. Mục đích Nhất Linh là nội soi nhân vật, rồi chiếu nó lên nền thiên nhiên. Ông hướng về hạnh phúc riêng tư của con người. Sự thoát ly của Nhất Linh là thoát ly để đi tìm "bướm trắng".

Một đoạn văn của Thạch Lam:

"...tôi thong thả theo con sông Cống, chạy khuất khúc len giữa các đồi. Một cái cầu gỗ mong manh bắc qua sông. Hai rặng thông từ trên đỉnh đồi chạy xuôi xuống tận gần bờ, giữa luồng gió thoảng và cái tiếng rì rào như nhớ nhung của lá thông trái gió nhắc tôi nghĩ đến những cảnh rộng rãi bao la.

Buổi chiều rất êm ả. Về phiá tây mây trời rực rỡ những màu sáng lạn và ánh nắng chiều loáng một khúc sông, trông như một giải vàng nổi lên giữa đồi ruộng đã bắt đầu tím lại. Một đàn chim đi ăn về vút bay qua ngang đầu, tiếng cánh vỗ rào rào như trận mưa, tôi ngửng lên nhìn theo đến khi cái vết đen linh động của đàn chim lặn hẳn với chân mây" (*Nắng trong vườn*, trang 8). Thạch Lam là một nghệ sĩ thuần tuý, ông dùng thiên nhiên để vẽ tranh và làm nhạc. Thạch Lam không xử dụng thiên nhiên cho một mục đích nào khác nghệ thuật. Vũ trụ Thạch Lam có nét bao la, nhưng không bao la như vũ trụ Hoàng Đạo.

Một đoạn văn của Hoàng Đạo:

"Lúc ấy, con ngựa phi lên sườn đồi. Con đường nhỏ quanh co, Duy trông như dải lụa dài màu vàng nhạt bỏ rơi trong màu cỏ lục. Ở xa, chỗ cuối đường, một người đàn bà nhà quê đầu trần, gánh nặng, in hình màu nâu cũ lên sườn đồi. Xa hơn nữa, dẫy núi Tam Đảo phơi màu lam thẫm dưới trời xanh nhạt, một dải mây trắng nhẹ nhàng vắt ngang, Duy trông thoáng như hình một người con gái khổng lồ nằm nghiêng, chiếc khăn san trắng theo gió tung lên trời. Trong cảnh vật không có một tiếng người, một chuyển động, ngoài điệu đi nhịp nhàng của người đàn bà và tiếng gió từng dịp rung chuyển chòm lao xao. Bấy nhiêu thanh sắc, bấy nhiêu âm vận, Duy cảm thấy hoà hợp với nhau như một khúc nhạc thầm kín" (123)

Trước đó, chúng ta đã thấy: "*Hình người ấy in lên nền xanh non của cây cỏ, cứng cáp mạnh mẽ trong quần áo chẽn màu vàng xẫm*" (103).

"Người ấy" như một tráng sĩ thời xưa, một Phạm Thái mang tâm sự lớn lao của đất nước: Tam Đảo của "người ấy" hùng vĩ như Bắc Sơn của Văn Cao, bát ngát như Cửu Long của Phạm Duy. Nhưng khác với những nghệ sĩ khác, giữa cảnh núi non hùng vĩ ấy, "người ấy" in hình "người đàn bà nhà quê đầu trần, gánh nặng," in hình "màu nâu cũ lên sườn đồi." Cũng như trong "cảnh trí diễm ảo" ấy, ở một đoạn khác, hình ảnh người tá điền nhem nhuốc với "rá cơm hẩm, lũ con xanh như tàu lá"... hiện lên như những vết thương vũ trụ. Tất cả những thứ đó, có phải do nhà văn cố tình xắp xếp không? Không. Tự nhiên trong tiềm thức tuôn ra: như thể Nhất Linh viết đến đấy thì tự nhiên ngòi bút của ông rẽ sang ngõ ngách tâm tình của Loan và Dũng; Thạch Lam viết đến đấy thì văn ông chạy thẳng vào màu sắc vào cây cọ của họa sĩ; Hoàng Đạo viết đến đấy thì văn ông rẽ sang nẻo khác, vào số phận con người: người đồng loại. Nhất loạt truyện ngắn, truyện dài của Hoàng Đạo đều có hướng kết hợp nghệ thuật và nhân văn như thế. Nhất Linh hướng nội, Hoàng Đạo hướng ngoại. Nhất Linh muốn tìm hạnh phúc cho bản thân con người, Hoàng Đạo muốn tìm hạnh phúc cho người đồng loại. Theo lối xưa, ta

có thể bảo rằng văn Hoàng Đạo nói lên cái "chí" của Hoàng Đạo: chí muốn đưa dân tộc ra khỏi cảnh lầm than; văn Hoàng Đạo có "khẩu khí" của một lãnh tụ. Cũng như thơ Nguyễn Công Trứ "Vòng trời đất dọc ngang ngang dọc" nói lên cái "khí" "dọc ngang ngang dọc" của người anh hùng. Nhưng nếu nói theo ngôn ngữ ngày nay, ta sẽ bảo: trong vô thức của Hoàng Đạo đã tiềm ẩn một hoài vọng lớn lao: ông nhìn thấy nỗi khổ đau của dân tộc và muốn đưa dân tộc đến con đường thật sự sáng, từ giờ tứ ly đến giờ hoàng đạo.

Hoàng Đạo sống không lâu (41 năm), con người ông là toàn bộ cuộc đời gần hai mươi năm tranh đấu, gồm sinh hoạt cách mạng và sinh hoạt báo chí tản mạn, đến nay phần lớn vẫn chưa được sưu tầm và in lại. Đi từ Tứ Ly -giờ xấu nhất- đến Hoàng Đạo -giờ tốt nhất- trong ngày, sự nghiệp văn học của Tứ Ly-Hoàng Đạo gồm toàn bộ những bài báo, tả xung hữu đột, đánh vào hệ thống quan trường dưới thời Pháp thuộc, đòi hỏi tự do tư tưởng, chỉ trích những tệ đoan xã hội, những tập tục lỗi thời, những hủ lậu của nho giáo cuối mùa, đẩy lùi dốt nát, bất công trong thế giới bùn lầy nước đọng, nhắc đến cái nhục của người dân mất nước... Những điều ông viết là viết cho tức khắc, về những chuyện đang xảy ra trước mắt, phải giải quyết ngay ngày hôm nay. Ông không nghĩ đến tác phẩm để đời. Ông cũng không có thì giờ nghĩ đến cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ, khi đất nước và dân tộc ông đang cần những bài xã luận nảy lửa: Khi học sinh, sinh viên cần một cẩm nang, cần một "thánh kinh" với những khẩu hiệu, ông viết *Mười điều tâm niệm*. Khi dân chúng nghèo đói, thất học, là nạn nhân của những phiên toà không có luật sư biện hộ, ông phanh phui những cảnh khôi hài bi đát *Trước vành móng ngựa*. Khi toàn thể dân quê sống trong cảnh tối tăm, dưới một hệ thống xã hội bất công đầy áp bức, ông tố cáo, ông đề nghị sửa đổi cơ chế gây ra cảnh *Bùn lầy nước đọng*. Và khi tranh đấu bằng ngòi bút, không đem lại kết quả mong muốn tức thời, thì, như Sartre đã nói rất đúng: nhà văn phải cầm súng: Hoàng Đạo cầm súng và Hoàng Đạo tranh đấu đến hơi thở cuối cùng.

Hoàng Đạo là mô hình mẫu của người trí thức dấn thân hiện đại. Ở ông là tính hiện đại triệt để theo mới hoàn toàn theo mới không chút do dự. Khi ở vị trí phất cờ, bao giờ người ta cũng phải nói quá lên một chút. Hoàng Đạo có cái thái quá của người lãnh đạo phong trào, và có chất hiện đại của một trí thức dấn thân, trong cách đấu tranh muôn mặt, ngòi bút đi đôi với hành động, luôn luôn muốn tự vượt mình, đó là những yếu tố đó nằm trong máu thịt, làm nên con người ông: Hoàng Đạo khác với những quân sư, những kẻ sĩ thời trước, trong cả cách hành sự lẫn diễn đạt tư tưởng.

Người ta không biết gì về "nội tâm" của "vạn thế sư" Khổng Minh, hơn nữa Khổng Minh có thể chỉ là sản phẩm hư cấu của La Quán Trung. Người ta biết ít nhiều tâm sự của Nguyễn Trãi, qua những bài thơ nôm trác tuyệt. Nhưng thơ Nguyễn Trãi cũng như thơ Nguyễn Công Trứ là thơ của những nhà nho, làm theo quy ước nước mây của thời đại ấy, hơn là mô tả não trạng của riêng mình.

Hoàng Đạo, ngoài những bài bút chiến gay gắt, ở những phút cô đơn nhất, hướng ngòi bút về mình, về những đớn đau, thất bại, về những sa ngã của chính mình, về những rung cảm xác thịt, những khát vọng nghệ thuật trong tâm hồn mình. Có một Hoàng Đạo, con người đấu tranh, là trạng sư của những thân phận hẩm hiu trong bùn lầy nước đọng, biện hộ không lời, trong một tòa án mà tội nhân không có luật sư. Có một Hoàng Đạo công tố buộc tội cả một thực trạng pháp luật bất nhân, bất công. Có một Hoàng Đạo lục sự ghi những cảnh nhục nhã của một dân tộc mất tiếng nói, mà toà án trong đó chánh án và phạm nhân đều là người Việt, nhưng đều phải nói tiếng Pháp và có thông ngôn dịch sang tiếng Việt. Và có một Hoàng Đạo, họa sĩ ngồi trong một toà án vẽ những bức biếm họa: cảnh người Việt dùng tiếng Việt trong bộ "Hoàng Việt tân luật" để xử án, mà người Việt nghe cứ ù ù cạc cạc, vẫn cần thông ngôn để "dịch" sang tiếng Việt! Thực trạng thứ ba này, gay gắt và đớn đau hơn, đánh thẳng vào cá tính dân tộc, vào mỗi cá nhân người Việt, vào thói xấu chuyên vay mượn của người một cách máy móc, mà không chịu sáng tạo thêm cho phù hợp với tâm hồn và lối sống của dân tộc mình, mà Hoàng Việt tân luật là một chứng từ. Những Hoàng Đạo ấy, trong 41 năm ngắn ngủi của cuộc sống đã tả xung hữu đột, khi cầm bút, khi cầm súng, tranh đấu đến chết. Nhà chính trị có những mềm yếu, những lúc chán nản ê chề, muốn quyên sinh, muốn bỏ tất cả, cho sa ngã, cho bùn lầy, và có lúc trở thành nhà thơ trong *Con đường sáng*, trong *Tiếng đàn*. Tác phẩm văn học, đối với Hoàng Đạo chỉ là chỗ nghỉ chân của người "anh hùng" ngã ngựa. Tác phẩm văn học bộc lộ tâm hồn một thi nhân không có thì giờ dành cho chữ nghĩa, phản ảnh một khía cạnh khác của con người Hoàng Đạo mà bản tuyên ngôn *Mười điều tâm niệm* chỉ là bề mặt của một nội tâm cô độc đớn đau.

Paris, tháng 10/2005

Đọc lại Hoàng Đạo

NGUYỄN MỘNG GIÁC

Tôi đã về hưu gần một năm nay. Trước khi được rảnh rỗi toàn thời gian, như nhiều người khác, tôi cũng có những "kế hoạch lớn": nào là rán viết cho được một bộ tiểu thuyết về kinh nghiệm lưu vong của mình và thế hệ mình, nào là rán viết một bộ nghiên cứu văn học hải ngoại. Trong một lần trả lời phỏng vấn, tôi có dại dột kể lể những "kế hoạch lớn" ấy, kể xong chợt thấy mình hố to, nên mới thêm câu nói thòng: "nhưng không biết lực có tòng tâm hay không."

Quả nhiên, "lực bất tòng tâm" thật. Vừa được cho về hưu non là phải bắt đầu lo lắng cho sức khoẻ. Đến lúc bệnh tật "không gây thành chuyện lớn"(1) định bắt tay vào "kế hoạch lớn" thì mới thấy chẳng có cái gì là "lớn" trên đời này nữa. Khám phá ấy làm cho căn bệnh lười bùng phát. Còi thổi ra hiệu khởi hành nhiều lần mà vận động viên cứ giậm chân tại chỗ. Cuối cùng, tự an ủi: viết không được thì đọc vậy!

Tôi đọc lại những tác phẩm thời trẻ mình say mê, yêu thích. Kết quả: tôi thấy tuổi trẻ thật dễ tính, ăn thứ gì cũng thấy ngon, dù là một quả ổi xanh chấm muối. Những tác phẩm một thời mê hoặc bây giờ đọc lại thấy quá đơn giản, đơn giản như những chuyện đời xưa từng làm sáng những đôi mắt trẻ thơ. Người nghèo thì bao giờ cũng hiền lành lương thiện. Người giàu thì lúc nào cũng tham lam tàn ác. Anh thì ăn hiếp em. Vợ thì ăn hiếp chồng. Quan lại thì lúc nào cũng ngu si, dâm dật. Thế giới hiện ra rõ ràng đen trắng, không có vùng xám mơ hồ. Tôi hoang mang, chẳng hiểu "tôi bây giờ" đúng hay "tôi thời trẻ" đúng. Càng hoang mang hơn khi cái ưa thích về văn chương, âm nhạc... cuả mình quá khác với thị hiếu chung của đám đông. Nhiều bài hát đang thịnh hành bị tôi chê là nhạc sến. Nhiều tác phẩm "tân kỳ, mới mẻ" theo nhận định của rất nhiều người có thẩm quyền, tôi tìm đọc, chỉ thấy toàn đồ giả. Kể cả những cái tân kỳ một thời làm rúng động Sài Gòn.

Ngược lại, có những người và việc thời trẻ tôi cứ yên tâm như thế như thế, bây giờ đọc lại, mới thấy thành kiến của mình sai. Như trường hợp nhà văn Hoàng Đạo.

Phải nhìn nhận là Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh là hai nhà phê bình đã áp đặt thành kiến của mình lên nhiều thế hệ suốt nửa thế kỷ qua, Hoài Thanh tạo thành kiến về thơ, Vũ Ngọc Phan về văn. Giở bộ *Nhà Văn Hiện Đại*, chúng ta tìm thấy ngay nhận định áp đặt của Vũ Ngọc Phan về Hoàng Đạo, cả về tác giả lẫn tác phẩm. Vũ Ngọc Phan viết:

"Người ta nhận thấy Hoàng Đạo rất thiết tha với những sự công bình trong xã hội, nên tiểu thuyết của ông ngả hẳn về mặt bình dân. Nhưng cái khuynh hướng thương xót người nghèo của Hoàng Đạo vẫn còn là cái khuynh hướng của người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém hơn mình. Cái khuynh hướng ấy của ông phô diễn rất rõ trong tiểu thuyết của ông"(2).

Phần cuối đoạn viết về Hoàng Đạo, Vũ Ngọc Phan tổng luận:

"Hoàng Đạo là một nhà văn sở trường về nghị luận, về châm biếm hơn là về tiểu thuyết; ở hai loại trên ông phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn, còn ở loại tiểu thuyết, ông không được giàu tưởng tượng cho lắm."(3)

Vũ Ngọc Phan chê Hoàng Đạo ở hai điều:

Thứ nhất, Hoàng Đạo không có tài viết tiểu thuyết như hai người anh em khác trong Tự Lực văn đoàn là Nhất Linh và Thạch Lam. Nguyên do là Hoàng Đạo "không được giàu tưởng tượng cho lắm."

Thứ nhì, tư tưởng chính trị của Hoàng Đạo chủ yếu vươn tới lý tưởng công bình xã hội. Nhưng thế đứng của Hoàng Đạo là thế đứng của người ở giai cấp trên nhìn xuống xót thương kẻ kém hơn mình.

Vũ Ngọc Phan khen Hoàng Đạo "sở trường về văn nghị luận, châm biếm," vì khi viết theo các thể loại này, tác giả "phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn."

Để kiểm chứng những thành kiến trên, tôi đã tìm đọc lại những tác phẩm Hoàng Đạo đã tái bản ở hải ngoại như Con Đường Sáng, Mười Điều Tâm Niệm, Bùn Lầy Nước Đọng, cũng như những bản photocopies các bài viết của Hoàng Đạo trên *Phong Hóa* và *Ngày Nay* (lưu trữ tại thư viện Hà Nội) nhà văn Thơ Thơ cho mượn.

Tôi đồng ý với Vũ Ngọc Phan về những lời phê bình cuốn tiểu thuyết Con Đường Sáng. Tôi có cảm tưởng Hoàng Đạo viết cuốn sách này sau khi đọc

tác phẩm Anna Karenine của Leon Tolstoi, vì nhân vật Duy rất giống với nhân vật Levine của nhà văn Nga. Tôi cũng nghĩ chẳng những Tolstoi ám ảnh Hoàng Đạo, mà còn ám ảnh cả Nhất Linh, Khái Hưng. Vì thế mới có cặp vợ chồng Hạc và Hảo trong Gia Đình, mới có Dũng và Loan trong Đôi Bạn và Đoạn Tuyệt, mới có cảnh một buổi chiều cuối năm ở đồn điền Độ, từ trên nhà đổi mấy người bạn thân giàu lòng trắc ẩn vừa uống rượu mùi vừa nghe tiếng kêu ơi ới của những người dân quê nghèo khổ từ dưới đồi vọng lên, lòng người nào cũng lâng lâng xót thương cho những số phận hẩm hiu. Ngay cả về sau, lúc đã trải qua những kinh nghiệm thất bại chua chát trong hoạt động chính trị, viết bộ Dòng Sông Thanh Thủy, Nhất Linh vẫn không bỏ được mẫu người làm chính trị lãng mạn đó. Lối xây dựng nhân vật lý tưởng ấy có trách nhiệm trong việc tạo thành kiến "người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém hơn mình," hoặc đi xa hơn, mẫu đạo đức chính trị "không thành công thì thành nhân." Nhiều nhà bình luận chính trị hoặc sử gia cũng đã dùng thành kiến ấy giải thích sự thành công của phe Cộng sản Việt Nam trong quá trình tranh giành quyền lực với phe Quốc gia trong những năm đầu thập niên 40, nhất là sau khi chiến tranh thứ hai chấm dứt và mở màn cao trào đấu tranh giành độc lập ở các nước thuộc địa. Người ta bảo: Không thua sao được khi một bên chỉ chăm chắm muốn "thành nhân," còn bên kia thì phải "thành công" với bất cứ giá nào, chính trị là một nghề nghiệp toàn thời gian chứ không phải là nghiệp dư.

Nhưng tôi nghĩ định giá Hoàng Đạo như một nhà văn là đã cư xử bất công đối với ông. Trong ba anh em (Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam), ông là người từng trải, am hiểu thực trạng xã hội Việt Nam nhất; "phán đoán vững vàng, lập luận chắc chắn" nhất; có ý thức hành động rõ ràng nhất; nghĩa là ông có tất cả các tiêu chuẩn để trở thành một chính trị gia xuất sắc. Nhất Linh có hoạt động chính trị, nhưng hoạt động chính trị theo cung cách của một nhà văn. Hoàng Đạo có viết văn, nhưng viết văn theo cung cách của một người làm chính trị. Hai anh em bổ khuyết cho nhau, nên khi Hoàng Đạo mất đột ngột, Nhất Linh không thể hoạt động chính trị hữu hiệu được nữa. Ông liên tiếp gặp nhiều thất bại, muốn qui ẩn cũng không yên, nhiều khi tham dự trong cái thế bị động hơn là chủ động. Chính Nhất Linh về cuối đời cũng hối tiếc về chuyện theo chính trị mà bỏ bê văn chương.

Cho nên giá trị văn chương của Hoàng Đạo không thể tìm trong tiểu thuyết, mà ở những bài viết thuộc thể chính luận và phóng sự. Tôi nhận ra điều này nhờ đọc lại Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Đọng, và những sưu tập nhà văn Đặng Thơ Thơ cho mượn, sưu tập những bài phóng sự và nhận định chính trị Hoàng Đạo cho đăng trên Phong Hóa và Ngày Nay. Trong các thể loại (nặng về lý tính hơn cảm tính) này, chúng ta mới thấy hết cái thông minh, sắc sảo của Hoàng Đạo. Trong cái bể khổ mênh mông của đồng bào, nhất là những người dân quê suốt đời đói rét mà không có một tia hy vọng le lói ở chân trời, Hoàng Đạo chọn ra được những mẫu tiêu biểu nhất, sống động nhất, kiệm lời mà nói được nhiều nhất. Về điểm này, Hoàng Đạo không thể nào thua Nam Cao, Vũ Trọng Phụng. Xin thử đọc bài "Hai nghìn quan tiền tây" của loạt phóng sự "Trước vành móng ngựa":

"Không có gì buồn và chán nản bằng một phiên tòa xử 'tù rượu,' nghĩa là những người bị cáo về tội buôn rượu lậu. Cũng không có gì làm cho ta nghĩ ngợi bâng khuâng hơn.

Một giẫy người khốn khổ, ốm yếu, áo nâu tả, váy đụp. không dám ngồi hẳn lên chiếc ghế dài để riêng cho tội nhân, sợ làm bẩn mặt ghế của nhà nước, một giẫy người hốc hát, hôi hám như những tang chứng hoạt động của sự lam lũ, nheo nhóc ở nơi bùn lầy, nước đọng, trông tưởng như một lũ ma đói hiện hồn lên trách thầm cái phú quý của những người khác.

- Mày có nấu rượu lậu không?

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Phạt hai nghìn quan tiền tây.

Sự thất vọng và tính nhẫn nại đều hiện cùng một lúc lên nét mặt gầy gò xanh xao của một người nông phu rét run trong manh áo mỏng sờn vai, vá nhiều chỗ. Anh ta đã rời vành móng ngựa còn quay cổ lại như muốn nói điều gì, nhưng có lẽ biết rằng cũng đều vô ích, nên lại bước chân đi.

- Mày có cơm rượu lậu không?

- Bẩm, con không nấu rượu lậu...

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm có.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Bị cáo nhân, một bà lão, kêu van:

- Bẩm, con già nua, quan thương cho.

Viên thông ngôn:

- Già nua mặc kệ, về việc đoan, không ai thương xót đâu. Ra!

Bà lão thở dài, nước mắt rưng rưng muốn khóc, cố van lớn:

- Bẩm, những hai nghìn, con nghèo khổ, con lấy

đâu con giả?

Viên thông ngôn:

- Toà xử rồi. Không bằng lòng thì chống án. Đi. Đi ra!

Thấy bà lão còn trù trừ, viên thông ngôn quát:

- Đội xếp đâu! Lôi nó ra!

Người đội xếp sấn sổ lại, kéo bà lão ra ngoài, để đến phiên người khác.

Một người đàn bà, áo tứ thân rách, váy đụp, vừa đứng dậy vừa vạch yếm cho con bú.

- Mày có cơm rượu lậu không?

- Bẩm không.

- Nhưng người ta bắt được bã rượu ở nhà mày.

- Bẩm không, ở ruộng con đấy ạ.

- Thế là đủ rồi.

- Bẩm, ruộng con cách xa nhà con lắm. Người ta thù con, người ta bỏ vào đấy ạ.

- Có biết ai bỏ không?

- Bẩm không.

Ông Chánh án:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Rồi kế tiếp nhau, năm sáu chục người nhà quê ra chịu tội. Ông Chánh án không mấy khi phải nghĩ ngợi khi lên tiếng:

- Hai nghìn quan tiền phạt.

Sau cùng đến lượt một người gù lưng ra van lạy:

- Bẩm, con tàn tật...

- Tàn tật mặc anh. Có cơm rượu lậu không?

- Bẩm có.

- Anh đã bị cáo hai lần rồi. Sao lại còn tái phạm?

- Bẩm, con chỉ có nghề làm rượu. Con tàn tật, bỏ nghề ấy thì con chết đói mất.

- Không biết. Hai nghìn quan tiền phạt." (4)

Lời kể trên đây không hề có chút "thương xót" của "người phú hào" cúi xuống nhìn "hạng thấp kém hơn mình" như nhận định của Vũ Ngọc Phan. Ngược lại, có cái đau xót, cái phẫn uất của người trong cuộc. Đó là những xúc cảm thật, quá thật, đến nỗi đọc xong, chữ nghĩa Hoàng Đạo (lúc ấy còn lấy bút hiệu Tứ Ly) có sức mạnh thúc đẩy người ta hành động. Người đọc Trước Vành Móng Ngựa bị buộc phải tự hỏi: Phải làm cái gì chứ! Hoàng Đạo đã làm xong phận sự nhà văn rồi.

Nhưng ông không dừng lại ở đó. Ông tự thấy trách nhiệm của mình không chỉ là nêu ra thảm cảnh của dân tộc, đặc biệt là dân nghèo ở nông thôn, mà còn phải tìm hiểu nguyên do của thảm trạng, và tìm cho ra biện pháp giải quyết. Tức là văn chương phải đi đôi với hành động. Tháng Chín năm 1938, Hoàng Đạo cho xuất bản cuốn Bùn Lầy Nước Đọng, vừa bày bán thì bị chính quyền thuộc địa Pháp ra lệnh tịch thu và cấm lưu hành. Đây là một tiểu luận chính trị nhằm mổ xẻ phân tích thảm trạng của nông thôn Việt Nam, sau đó đưa ra các phương thức giải quyết. Tiểu luận đề cập tới thực trạng nông dân Việt Nam trên ba phương diện:

Phương diện hành chính và chính trị: quan trường, tiếng trống ngũ liên, miếng thịt giữa làng, phá đình, tự do với dân quê.

Phương diện kinh tế: Sinh kế ở thôn quê, nỗi lo hằng năm, thuế dinh điền, tự do uống rượu, đội không quân Nam Việt, công nghệ, công điền, đồn điền, di dân, nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê.

Phương diện tinh thần: vấn đề giáo dục dân quê, vũng nước tù, tinh thần thể thao, ánh sáng ở thôn quê, hạng trí thức sau lũy tre.(5)

So sánh với những tài liệu học tập chính trị của đảng cộng sản Đông dương về vấn đề dân cày, vấn đề thuộc địa cùng thời gian này, thì trình độ lý luận và nhận định của Hoàng Đạo về nông thôn thuộc địa cao hơn, sáng sủa hơn, nhiều sức thuyết phục hơn.

Sức phổ biến những tư tưởng chính trị ấy lại rộng rãi, không thu hẹp trong vòng hội kín như phe cộng sản. Đôi lúc, Hoàng Đạo cũng tỏ ra rất cực đoan, như chủ trương "theo mới, hoàn toàn theo mới, không chút do dự" và cho rằng "đình làng không còn có cớ gì để sống sót trong lúc mọi vật chuyển dời. Nó là một vật đã quá cổ... Thời đại này không phải là thời đại của nó nữa, ta còn đợi gì mà không phá nó đi" (6).

Những tư tưởng cực đoan như thế, thời nào, cũng có hấp lực đối với lớp trẻ. Chưa kể những giấc mơ lãng mạn, phiêu lưu. Thế nhưng lúc thời cơ đến, những người làm chính trị như Hoàng Đạo lại không vận động được quần chúng thành những tổ chức có sức mạnh. Vì sao thế?

Câu hỏi mở ra một vùng trời khác, đầy giông bão hiểm nguy. Xin cho tôi dừng ở đây, mép ranh an toàn.

(1) Mượn thơ Mai Thảo, bài Dỗ Bệnh:

Mỗi lần cơ thể gây thành chuyện
Ta lại cùng cơ thể chuyện trò
Dỗ nó chớ gây thành chuyện lớn
Nó nghĩ sao rồi nó lại cho
Bệnh ở trong người thành bệnh bạn
Bệnh ở lâu dài thành bệnh thân
Gối tay lên bệnh nằm thanh thản
Thành một đôi ta rất đá vàng.

(2) Nhà Văn Hiện Đại, Nxb Khoa học Xã hội 1989, tập 2, trang 841

(3) Nhà Văn Hiện Đại, Nxb Khoa học Xã hội 1989, tập 2, trang 845

(4) Đăng trên *Ngày Nay* số 5 ra ngày 10 tháng 3 năm 1935

(5) Bùn Lầy Nước Đọng, Nxb Đời Nay, phần Mục Lục

(6) Bùn Lầy Nước Đọng, Nxb Đời nay, trang 42

Báo Chí Tự Do

HOÀNG-ĐẠO

Trong Nam, hôm 11 tháng 8 tây vừa qua, ông Nguyễn-văn-Sâm, hội trưởng hội liên hữu báo giới Việt-Nam, có mời anh em viết báo nhóm tại báo quán Đuốc nhà Nam để thảo bản thỉnh cầu của báo giới định đưa lên Ủy-ban điều tra các thuộc địa của chính phủ dân đoàn nước Pháp.

Các nhà làm báo có mặt đồng lòng thỉnh cầu những khoản dưới này:

1.) Tự do báo chí.

2.) Tự do tư-tưởng về mọi phương diện: xã-hội, chính-trị, kinh-tế, mỹ-thuật.

3.) Tự do hội hiệp.

4.) Tự do du lịch.

5.) Quyền lập liên-đoàn.

6.) Yêu cầu cho 5 khoản thỉnh-cầu trên khỏi bị hạn chế.

Trong những khoản tự do yêu cầu trên, có sự tự do báo chí là đáng chú ý đến hơn cả. Nói cho đúng, tự do báo chí mới thực là tự do. Là vì nó hàm xúc hầu hết những sự tự do khác. Thí dụ như tự do tư tưởng, ta có thể coi như bao hàm trong sự tự do báo chí: nếu tư tưởng không được tự do, thì không thể có báo chí tự do được.

Sự tự do của báo chí rất quan-hệ đến vận mệnh của cả nước. Báo giới, ai cũng công nhận như vậy, là một cơ quan truyền thông tư tưởng một cách mau chóng, dễ dàng cho khắp các đẳng cấp trong xã hội. Nhờ báo chí, những điều cần biết, những việc đáng chú ý, những sáng kiến nên theo, những ý kiến mới mẻ bay lan đi khắp nơi, khiến cho những dân ở nơi thâm sơn cùng cốc, những làng chìm đắm ở những vùng hẻo lánh đều được tiếp xúc với những nguồn tư tưởng cột trụ của các nước văn minh. Nhờ ở báo chí một phần lớn, dân tộc thái tây đã trở nên những nước khuôn mẫu cho các dân tộc khác. Công của các báo chí đối với văn hóa thật đã là vĩ-đại, khiến ta phải cúi đầu kính phục.

Vậy vọng nguyện đầu tiên của dân ta, -bất cứ về phái nào cũng cùng một ý ấy- là xin cho báo giới của ta được tự do.

Tôi biết, tôi biết lắm, tôi thấu rõ những điều người ta sắp đem ra bảo tôi. Người ta sợ sự lạm dụng. Ở ngay các nước văn minh, những tệ của báo chí không phải là nhỏ. Nào những nhà lý tài vô lương lợi dụng báo chí để mưu những cuộc lừa đảo lớn, nào những nhà văn sĩ vô lương tâm mượn báo để tống tiền.

Nhưng tôi xin thưa lại một vài điều rất tầm thường, rất giản-dị. Sự đào thải là một lệ tự nhiên của trời đất. Những tờ báo không đứng đắn không có giá trị -những tờ "lá cải" theo một câu chữ Pháp nhập tịch làng văn Việt-Nam- sẽ lần lần đưa nhau sang bên kia thế giới. Ta

yên trí rằng dân gian dẫu dốt nát đến đâu cũng không ngu muội. Lương tri họ không kém gì lương tri những nhà thạc-sĩ. Hợ không được học, được biết, nên họ chưa được hiểu. Một mai báo chí đem lại cho họ những sự hiện thời thiếu thốn, tôi dám chắc rằng chính ở những nơi lầm than, đói rét, dốt nát mới nảy ra những bậc thiên tài, những đấng vĩ nhân.

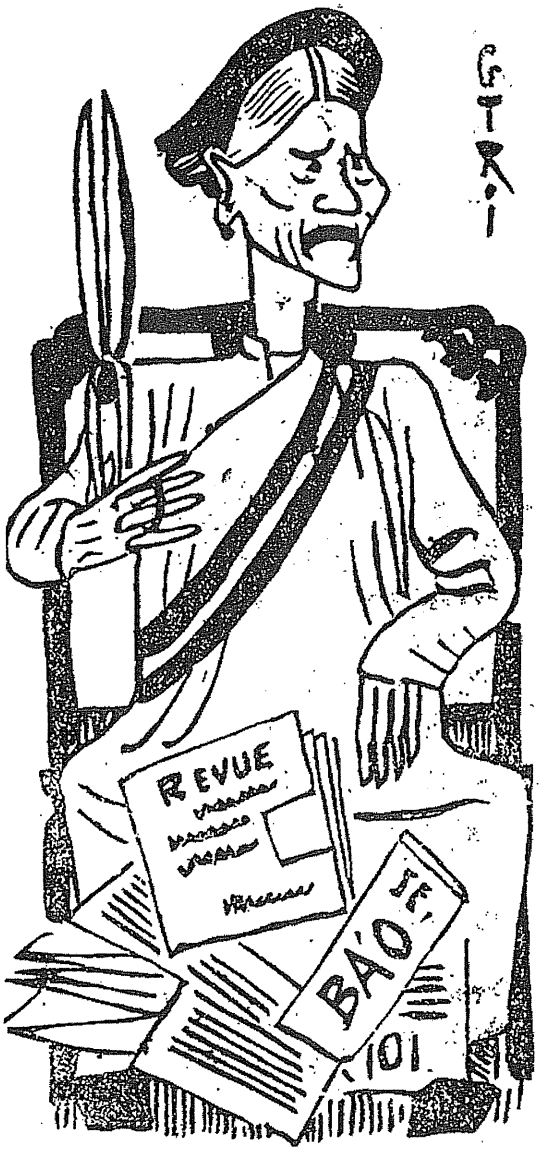

Sự hại của chế độ báo giới tự do thật là nhỏ, nhỏ đến nỗi không trông thấy nữa, nếu ta đem so sánh với những điều lợi ích hiển nhiên của chế độ ấy. Nói riêng về dân tộc ta, ai cũng phải công nhận rằng thiên ức người, sau khi đỗ được mảnh bằng sơ-học không còn biết tìm cách gì để mở mang thêm trí thức được. Sự tự do báo chí sẽ đưa họ đến con đường quang đãng, đầy ánh sáng của văn minh.

Có người sẽ bảo nhỏ tôi:

- Người ta đã bãi phòng kiểm duyệt rồi, thưa ông.

Vâng, tôi biết lắm. Nhưng bãi phòng kiểm duyệt không phải là bãi sự kiểm duyệt. Còn cần phải xin phép mới ra được báo, còn bị thu giấy phép lúc nào không được lòng chính phủ, thì sự báo chí tự do chưa thể có được. Hơn nữa. Chế độ hiện thời tôi cho lại còn nguy hiểm hơn chế độ báo chí lúc còn dưới quyền ty kiểm duyệt. Là vì hồi ấy, nhà báo không bao giờ bị thu giấy phép. Ty kiểm duyệt, công việc là cho đăng những bài chính phủ bằng lòng cho đăng. Vạn nhất, ty ấy lơ đễnh bỏ sót một vài bài gọi là có tính cách trái ý chính phủ, thì cũng là lỗi tại ty ấy. Còn nhà làm báo không chịu trách nhiệm gì, lẽ đó cố nhiên.

Dưới chế-độ hiện thời, trách nhiệm về phần nhà báo chịu cả, mà những quyền lợi tương đối lại không có chút nào. Sự thu giấy phép, một sự hại lớn cho tờ báo, nhà làm báo phải dè dặt, dè dặt hơn là lúc còn ty kiểm duyệt. Họ tự làm ty kiểm duyệt cho họ, một ty kiểm duyệt chặt chẽ, nghiệt ác hơn. Tuy vậy cũng không xong, chứng cớ còn rõ ràng ở trước mắt mọi người.

Những tờ báo quốc ngữ hiện thời đều sống một cuộc đời bấp bênh như vậy cả. Vì đời họ không chắc chắn, nên công cuộc họ theo đuổi chỉ là công cuộc một thời. Vì đó mà ảnh hưởng của họ trong dân gian không được là bao.

Muốn cho ảnh hưởng của họ được lan rộng - nghĩa là muốn cho dân tộc ta được bước vào con đường sáng sủa của sự tiến hóa- thì phải có báo chí tự do. Ủy viên điều tra đến, ta phải đồng lòng yêu cầu báo chí quốc ngữ được chung một chế-độ với báo chí chữ tây xuất bản ở Đông-dương. Chế-độ ấy, người Pháp coi là một chế-độ khắc nghiệt lắm, vì nhiều tội báo chí phạm phải không đem ra xử ở tòa đại hình như ở bên Pháp, lại đem ra xử ở tòa tiểu hình. Nhưng, theo tôi, mai kia được sống ở trong chế-độ ấy, báo chí quốc ngữ cũng đã có thể lấy làm tự mãn, như con cá đương ở trong cái lạch tù hãm bỗng được thả ra một giòng sông rộng.

Hoàng-Đạo

Báo Ngày Nay số 23 ra ngày 30 tháng 8, 1936.

Tự Do Ngôn Luận Chưa Nên Thất Vọng

"Tôi không thể cho báo chí quốc-ngữ được tự do."

Đó là lời ông toàn quyền Brévié tuyên bố với ông Nguyễn-văn-Sâm, hội trưởng hội Báo giới Liên hiệp ở trong Nam.

Lần này thật không có thể lầm được nữa.

Ông toàn quyền của chính phủ Bình-dân, ông toàn quyền mà chúng tôi vẫn tin là dè dặt, thận trọng, đã rõ ràng cho chúng ta biết cao kiến về vấn đề quan hệ ấy.

Báo chí quốc-ngữ sẽ không được tự do.

Báo chí sẽ không thể tiến bộ được, đành chịu cái số phận mỏng manh, bất trắc. Chính phủ sẽ tùy theo sở thích từng lúc, tùy theo cao hứng từng ngày mà thi thố cái quyền sinh sát của mình. Báo chí sẽ luôn luôn sống trong sự lo sợ cho cái tính mệnh ong, kiến, và vì thế, sẽ không đủ tài lực, không đủ can đảm để truyền bá tư tưởng mới, để soi đuốc văn minh, như người ta thường nói, vào những nơi tối tăm.

Báo chí sẽ không có thể gây nên dư luận, hay là đại diện cho dư luận được. Báo chí sẽ không dám bày tỏ những nguyện vọng chân thành của dân, sẽ không dám chỉ trích hay đả động tới những điều lỗi, những sự sai lầm của nhà đương cuộc.

Báo chí sẽ không có thể làm đủ được nhiệm vụ, không có thể chọn được thiên chức của mình.

Ông toàn quyền Brévié đã muốn thế, ông toàn quyền của chính phủ bình dân, ông toàn quyền thứ nhất đã đem công lý và tự do của nước Pháp tự do đến cho ta.

Vì lẽ gì vậy? Theo ông, vì một lẽ rất giản dị: chính phủ chỉ có phương pháp ấy là màu nhiệm để kiểm xoát báo chí, để dẫn báo chí vào con đường quang minh.

Chúng tôi hiểu ông lắm. Ông sợ những điều lạm dụng, ông lo báo chí sẽ là nơi trú chân của sự vu khống, của sự dọa nạt để ăn tiền.

Nhưng đối với những điều đáng bỉ ấy -những điều ta thấy trong hết thảy báo giới hoàn cầu, kể cả báo giới các nước văn minh- không phải chỉ có phương pháp kia là màu nhiệm. Không phải chỉ có để cho chính phủ quyền cho phép và đóng cửa báo mới có thể ngăn cản được sự dọa nạt ăn tiền và vu khống.

Là vì còn có pháp luật. Chúng tôi thành thực mong chính phủ tuyên hành một đạo luật phạt rất nặng những sự bỉ ổi có thể xảy ra trong làng báo. Hiện giờ bên Pháp, hai nghị viện cũng đương lo tìm phương trừ sự lạm dụng mà vẫn giữ được sự tự do cho báo chí. Chúng tôi tưởng thi hành đạo luật sắp ra ấy cũng đủ ngăn phòng những điều ông lo sợ.

Thản hoặc cho là chưa đủ nữa, chúng tôi cũng không hề phàn nàn, nếu chính phủ muốn lập một đạo luật chặt chẽ hơn. Miễn là báo chí chúng tôi được chút ít bảo đảm cho sinh mệnh của mình. Thí dụ như đem chế độ báo giới bên xứ Tunisie áp dụng ở đây. Theo chế độ ấy, một tờ báo cũng có thể bị đóng cửa, nhưng quyền đóng cửa ấy, không phải ở chính phủ, mà ở tòa án.

Chúng tôi chỉ muốn có nơi để tự bênh vực lấy quyền lợi, để khỏi phải ân hận không biết tại sao bị thu giấy phép, không biết vì cớ gì còn sống sót. Báo chúng tôi bằng chữ quốc-ngữ, mà hội đồng chính phủ hầu hết không biết tiếng annam, nên đành phải dựa vào những bài dịch; mà dịch tức là làm lạc nghĩa đi. Hơn nữa, Hội đồng chính phủ chỉ biết tới những mẩu văn, không có ý kiến gì về toàn thể một tờ báo, nên không thể nào định đoạt một cách công minh được.

Chúng tôi chỉ muốn rời bỏ cái chế độ khắt khe như vậy. Chế độ ấy khiến chúng tôi không dám thành thực. Dân gian và chính phủ nhân đó đều bị thiệt thòi. Thí dụ như về đạo luật lao động mới ra tháng trước. Báo chí chữ quốc ngữ không dám đem bàn một cách công nhiên, không dám tỏ lòng nhiệt thành, cũng chỉ vì cái chế độ chúng tôi đương chịu đựng.

Vậy, kết luận, dẫu có lời tuyên bố đáng ngán kia của ông toàn quyền, chúng tôi vẫn còn mong sẽ có ngày nếu không được hẳn quyền tự do, báo chí cũng sẽ sống một đời quang đãng hơn. Chúng tôi mong ông toàn quyền sẽ nghĩ lại, và sẽ đồng ý với Tiểu ban thuộc địa ở Hạ-nghị-viện Pháp, và sẽ đồng ý với chúng tôi.

Hoàng-Đạo

Báo Ngày Nay số 47, ra ngày 21 tháng 2, 1937

Hoàng Đạo và cách mạng

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Nhận được điện thư của Thế Kỷ 21, hỏi viết bài về hoạt động chính trị và làm báo của Hoàng Đạo, tôi trả lời rất sẵn sàng nhưng cần có giúp đỡ từ Thế Kỷ 21. Thư trả lời nói nên đi tìm một bộ Phong Hóa và Ngày Nay. Làm báo khó mà thật dễ! Những tuần báo này xuất bản ở Hà Nội cách đây đã ba phần tư thế kỷ. Tuy nhiên, tôi chấp nhận như một thử thách nho nhỏ. Tìm được thư viện nghiên cứu của một đại học nào gần nhất sẽ giải quyết vấn đề và tôi tìm đến thư viện của trường Đại Học Cornell, rất phong phú về tài liệu Việt học. Ông quản thủ thư viện phụ trách việc sưu tầm tài liệu Đông Nam Á kiêu hãnh khoe một đống microfilm ở góc phòng làm việc, nói đó là những báo tiếng Pháp xuất bản ở Hà Nội từ đầu thế kỷ trước mà thư viện mới mua được. Tiện đây, người viết muốn cảm ơn nhân viên của thư viện đã bỏ thì giờ giúp đỡ kiếm sách vở, tài liệu.

Có lẽ vì lái xe bị lạc mấy tiếng đồng hồ trên con đường làng từ Syracuse đến Ithaca nên tâm hồn không được thanh thản, đọc nhanh qua Phong Hóa, người đọc thấy Thế Kỷ 21, với những bài phân tích cẩn thận của Ngô Nhân Dụng hay Cổ Lũy hay một số bài khác, có thể so sánh được. Gần 2 giờ sáng, giờ thư viện đóng cửa, người đọc, chợt nhớ ra mình đang đọc báo in từ hơn 70 năm trước, tự hỏi liệu 50 năm sau, có ai đọc Thế Kỷ 21 của mình không, và cảm thấy yên tâm hơn khi thư viện nói có báo từ ngày phát hành, tháng 5 năm 1989. Tuy vậy, ít nhất TK 21 có thể học được từ Phong Hóa một điều: nên có một phụ bản để riêng để độc giả có thể lấy ra treo trên tường trong số Tết!

*

Hoàng Đạo, tên thật là Nguyễn Tường Long, quê ở Quảng Nam, sinh năm 1906 tại phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Thời kỳ viết báo Phong Hóa (1932) ông còn dùng biệt hiệu khác nữa là Tứ Ly. Ông là em của Nhất Linh (Nguyễn Tường Tam) và là anh của Thạch Lam (Nguyễn Tường Lân).

Thuở nhỏ ông học tiểu học ở Cẩm Giàng, sau học trung học và đỗ tú tài ở Hà Nội rồi làm tham tá kho bạc. Năm 1930, sau khi đỗ cử nhân luật ở Hà Nội, ông làm tham tá lục sự tại tòa án Đà Nẵng. Năm 1932, ông xin đổi về tòa án Hà Nội đồng thời cùng Nhất Linh chủ trương viết tuần báo Phong Hóa.

Hoàng Đạo – nhà báo

Hoàng Đạo là một trong những nhà văn sáng lập Tự Lực Văn Đoàn. So với các nhà văn khác trong nhóm như Khái Hưng hay Nhất Linh, tác phẩm của ông không có nhiều:

- Nghị luận: Mười Điều Tâm Niệm (1936), Bùn Lầy Nước Đọng (1937);
- Phóng sự: Trước Vành Móng Ngựa (1938);
- Tiểu thuyết: Con Đường Sáng (1940);
- Truyện ngắn: Tiếng Đàn (1941).

Theo Nhật Thịnh, trong cuốn Chân Dung Nhất Linh, năm 1939, Nhất Linh ngưng viết để hoạt động chính trị. Ông trao bản thảo Bướm Trắng để cho Thạch Lam in và bỏ dở truyện dài Con Đường Sáng mới viết chừng 30 trang cho Hoàng Đạo viết tiếp. Tuy gọi là truyện dài, Con Đường Sáng thật ra không dài lắm và ta không biết Hoàng Đạo sửa đổi, viết tiếp như thế nào. Hoàng Đạo cũng viết nhiu truyện ngắn đăng trên báo, một số gom lại in trong tập truyện Tiếng Đàn. Vào thời điểm này, sa đọa, chán chường là căn bệnh chung của thời đại. Trong Tiếng Đàn, truyện đầu tiên trong tập truyện, với một giọng văn ngắn gọn, vừa chính xác vừa man mác, tương phản một vẻ đẹp thuần túy, mong manh với một thực tại nhầy nhụa, Hoàng Đạo tả cảnh mấy thanh niên đi đò đêm trên sông Hương, hút thuốc phiện, nghe cô gái mãi dâm hát điệu Nam Bình, Nam Ai ai oán

của một dân tộc mất nước thời xa xưa nhưng cũng là một thực tế thời nay:

"Ngọn đèn thuốc phiện khêu cao, Lương ung dung tiêm thuốc mời Huyền hút, Xuân hết đỗi ngạc nhiên lúc thấy Huyền nhận lời, ngả người sát vào người chàng, gối đầu lên vai chàng, tóc xõa cả lên mặt chàng. Nhưng lúc ấy chàng không thấy trong mạch máu bồng bột khí phách của kẻ thắng trận nữa; chàng chỉ thấy trong lòng tê tái như kẻ bị thua vì chàng chợt nhận ra Huyền là người cùng nước, và tiếng ca ban nãy là tiếng than của thời đại chàng đương sống. Một nỗi buồn nản mênh mông tràn ngập vào tâm hồn Xuân như nước triều trên bãi biển xa vắng. Xuân lắng tai nghe tiếng sóng vỗ róc rách bên mạn thuyền, chàng tưởng là dư âm của điệu tàn đã hết..."

và rồi, không mấy tế nhị, Xuân

"...không chìm đắm trong sự phân giải đau đớn, chỉ cố xuất tàn lực để thoát khỏi cái khối nặng đương đè nén linh hồn. Xuân phải dùng hết can đảm mới nâng được đầu Huyền đặt lên gối, vùng trở dậy chui ra mũi thuyền."

Thế nào chăng nữa, đóng góp quan trọng của Hoàng Đạo không phải là ở tiểu thuyết hay truyện ngắn, mà là công việc điều hành tuần báo Phong Hóa với Nhất Linh, cùng những bài luận thuyết ông viết thoạt tiên dưới bút hiệu Tứ Ly, rồi sau trên tuần báo Ngày Nay dưới tên Hoàng Đạo.

Báo Phong Hóa, cái nôi sinh dưỡng của Tự Lực Văn Đoàn, có một chủ trương rõ rệt. Chủ trương này tất nhiên là kết quả của những suy nghĩ, bàn cãi của nhiều người; tuy vậy Hoàng Đạo thường được coi là phát ngôn viên, lý thuyết gia của cả nhóm. Để tóm tắt trong một vài chữ, Phong Hóa muốn "hiện đại hóa" xã hội Việt, từ nhỏ đến nhớn, từ cao đến thấp. Mà hiện đại hóa là gì, nếu không phải là thay thế những nề nếp cũ bằng những vật phẩm mới, mang nhãn hiệu Âu Tây, nhập cảng từ cái xã hội đã thành công trong việc chinh phục đất nước mình (khi ấy) đã quá nửa thế kỷ?

Trong Phong Hóa, Hoàng Đạo phụ trách ba mục chính: Từ Nhỏ Đến Nhớn bàn về việc, Từ Cao Đến Thấp bàn về người và Bàn Ngang nói ngược mà hóa ra xuôi. Ta chép dưới đây ít hàng rải rác trong Phong Hóa dưới ngòi bút của ông, đả phá cái xã hội nho phong với tập tục lễ giáo cổ truyền, những hủ tục của dân quê, không khí buồn thảm chán đời của những người khác.

Nho giáo lung lay sắp đổ, sắp sửa theo mấy nhà thâm nho còn sót lại mà tiêu diệt với thời gian. Còn đạo Lão, đạo Phật chỉ đem lại cho thiếu niên những tư tưởng chán đời, ta không thể nương tựa vào đấy mà sống được.

Ta phải thay thế cái mớ lễ nghi cũ rích nó phân đẳng cấp xằng, nó xướng lên rằng một miếng giữa làng bằng một sàng xó bếp, bằng một cái lễ mới. Những điều lễ mới này dạy cho dân quê rằng một người trong làng là một người công dân, có đủ quyền tự do làm một người công dân, dù là một bạch đinh hay là ông Lý ông Chánh, quý hồ mình đóng góp đủ sưu thuế cho đúng luật lệ là không ai ức hiếp được mình, chớ không cần phải khoác cái chức nọ chức kia.

Ta phải tìm thấy tinh thần văn minh Thái Tây rồi tự tạo lấy những điều nhu cầu cho ta, và muốn thế ta phải dứt bỏ những dây buộc chằng chịt lấy linh hồn ta tức là những tục lệ cổ hủ và trí phục tòng của cả một dân tộc.

Ta cần phải hiểu rõ rằng chán nản buồn rầu là một cái hèn nhát không phải là cái cao thượng. Không biết đến sự thật trước mắt chỉ tiếc thương cái đã qua và buồn rầu về những khó khăn cản trở, như vậy là vô ích.

Nền luân lý (cũ) ấy bắt ta phải bái phục lời nói cổ nhân dầu lời nói có sai cũng mặc, không được đem lý luận ra mà bẻ bác. Cha mẹ đẻ ra ta thì những câu bảo ban, ta phải cúi đầu vâng theo dù những câu ấy trái với tư tưởng của ta.

Chữ tự do cá nhân là một chữ từ xưa đến nay ta không biết nghĩa là gì. Ngày nay cái óc biết suy xét của ta bắt ta không nhắm mắt như xưa, mà bắt ta đem lẽ phải, lương tri, ra mà suy nghĩ cứu cánh mọi sự ở đời.

Vân vân.

Cách mạng là phá vỡ một trật tự cũ và thay thế vào đó bằng một trật tự mới, hiểu ngầm là tốt đẹp hơn. Hiểu theo nghĩa này, việc làm của Phong Hóa là một cuộc cách mạng, không hơn không kém. Và ta phải nhận rằng trong cuộc cách mạng này, nhóm Phong Hóa rồi tiếp đó Tự Lực Văn Đoàn, nói chung, và Hoàng Đạo, nói riêng, đã thành công có thể gọi là mỹ mãn. Họ đã đem lại cho xã hội và văn học Việt Nam những thay đổi sâu sắc. Tất nhiên, vào thời ấy, muốn cho dân Việt một khi đã *"đóng góp đủ sưu thuế cho đúng luật lệ là không ai ức hiếp được mình"* là điều khó thực hiện, họ sớm nhận thấy cuộc cách mạng "nhung" của họ còn thiếu sót trầm trọng. Họ sẽ phải đi làm cách mạng "nóng", vì một lẽ rất giản dị là chỉ một chuyện như sưu thuế cũng đủ để đa số dân Việt chịu trăm nghìn khốn khổ.

Cách mạng nào cũng có những cái quá khích,

đáng tiếc của nó. Cách mạng Pháp không cần khoa học, *à la guillotine,* người ta hò hét và, như vậy, Lavoisier, một trong những nhà khoa học quan trọng nhất của đất nước thời ấy, phải lên đoạn đầu đài. Cách mạng này cũng vậy thôi. Không phải những tập tục, nghi lễ nào của ta cũng đều xấu cả; hơn nữa, một số nghi lễ cầu kỳ – trông ngoài mặt vô ích – chính là cái neo, cái mốc để cho con người thấy có một cái gì chung với nhau, để có thể tìm thấy lại nhau. Vẫn cùng một lý luận, không phải mọi thứ "Thái Tây" đều tốt và thích hợp.

Về luân lý, *"Cha mẹ đẻ ra ta thì những câu bảo ban, ta phải cúi đầu vâng theo dù những câu ấy trái với tư tưởng của ta."* Nếu quả thực đạo lý có dạy ta ở một chỗ nào đó như vậy, thì cũng chính đạo lý này dạy ta ở một chỗ khác phải biết mềm dẻo trong cách ứng xử, chuyện Tăng Sâm bừa cỏ ruộng dưa **(1)** là một thí dụ điển hình. Lý luận vừa phải như vậy dễ bị quên mất trong cái ồ ạt của cách mạng.

Để chế diễu hủ tục của dân quê, Nhất Linh dưới bút hiệu Đông Sơn phát minh ra Lý Toét, Xã Xệ nổi tiếng một thời, còn Hoàng Đạo thì có anh Ba Ếch, lố bịch hóa hạng người nhà quê một cách tai ác! Nhưng có lẽ những quá đáng, tai ác của Phong Hóa chỉ có mục đích nhấn mạnh, lấy điểm thôi. Phong Hóa hay chế diễu Tản Đà, nhiều khi cũng rất tệ, nhất là cái tật nát rượu của nhà thơ. Tú Mỡ kể lại:

Một hôm, sau khi đọc bài thơ Giời đầy Nguyễn Khắc Hiếu nhà thơ thân đến tòa soạn, cười ngất phê bình: "Bài thơ thú lắm, nhưng mà xược!" Khái Hưng hỏi: "Thực tình anh có giận chúng tôi không?"Tản Đà cười khà đáp: "Chúng ta ví như những vai hề trên sân khấu, có khi giễu xỏ nhau ở rạp hát để thiên hạ mua vui. Nhưng diễn xong trò, ta vẫn là ta, bạn đồng nghiệp cả, việc quái gì mà giận nhau!"

Từ đó, chúng tôi lại càng quý mến Tản Đà và đi lại cùng nhau thân mật hơn.

Phong Hóa đả đảo chế diễu đủ mọi thứ người: các vị thượng lưu (hay kém thượng lưu hơn) trí thức, dân biểu bù nhìn, quan liêu phong kiến. Hoàng Đạo (Tứ Ly) viết tường thuật Cuộc Chợ Phiên do Phong Hóa tổ chức, có đầy đủ nhân vật Lý Toét vàBa Ếch, hay kịch Tuồng Cổ Tân Thời, đăng nhiều kỳ, có đủ mặt chư vị anh hùng. Tuồng Cổ Tân Thời, hồi thứ nhất, cảnh thứ nhất có cảnh sơn trại, với Trại Chủ Hoàng Tăng Bí, Hữu Tham Mưu Nguyễn Khắc Hiếu, Tả Tham Mưu Nguyễn Văn Vĩnh. Trích một đoạn dưới đây:

Hữu Tham Mưu Nguyễn Khắc Hiếu ra:

– Bạch ta nay:

Hường – *Tản Đà thi sĩ, Khắc Hiếu nãi danh, làm tham mưu lạm dự chút quyền, chỉ một việc rượu tràn quí tị, thơ sẵn có khối tình bé tí, văn thời nào mộng lớn, mộng con, rượu càng say ngâm giọng càng ròn, tiếng ngông đã vang trời dậy đất.*

Ngâm:

Say sưa nghĩ cũng hư đời,
Hư thời hư vậy, say thời cứ say.
Đất say đất cũng lăn quay,
Trời say mặt cũng đỏ gay ai cười!

Tản – *Rứa mà chừ, có tin chủ trại triệu đến trướng tiền, việc dữ lành chưa rõ căn nguyên, mau tới đó cho tường hắc bạch.*

Cười nói: khà, khà! Hay chủ trại nhớ tên lính cũ, phố hàng Bông bán đủ hạng văn, mà bây giờ cho uống cho ăn, để cho được say lăn say lóc.

(Tham Mưu Hiếu cầm hũ ra)

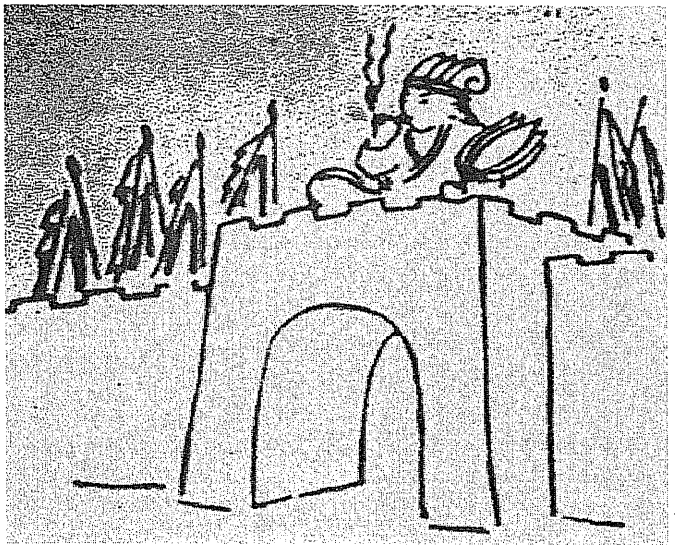

Tả Tham Mưu Nguyễn Văn Vĩnh ra bạch:

Người đời thay ý kiến như chong chóng quay, quay thế mà nghĩ cũng hay hay, tít mù tắt hết ngày hết tháng.

Tán – *Ta tên Văn Vĩnh, chủ báo Annam, đường văn minh đi bước tiên phong, tư tưởng mới giốc lòng truyền bá.*

Thét hường – *Rứa mà khi nhàn rỗi, còn thú đánh tổ tôm. Lại giỏi nghề bấm độn cát hung, tìm long mạch cũng là xem số, quyết đem tài thi thố mà phò chủ trại Hoàng. Theo phương trâm "quốc túy bảo tồn," cho thiên hạ biết ta thủ cựu.*

(Tả Tham Mưu Vĩnh cầm quyển Niên Lịch Thông Thư ra.)

Hai tham mưu chõ vào chủ trại Hoàng cùng nói:

Hường – *Dám bẩm đại nhân có lệnh, bản chức vô hầu.*

Chủ Trại nói: thỉnh nhị tham mưu an vị.

Khen – *Hảo a! khá khen cho hữu tham mưu: hay mộng, hay mị, biết uống, biết say; khá khen cho tả tham mưu: biết thế, biết thời, hay nhâm, hay bói.*

Tán – *Nhân hôm nay có điều rắc rối, thỉnh tham mưu lai đáo luận bàn. Số là ít lâu nay trên chốn văn đàn, có chú Phong Hóa đầu còn xanh tuổi trẻ, mới ra đời được 20 tuần có lẻ, đã chơi trèo khiếm lễ với đàn anh. Hai tham mưu đã rõ sự tình, âu ta phải tìm phương triệt hạ.*

Hay cho thằng Phong Hóa khéo cợt cợt, cười cười, đem cái vui mua lấy lòng người, cũng vì thế mỗi ngày mỗi tiến. Nếu chẳng triệt sau này sinh biến, còn đâu là mỹ tục thuần phong, còn đâu là cha cha, con con, vợ vợ, chồng chồng, còn đâu là lễ lễ, nghĩa nghĩa, trung trung, tín tín, há để cho nước đến chân mới nhảy, cờ đến tay ta phải phất ngay, phiền tham mưu tìm lấy mẹo hay, phá được Phong Hóa mỗ đây trọng thưởng.

Cũng chỉ vui đùa lành mạnh thôi, không có gì ác độc. Phong Hóa trêu chọc đến độ cụ Nguyễn Văn Tố phải cắt bỏ búi tó, Tản Đà bớt ngông nhưng không bỏ rượu, Hoàng Tăng Bí thôi Trung Bắc Tân Văn, Nguyễn Văn Vĩnh đình Niên Lịch Thông Thư. Truyện Hậu Tây Du với những nhân vật mới trong triều đình Huế như Phạm Quỳnh, Nguyễn Tiến Lãng, v.v... phò Hoàng Đế Bảo Đại và Hoàng Hậu Nam Phương sang Tây, nguy hiểm hơn nhưng rồi cũng qua. Đến khi Phong Hóa đụng tới Tổng Đốc Hoàng Trọng Phu với loạt bài Đi Xem Mũ Cánh Chuồn thì báo đã đến ngày tới số. Báo bị đóng cửa ba tháng rồi đến đầu năm 1936 thì bị đóng cửa vĩnh viễn.

Báo Ngày Nay xuất bản song song với Phong Hóa cả năm trước đó, bây giờ tiếp tay, cẩn thận khôn ngoan hơn. Cái cười trong Ngày Nay nay chỉ còn là cái "Cười Nửa Miệng." Và theo Tú Mỡ: "Ngày Nay là hình ảnh trung thực của tâm trí mọi tầng lớp bình dân trong nước, là người bạn tri kỷ, vui vẻ khuyên nhủ mọi người, mách bảo những sáng kiến hay, cần thiết cho cuộc đời mới."

Năm 1936, chính phủ bình dân lên cầm quyền tại Pháp, chính phủ thực dân thuộc địa bắt buộc phải nới tay, Ngày Nay viết mạnh bạo hơn. Hoàng Đạo viết một số bài in trên Ngày Nay được gom lại in thành tập Mười Điều Tâm Niệm. Mười Điều Tâm Niệm đúc kết nhiều ý tưởng đã từng được phổ biến trong Phong Hóa và thêm vào đó một vài điều mới, mục đích kết hợp thanh niên cho một cuộc cách mạng tương lai:

1. Theo mới, hoàn toàn theo mới: bỏ văn hóa cũ, theo văn hóa Tây Phương;
2. Tin ở sự tiến bộ một ngày có thể một hơn;
3. Sống theo một lý tưởng;
4. Bỏ óc vị kỷ, làm việc xã hội;
5. Luyện tính khí để giữ vững nhân phẩm;
6. Phụ nữ phải ra ngoài xã hội, bình đẳng với nam giới về quyền lợi và nghĩa vụ;
7. Luyện lấy bộ óc khoa học;
8. Lập sự nghiệp, bỏ óc hư chuộng công danh;
9. Luyện thân thể cường tráng;
10. Học trí xếp đặt và tổ chức của Thái Tây, bài trừ thói luộm thuộm cẩu thả.

Với ngòi bút sắc bén, Hoàng Đạo viết về những vấn đề chính trị và xã hội, vạch trần những thối nát của chế độ phong kiến. Ông viết về tự do nghiệp đoàn, báo chí, về đời sống dân quê trong Bùn Lầy Nước Đọng, và về công bằng và luật pháp trong Trước Vành Móng Ngựa.

Để kết luận, trong cuộc cách mạng không đổ máu này, Phong Hóa đã thành công rực rỡ. Không những bằng tiếng cười, mà bằng thơ, bằng tiểu thuyết, bằng những sáng tác văn nghệ Phong Hóa đã đi sâu vào tâm hồn, thay đổi cách nhìn, cảm nghĩ của cả một thế hệ độc giả.

Năm 1940, nhóm ngừng hoạt động, đi làm cách mạng chính trị. Bị săn bắt, Nhất Linh chạy thoát sang Tàu. Hoàng Đạo, Khái Hưng ở nhà bị bắt giam ở Vụ Bản.

Thời đại Phong Hóa

Báo Phong Hóa nguyên là của mấy vị giáo sư trường tư thục Thăng Long, ra đời năm 1932, với ông Phạm Hữu Ninh, người sáng lập trường Thăng Long làm quản lý, Nguyễn Xuân Mai giám đốc

chính trị và Trần Khánh Giư (Khái Hưng), giáo sư Thăng Long, làm chủ bút. Lúc đầu, Phong Hóa rất được chú ý nhưng có lẽ vì thái độ chung chung, thiếu mạnh dạn khiến cho báo mất độc giả, sống dở chết dở, đến độ sắp phải đình bản.

Năm 1930, Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), mới 24 tuổi, từ Pháp trở về nước, trong đầu là cả một chân trời mới, ý tưởng mới muốn thay đổi hẳn những quan niệm về xã hội và văn chương đất Việt. Để thực hiện được cuộc cách mạng xã hội này, ta khó có thể tìm được người có khả năng hơn Nhất Linh. Ông là một người có tài tổ chức, có con mắt nhìn người rất tinh và nhất là học rộng, biết nhiều, tài hoa, nghệ sĩ: năm 1925, vào học trường thuốc, bỏ trường thuốc vào học trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, rồi đến năm 1927 xin đi Tây học, sau hai năm, đỗ cử nhân Khoa Học.

Về nước, Nhất Linh xin phép làm báo Cười, nhưng mãi mãi không được. Người ta có lý do để không sốt sắng lắm với một ông đi Tây về, đã hấp thụ đủ không khí tự do dân chủ của mẫu quốc, và ông này muốn làm báo Cười! Ông đề nghị với ông Ninh và ông Mai mua lại Phong Hóa, nhượng cho mình làm chủ bút. Mọi người đều có lợi: Phong Hóa không bị đình bản, ông Ninh ông Mai vẫn giữ nguyên chức, có lương tháng và Nhất Linh có báo. Phụ trách đắc lực, trông coi báo cùng ông có Hoàng Đạo và đám anh em trong nhà: Nguyễn Tường Cẩm, Nguyễn Tường Lân (Thạch Lam) và Nguyễn Tường Bách; bên ngoài có Tú Mỡ, Khái Hưng, Thế Lữ và đám họa sĩ tài ba bên trường Mỹ Thuật.

Báo Phong Hóa, từ nhiều số trước, đã quảng cáo ở trang nhất, ngày thứ năm 22 Sept. 1932, báo Phong Hóa sẽ ra số mới, từ 9 đến 12 trang, mỗi số 7 xu! Phong Hóa số mới và số cũ khác nhau thế nào? Ngày thứ năm 22 Sept. 1932, Phong Hóa số **14** đổi mới ra mắt độc giả, như một trái bom. Tờ báo không còn đen ngòm từ đầu đến cuối như tờ báo hàn lâm Nam Phong. Phong Hóa đã mang lại một món quà mà độc giả Việt chưa bao giờ được thưởng thức – cái cười – với những mẩu chuyện, bài vở (Phan Khôi có cả một bài bàn về "Cái địa vị khôi hài trên đàn văn"; bài "Tình Già" của ông cũng được đăng trong Phong Hóa), rải rác trên trang Phong Hóa có những biếm họa, hí họa duyên dáng, mỹ thuật, rất nhiều vẽ bởi chính Nhất Linh (Đông Sơn), một ít vẽ bởi Hoàng Đạo (Tứ Ly).

Phong Hóa thành công nhanh chóng về mọi phương diện. Báo phát hành mỗi kỳ tăng vọt từ 3000 đến 10000, một con số khổng lồ trong làng báo Việt. Một năm sau khi Phong Hóa ra đời, Tự Lực Văn Đoàn được tuyên bố thành lập, và rồi để kỷ niệm ba năm ngày báo ra đời, Hoàng Đạo có thể hoan hỉ viết:

Ba năm qua... Sự thay đổi của phong tục, tuy chưa rõ rệt; nhưng sự thay đổi linh hồn của dân ta đã ngấm ngầm, từ tốn mà tiến hành, không có sức mạnh nào ngăn lại được nữa...

Đọc lại Phong Hóa, một tờ báo có ảnh hưởng lớn trong xã hội và văn chương Việt, người đọc có cảm giác là lạ của khán giả đang xem một tấn tuồng, rất gần mà cũng rất xa. Có lẽ đây là một xã hội giả tưởng Paradiso trong Divine Comedy của Dante, trong đó các diễn viên, *les indigènes,* sống có vẻ thanh bình sung sướng, đi chơi Hội Tây Cát-tó **(2)**, vui cười xem trò "liếm chảo" hay "câu xu"; nhưng người ta cũng biết tai vạ không xa vì thỉnh thoảng báo lại loan tin mấy người cách mạng bị chém đầu.

Thời đại Phong Hóa là một thời đại phức tạp, cả nước hãy còn bàng hoàng, bất an về những khủng bố của chính quyền thuộc địa đầu thập niên 1930. Đó là cái thời mà dân bản xứ được ru ngủ bằng những chợ phiên, những cuộc đua thể thao... đang mọc lên như nấm. Sản phẩm thặng dư của thời đại là công tử Hà Nội, ăn mặc đúng mốt Paris, lăng xăng đi lại trong chợ phiên, tay cầm yoyo hoặc ném confetti lên đầu các cô "tân thời". Nếu các cô tân thời có tình cờ mặc áo dài Lemur của họa sĩ Cát Tường của Phong Hóa thì ta cũng không nên trách Phong Hóa hay nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã bày đầu cho họ. Trước những cảnh lố lăng đó, các cụ ta cảm thấy bất an là phải, không hiểu rằng đó là những sản phẩm thặng dư của thời đại không thể tránh được, thời nào cũng có.

Ong Nghe Tuong

Thời đại Phong Hóa được hưởng trực tiếp kết quả của chính sách khôn ngoan của quan toàn quyền trứ danh Sa-Lộ (Albert Sarraut), ru ngủ được dân An Nam suốt thời kỳ chiến tranh Pháp-Đức, hứa hẹn khai hóa, mở mang đại học cho thanh niên có hy vọng mà chờ. "Sa-Lộ đại nhân" được tán tụng như một ân nhân của nước Việt qua bài diễn văn nổi tiếng ông đọc ở Văn Miếu Hà Nội, sau này thường được gọi là "Le grand discours de la Pagode des corbeaux." Dù sao, ta phải lương thiện nhận rằng những Nguyễn Mạnh Tường, Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long... có điều kiện được đi học dễ dàng hơn cũng là nhờ ở ông. Từ Pháp về, có những ông không có bằng cấp gì để khoe nên chỉ tự giới thiệu một cách giản dị: "Mr un tel, retour de France," nhưng cũng có không thiếu những ông hai ba bằng mà ông Nghè Tường là một.

Năm 1932, Nguyễn Mạnh Tường 22 tuổi về nước với hai bằng tiến sĩ (ở đâu đó trong Phong Hóa, Nhất Linh cẩn thận cắt nghĩa sự khác nhau giữa tiến sĩ quốc gia – docteur d'état và tiến sĩ đại học – docteur d'université rồi ông bỏ lửng ở đó!) Cả nước hoan hỉ. Ông Nghè Tường Trả Lời... trong Phong Hóa câu hỏi về văn học; ở bậc cao hơn, ông muốn xây dựng cả nền văn chương Việt bằng "những tảng đá chở từ Pháp về."

Đọc Phong Hóa, ta gặp lại hầu hết những bộ mặt quen thuộc tượng trưng một thời đại, những nhà trí thức lớn mà con số có lẽ chiếm không đầy một phần trăm dân số cả nước. Tuần nào ta cũng gặp lại một vài vị như Phạm Quỳnh, Nguyễn Văn Vĩnh, Nguyễn Văn Tố, Nguyễn Tiến Lãng, Nguyễn Khắc Hiếu... người nào Phong Hóa cũng tìm được một điều gì để nói. Tản Đà được Phong Hóa đặc biệt chiếu cố; hí họa kèm ở đây vẽ bởi chính Hoàng Đạo, giễu Tản Đà đang dạy làm thơ, "khó gì đâu, tửu nhập thi xuất!" người đứng vỗ tay trông hao hao giống Nhất Linh.

Sau này có tác giả phê bình tác dụng của Phong Hóa và nhóm Tự Lực Văn Đoàn là ru ngủ quần chúng, gián tiếp giúp chính quyền đế quốc; có lẽ các vị này viết theo một định kiến, do đấy, phiến diện và không công bình. Đọc Phong Hóa, quả thực ta thấy một thời đại thanh bình nhưng cũng đồng thời cảm thấy nó nguy trang những chống đối thụ động, những sôi sục bị đè nén chờ ngày bột phát. Ngày ấy đến vào cuối thập niên khi những người sáng lập nó: Khái Hưng, Nhất Linh, Hoàng Đạo... lặng lẽ ra đi!

Hoạt động chính trị

Nếu cần có một cái mốc để đánh dấu ngày chính quyền thực dân Pháp bắt đầu một cuộc khủng bố trắng trên dân Việt Nam thì ta không thiếu gì chọn lựa. Và một trong những ngày ta có thể chọn mà không sợ sai lầm là ngày 17 tháng 6 năm 1930. Vào ngày ấy, lúc 5 giờ 35 phút sáng, viên Công Sứ De Bottini vẫy tay lần thứ 13, ra lệnh cho lưỡi dao máy chém rơi xuống và đầu nhà cách mạng Nguyễn Thái Học rơi khi ông chưa kịp hô xong khẩu hiệu: "Việt Nam muôn năm!"

Hàng ngàn người chết, bị chém giết, tù đầy; phong trào cách mạng trong nước gần như hoàn toàn tê liệt. Trong thời gian này, bắt đầu từ năm 1932, Hoàng Đạo cùng Nhất Linh viết và điều khiển tuần báo Phong Hóa. Đọc lại Phong Hóa, cứ vài số lại thấy vài dòng chữ nhỏ đưa tin năm ba người bị xử chém ở tỉnh này hay tỉnh khác. Trong hoàn cảnh này, những hoạt động chính trị

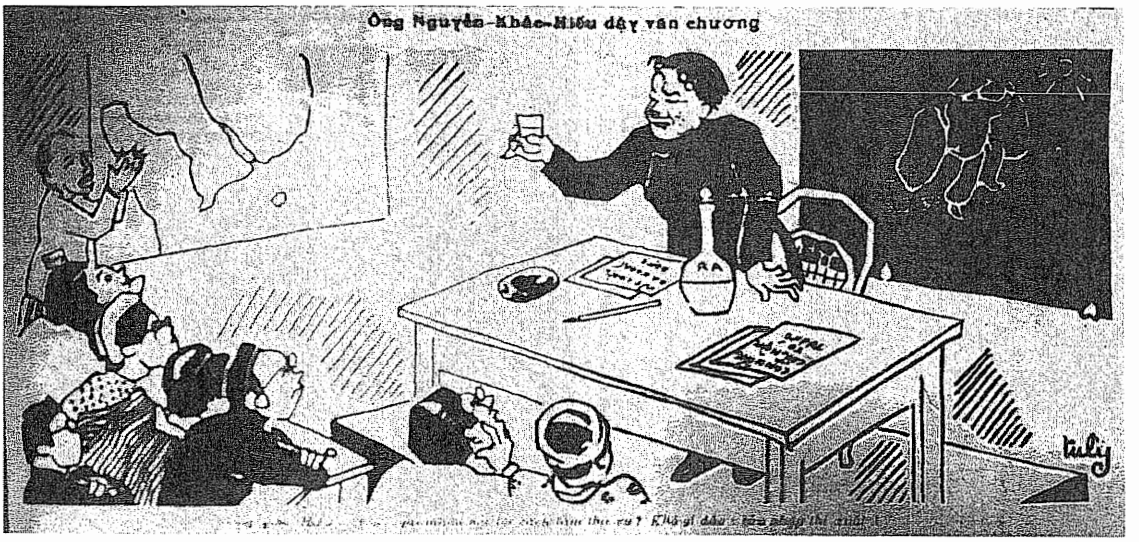

công khai của Hoàng Đạo giới hạn trong việc viết báo. Những hoạt động chính trị khác, nếu có, tất nhiên phải rất kín đáo, bí mật.

Phải chờ đến năm 1936, khi Mặt Trận Bình Dân lên nắm chính quyền ở bên Pháp với lãnh tụ đảng xã hội Léon Blum làm thủ tướng, không khí ở các thuộc địa mới dễ thở hơn. Các đảng cách mạng cũ như Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đông Dương Cộng Sản Đảng, Việt Nam Phục Quốc Đồng Minh Hội bắt đầu hoạt động trở lại. Một vài đảng cách mạng mới như Đại Việt Quốc Xã Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng, Đại Việt Dân Chính Đảng, Đại Việt Duy Dân Đảng cùng Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (Việt Minh) ra đời, hoạt động ráo riết. Đại Việt Dân Chính Đảng được thành lập bởi Nhất Linh cùng một số đồng chí của ông. Hoàng Đạo được cử làm Tổng Thư Ký.

Chính phủ của Thủ Tướng Léon Blum không sống lâu, được chừng một năm. Ông Chautemps lên thay thế, nhưng cũng chỉ thọ được vài tháng, cho đến tháng 3 năm 1938. Những cuộc đàn áp, bắt bớ bắt đầu trở lại. Cũng vậy thôi, vì ngay cả khi chính phủ Blum mạnh nhất cũng không hoàn toàn vượt qua được bức tường chống đối của phủ Toàn Quyền Đông Dương. Đại Việt Dân Chính Đảng bị khám phá và đàn áp. Rồi tiếp đến việc quân đội Nhật vượt biên giới Việt-Trung tại Lạng Sơn, tiến vào Đông Dương tháng 9 năm 1940. Để đề phòng sự chống đối trong khi có mặt quân đội Nhật, chính quyền thực dân Pháp ra lệnh bắt giữ một số đông những chính khách và những nhà cách mạng Việt Nam, tập trung tại Sơn La và Vụ Bản, Hòa Bình.

Bên Trung Quốc, Nhất Linh cố tổ chức thống nhất ba đảng Đại Việt Quốc Xã Đảng, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Dân Chính Đảng. Vài buổi họp với các ông Nguyễn Tiến Hỷ, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ và Vũ Quang Phẩm đưa đến sự thống nhất trên nguyên tắc như sau: "Ở hải ngoại thì lấy tên là Việt Nam Quốc Dân Đảng vì ngoại quốc biết nhiều hơn. Còn ở trong nước thì lấy tên là Đại Việt Dân Chính Đảng. Các điều khác sẽ bàn sau."

Năm 1941, Hoàng Đạo cùng nhiều đồng chí khác bị bắt an trí ở Vụ Bản, Hòa Bình. Cho mãi đến cuối năm 1942, đầu năm 1943 chính quyền Pháp mới dần dần trả tự do cho các phần tử cách mạng VN. Họ bắt đầu hoạt động trở lại.

Để che đỡ cho những đảng viên khác, một số nhân vật có tên tuổi như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Hữu Đạt, Ngô Thúc Địch và Nhượng Tống công khai lập Tân Việt Nam Quốc Dân Đảng, có trụ sở ở phố Trường Thi, Hà Nội. Tân VNQDĐ đứng ra liên minh với các đảng bạn để thành lập Mặt Trận Đại Việt Quốc Gia Liên Minh vào đầu năm 1944 với mục đích là "thân Nhật để hạ Pháp" (theo Hoàng Văn Đào – Việt Nam Quốc Dân Đảng). Ban Chấp Hành Trung Ương của Mặt Trận Đại Việt Quốc Gia Liên Minh gồm có Nguyễn Xuân Tiếu làm chủ tịch với các thành viên Hoàng Đạo, Trương Tử Anh, Ngô Thúc Địch, Nhượng Tống...

Tình hình thế giới thay đổi. Tháng 10 năm 1943, Tướng MacArthur bắt đầu đổ bộ lên Phi Luật Tân. Và rồi rất có thể quân đội Đồng Minh sẽ đổ bộ vào Đông Dương, khi ấy quân đội Thiên Hoàng sẽ phải đối phó cả hai mặt, trong và ngoài. Tối ngày 9 tháng 3 năm 1945, quân đội Nhật tấn công bất ngờ các đồn binh Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Không đầy 24 tiếng đồng hồ, ngoại trừ một số quân lính gần biên giới trốn thoát sang lãnh thổ Trung Hoa, quân đội Nhật làm chủ tình hình, đã bắt giam các tướng lãnh cùng tất cả những bộ phận cai trị của Pháp. Tổng Tư Lệnh quân đội Nhật tại Đông Dương tuyên bố: "Chính phủ Đông Kinh long trọng trao trả độc lập cho Việt Nam để cùng lập khối thịnh vượng chung Đại Á Tế Á."

Kể từ ngày này, Việt Nam như trong cơn gió lốc. Việt Nam độc lập trong khối thịnh vượng chung Đại Á Tế Á? Để có một nhận định sáng suốt hơn, ta hãy đọc một câu chuyện nhỏ trong cuốn Hồi Ký của Bác Sĩ Nguyễn Xuân Chữ.

"Một nhà lão cách mệnh trong Nam, bị chính quyền Pháp truy tầm, đến một căn cứ Nhật ở Tân Sơn Nhất xin trú ẩn. Viên Đại Tá Nhật vui lòng nhận cho ở đỡ mấy ngày và nói:

- Với tôi, ông xưng là một nhà ái quốc không sao. Nhưng tôi khuyên ông, khi đến trú ẩn sau này, ở nơi người Nhật khác, ông đừng giới thiệu ông là một nhân vật cách mệnh. Thực dân Tây, Đông đều như nhau. Người Nhật, trong thâm tâm, không quý trọng những nhà ái quốc Việt Nam như ông tưởng đâu."

Thực dân Tây, Đông đều như nhau! Một ủy ban chính trị Bắc Kỳ được thành lập dưới sự lãnh đạo của Mặt Trận Đại Việt Quốc Gia Liên

Minh để liên lạc với giới quân sự Nhật. Nhưng người Nhật không muốn làm đảo lộn guồng máy cai trị trong lúc chiến tranh bước vào giai đoạn quyết liệt, đã quyết định giữ lại vai trò của Hoàng Đế Bảo Đại. Mặt Trận Đại Việt Quốc Gia Liên Minh tuyên bố rút lui và giải tán ủy ban chính trị Bắc Kỳ.

Ngày 27 tháng Giêng năm Bảo Đại thứ 20 (11 tháng 3 năm 1945), Viện Cơ Mật thừa lệnh Hoàng Đế Bảo Đại tuyên cáo độc lập, hủy bỏ tất cả những hiệp ước đã ký với nước Pháp. Ngày 17 tháng 4, Hoàng Đế Bảo Đại yêu cầu học giả Trần Trọng Kim lập tân Nội Các. Nội Các Trần Trọng Kim không có chính trị gia, gồm toàn những nhân vật trí thức tận tụy với chức nghiệp, đặc sắc ở một điểm là không có Bộ Quốc Phòng **(3)** và cũng rất đặc sắc là dù đời sống của nó ngắn ngủi (chừng bốn tháng), trong một hoàn cảnh rất khó khăn, dưới sự lãnh đạo của giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã thiết lập được nền tảng cho nền giáo dục của Việt Nam ở bậc trung học.

Ngày 6 tháng 8 năm 1945, Hoa Kỳ ném bom nguyên tử xuống Hiroshima. Nhật sửa soạn đầu hàng khiến cho tình thế hoàn toàn thay đổi. Ngày 7 tháng 8, Nội Các Trần Trọng Kim đệ đơn lên Hoàng Đế Bảo Đại xin từ chức. Nhà vua chấp thuận nhưng lưu lại với tư cách xử lý thường vụ. Trong tình trạng này, Triều Đình Huế gửi điện văn ra Bắc mời vào Huế ba nhân vật là BS Nguyễn Xuân Chữ, Nguyễn Tường Long (Hoàng Đạo) và Đặng Thái Mai. Nguyễn Tường Long đang mắc bệnh thương hàn, phải nằm điều trị tại một bệnh viện, BS Chữ có đến thăm; còn Đặng Thái Mai thì tìm không thấy.

Chưa quyết định đi thì GS Hoàng Xuân Hãn được cử làm đặc phái viên của chính phủ, đã từ Huế ra Bắc với quyền thay mặt Thủ Tướng giải quyết tại chỗ những vấn đề khẩn cấp. GS Hãn quyết định sự có mặt tại Hà Nội của BS Chữ là cần thiết, bèn đề nghị Thủ Tướng điện ra một sắc lệnh thiết lập một cơ cấu chính trị gọi là Ủy Ban Giám Đốc Chính Trị Miền Bắc gồm năm ủy viên: một chủ tịch là BS Nguyễn Xuân Chữ và bốn thành viên là Phan Kế Toại, Trần Văn Lai, Đặng Thái Mai và Nguyễn Tường Long.

Tình hình rất rối ren. Không có sắc lệnh riêng về Khâm Sai Phan Kế Toại. Có thể chức Khâm Sai không còn nữa vì Phan Kế Toại đã ở trong Ủy Ban Chính Trị? Có thể chức Khâm Sai vẫn còn và đặt dưới quyền Ủy Ban? Và cũng có thể Ủy Ban đặt bên chức Khâm Sai để trợ lực? Thêm vào đó, trong năm thành viên của Ủy Ban thì Nguyễn Tường Long còn ốm, Đặng Thái Mai chưa hề có mặt; còn lại ba, thì Phan Kế Toại vắng mặt ngay hôm sau ngày có sắc lệnh thiết lập Ủy Ban, Trần Văn Lai, thị trưởng thành phố Hà Nội, công việc nơi Tòa Thị Chính đã chiếm hết thời giờ. Còn lại một mình Bác Sĩ chủ tịch với quyền hạn không rõ rệt. Dù sao chăng nữa, chức vụ và trách nhiệm cũng chỉ có tính cách hàn lâm vì những biến chuyển chính trị đã đến quá nhanh chóng và đột ngột: Cách Mạng tháng Tám **(4)** thành công và, trong Huế, Hoàng Đế Bảo Đại đã tuyên bố thoái vị và nhận chức Cố Vấn trong chính phủ lâm thời!

Được tin Nhật sắp đầu hàng Đồng Minh, các đảng phái quốc gia **(5)** họp khẩn cấp để hoạch định một chương trình hành động. Chiều ngày 11 tháng 8 năm 1945, Ban Chấp Hành Mặt Trận Đại Việt Quốc Gia Liên Minh họp để quyết định việc cướp chính quyền. Hội nghị chia làm hai phái rõ rệt. Một phái gồm có Trương Tử Anh, Chu Bá Phượng và đại diện của Nguyễn Tường Long (vẫn ốm, nằm nhà thương) muốn chờ quân đội cách mạng ở Hải Ngoại cùng quân đội Đồng Minh (Tàu) sắp nhập cảnh từ Lào Kai, Lạng Sơn và Móng Cái, rồi sẽ lập chính phủ có Đồng Minh hậu thuẫn. Còn phái kia, đại biểu là Nguyễn Xuân Tiếu, chủ trương nên dựa thế lực quân đội Nhật cướp chính quyền ngay rồi sẽ lập chính phủ sau.

Ta đã biết những gì đã xảy ra. Ông Hoàng Văn Đào, một trong những đảng viên sáng lập Việt Nam Quốc Dân Đảng viết: "Các lãnh tụ các đảng phái quốc gia đã thiếu hẳn về phần thủ đoạn chính trị trong những trường hợp phải áp dụng linh động để đoạt lấy phần thắng lợi về mình." BS Nguyễn Xuân Chữ (không kể tên) kể lại chuyện hai vị, một là lãnh tụ (Nguyễn Xuân Tiếu) và một phó lãnh tụ một đảng cách mệnh đã từng cộng tác với quân đội Nhật và cộng tác chặt chẽ trong thời kỳ đảo chính, đến ép một cách ngoạn mục ông Khâm Sai Phan Kế Toại từ chức để nhường chỗ cho vị lãnh tụ đảng nhưng không thành công.

Trước việc Mặt Trận Việt Minh đã cướp chính quyền là một sự đã rồi, ba đảng: Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt Quốc Dân Đảng và Đại Việt Dân Chính Đảng, tái họp để thi hành việc thống nhất như đã quyết định ở Trùng Khánh hồi tháng 5 năm 1945. Đầu tháng 12 năm 1945,

Trung Ương Đảng Bộ Quốc Dân Đảng được thành lập, gồm hai bộ phận: bí mật và công khai. Bộ chỉ huy tối cao bí mật gồm có Trương Tử Anh, Nguyễn Tiến Hỷ, Vũ Hồng Khanh, Nghiêm Kế Tổ và Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh). Chủ tịch đoàn công khai gồm có một chủ tịch Trương Tử Anh, một bí thư trưởng Vũ Hồng Khanh và ba ủy viên: Xuân Tùng, Nguyễn Tường Long và Phạm Khải Hoàn. Sau chủ tịch đoàn là một ban Ủy Viên Trung Ương gồm có nhiều ủy viên. Trụ sở công khai của Quốc Dân Đảng đặt tại trường tiểu học Đỗ Hữu Vị, Hà Nội.

Nhưng cũng như những lần trước, thời cuộc lại bỏ rơi những cố gắng mới. Mặc dù hết sức chống cộng sản, những phần tử quốc gia, trước hiểm họa có thể ảnh hưởng đến sự tồn vong của chính họ, không thể nhắm mắt trước những ngoan cố, dã tâm của thực dân Pháp với sự trợ giúp của thực dân Anh. Ngày 23 tháng 10 năm 1945, một thỏa hiệp được ký kết giữa Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần. Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Long được mời tham gia chính phủ nhưng cũng chẳng đi đến đâu. Tình thế cấp bách; điều đình dằng dai mãi, đầu tháng 3 năm 1946, một chính phủ liên hiệp được thành lập với Chủ Tịch Chính Phủ Hồ Chí Minh, Phó Chủ Tịch Nguyễn Hải Thần và Cố Vấn Chính Phủ Vĩnh Thụy (Cựu Hoàng Bảo Đại).

Giữa tháng 3 năm 1946, với sự thỏa thuận của Trung Quốc, quân đội Pháp đổ bộ vào Bắc Việt. Nguyễn Tường Tam, Bộ Trưởng Ngoại Giao của chính phủ liên hiệp hướng dẫn phái đoàn Việt Nam điều đình với Pháp tại Đà Lạt. Hội nghị thất bại. Sẽ còn hội nghị với Pháp nữa để cứu vãn tình thế, nhưng thực chất là để mua thời giờ sửa soạn cho cuộc kháng chiến chống Pháp sắp tới. Chính phủ thành lập Mặt Trận Liên Hiệp Quốc Dân Việt Nam gọi tắt là Liên Việt để thu hút mọi tầng lớp nhân dân. Chủ tịch Trung Ương của Liên Việt là cụ Huỳnh Thúc Kháng, phó chủ tịch Tôn Đức Thắng, bí thư Cù Huy Cận với các ủy viên là Trần Huy Liệu, Phạm Ngọc Thạch, Ngô Tử Hạ và Nguyễn Tường Long.

Đầu tháng 5 năm 1946, quân Tàu của Lư Hán và Tiêu Văn bắt đầu rút lui về Trung Hoa để nhường chỗ cho quân đội Pháp đã đến để thay thế từ tháng 3, những người quốc gia mất hết điểm tựa. Ông Nguyễn Hải Thần đã bỏ đi Quảng Tây từ cuối tháng 3; Ngoại Trưởng Nguyễn Tường Tam, từ chối không hướng dẫn phái đoàn Việt Nam đi dự hội nghị tại Pháp, bỏ sang Vân Nam vào cuối tháng 5; Vũ Hồng Khanh rút về Việt Trì vào thượng tuần tháng 6 rồi sau cũng chạy sang Trung Hoa. Trong hoàn cảnh ấy, Trung Ương Đảng Bộ Quốc Dân Đảng được tổ chức lại vào đầu tháng 7, gồm một quyền Tổng Thư Ký và 11 Ủy Viên với Nguyễn Tiến Hỷ quyền Tổng Thư Ký và Hoàng Đạo, một trong những Ủy Viên.

Cuối cùng, cuối năm 1946, Hoàng Đạo cũng

– Vì ăn kiêng, dân quê mình quanh năm dùng toàn rau muống, rọc rạy, rau khoai chấm nước cáy, chứ không dám đụng đến thịt cá.

chạy sang Côn Minh để tiếp tục hoạt động. Năm 1948, bà Hoàng Đạo từ Hà Nội sang thăm chồng. Cụ Trương Bảo Sơn kể lại chính cụ đã sắp xếp giúp ông bà Hoàng Đạo ở Hương Cảng. Sau khi bà về nước, Hoàng Đạo đến ở với gia đình cụ, chờ xe lửa về Quảng Châu. Ngày hôm sau, trên đường về, trên chuyến xe lửa Hương Cảng – Quảng Châu, Hoàng Đạo chết bất ngờ vì bệnh đứt mạch máu khi đến trấn Thạch Long và đã được thân nhân chôn ở trấn này. Ông mất khi mới 43 tuổi.

Không thành công thì thành nhân

Với câu nói lịch sử ấy của nhà cách mạng Nguyễn Thái Học, Việt Nam lao mình vào cuộc khởi nghĩa đẫm máu vào đầu năm 1930. Không thành công, kết quả là những cuộc khủng bố dai dẳng mãi cho đến ngày Tây thua trận và Việt Nam độc lập. Nhìn lại, câu nói không thể chấp nhận được như một quốc sách, đó là một tiếng kêu tuyệt vọng. Thật vậy, như một đảng chính trị trong một nước bị trị đang trong một cuộc tranh đấu sống còn, cơ cấu tổ chức của Việt Nam Quốc Dân Đảng có nhiều thiếu sót trầm trọng, an ninh nội bộ của đảng thủng dột lỗ chỗ như một cái sàng. Mật thám Tây xâm nhập, hình như biết khá rõ chương trình hành động của đảng, thỉnh thoảng lại kéo một mẻ lưới, mỗi lần bắt được vài chục đảng viên. Đảng quyết định tiến hành cuộc Tổng Khởi Nghĩa bởi vì, nếu không, chẳng mấy chốc đảng viên sẽ bị bắt hết.

Cũng dễ hiểu thôi. Nếu Việt Nam có một Nguyễn Thái Học thì cũng có không thiếu gì những BS Lê Quang Trinh, những nhà trí thức thứ này ngay cả ngày nay cũng hãy còn hiện hữu, vất vưởng quanh đây. Ông bác sĩ, hội viên Hội Đồng Chính Phủ, đã viết trong báo Le Progrès Annamite ra ngày 20 tháng 7 năm 1929 như sau (dịch theo Hoàng Văn Đào – VNQDĐ):

"Thí dụ có một ngày nước Pháp lấy làm chán những sự oán vọng luôn luôn của mấy tờ báo tự nhận là theo chủ nghĩa quốc gia, mà bỏ chúng ta không bảo hộ cho nữa! Thì sẽ trở ra làm sao?"

Ông đưa ra bốn hiểm họa lớn: thứ nhất là Nhật, thứ hai là Tàu. Nhưng hiểm họa lớn thứ ba mới thực là độc đáo hơn hẳn:

"3. Nước Xiêm định ý không kém rõ ràng, cũng có thể đem ngay 600 000 quân và một đội phi cơ để tàn phá nước ta. Chúng ta nghĩ tới việc đó không??? (Le Siam, dont les visées ne sont pas moins manifestes, nous envahirait incontinent avec son armé de 600 000 hommes et avec sa flotte aérienne. Qu'aurions-nous à lui opposer? Etre dominés par les Siamois? N'y avons-nous jamais songé???)"

Một câu hỏi với ba dấu hỏi, không kém! Ông bác sĩ quả có tầm mắt nhìn xa vô địch, trông thấu suốt tương lai. Ông chỉ bị hụt ở một điểm, ấy là với "600 000 quân và một đội phi cơ" ở trên đất nước thì đến cả nước Pháp cũng không bảo hộ ta được, dân Việt phải tự lực cánh sinh thôi. *Etre dominés par les Siamois?* "Không, không bao giờ, không thể để cho bọn Xiêm ngự trị ta được," đó phải là ý nghĩa của câu trả lời của nhà cách mạng họ Nguyễn, qua câu: "không thành công thì thành nhân." Nhưng hành động để trả lời câu hỏi của ông thì lại trái hẳn với ý định của ông bác sĩ, bất chấp cả cái Hội Đồng Đề Hình khốn kiếp của Tây, một thứ vòng kim cô đáng ghét đang siết chặt trên đầu dân Việt. Cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thái Học làm bùng cháy ngọn lửa quật cường, yêu nước của dân tộc. Thất bại của ông là một bài học sáng giá cho những người đi sau, vạch rõ đâu là những cạm bẫy phải tránh. Đó là vài lý do tại sao những thành phố Việt Nam ngày nay còn có nhiều đường phố mang tên Nguyễn Thái Học.

Việt Nam Quốc Dân Đảng sau Nguyễn Thái Học không còn oanh liệt như xưa, có lẽ tại vì các vị lãnh tụ không đủ tầm cỡ. Đọc lịch sử đảng qua cuốn sách của Hoàng Văn Đào, ngoài 500 trang trong đó gần 200 trang tả lại những đụng độ võ trang lẻ tẻ trong đó bộ đội VNQDĐ chiến đấu anh dũng, gần như bao giờ cũng thắng; vậy mà đến cuối sách thì đảng tự nhiên hầu như biến mất. Đi thêm vào chi tiết sẽ quá xa phạm vi của bài viết. Ta chỉ cần nhìn qua Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc một lần cuối cùng.

Thượng tuần tháng 7 năm 1950, một Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc được triệu tập ở Hà Nội, có mặt hầu hết các yếu nhân VNQDĐ: Vũ Hồng Khanh (lúc này từ bên Tàu đã về Hà Nội), Ngô Thúc Địch... nhưng không có Nhất Linh (ông không làm chính trị nữa), Hoàng Đạo đã mất được hai năm. Hội nghị họp trong bốn ngày, mỗi ngày vắng đi mất một ít đại biểu với Vũ Hồng Khanh vắng mặt ngay ngày thứ nhì. Hội nghị quyết định giữ tên Việt Nam Quốc Dân

Đảng thay vì đổi tên thành Quốc Dân Đảng Việt Nam, nhưng đó là một VNQDĐ sứt mẻ, chia bè kéo cánh. Từ đầu năm 1951, VNQDĐ có hai Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Bộ đối chọi nhau, một phe là Vũ Hồng Khanh và phe kia, Ngô Thúc Địch.

Năm sau, Vũ Hồng Khanh ra làm Bộ Trưởng Bộ Thanh Niên còn Ngô Thúc Địch thì nhận chức Phó Thủ Tướng trong Chính Phủ Nguyễn Văn Tâm. Những đồng chí của họ phản đối bị mật thám Tây săn bắt. Việc tham chính này không phù hợp với đường lối của đảng, nhất là với một nhân vật như Vũ Hồng Khanh (mới mấy năm trước hãy còn làm Tổng Tư Lệnh VNQDĐ, chỉ huy đến 10 000 quân), có thể cho thủ tiêu không gớm tay một số đảng viên mà ông ta nghi ngờ (nhầm) có ý định hợp tác với cộng sản ("thủ tiêu", chữ dùng của ông Hoàng Văn Đào – VNQDĐ). Nguyễn Văn Tâm là một ông Tây, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, Tây đến độ ông Trần Văn Hữu, một ông Tây khác, phải nói: "Tâm là nhà ái quốc, một nhà ái quốc Pháp." Hơn nữa, Tây 1952 ngoan cố, xảo quyệt không khác Tây 1946 bao nhiêu; vua Bảo Đại, nay là Quốc Trưởng, cũng phải than cho độc lập đến năm lần mà vẫn chưa xong! Vũ Hồng Khanh, Ngô Thúc Địch tất biết rõ những điều đó. Bị các đồng chí cũ phản đối dữ dội rồi khai trừ, Ngô Thúc Địch cuối cùng từ chức. Sau mấy chục năm làm cách mạng, các vị này đã mỏi gối chồn chân?

Những sự việc trên tương phản, làm nổi bật nhân cách của mấy anh em họ Nguyễn Tường. Hoàng Đạo đã mất sớm còn Nhất Linh giữ vững lòng trung chính cho đến khi ông chết. Giá trị chính của những hoạt động chính trị của họ là giữ cho ngọn lửa yêu nước cháy âm ỷ trong người dân Việt. Thật vậy, đọc qua mấy trang viết về cuộc đời hoạt động chính trị của Hoàng Đạo, ta thấy ông ở trong Ủy Ban Trung Ương này, Ban Chấp Hành nọ, toàn là những chức vụ quan trọng cả, nhưng ta vẫn không biết thêm nhiều về ông. Thành công của ông trong cuộc đời cách mạng tương đối giới hạn. Ngày nay, không nhiều người biết Nguyễn Tường Long nhưng, khá chắc chắn, nhiều người biết Hoàng Đạo. Để có một cái nhìn toàn diện, công bình hơn, ta phải đi tìm Hoàng Đạo ở một phương trời khác, văn hóa hơn; ở phương trời này làm cách mạng không nhất thiết phải chém giết thủ tiêu người khác và Nguyễn Tường Long – Tứ Ly – Hoàng Đạo cũng vẫn là một nhà cách mạng!

Oct 2005

Chú thích:

(1) *Chuyện Tăng Sâm bừa cỏ ruộng dưa, đánh đứt ít rễ bị cha đánh ngất đi rồi vì chuyện đó mà còn bị Khổng Tử mắng nữa. Xem Thày Tăng Sâm - Cổ Học Tinh Hoa, quyển 1.*

(2) *Hội Tây Cát-tó – quatorze Juillet, ngày kỷ niệm cách mạng Pháp, người ta hay đi xem có trò "liếm chảo" (mỡ những đồng xu vùi trong bột) hay "câu xu" (người ham mồi nhảy lên đớp, kẻ thả mồi giật lên) hay "leo cột mỡ".*

(3) *Từ đây, quốc hiệu là Việt Nam thay cho danh từ An-Nam dưới thời Pháp thuộc. Dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim, quốc kỳ của Việt Nam là cờ quẻ Ly, nền vàng giữa có ba vạch ngang màu đỏ mà vạch giữa đứt đoạn – quẻ Ly trong Kinh Dịch. Quẻ Ly trông giống chữ Vương (‹s) nhưng không có nét sổ và ở quẻ Ly, nét sổ lại trống không. Nhiều nhà nho cho cờ quẻ Ly là điềm xấu, báo hiệu nền quân chủ sụp đổ. BS Chữ nhận xét một cách khô khan* vua không có xương sống lấy gì để chống đỡ?

(4) *Cách Mạng tháng Tám, một số tác giả thấy có nhu cầu phải chính danh, gọi đó là Cướp Chính Quyền. Nếu Việt Nam không bị dính vào chuyện ngoại lai "cộng sản và thế giới tự do," có lẽ chuyện chính danh này không cần thiết và không xảy ra.*

(5) *Vì thói quen và cũng vì không có danh từ khác, hai chữ "quốc gia" được dùng để chỉ những tổ chức hay chế độ chủ trương việc bảo vệ chủ quyền của một nước, đối lại với "cộng sản," một tập thể vô tính, khổng lồ duy nhất bao trùm thế giới. Dùng hai chữ quốc gia theo nghĩa này có điều phiền là hai chữ cộng sản mất ý nghĩa. Trong thực tế, ta có Cộng Sản Nga, Cộng Sản Tàu... "quốc gia" hơn bất cứ một nước "quốc gia" nào trên thế giới, với Stalin là Nga Hoàng, Mao Trạch Đông là Tần Thủy Hoàng... của thời đại. Mấy nước cộng sản như Hung, Tiệp giữa thế kỷ thứ 20 chỉ là những quốc gia "quốc gia" quá yếu mà thôi.*

GS Hoàng Xuân Hãn có gợi ý này ở đâu đó. GS Lê Xuân Khoa, trong cuốn sách xuất bản mới đây, Việt Nam 1945-1995 (Tập I), cảm thấy cần phải chính danh hai chữ "quốc gia" và ông đã cho một định nghĩa.

Tài liệu tham khảo:

- *Nhật Thịnh*, Chân Dung Nhất Linh, *Đại Nam.*
- *Nhiều Tác Giả*, Nhất Linh – Người Nghệ Sĩ Người Chiến Sĩ, *Thế Kỷ 2004.*
- *Tạp chí* Phong Hóa *(1932-36)*, Ngày Nay *(1935-1939).*
- *Phạm Thế Ngũ*, Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên, *Đại Nam.*
- *Nguyễn Xuân Chữ*, Hồi Ký Nguyễn Xuân Chữ, *Văn Hoá 1996.*
- *Hoàng Văn Đào*, Việt Nam Quốc Dân Đảng, *1970.*

TANG TÓC KHÔNG NGỜ

HỨA BẢO LIÊN

Giữa năm 1948, một hôm cũng như thường ngày, tôi xách chiếc rọ đi chợ và cũng không quên tạt vào một tiệm tạp hóa duy nhất ở đó để xem có thư từ gì không, vì ở đây họ chỉ đưa thư tới đây, chứ không giao tận nhà như ở tỉnh. Vừa tới tiệm, bà chủ tất tả chạy ra và nói với tôi:

"Sáng hôm nay, có người ở Quảng Châu sang báo tin, có người Việt Nam họ Nguyễn, vừa mất trên chuyến xe lửa Hồng Kông – Quảng Châu. Họ gọi người nhà tới ga Thạch Long để nhận xác."

Tôi về kể lại, mọi người đều chột dạ, nhưng lại tự an ủi là người Việt họ Nguyễn thì nhiều, không chắc có phải là anh Long. Nhưng hôm đó mọi người đều thắc mắc lo âu.

Sáng hôm sau, tôi lại ra chợ, lần này thấy bà chủ tiệm, hình như đang đợi tôi. Thấy tôi bà nói luôn:

"Sáng nay lại có người sang nói, người mất trên xe tên là Nguyễn Phúc Vân" (Đấy là tên hiệu của anh Long, ít người biết).

Tôi không để bà ta nói hết, quẳng ngay chiếc rọ, chân dép chân đất, tất tả chạy về... Sau khi nghe tôi kể lại, mọi người đều im lặng, nhưng nước mắt đã tràn xuống...

Sau một thời gian ngắn để thương lượng, anh Bách chạy về nói với tôi:

"Sáng sớm mai, mọi người phải đi, xong trong nhà không có ai có đủ tiền, mà cũng không biết phải dùng hết bao nhiêu. Nay em sang Quảng Châu vay cô Bình 500 HK, nếu cô tạ không có thì nhờ cô vay hộ, xong việc sẽ trả ngay."

Tôi biết số tiền này rất cần, nhưng số tiền lớn như vậy, tương đương với hai lạng vàng, không biết có thể vay được ngay không? Nhưng nay không còn thì giờ để nghĩ ngợi được nữa.

Lúc đó vào buổi trưa, trời nắng chang chang, giao thông lúc này cũng không tiện lợi. Ra tới bến, tôi còn phải đợi tầu qua sông, và đi bộ khá xa. Nhà cô ta ở vào phố buôn bán, lại cũng không biết bấy giờ cô ta có ở nhà không?

Cô Bình là bạn học thân của tôi, khi còn ở Hà Nội. Vừa gặp cô, tôi nói luôn việc tôi muốn nhờ. Cô bạn biết tính tôi, nếu không cần lắm, tôi không bao giờ vay mượn ai cả. Nên sau khi nghe tôi nói, cô bảo tôi ngồi chờ.

Tôi thấy cô bận bịu chạy lên chạy xuống. Một lúc lâu, cô đưa cho tôi một tập giấy bạc hỗn độn giấy lớn, giấy nhỏ. Xem ra cô phải mượn tạm của mấy cô em dâu mới đủ. Tôi mừng quá, vội gài cẩn thận vào túi trong, rồi vội vàng cáo từ ra về.

Khi về đến nhà đã gần tối, cả nhà đang chờ đợi. Sau khi trao số tiền cho anh Tam, tôi mệt lử, vì trong nửa ngày hôm nay, tôi đã vừa đi vừa chạy không biết bao nhiêu cây số. Đó là chưa kể khi còn phải chờ đợi để chen chúc đáp tầu qua sông.

Sáng hôm sau, các anh dậy sớm lên đường. Tôi vì có con mọn nên các anh khuyên tôi ở lại coi nhà. Hôm đó tôi không còn tâm địa gì làm việc nhà, mà cũng không sao tưởng tượng được khi các anh nhìn thấy anh Long...

Hai hôm sau, các anh trở về, người nào người nấy bơ phờ như kẻ mất hồn, hai mắt đỏ hoe. Thật không có gì đau thương bằng trong lúc lưu vong, lại xảy ra sự sinh ly tử biệt này! Anh Bách có cho tôi biết, khi mở quan tài, mọi người đều khóc không ra tiếng; cảnh tượng này, không bao giờ quên được. Còn hành lý và giấy tờ trong người anh Long đã được nhà ga trao trả thân nhân chu đáo.

Một tháng sau thì chị Long cùng Minh Thu sang thăm mộ. Trông chị gầy hơn trước nhiều. Hai chị em tâm sự và cùng chia sẻ nỗi đau thương vô hạn.

Tôi cùng cháu Lan đưa chị tới Thạch Long. Vừa thấy mộ, chị khóc rất thảm thiết. Chị đặt một tấm bia lớn trước mộ. Lúc ra về chị ra thẳng Hồng Kông, còn tôi và cháu Lan quay trở về Quảng Châu. Tôi cũng không ngờ chuyến chia tay này là lần vĩnh biệt cùng chị, vì sau này tôi không có dịp gặp lại chị nữa.

Sau đó, anh Tam vì quá đau buồn, mắc bệnh yếu tâm thần, lại thêm bệnh đau dạ dầy, nên anh ra Hồng Kông để tiện chữa chạy. Tại đây anh tự nấu ăn, anh còn nghiên cứu món ăn không hại dạ dầy theo lối Pháp và Việt. Anh có đánh máy gửi cho tôi một bản, nhưng anh đã quên mất lúc đó tôi sao có đủ tiền để mua những miếng thịt để tập nấu!

Tới năm 1975, tôi có nhận được một bức thư cuối cùng của chị Long gửi cho chúng tôi. Trong thư chị nói:

"Chị không bao giờ quên được tình cảm của em đối với chị. Lòng chân thành của em, chị lúc nào cũng nghĩ tới. Tuy chị em mình không ở với nhau nhiều, nhưng có lẽ em với chị đã hiểu nhau hơn. Chị nay đang mắc bệnh, phải mổ mấy lần, nếu hai em không về sớm, chị e không còn gặp lại hai em đâu..."

Bức thư này, tôi còn giữ đến ngày nay. Với tình cảm chân thành của chị, tôi luôn luôn cầu mong mọi người trong đại gia đình đều được bình an khỏe mạnh.

Bài này trích từ cuốn "Nguyễn Tường Bách và Tôi" của Hứa Bảo Liên, tức bà Nguyễn Tường Bách, do tác giả xuất bản tại Hoa Kỳ năm 2005.

BÁC TƯ **HOÀNG ĐẠO**

DUY LAM

Đối với ba người bác chú nổi tiếng bên họ ngoại Nguyễn Tường của chúng tôi, đến nay tôi viết ít nhất về bác Tư Hoàng Đạo. Đơn giản, như tôi nhiều lần giải thích cho cô cháu gái Thơ Thơ, cháu ngoại của bác Tư, chẳng qua bác mất vào năm 1948 bên Trung Hoa, nên khi tôi bắt đầu lớn, tôi chẳng có dịp nào hoặc được sống gần hoặc làm việc với ông, nên chẳng biết gì nhiều về ông để có thể viết về những kỷ niệm trực tiếp với ông.

Mặt khác, chú Sáu Thạch Lam thì suốt thời thơ ấu cho mãi đến khi ông mất vì bệnh lao vào năm 1942, đã nhiều năm sống tại căn nhà cây liễu đầu làng Yên Phụ, cùng một làng với gia đình chúng tôi, nên có thể nói tôi biết rất nhiều và cũng nhớ khá nhiều về con người ông, gia cảnh và những thói quen hàng ngày của ông. Khi ông mất, khi bà ngoại tôi và mẹ tôi đang ngồi bên giường ông lúc ông hấp hối, tôi và Thế Uyên đang chơi đùa lẩn quẩn ngoài cái sân ngay trước nhà và tôi cũng đã có dịp dự đám tang của ông.

Đối với bác Ba Nhất Linh, ngoài những gặp gỡ ngắn tại tòa báo Ngày Nay hoặc tại nhà chú Sáu Thạch Lam, mãi đến sau năm 1949 khi ông trở về Hà Nội sau thời kỳ lưu vong bên Trung Hoa, tôi mới có nhiều dịp đạp xe đến nhà ông ở 15 Hàng Bè, để hỏi ông về chuyện viết văn thế nào và nên đọc những tác phẩm quốc tế nào để tìm hiểu về kỹ thuật viết của các nhà văn lớn. Sau khi bác Ba vào Nam vào năm 1952, rồi tôi bị động viên vào Thủ Đức vào năm 1953, bẵng đi một thời gian tôi không còn được gặp ông. Phải chờ đến cuối năm 1956, tôi từ Mỹ trở về sau hơn một năm làm thông dịch viên ở Fort Benning, tôi lại được lại ông và rồi khi ông cho ra đặc san Văn Hóa Ngày Nay và tôi được ông cho vào Ban Biên Tập, thực sự tôi mới có dịp may, làm việc sát cạnh với ông qua 11 số báo. Sau vụ chính biến 1960 tôi theo trường Đại Học Quân Sự lên Đà Lạt, nên chỉ vài lần về công tác mới ghé thăm bác Ba tôi ở 39 An Đông. Khi bác Ba mất, tôi đang ở Đà Lạt và đã cấp tốc về để cùng các anh trong họ Nguyễn Tường tổ chức đám tang ông cho thật lớn và có tác động chính trị đáng kể đến diễn biến của thời cuộc khá hỗn độn lúc đó.

Cũng là chuyện tự nhiên, tôi đã viết rất nhiều bài ký về chú Sáu và bác Ba, với nhiều kỷ niệm trực tiếp mà tôi đã chia sẻ với hai ông. Còn đối với bác Tư Hoàng Đạo, quả thật qua vài lần gặp gỡ khi cha mẹ tôi đưa tôi đến thăm ông tại căn nhà khang trang tại đường Hàng Vôi, hoặc khi ông ghé thăm gia đình tôi ở làng Yên Phụ, tôi đã chẳng nhớ và biết về ông bao nhiêu, và trong tâm hồn và trí nhớ tôi, bác Tư vẫn còn là một người phần nào xa lạ. Thiếu sự giao tiếp thân thiết và trực tiếp, có lúc tự hỏi lòng mình, tôi cũng khó tìm thấy những tình cảm thương mến sâu xa hoặc đầy xúc động đến với người bác đứng thứ tư trong gia đình bẩy người của mẹ tôi, tương đương với những tình cảm khó quên tôi đã cảm thấy đối với bác Ba Nhất Linh và chú Sáu Thạch Lam.

Cũng chính tôi khi bác Tư mất tại ga Thạch Long trên chuyến tàu dẫn ông trở về Quảng Châu, sau khi đưa vợ con đến HongKong đáp máy bay về nước sau chuyến thăm ông, đã là người viết thư từ Hà Nội báo tin cho bố mẹ tôi khi đó ở Hải Phòng, về chuyện bác Tư mất đột ngột vì bệnh tim. Khi đó tôi đang đi học thêm về Pháp văn và ngụ tại nhà bác Cả Nguyễn Tường Thụy tại đường Hàng Trống. Vì bà ngoại tôi khi đó còn ở cùng bác Cả, để giúp bác trông nom đàn con 11 đứa, được thông báo đầu tiên từ Trung Hoa về cái chết của người con thứ tư, nên tôi mới được biết sớm như vậy về sự ra đi của bác Tư. Mẹ tôi, sau này gặp tôi, đã cho biết khi nhận được thư báo tin của tôi, bà đã khóc nhiều không thua cái lần chú Sáu mất. Ba tôi còn nói một câu tiên đoán không ngờ đã tỏ ra khá đúng, khi ông nói với mẹ tôi, Anh Tư mất chắc anh Ba sẽ bỏ chính trị.

Qua sự quan sát của cặp mắt ngây thơ của tôi và nhất là qua những gì mẹ tôi cho tôi biết, tôi có cảm tưởng trong những anh em vợ của ba tôi bên họ Nguyễn Tường, ông thân nhất với bác Cả Nguyễn Tường Thụy, chú Sáu và tuy đã từng làm quản lý qua nhiều năm cho cơ sở Phong Hóa Ngày

Nay Đời Nay, làm việc rất chặt chẽ mật thiết với bác Ba, nhưng ba tôi có vẻ như không mấy gần gũi trong mối giàng buộc tình cảm với bác Ba, và thường nhắc đến bác Ba với cái giọng không trọng nể và khâm phục như ông thường có khi nhắc đến bác Tư. Có vẻ như có điều gì trục trặc giữa ba tôi và bác Ba dù ba là người em anh rể độc nhất của sáu anh em Nguyễn Tường. Sau này lớn tôi đã có một giả thiết, có thể vì ba tôi trước khi lấy mẹ tôi đã cùng chú Sáu chủ trương một tờ báo Phụ Nữ, chỉ ra được vài số thời chết, và ông cũng viết lách làm báo, nhưng tài năng đã không được bác Ba khám phá ra và lancer trên văn đàn, nên ông có phần ấm ức và có mặc cảm đối với người anh vợ sáng lập ra Tự Lực Văn Đoàn.

Về sau này, hễ có dịp viết về bác Ba hay Chú Sáu tôi thường duy trì những gì mình viết ra trong khuôn khổ những bài có tính cách hồi ký, đề cập tới những kỷ niệm hoặc những gì tôi biết về các ông, càng trực tiếp càng cụ thể càng tốt, và tránh không làm những nhận định hoặc văn học hoặc chính trị về những tác phẩm sáng tác hoặc các hành động chính trị của các ông. Tôi muốn mãi mãi viết về các bác các chú bên họ ngoại Nguyễn Tường như viết về những người thân, viết như là các chuyện trong họ trong gia đình. Thế Uyên vì còn là một nhà giáo dạy Việt văn, nên tuy cùng chia sẻ với tôi nhiều kinh nghiệm chung đối với các bác các chú ngoại nổi tiếng, nhưng hễ viết về các ông luôn viết như những bài khảo luận về văn học, nhiều hơn là các bài thể ký. Có lẽ vì lý do đó các bài Thế Uyên viết về bộ ba Nhất Linh Hoàng Đạo Thạch Lam luôn được giới khảo luận văn hóa và các sách báo văn học trích đăng và phổ biến rộng rãi hơn những bài tôi viết.

Vì mẹ chúng tôi là người con gái độc nhất trong cái chi họ Nguyễn Tường gồm bẩy người, nên khi bà lấy ba chúng tôi, ông đã nghiễm nhiên trở thành người em người anh rể độc nhất của gia đình Nguyễn Tường này và lũ chúng tôi bẩy đứa ba trai bốn gái của Gia Đình Tôi cũng đã trở thành những người cháu ngoại độc nhất của tất cả các ông bác ông chú Nguyễn Tường.

Qua những gì bố mẹ tôi trao đổi với nhau, hễ nhắc đến bác Tư ông bà đã có một cái giọng rất riêng đầy trọng nể và thương mến, mà hình như không thấy bộc lộ khi các ông anh em khác được nhắc tới.

Trong cuốn hồi ký của mẹ tôi xuất bản vào năm 1968 ở Sài Gòn, viết về Gia Đình Nguyễn Tường: Nhất Linh Hoàng Đạo Thạch Lam, thời nhiều anh em trai của bà đã qua đời như anh Cả, anh Hai, anh Ba, anh Tư và Chú Sáu. Chỉ còn mỗi chú Bẩy Tường Bách còn kẹt lại ở bên Trung Hoa là được đọc cuốn hồi ký rất cảm động mà người con gái độc nhất của gia đình các ông, đã viết những trang đẹp nhất về cuộc sống và cái tình anh em chị em rất bền vững, đã nối kết cái chi họ Nguyễn Tường nghèo nàn đã sống vất vả khó khăn tại cái huyện nhỏ hiu hắt Cẩm Giàng.

Mẹ tôi khi viết phần kết của chương Cái Chết của Hoàng Đạo, đã có những giòng: "Riêng vợ chồng chúng tôi thường nhờ anh nhiều vì lúc nào anh cũng để ý đến cuộc sống của chúng tôi, và cố tìm hết cách giúp đỡ, tuy anh cũng chẳng có nhiều tiền gì hơn bao nhiêu, nhưng tình anh em thiết tha với nhau là quý. Đến khi phải ra đi cũng còn cố xuống thăm lần cuối."

Vì trong họ gia đình chúng tôi và chú Sáu là hai gia đình quanh năm túng thiếu và gặp biết bao khó khăn của cảnh nghèo, nhất là lại còn đông con như gia đình tôi, nhưng trong những phần viết về các anh em khác, không thấy mẹ tôi đề cập tới chuyện có khi phải đến vay nợ bác Tư gái trong khi hầu hết các bà chị dâu của mẹ tôi đều là chủ nợ của bà hết, nhất là bác Ba gái, bác Cả gái, nhưng không thấy mẹ tôi dẫn bọn tôi đi theo đến vay tiền bác Tư gái lần nào.

Thành thật mà nói, đến đây là tôi có cảm tưởng rõ rệt tôi sắp viết hết tất cả những gì mà tôi còn nhớ được về bác Tư Hoàng Đạo. Chỉ qua ít lần bác ghé thăm gia đình chúng tôi, hoặc gia đình chúng tôi đến thăm thường là bác Tư gái, vì bác Tư trai luôn vắng nhà, sự đi lại giữa hai gia đình rất giới hạn. Không hiểu sao có một lần hai bác Tư và các con đến thăm chúng tôi khi chúng tôi cư ngụ ở căn nhà gạch ba mẹ tôi xây được ở Nhà Bò Yên Phụ, thời bác đã đưa cả gia đình chúng tôi làm một vòng lên Nghi Tàm, trên chiếc xe hòm kính chính tay bác lái. Trong họ chỉ có bác Tư và bác Cả là có xe hơi nhà, bác Cả thời sở hữu một chiếc Ford T đỏ chói và bác Tư một chiếc xe hòm kính. Tôi nhớ khi ngồi trên xe, tôi chỉ mơ hồ cảm thấy sự cách biệt giàu nghèo giữa chúng tôi và gia cảnh bác Tư, quả thật một cách nào đó đã là một sự ngăn cách khá rõ nét và đã dẫn đến những lối sống song song chẳng bao giờ gặp nhau vì cả hai gia đình đều có những sinh hoạt riêng rẽ của giai cấp mình, sự ngăn cách tự nhiên và cũng thường tình giữa muôn nghìn gia đình khá giả và nghèo hèn của cái xã hội trung lưu tiểu tư sản đông đúc của các thành phố lớn hồi đó. Vì vậy,

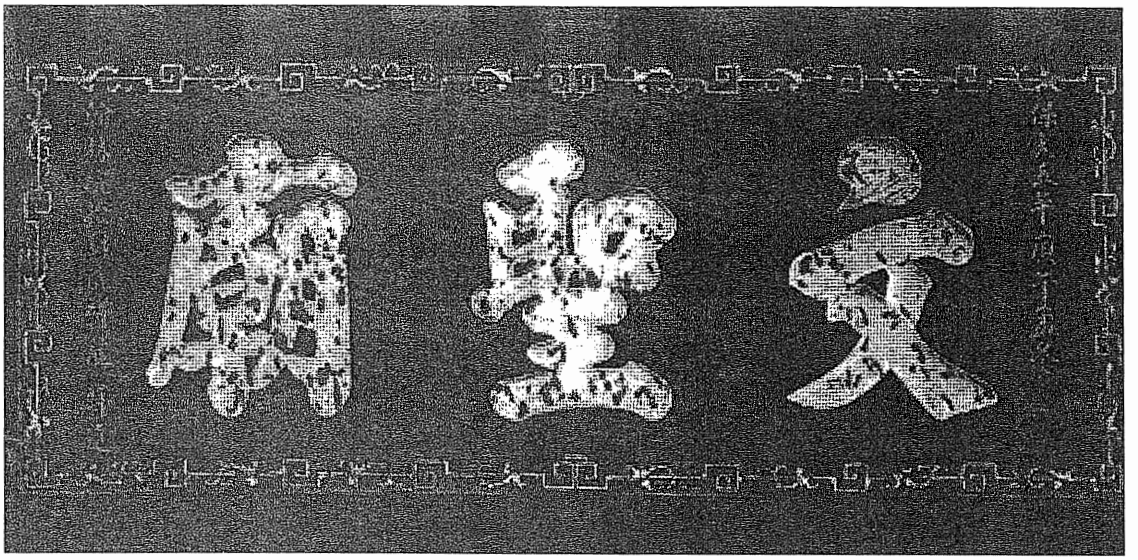

Bức hoành phi do Hoàng Đạo cúng Văn Miếu Hội An. Đọc từ trái sang: Văn Thánh Miếu.
Dòng chữ nhỏ bên phải: "Bảo Đại ngũ niên Canh Ngọ mạnh đông" (tháng mạnh đông [tháng Mười] năm Canh Ngọ, niên hiệu Bảo Đại thứ 5 [tức năm 1930]).
Dòng chữ nhỏ bên trái: "Hàn Lâm viện Kiểm thảo Nguyễn Tường Long bái tiến" (tên và phẩm hàm của người tặng tấm hoành phi. Có lẽ vì ông đậu Cử nhân Luật nên được triều đình tặng phẩm hàm Hàn Lâm Viện Kiểm Thảo, thuộc hàng Tòng Thất Phẩm Văn Giai)

tôi không bao giờ quên cái lần hiếm hoi được ngồi trên chiếc xe sang trọng của gia đình bác Tư. Có thể sự cách biệt giàu nghèo giữa mẹ tôi và gia đình bác Cả bác Ba bác Tư, chắc cũng đã nhiều khi làm bà tủi thân. Tôi không lần nào nghe thấy bà tâm sự với chồng con về chuyện này và hình như không than phiền hay trách móc các anh vì sự giàu sang của các ông. Kể cả khi bà viết hồi ký, bà chỉ chú trọng đến viết về các anh em, và chỉ nhắc một cách sơ sài về các bà chị dâu giàu có mà hầu hết lại do chính bà cùng với mẹ đi xem mắt và chọn cho các ông anh.

Chính vì thế nên rất mới đây vào tuần cuối cùng của tháng Sáu, Thơ Thơ điện thoại cho tôi nhắc tôi viết một bài về Hoàng Đạo, nhân dịp Thế Kỷ 21 sẽ ra một số đặc biệt về Hoàng Đạo vào tháng 11 tới đây, và cũng hơi trách tôi sao chú chẳng viết gì về ông ngoại cháu. Tôi đã giải thích vì chú đâu có nhiều kỷ niệm chung gì với bác Hoàng Đạo, nên sự thúc đẩy nội tâm khiến tôi cầm bút viết lại về ông quả thật có phần yếu ớt và hình như cũng ít khi thúc bách dai dẳng, như trong trường hợp bác Ba và chú Sáu.

Chúng tôi đã nói chuyện giông dài, Thơ Thơ hỏi và tôi đáp, cũng đôi khi có vẻ như muốn thanh minh tự biện hộ một cách nào đó. Vì vậy, trong cái phần còn lại của bài này, tôi sẽ thuật lại qua những nét chính cuộc đối thoại giữa hai chúng tôi, và tôi nghĩ tôi đã vượt qua khỏi cái ranh giới tôi tự đặt cho mình, là chỉ viết về những gì mình biết và nhớ, và những xúc động thực sự cảm thấy khi viết về những người thân nổi tiếng trong họ ngoại, để đôi khi nói nhiều hơn về con người bác Tư, về các bài khảo luận chính trị cũng như về các truyện ngắn và truyện dài độc nhất của ông Con Đường Sáng, viết chung với Nhất Linh.

Sau khi trò chuyện cùng Thơ Thơ, tôi dở cuốn Hồi ký của mẹ tôi để đọc lại một số đoạn bà viết về Hoàng Đạo. Tương tự các phụ nữ của các gia đình lớn hồi trước, bà rất nhớ về ngày sinh và ngày mất của tất cả các anh em trong gia đình, đơn giản vì bà thường cứ phải nhớ về các ngày làm giỗ các ông, và hoặc để đến dự cùng các cháu, hoặc để nhắc nhở mọi người chuẩn bị làm giỗ khi gần đến những ngày rất quan trọng đối với bà. Vì vậy, trong chương viết về Hoàng Đạo mẹ tôi đã ghi rõ ngày ông mất về bệnh tim ở ga Thạch Long, đó là ngày mười sáu tháng sáu năm Mậu Tý, tức ngày 22.07.1948. Cũng theo hồi ký của bà, anh Tư Nguyễn Tường Long, Tứ Ly Hoàng Đạo, sinh

năm Đinh Mùi 1907. Như vậy bác Tư đã mất tương đối trẻ vào tuổi 41, và năm nay 2005 vào tháng 7, cũng là ngày giỗ thứ 55 của ông. Không có gì ngạc nhiên khi Thơ Thơ, cháu ngoại của Hoàng Đạo, chắc trong gia đình đang chuẩn bị làm giỗ ông ngoại cháu, đã liên lạc với tôi để cùng trò chuyện về người ông mà cháu chỉ biết qua những lời kể của bà ngoại, mẹ, cũng như tham khảo các sách viết về ông ngoại.

Tôi nhớ Thơ Thơ hỏi tôi còn giữ được chiếc hình nào của Hoàng Đạo không ngoài bức hình mà tờ Văn Hóa đã đăng trên bìa khi ra số đặc biệt về Hoàng Đạo cách đây năm sáu năm, mà tôi có trao cho cháu giữ. Tôi nói, chắc chỉ có hai bức hình chụp ông đăng trong hồi ký về họ Nguyễn Tường của mẹ chú, một chụp ông một mình, và một chụp ông với Nhất Linh trong một buổi picnic đâu ở vùng Việt Trì, với hai nữ lưu xinh đẹp bên cạnh, cùng ngồi trên thảm cỏ quanh một chai champagne ướp đá trong một cái sô. Tôi nhận xét đó là một bức hình bộc lộ được hết cái không khí của giới trẻ tài hoa son trẻ mà các nhà văn trong Tự Lực Văn Đoàn đã không biết bao nhiêu lần dựng lại trong các truyện ngắn truyện dài.

Câu chuyện lan man nhẩy từ các vấn đề riêng của họ Nguyễn Tường, nhẩy sang các vấn đề liên hệ đến văn chương văn học, xoay chung quanh tất cả những nhân vật lớp trước mà Thơ Thơ không được nghe ai trong nhà kể lại sự thiếu sót khiến cô cháu nhà văn của tôi có phần háo hức muốn biết càng nhiều càng tốt về ông ngoại Hoàng Đạo.

Tôi đã nhắc lại cho Thơ Thơ biết, đến mẹ cháu con gái đầu HĐ, chỉ có 50% trong máu là người Quảng Nam, nhưng đến cháu chỉ còn 25% thế cháu có biết cả bên nội và ngoại của các ông Nhất Linh Hoàng Đạo Thạch Lam đều gốc gác Quảng Nam hay không? Trước kia đọc hồi ký của mẹ chú, chú tưởng nhầm quê ngoại của họ Nguyễn Tường là Huế, nhưng mới đây qua hồi ký của chú Tường Bách, chú mới vỡ lẽ ông Quản Thuật, bố của bà ngoại chú, gốc gác cũng ở Xuân Phước Quảng Nam, không có tí Bắc nào hết. Tôi còn cười nói thêm vậy các con cháu Nguyễn Tường cả bên nội ngoại đều có pha cái máu quan võ của cụ Quản Thuật, người đã thông gia với ông huyện Cẩm Giàng họ Nguyễn Tường. Nếu nhìn từ góc cạnh di truyền học, theo chú bác Hoàng Đạo thừa hưởng cái mặt vuông vắn cương nghị của bà ngoại, nhiều hơn cái nét văn nhã của cụ Thông Nhu, so với Nhất Linh. Trong gia đình bẩy người, bác Cả Tường Thụy và bác hai Tường Cẩm khuôn mặt có những nét mạnh mẽ cương nghị nhiều hơn, còn ông Hoàng Đạo là sự pha trộn đều cả các nét văn nhã của bố và nét cứng cỏi cương nghị của mẹ. Ông Thạch Lam và mẹ chú có lẽ là những người con giống bố nhiều nhất trong gia đình, với những nét thanh tú văn nhã, hầu như đúc từ cái khuôn của cụ Thông Nhu. Có thể, cái nét di truyền này đã khiến ông Hoàng Đạo nổi tiếng là bộ óc sắc bén nhất trong các anh em, đã học và tốt nghiệp Luật, cũng như trở thành cây bút viết bình luận chính trị sâu sắc nhất của Phong Hóa Ngày Nay. Ông cũng được giới chính trị đương thời và hậu chiến coi là lý thuyết gia của nhón TLVĐ và sau này của cả đảng Đại Việt Dân Chính. Có vẻ như Hoàng Đạo ít chú tâm đến viết các truyện theo cái giòng trữ tình lãng mạn, tiểu thuyết luận đề như Nhất Linh Khái Hưng, mà qua cuốn phóng sự tòa án Trước Vành Móng Ngựa và một số truyện ngắn, mới đây trong nước sưu tập và xuất bản dưới tựa đề Tiếng Đàn, khuynh hướng nghiêng về xã hội của ông đã bộc lộ khá rõ nét.

Truyện dài Con Đường Sáng, với tên tác giả là Hoàng Đạo, thực sự đã do hai bác Nhất Linh và Hoàng Đạo viết chung. Thơ Thơ cũng biết là bốn chương đầu của cuốn này là ông Nhất Linh viết sau đó trao cho ông Hoàng Đạo viết nốt cuốn truyện dài này. Xem ra chỉ trong phần đóng góp vào sáng tác cuốn Con Đường Sáng đã chứng tỏ có một văn tài rõ nét đến độ người đọc khó có thể phân biệt nổi đoạn nào Nhất Linh viết đoạn nào Hoàng Đạo viết. Tôi có hỏi bác Nhất Linh đến nay bác có nhớ nổi đoạn nào bác viết đoạn nào bác Hoàng Đạo viết hay không, thời ông chỉ cười đáp chịu lâu quá rồi chẳng nhớ hai anh em ai viết đoạn nào nữa.

Tôi cũng lưu ý cháu Thơ Thơ là trong số anh em Nguyễn Tường của cái chi trôi giạt ra Bắc lập nghiệp, ông Hoàng Đạo là người rất lưu tâm trong việc truy tầm gốc gác của mình cả về bên nội lẫn bên ngoại. Có thể khi chủ trương Phong Hóa Ngày Nay đả kích mạnh mẽ giới quan lại theo Tây và luôn cả chế độ phong kiến, cũng không tiện nhắc đến các ông là con cháu của cụ Nguyễn Tường Vân. Cụ đã một thời là cận thần của vua Gia Long và cũng được đề

cử đi sứ sang Tầu đời Càn Long, rồi được bổ nhiệm làm Phó Tổng Trấn Bắc Việt và cuối cùng Binh bộ Thượng thư đời Minh Mạng. Không lẽ con cháu giòng dõi các đại thần triều Nguyễn lại đứng ra đả kích chống kịch liệt giới quan lại, dù sao theo những quan niệm lỗi thời về chữ Trung của Đức Khổng, sự kiện này cũng có thể gây ngộ nhận đối với động cơ cải cách xã hội của các ông.

Khi được bổ nhiệm làm chánh lục sự, hay quan phán đầu tòa theo lời mẹ tôi, ông Hoàng Đạo đã tìm về nhà thờ họ nội ở Cẩm Phô Quảng Nam và có tặng một bức hoành có lạc khoản tên ông. Ông cũng không quên ghé nhà thờ bên họ ngoại cũng ở Xuân Phước Quảng Nam, gốc gác của ông Quản Thuật và cũng tặng nơi đây một bức hoành thứ hai, theo như lời thuật của chú Tường Bách trong hồi ký của ông. Theo mẹ tôi viết, ông Hoàng Đạo còn đi tìm một chi của họ Nguyễn Tường mà ông tổ một thời làm Tổng đốc Định Tường để tìm gặp các con cháu cũng mang họ Nguyễn Tường ở trong Nam. Theo ông kể lại, con cháu trọc phú giàu có nhiều điền chủ, nên ông không thích và cũng không còn liên lạc với cái chi họ Nguyễn Tường vào lập nghiệp ở Định Tường này về sau.

Nhân tiện chúng tôi cũng bàn qua về một phát giác mới trong lĩnh vực chính trị của Hoàng Đạo. Qua hai cuốn hồi ký của hai ông bà Nguyễn Tường Bách, tôi mới được biết khi cùng lưu vong bên Trung Hoa và cùng chung sống dưới một mái nhà, bà Bách một giáo sư trung học, đã nhiều lần tranh cãi và không đồng ý với Hoàng Đạo về lập trường và chủ trương chính trị của ông lúc đó, liên hệ đến thể chế mà Đại Việt Dân Chính tranh đấu để đạt tới, đó là một thể chế Quân chủ Lập hiến, trong khi thím Bách tôi khăng khăng là phải tranh đấu để thiết lập một nền dân chủ cho Việt Nam. Vì Hoàng Đạo là bộ óc lý thuyết gia của Đại Việt Dân Chính và có thể cả của Quốc Dân Đảng Việt Nam, nên chủ trương này của ông rất đáng lưu ý, nếu thực hiện được đã có thể đưa cuộc tranh chấp Quốc Cộng vào một hướng khác với những diễn biến khó có thể tiên đoán được. Giới đảng phái chính trị quốc gia ngay cả đến thời kỳ 1954- 75 cũng không ai hay biết Hoàng Đạo lại có một chủ trương như vậy. Vấn đề làm tôi suy nghĩ ở đây là khám phá ra cái khía cạnh mới lạ ở ông, tầm vóc của một chính trị gia theo chủ nghĩa thực dụng. Hóa ra, dù cùng anh em đã phải lưu vong sang Trung Hoa trong khi nhiều đồng chí bị Việt Minh thanh toán như Khái Hưng và Tường Cẩm, và biết bao đồng chí bị giết trong những cuộc thanh toán đẫm máu ở Hà Nội cũng như trong các cuộc chiến đề kháng tại vùng biên giới, Hoàng Đạo hình như cũng thấy ra được sự đối đầu ghê gớm giữa hai phe quốc cộng trong một cuộc chiến ý thức hệ cả về chính trị lẫn quân sự, chắc khó có thể giải quyết được, cho nên cần duy trì một vương quyền để tạo sự liên tục chính trị vượt trên các tranh chấp đẫm máu kéo dài, dù chính Hoàng Đạo và nhóm Tự Lực Văn Đoàn đã mở ra một phong trào chống quan lại phong kiến và gián tiếp đã giới hạn đến tối đa vai trò của một thể chế quân chủ, chỉ đã trở thành một công cụ cho thực dân Pháp để xoa dịu nhân tâm.

Dù sao, Hoàng Đạo đã mất quá sớm và người ta khó có thể mường tượng ra hết được nếu ông còn sống, vai trò của ông trong cái chế độ Bảo Đại, sẽ mang lại những đóng góp gì cho cuộc đấu tranh nhiều mặt dân chủ hóa đất nước trong một nền quân chủ nối dài, đồng thời chống lại sự tái xâm lược với tham vọng thuộc địa của Pháp.

Tôi có một đề nghị nhỏ có tính cách gia đình, với các chị các anh, con của bác Hoàng Đạo. Các anh chị con của bác Nhất Linh, Tường Việt, Tường Triệu, Tường Thiết, chị Thoa hai năm trước đây đã mất công qua nhiều chuyến về Việt Nam, đưa được di cốt của bác Nhất Linh về chôn ở nghĩa địa họ Nguyễn Tường ở Cẩm Phô, Quảng Nam. Trong tương lai nếu có dịp thuận tiện các người con của bác Hoàng Đạo như chị Minh Thu, anh Tường Ánh và các chị anh Phương Lân, chị Từ Dung, cũng nên tìm cách qua Thạch Long bên Trung Hoa tìm kiếm mộ bác Hoàng Đạo, hỏa thiêu và đưa di cốt ông về chôn cạnh mộ người anh ruột ông là Nhất Linh.

Mặt khác, nếu các em Tường Nhung, Tường Đằng và Tường Giang cũng bốc mộ chú Thạch Lam ở ngoài Bắc, hỏa thiêu đưa di cốt chú về chôn ở nghĩa địa của họ Nguyễn Tường ở Hội An, thời ít ra đối với tất cả những người thuộc nhiều thế hệ từng ngưỡng mộ Tự Lực Văn Đoàn, sẽ dễ dàng tìm đến để thắp một nén hương tưởng nhớ ba anh em Nguyễn Tường, đồng thời cũng là ba thành viên sáng lập cốt trụ của Phong Hóa Ngày Nay và Tự Lực Văn Đoàn.

Cúc Xưa

nhất linh

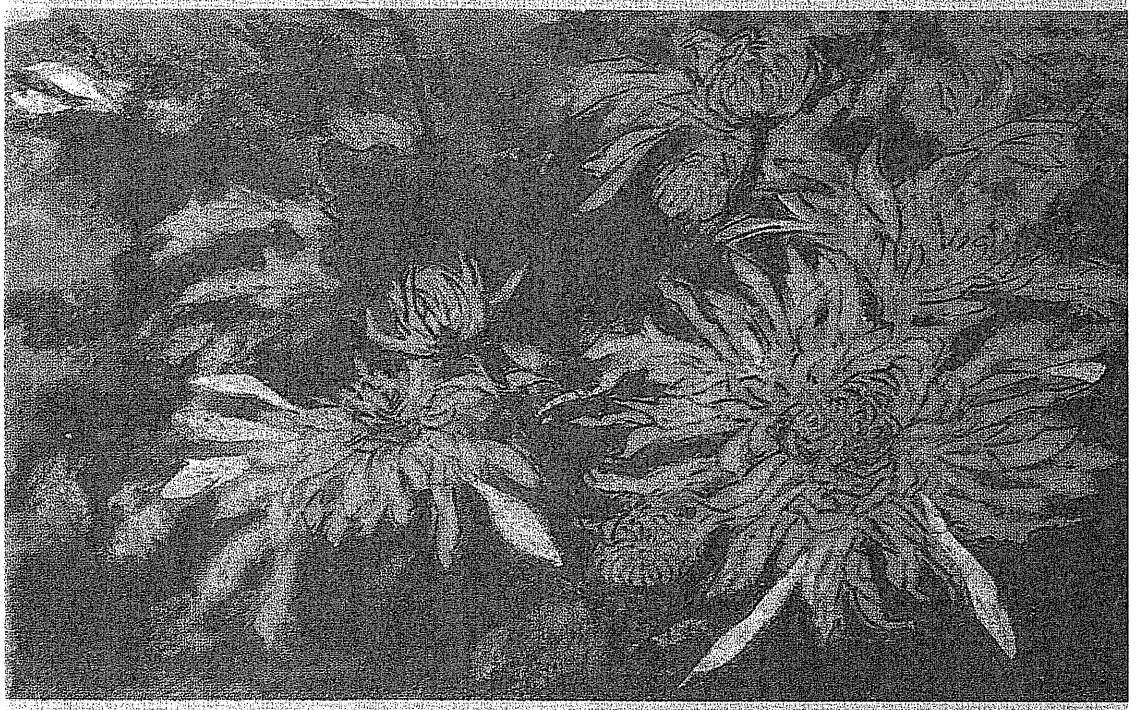

Mấy bông cúc này tôi vẽ cách đây đúng 12 năm (1948) và lại đúng vào năm Hoàng Đạo Nguyễn Tường Long mất. Chậu cúc này do chính tay Hoàng Đạo mua về để bày tết, trang hoàng một gian nhà tiều tụy ở một làng hẻo lánh Quảng Đông, nơi mà hai anh em, sau việc Bảo Đại ký kết hiệp ước Bolaert, rút lui về để nghiên cứu một lý thuyết quốc gia khả dĩ tập trung được hết thảy các khuynh hướng rời rạc trong hàng ngũ chống cộng. Năm ấy công việc nghiên cứu đương tiếp tục thì cái chết đột ngột của Hoàng Đạo làm gián đoạn.

Ngoài việc bày cúc mừng tết, chúng tôi có dán câu đối, Hoàng Đạo thì nghĩ câu đối, tôi thì viết chữ. Đôi câu đối dán ngay chỗ Hoàng Đạo ngồi viết đến nay tôi còn nhớ:

Tĩnh chỉ thanh u xứ
Nhàn quan thiên hạ xuân
(ngồi yên ở một nơi thanh u
nhàn nhã ngắm xuân thiên hạ).

Câu ấy diễn đúng cái cảnh của hai anh em chúng tôi vì ở một nơi hẻo lánh và cũng tả đúng cái cảnh ngắm xuân thiên ha (xuân ở hải ngoại). Nhưng cũng là báo trước cái chết của Hoàng Đạo.

Ngồi yên ở nơi thanh u tức là nằm trong mồ lạnh, mà xuân từ nay chỉ là xuân của thiên hạ thôi, riêng mình không bao giờ có mùa xuân nữa.

Cũng năm ấy làm thơ khai bút Hoàng Đạo lại có viết một câu:

Nhất chiêu, thừa Bạch hạc
(một sớm cưỡi con hạc trắng)

Bạch Hạc là tên làng chúng tôi ở.

Quả nhiên, một sớm Hoàng Đạo ra đi không trở về nữa, đúng như câu thơ Đường:

Hạc vàng đi không trở lại.

Ở cái buồng nhỏ của tôi dán đôi câu đối:

Nhàn mưộn hướng sơn lộ
Thu nguyệt mãn thư phòng
(Cửa nhà mở nhìn ra con đường núi
Trăng thu chiếu vào đầy phòng khách)

Câu ấy cũng vẫn vào cái cảnh 9, 10 năm sau

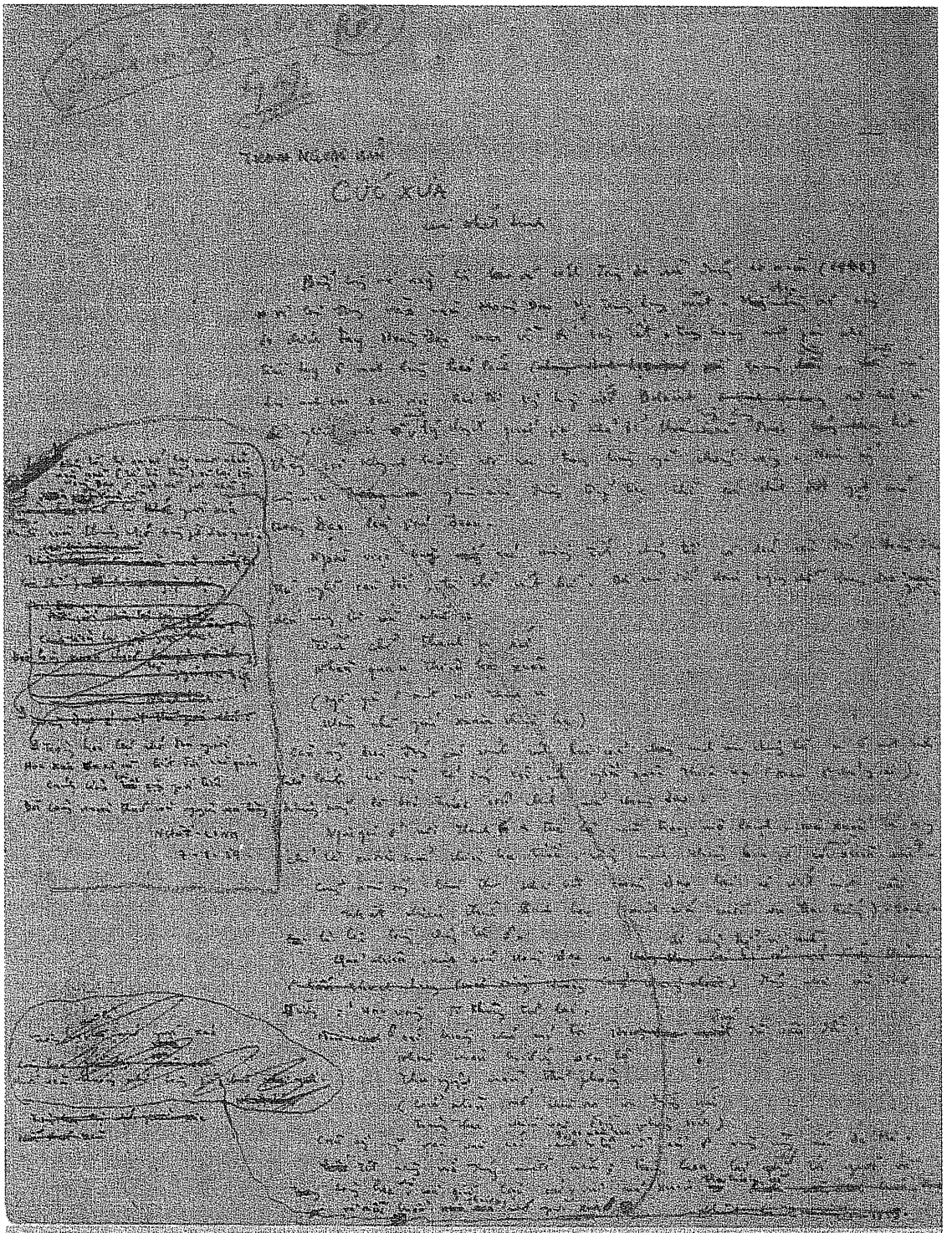

tôi về rồi ở vùng rừng núi Đa Mê. Tết này vừa đúng mười năm, trông hoa lại nhớ tới người và bông hoa như còn giữ lại cái vui của mùa xuân tha hương cũ và nỗi buồn thương nhớ người xưa. Nhưng tôi tự an ủi hai mươi nhăm năm nữa (tôi tin thế) sẽ lại gặp Hoàng Đạo ở một thế giới khác!

Mất mờ lệ nhớ người xưa
Mười năm thương nhớ bây giờ chưa nguôi.
Trông hoa lại nhớ đến người,
Hoa xưa xuân cũ biết đời nào quên.
Cảnh tiên còn gặp người tiên,
Đôi lòng muôn thuở còn nguyên vẹn lòng.

Nhất Linh (7-1-59)

(Trích *Văn Hóa Ngày Nay* số Xuân 1959)

BA TÔI

NG. TUYỀN (MINH THU)

Năm tôi lên 7 tuổi thì ba tôi bị Pháp bắt, giam ở Sở Liêm Phóng Hà Nội. Hôm đó tôi đang bệnh nặng, sốt li bì, nhưng lại sung sướng được hưởng sự săn sóc ân cần của mẹ tôi, sự săn sóc thường được dành cho hai em nhỏ hơn, nhất là em trai "Con của Mẹ." Còn tôi, tôi lại hãnh diện được mọi người trong nhà gọi là "Con của Ba." Có lẽ vì tôi là con gái đầu lòng, nên ba tôi hơi "cưng" hơn một chút chăng?

Hoàng Đạo

Tôi ngạc nhiên khi thấy mẹ tôi nằm lăn ra trên giường bên cạnh giường tôi, và khóc thật thảm thiết, chưa bao giờ mẹ tôi khóc nhiều như vậy. Bà quên cả cho tôi uống thuốc. Mãi sau trong ngày nghe người lớn nói chuyện, tôi mới biết Pháp đã bắt ba tôi ngay tại phòng khách dưới nhà. Tuy còn nhỏ, tôi cũng ý thức được tầm quan trọng của tai họa này cho gia đình, qua những phiền muộn lo âu và khóc lóc của mẹ. Nhất là khi nhận được tin ba bị tra tấn, bằng điện. Sau một thời gian giam cầm, Pháp gửi một số nhà Ái Quốc Cách Mạng, các đồng chí của ba tôi và ông đến "trại an trí" tại Vụ Bản, Hòa Bình. Tôi chỉ nhớ có Họa sĩ Nguyễn Gia Trí, nhà văn Khái Hưng và ba tôi.

Khoảng 4, 5 giờ sáng hôm đó, hai em tôi và tôi đã bị mẹ tôi dựng dậy để ra ga tiễn ba. Sau khi cả gia đình trút xuống từ một chiếc xe kéo, tôi đã thấy bên kia một hàng rào kẽm gai, ba tôi và các bạn của ông. Ngực đeo số tù, ông trông gầy đi. Nhưng ở cặp mắt sâu và sáng lại xuất hiện một niềm vui – có lẽ vì được gặp lại chúng tôi, dù chỉ qua hàng rào kẽm gai – và một đôi chút riễu cợt nữa, trong ánh mắt. Tôi cảm thấy an tâm. Ba vẫn không sao cả. Ba vẫn vui vẻ, khỏe mạnh, và tinh thần vẫn vững vàng, và vô cùng bình tĩnh. "Ba kìa! Vẫy ba đi các con." Mẹ tôi bảo. Tôi ao ước giá chi được chạy đến ôm hôn ông, hay lại gần ông hơn chút nữa. Những không được. Tôi đưa tay lên vẫy. Ba cũng vẫy lại chúng tôi. Rồi họ lùa ba tôi và các bạn ông đi.

Những ngày tháng sau đó, tôi và các em thay phiên được mẹ tôi đưa lên Vụ Bản thăm ông. Ba tôi phải làm một số công tác lao động, như vào rừng đốn củi... Dù sao thì cũng dễ chịu hơn những ngày bị giam ở Sở Liêm Phóng. Vào rừng có lính canh, tuy nhiên việc canh chừng này không nghiêm nhặt lắm. Tôi nghe mẹ nói sau này nếu bị giữ lâu hơn, ông sẽ tìm cách trốn đi, nhưng rồi sau hai năm, ông được trở về với gia đình và quản thúc tại Hà Nội. Đó là năm 1943.

Bình tĩnh, đó là điểm nổi bật ở ba tôi. Ông dường như không bị chi phối bởi hoàn cảnh, chưa bao giờ tôi thấy ông nóng nẩy, hay bồn chồn lo lắng. Hay vì tôi không được sống gần ông nhiều, hoặc ông đã từ giã cõi đời này quá sớm, nên tôi chưa có dịp chứng kiến điều đó?

Hồi Nhật oanh tạc Việt Nam, gia đình tôi có một chiếc xe hơi nhỏ và cũ, ba tôi thường dùng để đưa gia đình di tản từ Hà Nội vào làng Bưởi cách đó không xa, nơi bà ngoại tôi có một cái trại nhỏ. Sau này cả gia đình vào ở hẳn đó một thời gian, nhưng lúc đầu thì chỉ khi còi báo động hú lên, ba tôi mới lái xe chở gia đình đi Bưởi. Có một lần, xe mới ra tới ngoại ô Hà Nội, máy bay Nhật đã tới bắt đầu oanh tạc. Xe phải ngừng bên lề đường. Bế đứa em nhỏ nhất của tôi, ông ra lệnh cho tôi và Ánh, người em kế xuống nằm dưới ruộng lúa. Thấy ông bình tĩnh, chúng tôi bớt hoảng sợ, cảm thấy an tâm nữa, mặc dầu bom nổ tứ tung ở chung quanh.

Mẹ tôi là con một nên trước khi cho phép kết hôn, bà ngoại tôi đã ra điều kiện là ba tôi phải ở gửi rể. Bà tôi có hai căn nhà sát nhau ở đường Lý

Thái Tổ (Amiral Courbet cũ), nên để cho ba mẹ tôi ở một căn, bà tôi ở căn nhà bên cạnh. Hai nhà có cửa thông sang nhau trên lầu và ở trong sân. Hồi đó ba tôi đang viết báo, tòa soạn đang cần chỗ chất giấy in. Nghĩ rằng nhà rộng có thể giúp tòa báo chỗ để giấy, và có lẽ cũng nghĩ rằng bà tôi đã cho căn nhà này, thì nó thuộc quyền sở hữu của ba mẹ tôi, nên ông để người ta chở giấy đến. Khi thấy mấy người phu khuân từng chồng giấy lớn vào nhà, bà ngoại tôi chạy vội sang, lớn tiếng: "Không được! Giấy chất như thế sẽ làm sập nền nhà của tôi." Bà ngoại tôi, tuy là người tốt bụng, song cũng rất nóng tính. Cũng có mặt lúc ấy, tôi sợ hãi nhìn ba tôi, nghĩ sắp có chuyện lớn. Nhưng không, ba tôi chỉ hòa nhã, lễ độ nói ông sẽ cho người chở giấy đi ngay. Và xin lỗi bà tôi nữa. Ông cũng không phân trần số giấy ấy không thể nào làm xập nhà được. Ông luôn luôn chế ngự được cảm xúc, giữ bình tĩnh trong mọi tình huống. Tôi thật phải tạ ơn trên đã không gửi cho ông những thử thách quá lớn đối với sức chịu đựng cho đến ngày ông vĩnh viễn ra đi.

*

Thời cuộc biến chuyển thật nhanh. Nhật chiếm đóng Việt Nam. Không được lâu. Quân Tàu trong phe Đồng Minh tới giải giáp Nhật. Những cuộc khủng hoảng Nội Các. Vua Bảo Đại thoái vị. Cách mạng tháng Tám. Việt Minh lên nắm chính quyền. Sự chống đối của các đảng phái Quốc Gia. Tôi nhớ hồi đó ba tôi luôn luôn ở trên tòa báo đường Quan Thánh, một trụ sở của Việt Quốc. Tôi ít khi thấy mặt ông ở nhà. Hết rồi những buổi chơi ném giấy với ông qua chiếc bàn ping-pong! Ông một phe, ba chị em tôi một phe – mà một lần cúi xuống nhặt giấy, tai ông móc phải một cái đinh ở bàn, máu chảy ròng ròng. Chúng tôi sợ hãi rút lui – may sao lúc đó mẹ tôi về băng bó cho ông, và cho chúng tôi một trận.

Cái bàn viết trong phòng làm việc của ông cũng bị dẹp bỏ từ bao giờ. Hồi còn "thanh bình", tôi vẫn thường trèo từ ghế lên, ngồi xổm trên bàn – mặt bàn có phủ kính – nhìn xuống những giấy tờ, bản thảo ngổn ngang, tự nhủ "Nghề này thích thật! Lớn lên mình sẽ làm nghề này."

Những khi ba tôi có mặt ở nhà, rất nhiều người lui tới, phần lớn là thanh niên. Họ đều vũ trang, đeo súng: các thành viên trong Quốc Gia Thanh Niên đoàn, hay Lục Quân Yên Bái, hay các vệ sĩ thì phải?

Rồi Việt Minh biểu dương lực lượng với đoàn Nhi Đồng diễn hành trên đường, "trống ếch khua vang." Khí thế bừng bừng. Tôi ao ước được xuống nhập bọn với họ, nhưng không thể, vì ba tôi là một tên tuổi quan trọng trong hàng ngũ Quốc Gia. Tức bực, tôi bèn xoay ra "tổ chức" một đoàn thể tại gia, mà đương nhiên tôi là người cầm đầu. Thành viên của đoàn là hai em tôi và anh Ba người giúp việc. Mỗi người phụ trách "canh giữ" một nơi trong nhà. Tôi tay cầm súng gỗ, hông đeo băng đạn giả chạy lăng xăng kiểm soát. Có khách đến chơi kéo chuông, tôi chạy ra mở cửa, hãnh diện với trang y của mình. Các bà bạn của mẹ tôi trố mắt nhìn cô bé ăn mặc và hành động thật "tomboy" thời đại ấy. Ba tôi, vì bận công việc, vì xa gia đình luôn, có lẽ không ngờ rằng hoàn cảnh nước nhà lúc ấy đã ảnh hưởng không ít đến nếp sống và suy nghĩ của các con.

*

Theo mẹ tôi thì người ngoài thường phê bình Hoàng Đạo là một con người lạnh lùng, dè dặt. Có người còn cho là ông kiêu căng nữa. Vậy nên khi tiếp xúc với ba tôi, người ta hơi e ngại, và không cảm thấy thoải mái lắm. Thật ra, điều này chỉ người trong gia đình biết, cái bề ngoài lạnh lùng, dè dặt đó là do bản tính nhút nhát, ngại tiếp xúc và nói chuyện với người ông không được biết nhiều.

Một lần đi dự tiệc cưới một người bạn, khách được mời rất đông, mà phần nhiều lại là những người trong giới giàu có trưởng giả. Ở nhà hàng trong khách sạn Métropole, nơi chỉ những người thật nhiều tiền, loại smobbish, trưởng giả học làm sang mới đặt tiệc. Ba tôi miễn cưỡng tham dự, mặc dầu không thích thú. Có lẽ vì nể mẹ tôi. Ăn xong, mẹ tôi kể, ba tôi kéo mẹ tôi ra một cửa hông, không chịu chào từ biệt và chúc mừng cô dâu chú rể. Ông bảo khách đông thế mình không chào cũng không ai để ý. Thực ra, ông ngại phải xã giao thêm dăm ba câu nữa với những người mà ông không ưa thích, sau khi đã phải chịu đựng thù tiếp mấy tiếng đồng hồ với các thực khách khác. Và, chủ nhân có để ý. Chú rể, một người bạn của mẹ tôi, sau này có trách mẹ tôi rằng cặp vợ chồng này biến đi đâu mất sau khi ăn trong buổi tiếp tân...

Đó chỉ là một người bình dị. Tất nhiên ông biết thưởng thức những món ăn đặc biệt, nhưng món ông ưa thích nhất lại là bún riêu đậu rán. Khi mời khách đến nhà dùng cơm, ông thường thuyết phục mẹ tôi cho làm món này. Thực khách

ngồi vào bàn, tủm tỉm nhìn nhau, cho là ba tôi lập dị. Cũng có người cho ông là ông quê mùa nữa! Đúng ra, ông nói ngồi trên hè phố thưởng thức một tô bún nóng trong gió lạnh, mới thật tuyệt vời!

Thế nhưng ông lại rất ghét món cà cuống – hấp hoặc chiên – một món ăn chơi khá đặc biệt của người miền Bắc mà bà ngoại tôi đôi khi cho ăn. Ba tôi bảo là ăn gián (cockroach). Muốn trêu ông, mỗi khi được ăn món này, tôi lại khoe: "Ba ôi! Hôm nay con được ăn cà cuống." Ông chỉ nhăn mặt, buông thõng hai tiếng: "Sale type!"

*

Đó là những ngày thật xa, những ngày mà gia đình đi nghỉ mát trên bãi biển Sầm Sơn. Và những buổi sáng đi tắm biển. Chính nơi đây ba tôi đã tìm ra hai nhược điểm của đứa con gái đầu lòng. Ông muốn chữa lành hai căn bệnh này cho tôi: sợ độ cao và sợ nước.

Trong khi hai em tôi chạy ào xuống nước biển xanh, dưới ánh nắng ban mai trong suốt, thì tôi chần chừ rồi lùi lại phía sau với sô và xẻng – đồ chơi của trẻ em trên bãi biển – rồi ngồi chơi cát ở một vũng nước lớn mà thủy triển rút đi còn để lại trên bờ. Ba tôi đến nắm tay tôi, dịu dàng bảo:

"Đừng sợ. Nắm tay ba dẫn đi."

"Đến chỗ sâu, ba cho con vào bờ nhé."

Ông gật đầu. Yên lòng, tôi để ba tôi dắt đi. Nhưng nước chỉ mới đến ngang bụng, tôi đã la lên đòi vào. Ba tôi bế tôi lên và tiếp tục ra xa hơn, xa nữa, mặc cho tôi la hét. Ông còn nhảy sóng, ngụp xuống nước với tôi trên tay. Lần khác, ông cho tôi ngụp xuống nước, rồi mới xốc tôi lên sau khi tôi đã uống vài ngụm nước biển. Tuy hiểu ba tôi muốn cho tôi làm quen với biển, và rồi có thể sẽ dạy tôi bơi, nhưng lúc đó tôi thấy ghét ông lạ!

Khi phải leo núi, tôi lùi dần đi sau hết mọi người, tới chân núi là ngừng hẳn. Sầm Sơn có hòn Trống Mái, hai hòn đá lớn đứng cạnh nhau, mà Khái Hưng đã lấy làm tựa đề cho một cuốn tiểu thuyết nổi tiếng của ông. Một hôm gia đình tôi leo lên đó chụp hình. Tôi đứng bám chặt lấy một tảng đá dưới chân núi. Ba tôi bèn bế tôi trèo lên núi, và khi tới đỉnh rồi, ông đặt tôi xuống. Ông dang ra xa, khiến tôi không còn cách nào bám vào ông được nữa. Trước năm 1954, chúng tôi vẫn còn giữ được một tấm hình chụp Hoàng Đạo và tôi trên Hòn Trống Mái. Ba đứng cách xa tôi, hai tay chống vào sườn, cười thích thú. Và tôi, một đứa nhỏ đứng co ro, gần như muốn ngồi thụp xuống vì sợ hãi.

Tiếc rằng thời gian tôi ở gần ông quá ít để được huấn luyện thêm, nên cả hai căn bệnh trên đều không được chữa lành. Tới nay, tôi vẫn không biết bơi (dù rất thích biển) và vẫn sợ trèo núi.

*

Xa hơn nữa, là những ngày bố mẹ tôi mới có một mình tôi. Thời gian "độc tôn" này của tôi

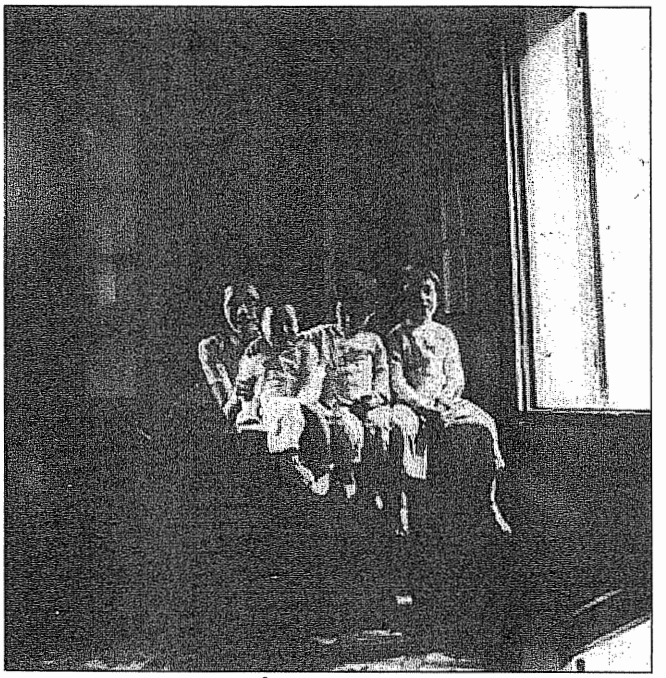

Bà Hoàng Đạo và ba con. Ảnh do chính Hoàng Đạo chụp

cũng chỉ kéo dài có 18 tháng. Ba tôi phải đổi vào Đà Nẵng làm việc khi mẹ tôi đang có mang em trai tôi. Lúc đó, ông làm lục sự tại tòa án, thời mà ông thâu góp kinh nghiệp để viết cuốn "Trước Vành Móng Ngựa." Gần Tết mẹ tôi đem tôi vào Đà Nẵng thăm ông.

Miền Trung là đất của Vua quan. Sự tôn kính trọng vọng quan lại ở mức độ rất cao. Các quan lớn đi ra ngoài, nhất là trong những dịp lễ lớn, đều mặc áo thụng xanh, đeo bội tinh, mề đay, thẻ bài đầy ngực. Ba tôi bảo mẹ tôi đi đặt cho tôi một cái thẻ ngà, trên khắc mấy chữ "Hàn Lâm Viện

Tu Tu." Mẹ tôi kể tôi rất hãnh diện với cái thẻ ngà đó, đòi đeo suốt ngày. Ngày Tết tôi mặc áo dài gấm xanh, đeo thẻ ngà, chạy tung tăng. Khách đến chơi, có cả các quan, thấy tôi diện kiểu đó bèn tò mò đọc mấy chữ khắc trên thẻ. Có người bảo nhỏ ba tôi: "Sao lại Tu Tu? Phải là Hàn Lâm Viện Biên Tu chứ!" nhưng cũng có người hiểu Ba tôi muốn chế nhạo quan trường đó thôi, và tức giận vì bị chơi khăm.

Cũng trong thời thơ ấu này, tôi đã được hưởng những săn sóc đặc biệt của ba tôi. Ông có một cái bếp cồn trên bàn nhỏ đầu giường, dùng để luộc trứng cho tôi ăn, vì tôi rất thích trứng luộc mềm (soft-boiled egges). Mỗi sáng thức dậy, vì chưa biết nói, tôi chỉ tay vào bếp cồn ra dấu, thế là ông luộc cho tôi một quả trứng. Ăn một quả còn thèm, tôi lại chỉ vào bếp cồn nữa, và chiều con ông lại luộc thêm. Cứ thế cho đến một ngày, khi rửa mặt cho tôi, mẹ tôi thấy mũi bị vàng, kỳ cọ mãi cũng không sạch. Bà đem tôi đi khám, bác sĩ hỏi: "Bà có cho cháu ăn trứng không? Thường xuyên bao lâu một quả?" Mẹ tôi đáp, "Một hoặc hai quả mỗi buổi sáng." Bác sĩ lắc đầu cười, "Quá nhiều! Gan nó bị ảnh hưởng đấy. Chỉ mỗi tuần một quả thôi."

Hai con Hoàng Đạo: Nguyễn Minh Thu và Nguyễn Tường Ánh - do Hoàng Đạo chụp.

*

Lớn hơn một chút, tôi thích đợi đến giờ ông đi làm về để chạy ra đón bố. Tôi thường lên lầu ra bao lơn đứng chờ ông. Nhìn ra đầu phố, thấy bóng một người tầm thước, hơi gầy, trong bộ complet màu nhạt xuất hiện ở góc phố, tôi chạy vội xuống nhà dưới, mở cửa ra ngoài đón ba tôi. Tôi chạy vội nên nhiều khi ngã xấp ngã ngửa. Ông bèn đỡ tôi dậy, dắt về nhà, vừa đi vừa hỏi chuyện tôi. Có lần ông trao cho tôi một cuốn Sách Hồng, truyện nhi đồng của Tự Lực Văn Đoàn hồi đó. Cuốn truyện tựa đề "Lan và Huệ", tác giả là Hoàng Đạo.

"Ba tặng con, hở ba?"

"Ừ, ba tặng con đó."

Tôi sực nhớ đến cuốn "Cắm Trại" của Khái Hưng, cũng loại Sách Hồng. Trên trang đầu, tác giả cho in dòng chữ "Tặng em Triệu" (Triệu là tên con trai ông).

"Con muốn ba đề tên con vào, đề tặng con kia."

"Về nhà ba sẽ viết tên con vào."

"Con muốn ba in kia."

Ba tôi bèn giải thích rằng cuốn này đã in rồi, thôi để lần sau viết cuốn khác ba sẽ in tên con. Nhưng ba tôi không viết Sách Hồng nữa, và tôi chẳng bao giờ có được cuốn sách tặng in tên mình như tôi hằng ao ước.

*

Có lẽ ít người biết rằng Hoàng Đạo lại rất mê đọc tiểu thuyết kiếm hiệp Tàu. Thật vậy, tôi vẫn đi thuê về cho ông đọc chung. Hôm tôi mượn cuốn Phong Thần về, đưa khoe ba tôi, ông cầm lấy đọc ngay. Tôi ngập ngừng một chút rồi phản đối:

"Ba! Con đi thuê về mà. Con chưa đọc."

"Quyển này, con không đọc được."

Ba tôi nghiêm giọng trả lời.

"Sao vậy, ba?"

Tôi hơi lo, đoán trong truyện có những điều một đứa trẻ mười tuổi không nên biết. Ba tôi suy nghĩ một chút, rồi trả lời:

"Vì cuốn này ba phải đọc trước đã."

"Sau đó, con đọc được không?"

"Được chứ!"

Thế là ba tôi đã tranh đọc trước cuốn sách!

*

Sau khi từ trại An Trí Vụ Bản trở về, tính chất tinh thần ba tôi dường như có thay đổi. Trước kia, ông không hề tin tưởng bất cứ gì có tính cách thần linh, siêu thực. Ông cho rằng tín ngưỡng – dễ đi đến mê tín – đem lại cho người dân một nước lạc hậu nhiều hại hơn lợi. Ông không đả kích tôn giáo, mà chỉ đả kích những hủ tục liên hệ đến tôn giáo. Tuy nhiên ta cũng dễ thấy ông không hề tin một tôn giáo nào, khi đọc những phần "Đi xem mũ ni" và "Đi xem mũ giấy" trong thiên phóng sự "Những cuộc điều tra phỏng vấn không tiền

khoáng hậu" đăng trong báo Phong Hóa.

Vào những năm cuối đời, Hoàng Đạo đã làm hòa với tôn giáo, trở về với tín ngưỡng. Trong một buổi lễ quy y đầu Phật tổ chức tại nhà bà ngoại tôi, ba tôi đã dự lễ này cùng toàn thể gia đình. Tất cả đều đã được vị sư chủ lễ đặt cho Phật hiệu. Đạo hiệu của ba tôi là Phúc Vân, cũng phù hợp với tên Tường Long của ông.

Lần cuối tôi được trông thấy ba tôi là ngày ông sửa soạn ra đi với phái đoàn hòa giải của Chính Phủ Liên Hiệp. Ba tôi đứng xoay mặt vào tủ gương thắt cà vạt, nói chuyện với mẹ tôi về nhiệm vụ sắp tới của mình. Tôi nhìn vào khuôn mặt ba tôi trong gương, không thể ngờ rằng đó là lần cuối. Việc hòa giải thất bại, ba tôi phải lánh sang Trung Quốc và không bao giờ trở về nữa.

*

Ba tôi đã mất đi đột ngột trên một chuyến xe lửa từ HongKong về Quảng Châu, sau khi tiễn mẹ tôi và em trai tôi sang thăm trở về Việt Nam. Đang đọc báo, ông gục đầu xuống vĩnh viễn ra đi. Không một người thân bên cạnh. Có thể là vì bệnh tim? Hay vì một lý do nào khác? Nghi vấn này chưa được giải đáp, và có lẽ chẳng bao giờ được giải đáp. Nơi yên nghỉ cuối cùng của ông là một nghĩa trang ở trấn Thạch Long, nghe nói sau này Trung Cộng đã giải tỏa để làm khu dân sinh. Nắm xương tàn của ông đi về đâu, tôi nghĩ đó không phải là điều quan trọng nhất. Bởi vì cái phần tinh anh của Hoàng Đạo vẫn tồn tại trong các tác phẩm của ông, nhất là trong các bài báo đả kích người và việc xấu thời đó. Tinh thần hài hước, tài châm biếm tuyệt vời vẫn còn đó. Hình ảnh của Hoàng Đạo, khuôn mặt nghiêm nghị với vầng trán bích lập, và đôi mắt sáng trầm tư vẫn sống trong tâm hồn những người thân yêu của ông còn sót lại trên thế gian này.

THẾ LỮ

CÂY ĐÀN MUÔN ĐIỆU

Tặng Tứ Ly

Tôi là kẻ bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi:
Tìm cảm giác hay, trong tiếng khóc, câu cười
Trong lúc gian lao, với trong khi sung sướng
Khi phấn đấu cũng như khi mơ tưởng
Tôi yêu đời cùng với cảnh lầm than,
Với cảnh thương tâm, ghê gớm, dịu dàng
Cảnh rực rỡ, cảnh ái ân dữ dội.

Anh dù bảo: tính tình tôi hay thay đổi
Không chuyên tâm, không chủ nghĩa, nhưng cần chi?
Tôi chỉ là một khách tình si
Ham cái Đẹp muôn hình, muôn vẻ
Mượn lấy bút nàng Ly Tao, tôi vẽ
Và mượn cây đàn ngàn phiếm, tôi ca
Cái Đẹp u trầm, đằm thắm, hay ngây thơ
Cũng như cái Đẹp cao siêu, hùng tráng
Của non nước, của thi văn, tư tưởng.

Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân;
Ánh tưng bừng linh hoạt nắng trời xuân;
Vẻ sầu muộn âm thầm ngày mưa gió;
Cảnh vĩ đại sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ;
Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay;
Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy;
Thú sán lạn mơ hồ trong ảo mộng;
Hay lòng hăng hái đua ganh đời náo động
Tôi đều yêu, đều thích, đều say mê.

Tôi sẵn lòng đau vì những tiếng ai bi,
Cảm khái vì những lời hăng hái,
Tôi ca với tiếng lòng phấn khởi,
Tôi than với người thiếu nữ bâng khuâng,
Tôi véo von cùng tiếng sáo lưng chừng,
Tôi yên ủi với tiếng chuông huyền diệu,
Với nàng Thơ, tôi có chiếc đàn muôn điệu,
Với nàng Thơ, tôi có cây bút muôn màu:
Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm mầu
Lấy Thanh Sắc trần gian làm tài liệu.

Ga Thạch Long

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Thạch Long là tên một thị trấn nhỏ ở bên Tàu, nằm bên con đường sắt Quảng Châu - Hồng Kông, nơi chú Long tôi, nhà văn Hoàng Đạo, đã gửi nắm xương.

Năm chú Long mất tôi còn bé. Tôi không có một kỷ niệm nào với chú. Tôi không biết gì về chú ngoài những kiến thức mà bất cứ một học sinh nào của miền Nam cũng phải biết khi học về Tự Lực Văn Đoàn. Ngay cả truyện của chú tôi cũng lười đọc. Đời chú thế nào tôi không mấy quan tâm. Thế nhưng cái chết và trường hợp xung quanh cái chết của chú thì khác. Nó ám ảnh tôi đã từ lâu, có lẽ từ những ngày tôi còn bé. Không hiểu vì sao mà cứ hễ nhắc đến chú Long thì óc tôi lại thoáng hiện lên hình ảnh ga Thạch Long. Trong trí tưởng tôi nó luôn luôn là một nhà ga buồn cô quạnh bên một con đường sắt ở một chốn nào rất là xa xôi.

Năm mươi năm trước ngày 22 tháng 7 năm 1948 chú tôi đã gục chết vì bệnh tim nghẽn trên một chuyến xe hỏa đi từ Hồng Kông đến Quảng Châu. Khi con tàu ngừng ở một nhà ga sau đó xác chú tôi được mang xuống đặt tại nhà quàng và được chôn cất vài hôm sau trong một mộ địa gần ga. Tôi được nghe chú Bách tôi kể lại ngày chôn cất là một buổi chiều trời mây u ám một nhóm người lặng lẽ theo sau quan tài. Trong số có cha tôi, có chú Bách và ông Vũ Hồng Khanh.

Năm mươi năm sau ngày 18 tháng 9 năm 1998 trên một chuyến xe hỏa đi từ Quảng Châu đến Hồng Kông tôi có dịp đi ngang qua cái ga Thạch Long ấy. Năm đó lần đầu tiên từ ở đất Mỹ chúng tôi đi thăm nước Tàu. Trước hôm cuối cùng của chuyến du ngoạn 16 ngày do một cơ quan du lịch tổ chức chúng tôi được hướng dẫn thăm viếng hai nơi là Quảng Châu và Hồng Kông. Để nối hai thành phố ấy tôi không ngờ là mình lại được di chuyển bằng tàu hỏa. Như vậy là trên cùng một tuyến đường sắt dài 200 ki-lô-mét chú tôi và tôi đã đi trên hai chuyến xe lửa ngược chiều nhau. Hai chuyến tàu không bao giờ gặp. Bởi lẽ chúng cách nhau đúng một nửa thế kỷ. Nhưng ngày hôm ấy tôi đã để cho hai chuyến tàu giao nhau tại ga Thạch Long. Trong tâm tưởng.

*

Chuyến xe hỏa vừa rời thành phố Quảng Châu. Nơi đến, Hồng Kông, sẽ là chặng chót của chuyến du ngoạn Trung Quốc, trước khi chúng tôi bay trở về Mỹ. Trên xe hỏa đoàn du khách yên lặng. Tất cả hình như đều mệt mỏi sau một chuyến đi dài. Với bốn chuyến bay trong nội địa cộng thêm rất nhiều chuyến xe buýt và đoạn đường phải cuốc bộ chúng tôi đã đến thăm nhiều thắng cảnh và di tích lịch sử của nước Trung Hoa trải qua những thành phố Thượng Hải, Tô Châu, Hàng Châu, Nam Kinh, Bắc Kinh, Tây An, Quế Lâm.

Suốt chuyến đi tôi thưởng ngoạn cảnh trí nước Tàu trong tâm trạng thư thái của một du khách. Cho đến ngày hôm trước tâm trạng tôi bỗng đổi hẳn. Tôi trở nên trầm lặng, ít nói. Nhà tôi tưởng tôi mệt. Chả riêng tôi. Hình như cả đoàn du lịch mà đa số ở tuổi đã cao đều thấm mệt và cũng đều trầm ngâm như tôi. Nhưng trong thâm tâm tôi tự biết mình tư lự không phải vì mệt mỏi mà vì lẽ khác.

Ngày hôm trước đoàn du khách rời Quế Lâm bay đến Quảng Châu. Từ phi trường chiếc xe buýt chở phái đoàn về khách sạn chạy vào lòng thành phố qua những con đường nhỏ nhiều bóng rợp. Xe như chạy xuyên vào ruột hai hàng cây dài giao nhau. Đến một khu trông na ná một trại lính, cô hướng dẫn cầm micro nói với đám du khách dăm ba câu tiếng Tàu, tay cô chỉ về phía những căn nhà gạch hai từng quét vôi vàng nằm khuất sâu trong một khu rộng nhiều cây cối và có hàng rào sắt vây quanh. Khi xe chạy qua khỏi khu vực ấy tôi quay qua cô Mai - thông dịch viên tình nguyện của vợ chồng tôi vì cô là du khách người Việt gốc Hoa nói thành thạo ba thứ tiếng Việt, Hoa và Anh ngữ - hỏi cô toà nhà ấy là gì thì được cô trả lời:

- Đó là trường Võ Bị Hoàng Phố.

Trường Võ Bị Hoàng Phố! Cái trường tôi đã từng nghe nói đến nhiều lần trong đời không ngờ nay tôi lại được chính mắt nhìn thấy. Hoàng Phố

nhắc tôi đến Việt Nam Quốc Dân Đảng và những tranh chấp Quốc Cộng của cả một thời kỳ bi hùng. Bao nhiêu đồng chí của cha tôi đã từng xuất thân từ đấy. Ông Vũ Hồng Khanh. Anh Lê Hưng. Và bao người khác mà tôi không nhớ tên. Tôi nhớ tới hàng ghi chú sau đây cha tôi viết trong bản thảo một tác phẩm dang dở mà tôi còn lưu giữ như một chứng tích có tầm lịch sử về những bước đi của cha tôi: Tháng 5-1946 sang Vân Nam. Tháng 12-1946 đi Thượng Hải. Tháng 2-1947 đi Quảng Châu. Tháng 7-1948 Long mất. Tháng 4-1949 ra Hồng Kông hẳn. Hoàng Phố còn nhắc nhở tôi rằng mình đang hiện diện ở thành phố Quảng Châu, vùng đất này năm mươi năm trước ghi dấu chân của ba người cật ruột: cha tôi, chú Long, chú Bách.

Kể từ giây phút ấy cho đến ngày về dưới mắt tôi nước Tàu bỗng đổi khác. Cũ kỹ hơn. Buồn bã hơn. Thành phố Quảng Châu bấy giờ chập chờn hình bóng những người đã khuất. Tôi nhìn cảnh vật bên đường nghĩ tới nơi này cha tôi đã từng đi qua, đã từng nhìn thấy. Tôi nghĩ tới thời gian hai mươi sáu tháng ông sống ở đây. Đó là một mảnh rất quan trọng trong đời ngắn ngủi của ông. Một mảnh đời tăm tối với tôi vì tôi không hề biết đến, nay đột nhiên hé ra như một cánh cửa vừa mở cho tôi thấy thêm chút ánh sáng. Và chú Bách của tôi đã sống 40 năm tại Phật Sơn, chỉ cách đây có 20 cây số, chắc chắn là rất quen thuộc với thành phố này, từ góc phố, từng lùm cây... tôi cố ghi nhớ những nơi tôi đi qua ở Quảng Châu để về Mỹ gặp chú sẽ kể chú nghe về những nơi tôi đã đến thăm và chú đã có nhiều kỷ niệm, chẳng hạn như Hoàng Hoa Cương, lăng mộ của 72 vị liệt sĩ Trung Quốc bị quân phiệt sát hại, nơi tôi và phái đoàn được hướng dẫn đi thăm chiều hôm ấy.

Qua một cái cổng lớn và trang nghiêm toán du lịch chúng tôi bước vào một sân gạch rất rộng hai bên trồng toàn một loại cây bách diệp, cuối sân bước lên mấy bực tam cấp, lại đến một cái sân bao la khác, ở cuối lại có bực tam cấp, cứ thế mà bước lên. Lăng nằm trên một đỉnh đồi thấp, xây xi-măng đồ sộ. Trước lăng là tứ trụ xây trên bốn góc vuông, giữa dựng một tháp cao khắc bẩy Hán tự thật lớn mà tôi chỉ biết đọc hai chữ "Thập nhị." Sau lăng là một bức tường lớn xi-măng hình tam giác, trên tường chia những ô nhỏ ghi tên tuổi những người trên khắp thế giới đã đóng góp hiện kim để xây dựng và trùng tu lăng này, trên đỉnh nhọn của bức tường có tạc một bức tượng nữ thần tự do. Tôi theo đám du khách bước vào trong lăng tham quan một lát rồi tôi tách ra. Một mình tôi đứng trên cao nhìn xuống.

Năm mươi năm trước. Trên nền sân rộng dưới kia có ba người đàn ông bước lên bực tam cấp. Mặt họ hướng về phía đỉnh đồi. Họ là ba anh em ruột. Hai người đi đầu tuổi xuýt xoát nhau, khoảng tứ tuần. Người thứ ba trẻ hơn một thập niên. Trông họ chững chạc. Đó là ba chính khách lưu vong đến đây để viếng mộ liệt sĩ Phạm Hồng Thái, người đã ném tạc đạn định giết tên toàn quyền Merlin nhưng không thành đã phải nhẩy xuống sông Châu Giang tự vẫn, xác được chôn cất trước xế cổng Hoàng Hoa Cương. Họ cắm nén hương trên mộ và đứng lặng người rất lâu lòng bùi ngùi tưởng niệm vị anh hùng dân tộc. Còn hơn tình anh em ruột thịt họ gắn bó nhau trong lý tưởng tranh đấu giành độc lập cho nước nhà; họ sát cánh nhau như những bộ phận trong cùng một cơ thể. Có người ví người lớn nhất là trái tim người giữa là khối óc và người thứ ba là cánh tay.

Tôi đứng đây trên đồi Hoàng Hoa Cương năm mươi năm sau mà lòng bồi hồi nhớ họ. Hai người đầu đã khuất bóng là cha tôi và chú Long. Người thứ ba còn tại thế là chú Bách hiện lưu lạc bên Mỹ. Trong một lần điện đàm với thím Bách, thím có nói với tôi và tỏ ý tiếc đã để mất một bức ảnh quý. Bức ảnh chụp ba người năm 1947 tại Hoàng Hoa Cương. Tôi nhìn xuống sườn đồi nhìn hàng cây bách diệp trồng thẳng tắp hai bên bờ sân gạch và tự hỏi ba người đã đứng ở đâu chụp bức ảnh này.

Sáng ngày hôm sau xe buýt đổ chúng tôi xuống ga Quảng Châu để đáp xe lửa đi Hồng Kông. Tôi không ngờ mình lại đối diện với một hàng rào công an dầy đặc đến thế. Hồng Kông năm trước đã được chuyển nhượng cho Trung Cộng từ tay người Anh. Nhưng sự đi lại giữa lục địa và Hồng Kông vẫn rất hạn chế và sự kiểm soát thật gắt gao. Trong sân ga rộng đông người tôi không nghe một giọng nói, một tiếng cười. Sau khung cửa sổ nhỏ là gương mặt trẻ và lạnh lùng của một anh công an trong bộ đồng phục màu xanh ve. Hắn ném tôi cái nhìn xoi mói rồi cúi xuống tấm thẻ thông hành lật qua lật lại xem hình tôi trong thẻ, lại ngửng lên ngó tôi với cặp mắt bén như dao. Rồi liếc sang bên cạnh (tôi đoán có màn máy vi tính), hắn ta cắn môi, cau mày, suy nghĩ. Tôi chờ đợi. Thật lâu. Thốt nhiên tôi đứng tim. Đúng lúc tôi có cảm giác hắn sắp sửa kêu người đến bắt tôi thì hắn lại vẫy tay cho tôi đi qua. Chưa hết. Tôi phải trải thêm hai lần như vậy nữa với hai tay

công an khác. Tất cả đều cùng một tác phong, cùng một cái nhìn sắc lạnh. Tôi tự hỏi cái cách làm việc thái quá của họ có cần thiết không? Hay họ được huấn luyện với chủ đích để làm tôi sợ? Mà làm tôi sợ để làm gì không biết? Hay là đe dọa đã thành thói quen, đã ăn thành nếp sống trong chế độ cộng sản?

Thoáng hiện trong óc tôi gương mặt thất thần và ánh mắt sợ hãi của chú Bách. Đó là hình ảnh mười năm trước. Năm cuối của thập niên 80. Chú Bách vừa từ Trung Quốc sang định cư ở Mỹ. Việc đầu tiên khi đến Mỹ là chú làm một vòng khắp Hoa Kỳ để thuyết trình và nhân tiện đến thăm họ hàng Nguyễn Tường sống rải rác nhiều nơi trên đất Mỹ. Lần chú ghé thăm miền Tây Bắc chúng tôi tề tựu tiếp chú tại nhà một người cháu của chú là nhà văn Thế Uyên ở thành phố Olympia. Đang ngồi nói chuyện ở phòng khách thì một người bạn thân của chúng tôi bất thần tông mạnh cửa bước vào, nói to:

Hoàng Đạo ngồi, bên trái. Phía sau là Nhất Linh. Bên phải: "Chị Hồng Quang Trâm và cô Ngọc Long" theo lời ghi chú trong tấm ảnh gốc.

- Hê! Thiết! Mày ra đậu lại chiếc xe ở trước cửa cho tao có chỗ...

Tôi thấy chú Bách đang ngồi trên ghế bành bỗng giật nẩy lên. Chú đưa một cánh tay phía trước, bàn tay xòe che mặt, miệng nói nhỏ, ấp úng, lắp bắp: "Ông... ông... là ai?" Tôi đọc thấy ngay trong ánh mắt chú một tia sợ hãi thật sự. Như thể chú vẫn còn đang sống trong bầu khí đe dọa của thời cũ và quên rằng mình đang sống trên đất nước Mỹ thanh bình. Phòng khách lúc ấy đông người nhưng ai nấy đều mải nói chuyện không để ý phản ứng khác lạ của chú. Mà ngay cả chú Bách cũng chưa chắc gì ý thức phản ứng của chính mình. Tôi chưa từng phải sống dưới chế độ cộng sản dù chỉ là một ngày. Nhưng ánh mắt ấy đã cho tôi thấy hết: phản ứng của chú Bách là tất nhiên của một người đã từng sống dưới ách của chế độ ấy gần một nửa đời.

Bước lên toa xe lửa toán du khách chúng tôi thở phào nhẹ nhõm. Đám chúng tôi ngồi chụm gần nhau ở mấy hàng ghế cuối toa. Tiếng cười ròn vui vẻ của mấy cô gái trong bọn tôi làm tôi chợt chú ý tới sự tương phản giữa đám du lịch và những hành khách khác trong toa. Họ đều là đàn ông, vẻ mặt nghiêm nghị. Quần áo họ hầu như toàn một màu xám. Những người lớn tuổi bận áo bốn túi, đầu đội mũ Mao Trạch Đông, một số người trẻ mặc áo vét xám, tay cầm cặp samsonite, trông như thương gia. Tôi nghĩ họ phải có gốc lớn lắm mới được cấp giấy đặc biệt để vào Hồng Kông. Bọn chúng tôi thì khác hẳn. Áo quần xuề xòa đủ loại. Jeans. Shorts. Màu sắc sặc sỡ. Đoàn du lịch hầu hết là Hoa kiều sống lâu năm bên Mỹ. Cả đoàn hai mươi người chỉ có một bà Mỹ trắng và bốn người Việt. Ngoài vợ chồng tôi hai người Việt kia là hai cô gái gốc Hoa đi cặp với nhau.

Theo nguyên tắc thì hướng dẫn viên phải xử dụng đồng đều cả hai ngôn ngữ là tiếng Anh và tiếng Hoa. Nhưng vì đoàn chỉ có một người Mỹ nên họ có khuynh hướng giới hạn tiếng Anh ở mức tối thiểu. Chúng tôi di chuyển phần lớn bằng xe buýt. Để giúp vui một vài anh hướng dẫn viên thích kể chuyện tiếu lâm. Họ kể bằng tiếng Tàu, cố nhiên. Mấy anh nói rất có duyên vì trong suốt

chặng đường dài xe cứ rung lên với những tràng cười ròn rã. Chỉ trừ ba người là vợ chồng tôi và bà Mỹ ngồi im. Có lần bà Mỹ giơ tay phản đối yêu cầu anh ta kể bằng tiếng Anh. Anh ta lễ phép trả lời rất tiếc không thể dịch sang tiếng Anh được vì chuyện anh kể dùng rất nhiều cách chơi chữ của người Tàu không thể nào dịch ra bất cứ một thứ tiếng nào khác. Chúng tôi may mắn hơn bà Mỹ vì được cô Mai là một trong hai cô gái gốc Hoa sốt sắng dịch cho chúng tôi nghe. Chẳng hạn trong thời gian ở Hàng Châu trong khi phái đoàn leo lên một cái chùa tháp cao 12 từng, anh hướng dẫn chỉ xuống một con sông lớn trước mặt, nói líu lo. Cô Mai quay qua tôi nói:

- Anh Thiết ơi! Lấy máy ảnh chụp ngay con sông này đi!

Tôi hỏi:

- Sông gì thế?

- Quan Tien River!

- Quan Tien là sông quái gì?

Mai phất tay vào vai tôi:

- Sông Tiền Đường đó! Cô Thúy Kiều tự tử đó!

Tối hôm ấy nằm trong khách sạn Hangzhou Continental trước khi ngủ tôi dại dột hỏi nhà tôi:

- Này! Em! Cô Mai và cô Ly có chồng hay chưa có chồng hả em?

Nhà tôi đang nằm quay mặt phía trong vội xoay hẳn người lại:

- Ơ hay anh này vớ vẩn? Anh muốn tán hai cô ấy thì cứ hỏi thẳng chứ em làm sao biết được hai cô ấy có chồng hay chưa có chồng?

Tôi thờ thẫn:

- Ờ nhỉ...

Tôi nhìn ngoài cửa sổ. Con tàu vừa kéo một hồi còi dài. Bên ngoài là cánh đồng trống. Tàu hỏa chạy song song một con đường đất đắp nhô cao khỏi mặt ruộng. Trên đường một chiếc xe cam-nhông nhà binh màu lá cây chạy tung bụi phía sau. Tôi nhìn những cột điện lướt qua. Những giây thép trũng xuống rồi vươn cao rồi lại trũng xuống nối tiếp... Rồi tiếng ru rập rình của con tầu làm mắt tôi nhíu lại. Tôi trôi đi trong vũng sâu của thời quá khứ trong khi vai tôi cứ nặng dần ở một bên. Mùi mái tóc của nhà tôi thoảng qua. Vài sợi tóc bay rối qua mặt. Rồi có tiếng nói thật nhỏ ngủ đây... em ngủ đây... như mơ hồ một đêm nào trong tuổi thơ mái tóc dài của mẹ tôi xổ xuống buông xõa. Bà cúi xuống trên bờ vai tôi thầm thì ngủ đi con ngủ đi con... Vừa ru mẹ tôi vừa khẽ cất tiếng hát. Giọng hát buồn bã. *Trên sông Kinh Châu có con buồm trắng... Gió Thu đưa người biệt ly về cung sầu đó chăng...* Tôi khóc rống lên. Rồi nức nở. Tấm tức. Mẹ tôi xoa tay trên lưng tôi. Bàn tay mềm mại. Lưng tôi nổi rôm. Tôi khóc cả đêm trên chiếc sập gụ một đêm nào rất xa xưa của Hà Nội, một đêm trời hè nóng bức kinh hồn, tôi nổi rôm cùng khắp người. Tôi đưa bàn tay nhỏ bé cào cấu làn da nổi sần lên những hột li ti nhưng cơn ngứa như tăng thêm theo từng cơn gãi. Tôi gãi đến rướm máu. Mẹ tôi giữ dịt tay tôi lại. Bà rắc bột phấn lên khắp người tôi rồi bà xoa xoa rất nhẹ. Cơn ngứa không giảm. Tôi gào lên muốn mẹ tôi mạnh tay hơn. Nhưng bà chỉ hát. Làm như tiếng hát có thể dịu đi mọi nỗi thống khổ. Tôi thiếp đi trên sông Kinh Châu có con buồm trắng... Khi tôi tỉnh dậy trời vẫn tối. Nhưng tôi chợt linh cảm chiếc sập gụ rộng chỉ có mỗi mình tôi. Hoảng sợ bàn tay tôi trườn hai bên mò mẫm xem mẹ tôi còn nằm bên cạnh không. Tay tôi tụt xuống mép sập. Tôi lạnh người khóc gào lên. Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ đâu rồi?...

Sáng hôm sau tôi nghe nói mẹ đã bỏ chúng tôi đi thật. Bà bất thần phải sang gấp bên Tàu. Có tin chú Long vừa mất ở Quảng Châu.

Tàu chuyển qua thành phố. Loáng loáng qua khung cửa là những căn nhà gạch xây sát cạnh đường tàu. Tôi nhỏm dậy hốt hoảng. Tôi chợt nhớ ra là chú Long đã gục chết trên tuyến đường này...

Tôi rời ghế đi lên mấy băng phía trước. Rồi cúi xuống tôi nói với cô Mai:

- Nhờ Mai giúp tôi việc này. Hồi ở Việt Nam học về Tự Lực Văn Đoàn chắc Mai có biết nhà văn Hoàng Đạo?

- Hoàng Đạo à? Mai biết chứ.

- Hoàng Đạo là chú ruột tôi. Năm mươi năm trước chú tôi chết ở trên một chuyến xe lửa đi từ Hồng Kông đến Quảng Châu. Xác chú chôn gần một nhà ga của thị trấn Thạch Long, nằm đâu đó giữa Quảng Châu và Hồng Kông. Tôi muốn nhìn cái nhà ga ấy. Những hành khách trong toa này chắc là phải biết Thạch Long. Nhờ Mai hỏi hộ tôi. Cứ nói là thành phố có tên Con Rồng Đá, chắc họ hiểu.

- Vâng, Mai sẽ hỏi hộ anh.

Bỗng cô ta nhìn tôi:

- Vậy thế Nhất Linh là thế nào với anh?

- Tôi là con.

Mai lại nhìn tôi. Một nét ngạc nhiên thoáng trong ánh mắt cô:

- Thế à? Mai rất hân hạnh được biết anh.

Tôi trở về chỗ ngồi. Nhà tôi hỏi tôi:

- Anh hỏi cô Mai cái gì thế?

- À, anh nhờ Mai hỏi hộ thị trấn Thạch Long ở đâu, anh muốn xem cái ga ấy. Chú Long chôn ở đó, em biết rồi.

- Ừ, em cũng muốn xem.

Một lát sau tôi thấy Mai đứng lên hỏi một thanh niên trẻ mặc áo vét. Anh ta lắc đầu. Cô gượng hỏi thêm. Anh ta lại lắc đầu, tay chỉ vào một ông già ngồi ở băng trước. Mai tiến đến hỏi ông già đội chiếc mũ Mao Trạch Đông màu ka-ki. Hai người nói chuyện khá lâu. Lát sau cô trở lại cúi xuống nói với nhà tôi:

- Chị Thái Vân này! Mai hỏi được rồi. Còn khoảng hai mươi cây số nữa. Qua một cái tỉnh nhỏ nữa thì đến Thạch Long. Ông ta nghĩ Mai hỏi để xuống ga đó nên cứ nhắc mãi tàu này là tàu tốc hành đi Hồng Kông không có ngừng ở ga nào hết.

Mai về lại chỗ ngồi. Tôi cố nhớ lại tất cả những gì có liên quan đến chú Long.

Tại sao tiếng hát ru buồn bã của mẹ cái đêm xa xưa ấy lại khiến tôi liên tưởng ngay đến cái chết của chú? À phải rồi... cái đêm nóng kinh hồn đó là mùa hè của năm 1948.

Năm đó tôi lên tám. Tôi học trường tiểu học Hàng Vôi số 25 đường Lý Thái Tổ Hà Nội. Nhà của chú Long ở xéo bên kia đường, số 18 bis. Ngôi nhà xinh đẹp hai từng có cây bàng trước sân. Thuở bé tôi đến đó một hai lần. Không bao giờ tôi gặp chú Long. Từ phố Hàng Bè đến phố Hàng Vôi không xa. Nhưng đến nhà chú tôi thấy mình lạc vào thế giới khác. Hôm tôi đến thì Nguyễn Tường Ánh, con trai của chú thím, từ ngoài bước vào phòng khóc tấm tức, vừa khóc vừa giơ một ngón tay bị chẩy máu. Thím Long mắng đứa con của bà, bằng một giọng êm và quý phái. Tôi nghe giọng của bà lạ. Cách xưng hô cũng lạ. Không phải "mợ" như chúng tôi thường gọi mẹ. Mà là "me". Tiếng "me" nhỏ nhẹ phát từ cửa miệng hai mẹ con tôi nghe lạ tai quá, nó tây tây làm sao, vừa quý phái vừa có lẫn chút gì mềm yếu. Bầu không khí êm trôi của gia đình chú Long như thế đó. Nó tương phản với những gì tôi được nghe kể về chú sau này.

Trí nhớ tôi về mùa hè năm ấy có hình ảnh trường Hàng Vôi. Trường là hai dãy nhà gạch hai từng ở hai bên, giữa là sân. Giờ ra chơi trời nóng bức đám học trò túa ra tụ trước cổng trường ngón tay kẹp đồng bạc tranh nhau thò qua chấn song sắt. Tiếng rao lao nhao ngoài cổng. Kem đây! Kem đây! Kem cam, kem bạc hà đây! Chiếc nắp bấc mở phịch. Hơi mát tỏa phà lòng bàn tay. Tôi rút ra trong phích một cây kem còn thở khói. Trong trí nhớ hình như sân trường có một tăng-xê trú ẩn hay là một cái lô cốt đổ nát còn để lại tôi không rõ. Một lần giữa giờ học tôi nghe có tiếng vọng sang từ một căn nhà gạch hai từng ở sát cạnh trường, ngăn bởi một bức tường cao có hàng rào kẽm gai cuộn tròn phía trên. Tôi nghe không rõ nhưng dường như đó là một tiếng hét đau đớn. Có ai bảo tôi căn nhà đó là Sở Mật Thám. Tây đã tra tấn Việt Minh trong đó. Sau này cũng có ai bảo tôi chú Long bị Tây bắt và bị tra tấn. Họ còn nói thím Long mỗi lần thăm chú ở nhà giam về nhà lại mang theo một chiếc áo đẫm máu!

Vào trong Nam tôi ít liên lạc với gia đình thím Long. Ánh lớn hơn tôi mấy tuổi nên tôi ít thân. Chúng tôi gặp nhau vài lần một năm là nhiều và thường là những dịp giỗ tết. Lần cuối tôi gặp thím Long vào dịp Tết đầu thập niên 70. Nhà thím ở Gia Định, Ngã Năm Bình Hòa, trong một cái ngõ có nhiều cây xung quanh. Tôi dựng xe gắn máy trước nhà. Vào phòng khách tôi thấy vắng không có ai. Lát sau có tiếng dép bước ra từ buồng trong. Bao nhiêu năm không gặp thím tôi thấy thím già đi, xanh xao, mệt mỏi. Duy có tiếng nói của thím vẫn thế, vẫn là giọng nói của thím Long ngày nào ở Hà Nội. Êm nhẹ. Quý phái. Chỉ khác bây giờ giọng thím nhỏ yếu hơn nhiều. Tôi nghe nói thím bị bịnh ung thư bên cánh tay trái, nhưng lần ấy tôi gặp thì cánh tay chưa bị cắt. Trong suốt câu chuyện với thím hôm đó tôi chỉ còn nhớ một câu thím nói. Thím nhìn lên cây vú sữa của căn nhà bên kia ngõ như thả hồn theo những ngày xưa cũ và giọng của thím nhẹ như hơi thở:

- Cuộc đời của các anh phẳng lặng quá. Cuộc đời của chúng tôi sóng gió hơn nhiều...

Câu nói làm tôi nghĩ đến cuộc đời gian truân của mẹ tôi, của thím Long và của bà Khái Hưng. Tôi nghĩ đến thân phận làm vợ của ba nhân vật nòng cốt Tự Lực Văn Đoàn đã chọn con đường tranh đấu chông gai. Riêng với thím tôi thấy xót xa hơn cả bởi thím xuất thân từ một gia đình quyền quý, lại là con một, khi lấy chú tôi thím không hề được sửa soạn để ứng phó với cuộc đời bất trắc. Sau lần gặp ấy cho đến ngày thím mất tôi không gặp lại thím. Nhưng tôi được nghe kể về diễn tiến của căn bệnh quái ác ấy. Cánh tay của thím phải cưa đến hai lần. Sau cùng ung thư đã lan vào tủy sống làm bà hôn mê suốt 24 tiếng đồng hồ trước khi từ giã cõi đời.

Từ tiếng hét bên bờ tường kẽm gai trường Hàng

Vôi, đến chiếc áo đẫm máu của chú Long và sau này cánh tay cưa của thím, những hình ảnh đó là những ấn tượng đau đớn nó luôn luôn thoáng hiện trong tôi mỗi lần tôi nghĩ về chú thím.

Từ ngày vào Nam hình như những kỷ niệm đau buồn cũ đã được để lại bên bờ kia của dòng Bến Hải. Họ Nguyễn Tường chúng tôi bắt đầu cuộc sống mới ở miền Nam. Không ai buồn nhắc nhở đến cái chết đau thương của chú Long.

Nhưng có một lần trong đêm khuya khoắt tên chú Long được nói đến làm tôi rúng động. Nó cho tôi biết được một điều thầm kín. Là trong lúc cái chết của chú đã chìm trong quên lãng thì vẫn có một người âm thầm đau khổ. Người đó là cha tôi. "Thuở ấy ở Sài Gòn cha tôi thường viết văn trong đêm khuya khoắt. Những khi giật mình thức giấc nửa đêm tôi thường thấy, qua khe cửa, đèn trong phòng ông còn bật sáng. Có đêm lũ chúng tôi lòm còm bò dậy vì có tiếng khóc trong phòng cha tôi. Tiếng khóc lúc đầu còn nhỏ sau lớn dần không kìm hãm được. Lũ chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau. Một người anh họ lớn tuổi hơn, ra dáng hiểu biết, giải thích: Chú Tam khóc vì chú nhớ chú Long đấy! Sau này tôi biết ông đã khóc âm thầm nhiều đêm vào những dịp khác. Không ai có thể đoán biết ông khóc cái gì, ngay cả mẹ tôi cũng không thể nào biết được. Nhưng sự khám phá này đã gieo vào tuổi thơ tôi một ấn tượng mạnh mẽ, rằng cha tôi là một người cô đơn và đau khổ." (Nhất Linh Cha Tôi - NTT - 1985).

Tôi biết gần như chắc chắn cái chết của chú Long, người em và cũng là đồng chí, đã ảnh hưởng mạnh đến cuộc đời của cha tôi. Năm 1951, khi từ Hồng Kông về Hà Nội, cha tôi tuyên bố với báo chí ông từ bỏ chính trị. Quyết định này của ông tôi nghĩ là sẽ không có nếu chú Long còn sống. Cha tôi có hai con người trong ông. Con người nghệ sĩ ông gần Thạch Lam. Con người cách mạng ông gần Hoàng Đạo. Sự mất mát của hai người em, nhất là Hoàng Đạo, đưa đến khủng hoảng trong tâm thần ông.

Ngay sau ngày cha tôi chết một nhân vật xuất hiện. Như Phong. Đeo kính trắng gọng to, chiếc pipe trên miệng, khuôn mặt vuông, dáng trí thức lịch lãm, người mà chúng tôi vẫn gọi bằng cái tên thân mật "cậu Tiến." Tôi chưa từng gặp Như Phong trước đó. Nhưng tên cậu đã là huyền thoại. Là đàn em của Hoàng Đạo, đời cậu dính chặt với gia đình chú Long. Luôn luôn là một nhân vật bí mật và chỉ xuất hiện trong những dịp thật đặc biệt, với tôi cậu Tiến là hiện thân của một người chú tôi chưa từng biết.

Không khí thật căng thẳng sau ngày cha tôi tự sát. Công an mật vụ theo rõi chúng tôi. Hôm đó ngày thứ hai mồng 8 tháng 7 năm 1963. Giờ này theo như trát đòi đáng lý cha tôi phải có mặt trong phòng xử của Tòa Án Quân Sự Đặc Biệt tại số 131 đường Công Lý Sài Gòn nhưng hôm trước ông đã uống độc dược tự vẫn, để lại tờ di chúc chính trị "Đời tôi để lịch sử xử..." Đúng lúc chúng tôi đang bối rối tìm cách phổ biến tờ di chúc ra ngoại quốc trước khi nó có thể bị tước đoạt bởi những bàn tay mật vụ thì Như Phong xuất hiện. Cậu giải quyết vụ này nhanh chóng. Tôi nhớ mãi thái độ của cậu hôm đó. Trong bàu khí bất an đe dọa khắp nơi, trong khi chúng tôi bấn loạn thì cậu bình tĩnh như không. Cậu còn khôi hài dí dỏm làm như thể mọi chuyện trên cõi đời này không có gì đáng phải lo âu. Trên đường chở cậu trên chiếc Vespa của tôi đến số 19 đường Ngô Đức Kế để đưa tờ di chúc đến cơ quan thông tấn xã U.P.I cậu bảo tôi dừng lại ở một kiosk đầu đường Nguyễn Huệ làm photocopy. Đấy là lần đầu tiên tôi biết mặt mũi cái máy sao giấy tờ này. Sau này gặp lại cậu Tiến cứ mỗi lần chúng tôi trao đổi nhau bất cứ một thứ giấy tờ gì, dù chỉ là mảnh giấy rất thường, cậu đều ghé vào tai tôi, nói thầm ra vẻ bí mật: "Nhớ photocopy!" Cả hai đều bật cười nhớ ngay đến lần hai cậu cháu làm phóng ảnh cái tờ di chúc lịch sử kia. Năm 1974 tôi dự tính in một cuốn sách "Di cảo Nhất Linh Nguyễn Tường Tam" và đang thu thập tài liệu thì Như Phong đến gặp tôi trao cho tôi một tờ giấy nhỏ. Lần này cậu không nói đùa "nhớ photocopy!" như mọi lần mà chỉ nói: "Tài liệu quý! Nhớ giữ!" Đó là lần cuối cùng tôi gặp cậu. Đúng hai mươi năm sau, ngay khi đặt chân đến Mỹ, cậu gọi điện thoại cho tôi và câu đầu tiên cậu hỏi là tôi còn giữ được tài liệu đó không. Tôi nói tôi còn giữ. Lặng đi một lát. Tôi cảm được mối xúc động của cậu ở đầu giây bên kia. Rồi cậu nói: "Tốt! Photocopy gửi cậu một bản. Nhớ in màu. Làm sao lên được màu mực tím của vạch kẻ!" Tôi mang tài liệu này đến Kingko để in. Bỗng tôi giật mình. Tôi đã giữ tài liệu này mấy chục năm nay đọc nó không biết bao nhiêu lần có bao giờ để ý cái chi tiết vạch kẻ có màu tím. Mấy chục năm mà cậu còn nhớ được cái chi tiết nhỏ nhặt này. Thì ra cậu Tiến, tôi đoán thế, trong suốt bao năm tháng dài đã nghiền ngẫm tài liệu này trong trí nhớ, đã nhìn thấy màu mực tím đó trong bóng tối âm u của những trại lao tù cộng sản. Tài tiệu đó do chính cha tôi viết tay dài hai trang chữ rất nhỏ mang tên Ký Trình nội

dung báo cáo về việc thống nhất các đảng phái quốc gia và tổ chức đảng. Ký tên Hải Ngoại Chấp Hành Bộ: Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, Vũ Hồng Khanh, Lý Đông A (và một nhân vật nữa) cùng ký tên tắt. Tài liệu này không đề ngày. Nhưng câu "Ngày giờ đã khẩn cấp!" trong tài liệu cho tôi phỏng đoán là nó được viết cùng thời với Bức Thư Ngỏ Gửi Các Bạn Chiến Đấu của cha tôi ký ngày 17-1-1945 trong đó có một câu tương tự: Thời giờ thật là khẩn cấp..

Nhà tôi đập vào vai tôi chỉ về phía trước. Cách mấy hàng ghế Mai quay người phía sau miệng nói mấy câu nhưng tiếng nói bị át đi trong tiếng còi tàu. Tay cô chỉ chỉ ra ngoài ra dấu xe hỏa đã vào ga Thạch Long.

Tất cả xẩy ra rất nhanh chóng khi con tàu tốc hành vùn vụt chạy lướt qua ga.

Tôi dướn người nhìn ra bên ngoài. Khung cảnh ga Thạch Long hoàn toàn không giống như trong trí tưởng tôi. Trong một khoảnh khắc rất ngắn khi tôi vừa ý thức là nắm xương của chú Long tôi phải nằm ở quanh quất đâu đây thì con tàu đã rầm rộ vượt qua, bỏ lại nấm mộ trong trí tôi lùi xa lùi xa... Trong tiếng nghiến của những bánh xe hỏa rung lên trên một cây cầu sắt tôi nhìn thấy chú Long đang rõi mắt nhìn tôi... cái nhìn lãng đãng, thắm thiết mà buồn bã... cái nhìn mòn mỏi đợi chờ những người thân... đã từ năm mươi năm... Sự tưởng tượng không ngờ làm tôi thật sự xúc động. Mối xúc động át đi trong tiếng còi kéo dài khi chuyến tàu rời khỏi thành phố. Đó là khoảnh khắc duy nhất trong đời tôi đã trọn vẹn dành cho chú, một người chú bao năm như kẻ xa lạ bỗng dưng trở về... gần gũi thân thương như một người trong nhà.

Chú tôi sinh ra và lớn lên ở phố huyện Cẩm Giàng. Gần một cái nhà ga bên con đường sắt Hà Nội - Hải Phòng. Nơi quê nhà. Bốn mươi mốt năm sau chú chết lại gửi xác ở thị trấn Thạch Long. Cũng gần một cái ga bên con đường sắt Quảng Châu - Hồng Kông. Nơi quê người.

Nông nỗi nào thế hở chú Long?

*

Mới đó mà đã bẩy năm qua.

Bốn năm trước Như Phong mất ở Virginia vào ngày 18 tháng 12 năm 2001. Tôi sửng sốt ghe tin cậu mất. Thật quá bất ngờ. Tôi tự trách mình cứ chần chờ gập cậu để nghe cậu kể và nếu cần sẽ thu băng làm tài liệu sau này viết về một đoạn đời của cha tôi và của chú Long, một đoạn với tôi còn ngập đầy bóng tối, mà tôi tin rằng cậu là người biết rõ nhất. Sau khi cậu Tiến mất tôi cũng thắc mắc tại sao cậu không viết hồi ký? Cả cuộc đời cậu luôn luôn đứng trong hậu trường chính trị, là người biết rõ nhất cái hậu trường ấy, của rất nhiều thời kỳ lịch sử khác nhau.

Một ngày kia tôi sực nhớ tới cái hôm cậu giúp tôi phổ biến tờ di chúc của cha tôi, một việc làm đã góp phần cho sự sụp đổ của một chế độ. Ngày ấy với tôi là trọng đại. Nhưng với cậu lại như đùa bỡn. Tôi hiểu ra. Hôm đó chỉ là một ngày trong đời cậu. Những ngày khác của cậu cũng thế. Cuộc đời cũng thế. Viết làm gì? Có gì quan trọng đâu...

Theo với cái chết của Như Phong, năm ấy tôi đã mất đi một người chú Hoàng Đạo trong tâm tưởng.

Đêm nay.

Một đêm thu trong và lạnh của miền Tây Bắc lại đến.

Tôi thức giấc nửa khuya thấy mình đối diện với ánh trăng tràn qua cửa sổ. Ánh trăng làm tôi xao xuyến. Nằm trằn trọc mãi không ngủ được tôi suy nghĩ về bài tôi đang viết về Hoàng Đạo rồi bỗng sực nhớ ra là mình có lưu giữ một chút gì của chú Long, tôi thức dậy bước ra ngoài phòng khách. Từ trên trần nhà lọt qua khung skylight ánh trăng trải xuống một khoảng sáng mờ hình chữ nhật, một nửa nằm trên thảm, một nửa gác lên tủ kính là chỗ tôi cất giữ di cảo của cha tôi. Tôi mở cửa kính tủ, bật một cái đèn con rồi lấy ra một bức tranh hoa cúc do cha tôi vẽ. Cạnh bức tranh là thủ bút của cha tôi ghi rõ "chậu cúc này do chính tay Hoàng Đạo mua về để bày tết, trang hoàng một gian nhà tiều tụy ở một làng hẻo lánh Quảng Đông." Ở một góc của bức họa có chữ ký Nhất Linh, 1948, đúng năm Hoàng Đạo mất.

Trên bức vẽ là màu thời gian gần sáu mươi năm. Vài cánh hoa cúc do cha tôi cắt và dán đã long ra ở đầu mép. Tôi nhìn cái phông màu mực đỏ tươi của bức tranh loang sau những cánh hoa vàng và liên tưởng đến vệt máu đẫm trên chiếc áo chú Long.

Cầm bức tranh trên tay, tôi lặng đi. Bức tranh là tiếp cảm đầm thắm nhất giữa tôi và hai người thân yêu đã khuất. Thoáng trong một giây tôi hình dung cả ba người là chú Long, cha tôi và tôi đều cùng nhìn vào một chậu cúc xưa. Tôi nghĩ đến sự hữu hạn của đời người và bức tranh này cùng với ánh trăng kia sẽ còn lại mãi mãi.

Kim nhân bất kiến cổ thời nguyệt
Kim nguyệt tằng kinh chiếu cổ nhân
(Lý Bạch)

Nguyễn Tường Thiết

Đọc và đặt lại vị trí Hoàng Đạo

THẾ UYÊN

(đăng lại từ Văn số 107&108, Sài Gòn, năm 1968)

Tin tưởng ở đường lối xã hội chủ nghĩa không cộng sản, các vận động cách mạng của người quốc gia cho tới Hoàng Đạo mới mang một nội dung xã hội cấp tiến. Hoàng Đạo là người quốc gia xã hội đầu tiên.

Kể từ sau 1954, tại miền Nam đã có nhiều bài văn tập sách đủ loại viết về Hoàng Đạo. Trong hầu hết các bản văn ấy, không thấy có tác giả nào xác định chính xác, đầy đủ về giá trị cùng vị trí của Hoàng Đạo trong tiến diễn văn hóa cũng như văn học sử thời tiền chiến. Hầu hết các tác giả đều đặt khởi điểm căn bản bài viết trên một giả định bao gồm đại cương các điểm chính yếu sau:

- Coi Hoàng Đạo như một nhà văn còn sống và đồng thời với mình.
- Phê bình tác phẩm của ông, nhất là về điểm tư tưởng theo quan điểm tách tác phẩm của ông ra khỏi thời đại và hoàn cảnh lịch sử trong đó chúng đã được hình thành và phổ biến.
- Phần phiến diện, chỉ biết tới hay coi trọng Hoàng Đạo nhà văn, lơ là con người Hoàng Đạo toàn diện.

Giả định trên thường dễ đưa người biên khảo phê bình lời sai lầm là thiên vị - hoặc là khen quá mức, hoặc là mạt sát vô lý, hay cả chê khen đều không đúng chỗ. Vì thế, thiết tưởng khi tìm hiểu và trình bày phê bình về Hoàng Đạo, điều trước tiên cần thiết là tìm một căn bản đúng hơn. Trong bài văn này, người viết sẽ đọc và xác định lại vị trí Hoàng Đạo trên căn bản sau: *coi Hoàng Đạo như một nhà văn đã qua đời mà khảo sát, xét toàn diện cùng đưa trả sáng tác phẩm, con người tranh đấu cách mạng và sự nghiệp vào hoàn cảnh lịch sử thời ấy để rồi từ đó xác định vị trí, giá trị của ông trong dòng tiến diễn vận động văn hóa cùng cách mạng Việt Nam.* Căn bản này phát xuất từ vài nguyên tắc mà nhiều nhà phê bình văn hóa hiện đại đã sử dụng -dĩ nhiên với những sắc thái dị biệt tùy nhân chủng và địa lý chính trị. Riêng về Hoàng Đạo, căn bản này cần áp dụng hơn hết bởi vì thực ra Hoàng Đạo là một nhà văn hóa nhiều hơn là nhà văn - nếu hiểu nhà văn là người sáng tác văn nghệ như truyện ngắn truyện dài... Và nếu người viết không quá chủ quan, nếu đối với một nhà văn hóa giả thử như Hồ Thích chẳng hạn chúng ta không thể định giá trị của ông bằng những bài thơ tứ tuyệt hay thất ngôn bát cú đã làm, thì đối với Hoàng Đạo, cũng không thể chỉ phê phán qua truyện dài *Con Đường Sáng* và vài truyện ngắn đã viết. Hơn nữa, nếu nhân loại nói chung và dân Trung Hoa nói riêng đã không "chê" Lương Khải Siêu, Hồ Thích là lỗi thời hay lạc hậu so với thời bây giờ để mà gạt bỏ sự nghiệp các ông ấy khỏi văn học sử hay lịch sử *chính bởi vì các điều ông đã viết, nói hoặc vận động tư tưởng đã lỗi thời hay bị vượt qua.* Lý do bởi vì, xét về một khía cạnh nào đó, điều quí nhất cho một nhà văn hóa hay tư tưởng gia là có được sự kiện các tư tưởng hay quan điểm lý thuyết của mình đã được thế hệ đương thời hay kế tiếp đó mang ra thực hiện, ứng dụng hay suy nghiệm hoặc vượt qua để sau đó được xếp vào loại lỗi thời hay chậm tiến. Hẳn một Voltaire, Monstesquieur hay Hồ Thích nếu có sống lại, sẽ thích thú mỉm cười bởi vì họ được thấy các tư tưởng, các vận động của họ đã là những đóng góp đáng kể vào gia tài văn hóa văn minh, hay vào sự tiến hóa tư tưởng của dân tộc hay nhân loại – dù rằng, xin lập lại, đối với thế hệ về sau, tư tưởng của họ chỉ còn được tham khảo hay được chiêm ngưỡng như cổ vật.

Từ các nhận định trên, người viết thử cố gắng xác định lại Hoàng Đạo một cách toàn diện và đúng chỗ (nhưng không đầy đủ với số trang hạn chế của bài văn) bằng cách xét lại tiến diễn của văn hóa và xã hội cùng chính trị cách mạng của Việt Nam trong tiền bán thế kỷ hai mươi. Kế đó trình bày lại các dự phóng cùng các nỗ lực đã thực hiện của nhóm văn hóa Tự Lực Văn Đoàn. Sau cùng xét vị trí và giá trị của Hoàng Đạo trong dòng tiến diễn ấy.

Người viết sẽ chọn vị trí nhận xét là vị trí của một người viết văn cấp tiến khuynh tả hiện nay mà xét lại xem gia tài Hoàng Đạo còn những gì dùng được và nhất là từ ông, có thể rút ra những kinh nghiệm gì trong ý thức rằng gia tài đó không phải chỉ bao gồm trong bốn tác phẩm đã in thành sách, mà còn ở những bài văn bài báo đủ loại đã đăng tải trong *Phong Hóa, Ngày Nay*... (bộ cũ và mới).

*

Tất cả bắt đầu từ đêm 22 tháng 5 năm Ất Dậu, khi trận đánh sau cùng của quân lực chính quy Việt Nam kết thúc bằng một thảm bại tại kinh thành Huế. Chủ quyền quốc gia chính thức kể như bị mất từ đó. Phản ứng đầu tiên của người dân, nhất là thành phần sĩ phu lãnh đạo, là phong trào Cần-vương – một phản ứng sơ đẳng của tình tự ái quốc trung quân: ủng hộ vua chính thống chống lại vua bù nhìn cùng ngoại xâm. Đồng thời, phong trào Văn-thân có thể coi là phản ứng cao hơn một bực bởi vì đã mang sắc thái văn hóa, dù còn nhẹ nhàng; sự đốt phá các làng đạo tượng trưng cho sự xâm lăng tinh thần hồi đó. Nhưng dù là Cần-vương hay Văn-thân, thực ra đều chỉ là *phản ứng*, chứ chưa là một *phản tỉnh* tạo căn bản cho một chính sách phục hồi chủ quyền quốc gia hay cải tạo xã hội – như sẽ thấy có về sau này.

Sự phản tỉnh chỉ bắt đầu vào cuối thế kỷ 19 đầu 20 với các tư tưởng của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu, Tôn Văn... và cuộc thắng trận của người Nhật ở eo biển Đối mã năm 1905. Sự phản tỉnh đầu tiên (không kể Nguyễn Trường Tộ, Bùi Viện... mới chỉ là những cá nhân sáng suốt đơn độc) của thành phần sĩ phu, đưa tới nhận định sau: sự mất nước nguyên do là tại mình hủ lậu, từ chương trong khi các nước Tây phương đã tiến vào kỷ nguyên khoa học và kỹ thuật. Kết luận đương nhiên đưa ra là: phải *duy tân* gấp toàn diện quốc gia. Áp dụng cụ thể thứ nhất: ngoại xâm Pháp không bao giờ dại dột đi canh tân dân bị trị, vậy phải vượt biển Đông mà đi học: phong trào Đông Du ra đời. Nhưng không lẽ ngồi đợi cho du học sinh thành tài trở về mới khởi sự, vậy phải khởi công ngay từ lúc này tại quốc nội với những phương tiện hiện có (biện pháp này càng thúc bách hơn sau khi Đông Du gặp trở ngại): phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục ra đời.

Phong trào ĐKNT đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử Việt: kể từ đây cái học Khổng Mạnh cùng nền văn minh nông nghiệp bị phủ nhận, thay thế dần bằng những giá trị văn minh kỹ thuật Tây phương. Nói cho chính xác hơn, ĐKNT là khởi đầu cho một cuộc cách mạng văn hóa dẫn tới cách mạng chính trị (giải thực) và cách mạng xã hội sau này. Điểm cần nêu ra ngay ở đây là những người lãnh đạo từ Duy Tân, Đông Du sang tới ĐKNT, đều là các *sĩ phu nho học phản tỉnh:* Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Trần Quí Cáp... đều là các khoa giáp của chế độ thi cử cổ truyền Khổng Mạnh. Các vị đó như vậy đều là một chuyển tiếp, một tiếp nối giữa nền văn hóa và văn minh khác nhau.

Đông Kinh Nghĩa Thục, ngoài những tác động cụ thể trong địa hạt sinh hoạt văn hóa xã hội (như cắt tóc ngắn, mặc âu phục) hay tranh đấu chính trị kinh tế (phong trào xin xâu ở Nam Ngãi, các vận động mở mang thương mại kỹ nghệ theo Tây phương), nó còn có một tác động quan trọng hơn hết là gây một phản tỉnh sâu đậm trong thế hệ hậu sinh đa số được đào tạo trong các trường do người Pháp mở. Người Pháp mở nhiều trường, bắt đầu bằng trường thông ngôn, không phải chỉ vì muốn khai hóa dân Việt, mà chủ đích là đào tạo những tay sai thừa hành và trí thức vong thân để thay thế cho tầng lớp lãnh đạo của Việt Nam là giới sĩ phu. Bây giờ ĐKNT lại tấn công ngay chính vào hệ thống thống trị cơ bản ấy, tất nhiên người Pháp phải phản ứng mạnh bằng bạo động. Phong trào ĐKNT cùng các tổ chức ngoại vi của nó đều tan rã dần và chấm dứt với cái chết của Phan Chu Trinh và sự quản thúc Phan Bội Châu tại Huế.

Nhưng Duy Tân, Đông Du, ĐKNT cũng đã thực hiện được một phần sứ mệnh của chúng. Trong các lớp trẻ Âu học (ở đây từ ngữ này dùng để chỉ những người theo học quốc ngữ và chữ Pháp tại các trường người Pháp mở), những người trí thức trẻ phản tỉnh đã sáng suốt hơn nhiều, đã định được hướng con đường cách mạng giải phóng cho dân tộc. Nhưng có hai định hướng chính nguyên do từ ảnh hưởng của hai cuộc cách mạng lớn: 1917 tại Nga Sô và 1911 tại Trung Hoa. Định hướng chịu ảnh hưởng 1917 tạo ra đảng Cộng Sản Đông Dương, định hướng chịu ảnh hưởng 1911 tạo ra VNQDĐ. Cả hai loại đoàn thể này đều tiến sang đấu tranh bạo động vào những năm 1929-31 và đều thất bại. Cộng sản thất bại ở Thanh Nghệ Tĩnh, Quốc gia thất bại ở Bắc Việt. Đến 1932 thì kể như người Pháp đã dẹp tan tất cả mọi tranh đấu của người Việt, bất luận dưới hình thức nào, và dẹp một cách khôn ngoan - nghĩa là võ lực chỉ sử dụng như một trong nhiều phương tiện,

ngoài ra còn có các phương tiện khác quan trọng không kém. Thí dụ như phương sách huyền thoại hóa những công trình mở trường hay xây đắp quốc lộ, hay phương sách sử dụng ngay một vài trí thức vong thân hay sai nhưng có tài (thí dụ như Phạm Quỳnh) đứng ra lái các ước vọng duy tân hay cách mạng văn hóa sang một chiều hướng khác hoặc có lợi gián tiếp hoặc không có hại cho chính quyền thống trị của Pháp, chẳng khác gì như hiện nay Hoa Kỳ muốn đánh lạc hướng ước vọng cách mạng xã hội của thanh niên Việt bằng các trại công tác xã hội đủ loại hay những loạt bài do chính các trí thức vong thân nỗ lực chứng minh rằng văn nghệ phải chính thống và chính quyền và viễn mơ, và cách mạng xã hội là ảo tưởng, không nên nghĩ tới làm gì cho mệt óc... (Nói như thế không có nghĩa là người viết đồng *hóa* người Mỹ với người Pháp trước kia, các thí dụ được nêu ra chỉ cốt nhấn mạnh vào các phương sách chính trị các cường quốc đã sử dụng để ép một dân tộc nhược tiểu tuân theo chính sách của mình – dù chính sách đó có khác nhau như ý muốn đô hộ ta của Tàu, Pháp khác chính sách của Hoa Kỳ hiện nay).

Hoàng Đạo cũng như Nhất Linh, Khái Hưng và nhiều người trí thức Âu học trẻ khác sinh vào những năm đầu thế kỷ 20, đã chịu tác động của các biến cố trên cũng như đã chứng kiến một phần. Về Hoàng Đạo và cả TLVĐ, thì hầu như chứng kiến như khán giả ngoài cuộc, trẻ tuổi đang-đi-học: Hoàng Đạo 23 tuổi vào năm 1933. Nhưng không chứng kiến một cách dửng dưng mà chứng kiến trong phẫn uất chính quyền Pháp và rung động trước nỗi bần hàn của đa số dân tộc. Bởi thế, Hoàng Đạo cùng Nhất Linh cùng vài đồng chí nữa đã cùng nhau quyết định đứng lên tiếp tục công cuộc đấu tranh của người lớp trước. Nhưng tranh đấu bằng gì, cách nào và với ai?

Tình trạng nhân sự Việt Nam sau 1930 mang các đặc điểm sau: các đảng viên, các lãnh tụ và cán bộ đấu tranh hầu hết bị tù đầy hay bị giết, dân chúng đa số vì sợ bạo lực cường quyền, rất e ngại những người "hội kín" và những người dân nào tối khuất thì lại lâm vào tình trạng thất học – chữ Hán không được học và không có đủ tiền sức đi học các trường do người Pháp mở. Điểm quan trọng nhất là: tới thời kỳ này không còn lớp sĩ phu trẻ cổ truyền có khả năng lãnh đạo đại chúng nữa – chế độ học chính cũ đã bị tiêu hủy gần một thế hệ rồi và lớp sĩ phu cổ sẵn đã suy sụp vì chết tù đầy hay đã trở về già cầu an. Quay về phía lớp "sĩ phu mới" là các trí thức Âu học thì một phần bị đàn áp một phần bị vong thân văn hóa, một phần bị các Phạm Quỳnh huyền thoại hóa về sức mạnh vô địch của nước Đại Pháp đa số ù lì, cầu an, hướng về đường quan lại và hưởng lạc.

Thực trạng như vậy, nhưng đã định cách mạng cứu quốc thì phải bắt đầu ở một chỗ nào. Những bàn luận suy nghiệm của những người sáng lập TLVĐ thực sự là thế nào thì chỉ có các ông ấy biết đầy đủ và chính xác. Đối với người bây giờ chỉ có cách căn cứ vào các việc đã được thực hiện và các tài liệu để lại mà suy diễn ra đường lối chỉ đạo cách mạng chính trị. Phương thức tổ chức và đấu tranh bạo động vừa thất bại xong, người Pháp mạnh hơn bao giờ hết... Vậy phương sách cứu quốc hợp lý nhất phải có tính cách trường kỳ. Trường kỳ để có thể hun đúc lý tưởng mới, gây lại tình tự yêu nước trong tầng lớp trẻ mới và nhất là trường kỳ để có thể tạo ra những sinh lực mới tổ chức cách mạng mới trong dân tộc nói chung.

Theo dõi suốt lịch trình đấu tranh của TLVĐ thấy có thể phân ra bốn giai đoạn đấu tranh khác nhau:

- Giai đoạn sơ khởi: Sử dụng phương tiện văn hóa như báo chí để gây phản tỉnh trong quần chúng. Không phải bất cứ thứ quần chúng nào: đối tượng chọn lựa là tầng lớp trẻ có học nhưng không cao lắm. Không phải gây phản tỉnh và huấn luyện bằng cách bài văn khô khan mà bằng *nghệ thuật văn chương và trào phúng*. Tư tưởng chỉ đạo và huấn luyện cho giai đoạn này phần lớn là tư tưởng của Duy Tân để lại nhưng được sửa đổi và "duy tân" lại theo các sắc thái mới. Tiêu ngữ được đề ra là: "Trước vui thích sau ích lợi". Tờ Phong Hóa được trao phó nhiệm vụ chủ chốt.
- Giai đoạn 2: Vẫn sử dụng phương tiện văn hóa như báo chí, xuất bản, khai thác sự tin cậy và mến chuộng của độc giả để trang bị kiến thức chính trị xã hội và tạo tinh thần cách mạng. Các bài biên khảo về chính trị và cách mạng được đặt vào vị trí chính yếu: loạt bài Mười điều Tâm niệm (viết cho tầng lớp thanh niên). Công dân giáo dục (giới thiệu có hướng dẫn các chế độ và chủ nghĩa chính trị, cách mạng Tây phương), Bùn lầy nước đọng (các nhận định và đề nghị cải cách về nông thôn), Vấn đề Cần lao (nhận định về thực trạng lao động), Thuộc địa Ký ước (nhận định về chủ nghĩa thực dân)... Các sáng tác nghệ thuật được trao cho nhiệm vụ hỗ trợ: các tiểu thuyết luận để kế tiếp nhau ra đời, và được phổ biến

rộng bằng phương thức Lá Mạ (in nhiều bán rẻ như loại Livre de Poche hay loại sách xuất bản định kỳ của tập san Văn hiện nay).

Cũng trong giai đoạn này, chuyển dần sang địa hạt tổ chức và tranh đấu xã hội ôn hòa bằng các hiệp hội hợp pháp (đối với chính quyền Pháp) như: hội Ánh Sáng, các hội chợ Từ thiện.

- Giai đoạn 3: Tổ chức đoàn thể đấu tranh phối hợp với phong trào văn hóa để tiến tới giải phóng quốc gia, canh tân xã hội: đảng Đại Việt Dân Chính ra đời, hoạt động chìm.
- Giai đoạn 4: Phối hợp và liên hiệp với các đảng cách mạng quốc gia khác để theo đuổi một cuộc chiến đấu hai mặt: giải phóng dân tộc khỏi ngoại xâm Pháp và chống nội thù Cộng sản.

Hai giai đoạn 3 và 4 là giai đoạn đấu tranh cụ thể: giai đoạn 3 có lẽ chỉ bắt đầu từ đệ Nhị Thế Chiến (1939) tới ngày Pháp bị Nhật đảo chính (1945) (Hoàng Đạo bị Pháp bắt giam năm 1940-1943 vì ông là một trong những lãnh tụ của một đảng chứ không phải chỉ vì đã là nhà văn Từ Ly-Hoàng Đạo). Giai đoạn 4 bắt đầu từ Nhật đầu hàng Đồng Minh tới khi Hoàng Đạo chết ở Trung Hoa (1948) và Nhất Linh về nước (1950). Các hoạt động từ 1954-1963 về cả cách mạng lẫn văn hóa của Nhất Linh chỉ là hoạt động của cá nhân đơn độc, không còn tính cách TLVĐ nguyên thủy nữa nên không thể bao gồm trong các giai đoạn trên.

Trong tất cả các quá trình đấu tranh dài dòng từ 1933 tới 1948 ấy, nếu thủ lĩnh tinh thần và lãnh tụ cách mạng là Nhất Linh thì Hoàng Đạo giữ vai trò lý thuyết gia và tham mưu. Như vậy, xét định vai trò và giá trị của Hoàng Đạo, phải đặt ông cùng tác phẩm trở lại trong quá trình tranh đấu ấy – nói một cách khác, là đặt trở lại trong quá trình tiến diễn văn hóa và cách mạng của dân Việt trong thời kỳ ấy.

Điểm đầu tiên nhận thấy là trừ Xuân Diệu, Thế Lữ và Thạch Lam, Hoàng Đạo cùng Nhất Linh, Khái Hưng đều là những nhà văn dấn thân hiểu theo từ ngữ thông dụng bấy giờ. Và Hoàng Đạo là dấn thân hơn hết trong TLVĐ nếu chỉ xét về những gì đã được viết ra: ngoại trừ tập truyện Tiếng Đàn và truyện dài Con Đường Sáng, hầu hết bài viết của ông đều thuộc loại biên khảo – đến nỗi rằng giả thử không có hai sáng tác văn nghệ trên, thì phải gọi ông là nhà văn hóa (1).

Mười điều tâm niệm

Tập tiểu luận này (tạm gọi như vậy) cần được nhắc tới đầu tiên vì giá trị tác động tâm lý của nó khi được đăng ra trong thời tiền chiến và vì có trong danh sách những tác phẩm trích giảng của chương trình Việt văn trung học. Hoàng Đạo viết loạt bài này để đăng tải từng kỳ ở trang đầu mỗi số và không ký tên mình. Chỉ ghi dưới là TLVĐ hay không ghi gì cả – sự kiện này có nghĩa là những bài viết được cả TLVĐ đồng ý về nội dung. Giá trị quan trọng hay văn học của nó là ở chỗ đó.

Ngay trong bài vào đề (in riêng 1 trang căn cứ bản do Khai Trí xuất bản 1961) đối tượng đã được xác định rõ bằng câu: *"Hỡi các bạn trẻ!"*. Như vậy rõ rệt là các bài văn viết ra đã có nhiều giới hạn về hình thức và nội dung. Giới hạn về hình thức: đây là những bản văn vừa có tính cách hô hào vừa có mục tiêu đưa ra những tiêu ngữ những khẩu hiệu dễ nhớ cho thanh niên, bút pháp tất nhiên phải chịu những chi phối của loại văn này. Hoàng Đạo do đó đã sử dụng một bút pháp giản dị đại cương như sau: đưa ra một khẩu hiệu, kế đó một tiêu ngữ hay từ ngữ giải thích hay bổ túc cho khẩu hiệu (đôi khi dài như một cách ngôn), sau cùng là phần dài nhất trình bày tại sao cần phải tin theo điều *tâm niệm* ấy. Giới hạn về nội dung: không thể trình bày đầy đủ hay tất cả những tư tưởng chỉ đạo sâu kín của mình (bài viết cho thanh niên và dưới thời Pháp thuộc có kiểm duyệt gắt gao).

Vì những lý do ấy, Mười điều Tâm niệm không được coi như một trình bày toàn thể quan điểm hay tư tưởng của Hoàng Đạo nói riêng TLVĐ nói chung. Bất quá chỉ có thể từ cuốn này suy diễn ra quan điểm lập trường văn hóa xã hội của HĐ và TLVĐ vào thời đó và suy diễn trong giới hạn một diện, một khía cạnh biểu lộ mà thôi.

Như tiêu đề đã bao hàm, Mười điều Tâm niệm gồm 10 phần trong 10 bài riêng biệt xếp đặt không theo một trình tự nào cả, lẫn lộn đủ các loại đi từ thái độ văn hóa xã hội cần có cho tới việc luyện tính khí lẫn nhân sinh quan, luyện tập thể xác tới vấn đề giải phóng phụ nữ:

- đtn1: Theo mới (thái độ căn bản)
- 2: Tin ở sự tiến bộ (nhân sinh quan)
- 3: Sống theo một lý tưởng (nt)
- 4: Làm việc xã hội (tương quan cá nhân – xã hội)
- 5: Luyện tính khí (tu thân)
- 6: Phụ nữ ra ngoài xã hội (quan điểm chính trị xã hội)
- 7: Luyện lấy bộ óc khoa học (tu thân)

- 8: Cần sự nghiệp, không cần công danh (nhân sinh quan)

- 9: Luyện thân thể cường tráng (tu thân)

- 10: Cần có trí xếp đặt (tu thân)

Nếu đưa một người chưa bao giờ biết tới Mười điều Tâm niệm đọc phần tiêu đề trên, chắc chắn người đó (người hiện nay) thấy chúng không có gì đáng bàn và thấy chúng giống như những lời khuyên học trò của một ông thầy – ngoại trừ điều thứ 1 (theo Mới) là cần xét lại mà thôi. Như vậy, giá trị của MĐTN phải là ở một chỗ nào khác hơn là nội dung nội tại của nó, và như phần trên đã trình bày, phải trả *MĐTN* cho thời của nó mới có thể xác định được. Tất cả các phân tích, nhận định sau đều được chi phối bởi quan điểm này.

HĐ cho rằng nước VN đã vừa thức tỉnh *một giấc ngủ ngàn năm* (*), nghĩa là đã bắt đầu rời khỏi nền văn hóa Khổng Mạnh của Trung Hoa và văn minh nông nghiệp để bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên văn minh kỹ thuật và văn hóa La-Hi, Ki-tô-giáo. Nếp sống cũ, theo ông có phần đẹp *giản dị, chất phác: trai thì dệt vải, dã gạo cho đến rằm tháng tám, rủ nhau cất tiếng hát những giọng tình tứ dưới trăng thanh*, nhưng sự thực phần lớn lại gồm quá nhiều *lễ nghi tập tục phiền phức*, trong gia đình thì cá nhân khổ vì không được tôn trọng và ngoài xã hội thì những người *chân lấm tay bùn* cũng vậy. Vậy, phải từ bỏ nếp sống cũ, từ bỏ dứt khoát, *hoàn toàn theo mới không chút do dự*. Không thể "trung dung" được –nghĩa là không thể *dung hòa văn hóa cũ và mới*, bởi vì: "Hai cái văn hóa như hai dòng nước chảy trên một trái núi xuống nhưng một dòng chảy về phía đông, một dòng về phía tây, không sao hợp lại làm một được". Phái Trung Dung muốn dung hòa văn hóa đông tây thì kể ra rất hay nhưng vì *không biết lấy tôn chỉ gì* mà chọn lựa hay tước bỏ thêm thắt nên rút cục thì bị kẹt "như anh chàng hai vợ nằm giữa vợ cả và vợ lẽ, không biết ngoảnh mặt về phía nào. Sự lưỡng lự ấy không đưa họ đến một kết quả nào cả". Vậy bây giờ phải chọn lựa: giữ nếp sống cũ không được vì dù sao cũng bị thức tỉnh giấc ngủ ngàn năm rồi, theo phái dung hòa thì không đi đến đâu vì không có tiêu chuẩn để dung và hòa. Kết luận: chỉ có cách chọn lựa *hoàn toàn theo mới không chút do dự*.

Nhưng Theo Mới nghĩa là theo gì? HĐ giải đáp: *Theo mới nghĩa là Âu hóa*. Dĩ nhiên là theo một cách thông minh, theo cái hay của Tây phương (theo lối dùng chữ thời tiền chiến, *Âu* đây chỉ chung Tây phương) chứ không theo cái dở của Tây phương. Còn nếu ngại theo quyết liệt như thế mà hóa ra "Pháp nửa mùa, Pháp lai căng" là quá lo xa bởi vì dân Việt theo văn hóa Trung Hoa cả ngàn năm đâu có hóa thành Tầu.

Vấn đề đặt ra trong đtn1 như vậy thực quan trọng. HĐ cũng như các sĩ phu của phong trào Duy Tân, Đông Du, ĐKNT đều có một nhận định căn bản giống nhau là: ta mất nước, ta chậm tiến khổ sở nghèo đói là vì theo văn hóa cổ truyền. Bây giờ muốn phục quốc, muốn đưa dân ra khỏi cảnh nghèo thì phải bắt chước học hỏi theo văn minh kỹ thuật Tây phương. Hệ luận tiếp theo của nhận định này là: Mọi giá trị tinh thần của Tây phương là giá trị tinh thần của toàn thể nhân loại mới.

Ở thời kỳ của các cụ và của HĐ, thái độ và chọn lựa ấy hợp lý. Và bây giờ còn hợp lý nếu quả thực con người chỉ sống bằng cơm gạo hay bánh mì. Nhưng nếu chấp nhận rằng con người không phải chỉ sống bằng cơm gạo và bánh mì thì một thái độ hoàn toàn Tây phương ấy sẽ dẫn đến chỗ bế tắc. Nền văn minh Ki-tô-giáo với chế độ kinh tế tư bản tư sản và nền văn minh Mác-Lê với chế độ xã hội vô sản hiện đều tới chỗ bế tắc, các tư tưởng gia Tây Phương lại đang hướng về Đông phương để tìm những giải đáp chính yếu cho con người-đã-có-bánh-mì-đủ-ăn. Hơn nữa, lịch sử gần đây đã chứng minh rằng không phải giá trị tinh thần hay chế độ chính trị nào của Tây phương cũng là tốt cho người Á đông, và văn hóa Tây phương đã bị các đế quốc thực dân cũ và mới sử dụng như một phương tiện thống trị tinh vi các nước nhược tiểu. Sự giải phóng quốc gia dân tộc bị trì do đó phải có một khởi điểm là thoát khỏi vong thân trong văn hóa Tây phương. Học chính trị học của Tây phương, sách lược đấu tranh của Tây phương mà đòi chống Tây phương thì cũng khó như học võ một môn phái để rồi đòi hạ chưởng môn hay sư tổ môn phái ấy. (Nếu Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Huệ chỉ nhắm mắt theo Lục thao tam lược, sẽ không thắng được người Tầu, và gần đây người Việt nếu nhắm mắt theo sách lược dạy ở trường Cao đẳng Chiến tranh Pháp hay ở Fort Benning thì hẳn người Pháp còn ở lại đến tận bây giờ).

Tóm lại, một thái độ theo mới kiểu HĐ không còn thể áp dụng thích hợp cho bây giờ. Giải pháp hay nhất là *hoàn toàn theo mới không do dự* trong địa hạt kỹ thuật và khoa học mà thôi, còn các giá trị của văn minh Tây phương đều cần phải xét lại. Xét lại theo tiêu chuẩn nào và lấy gì mà thay

thế cho những giá trị cổ truyền (xin hiểu là văn hóa Trung Hoa và Việt Nam cũ) cùng những giá trị Tây phương mà ta không muốn chấp nhận, thì đó là một vấn đề trọng yếu không những cho người làm văn hóa mà còn là của cả một dân tộc. Nếu không giải quyết được vấn đề trọng yếu ấy, chúng ta lại dám lâm vào thế kẹt của "phái Trung dung" hay của anh chàng hai vợ, nhưng lần này ở mức độ gia trọng hơn nhiều: thế kẹt mới là thế của muỗi giữa trâu và bò húc nhau.

Điều tâm niệm thứ 2: TIN Ở SỰ TIẾN BỘ

- Một ngày có thể một hơn.

HĐ kể lại một truyện cổ để trình bày tinh thần chống kỹ thuật của cổ nhân Tầu để đả phá thái độ triết lý tuần hoàn bất biến của văn hóa Trung Hoa. Theo ông, lịch sử biến diễn theo một đường thẳng nhưng ông không nói đường thẳng đó dẫn tới điểm nào tuy có đưa ra luận cứ là nhân phẩm bắt đầu được tôn trọng hơn. Cũng theo ông, ta cần phải TIN ở tiến bộ bởi vì nó hiển nhiên "Ta cần phải tin rằng ngày nay tốt đẹp hơn ngày xưa và ngày mai sẽ tốt đẹp hơn ngày nay".

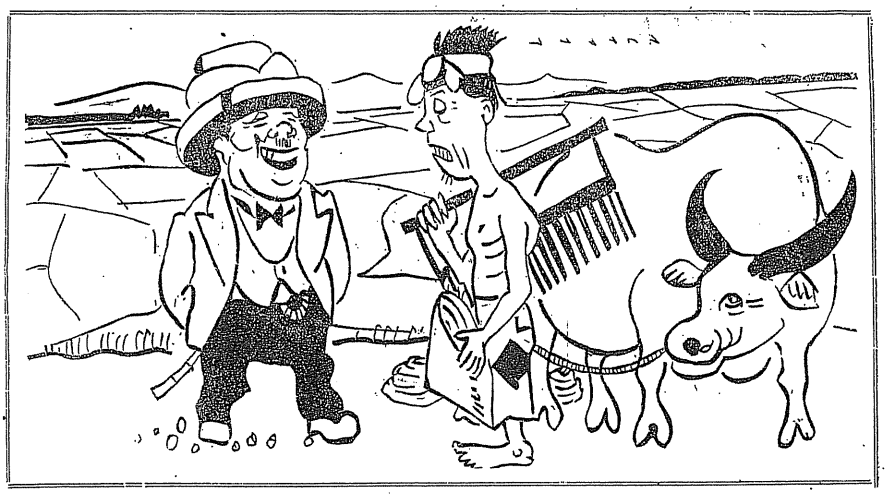

– Không của anh sát nhập vào đồn điền tôi thì ánh lại làm tá điền cho tôi, ruộng vẫn đấy chứ đi đâu mất mà thiệt.

Những ý kiến đó không có gì đặc biệt đối với hiện nay. Nhưng phải lui trở về quá khứ hơn một thế hệ mới hiểu được tại sao có đtn2 này: sau vụ Yên Báy, một phần vì sợ hãi, một phần vì cầu an, thanh niên hay ngã về thuyết định mệnh hay tín ngưỡng Trời đã an bài để xoa dịu hay ru ngủ tâm hồn. Thôi, số nước ta phải mất "tránh sao cho thoát số trời" chống Pháp làm gì vô ích, cải cách cũng chẳng đi đến đâu, số nước ta nó mạt vận rồi... Đtn2 của HĐ được tung ra là để đả phá cái tinh thần đó mà tạo một tinh thần tích cực, tự tin cần thiết để dân tộc Việt có thể "như dòng sông Hồng Hà chảy ra biển khơi, mạnh mẽ đường hoàng không lúc nào ngơi".

Điều tâm niệm thứ 3: THEO MỘT LÝ TƯỞNG

Theo ông nhận định: Đời các cụ đồ Nho ngày xưa êm đềm lắm. Họ không băn khoăn, không hoài nghi, mục đích của đời người hiện ra trước mắt họ một cách rõ rệt, hiển nhiên... Nghêu, Thuấn rồi đức Khổng từ bao thế kỷ, đã minh bạch vẽ cho họ một con đường phải theo... hết đời này sang đời khác... như con ngựa thắng cương cứ thẳng lối mà đi không lệch sang phía khác". Nhưng "cõi đời êm đềm ấy bỗng dưng ngừng lại. Tiếng súng thần công của người Tây phương đã phá nổ tòa lâu đài kiên cố của nhà Nho và reo vào lòng các dân tộc Đông phương những mối hoài nghi đầy hi vọng... Trước tình thế ấy, thanh niên ngơ ngác, lưỡng lự, không biết hành động ra sao... hóa ra phất phơ như chiếc lá thu theo gió mà bay, không có thể tự chủ được vì họ chưa quen dùng sự tự do" trong khi "giáo dục ở nhà trường đưa họ đi một nơi, giáo dục trong gia đình kéo họ về một nẻo". Hậu quả là một số thanh niên đâm vào một chủ nghĩa vị `khoái lạc, sống đời vật chất của một con vật. Phần đông còn lại tuy "có hồi băn khoăn về nghĩa lý đời người... nhưng không đủ can đảm để tìm tòi đến kỳ cùng... Cho nên, dần dà, với thời gian, lòng họ quá nguội lạnh, theo hoàn cảnh mà sống đời vô vị"... Theo ông kết luận thì "đời ta có giá trị, ta phải nhớ rằng vì ta có lý tưởng... Vậy muốn đời ta có nghĩa, ta phải sống theo một lý tưởng".

Đứng về quan điểm của một chính trị hay cách mạng gia lập luận như vậy có thể gọi là "tuyên vận" siêu hạng. Tất cả luận cứ xếp đặt khéo léo để rồi dẫn tới kết luận "phải có lý tưởng". Nhưng

lý tưởng nào? Tất nhiên không phải lý tưởng Tôn Thọ Tường, Phạm Quỳnh rồi. Chắc chắn phải là lý tưởng do TLVĐ nói riêng và những người cách mạng nói chung mang lại. Đối với một nhà giáo dục hay luân lý, đoạn văn này có thể đem sử dụng như một bài giảng thuyết cho thanh niên hiện đại.

Chỉ có một dè dặt một thắc mắc cần nêu ra thêm là: thảm trạng hiện nay của đất nước có phải tại vì thanh niên không lý tưởng hay tại vì có nhiều lý tưởng quá và ai cũng cho lý tưởng của mình mới là lý tưởng? Vấn đề này nêu ra để mà nêu thôi, trong thời của HĐ chưa thể có những yếu tố tạo ra vấn đề này -vậy không thể tìm ở ông một luận cứ nào để giải thích hay giải đáp.

Điều tâm niệm thứ 4: LÀM VIỆC XÃ HỘI

"Ngày xưa, dưới trình độ nhà Nho, ai nấy đều nghĩ đến thân danh, đến gia đình, đến làng mạc, trí không vượt ngoài lũy tre xanh. Hai làng lân cận có khi coi nhau như kẻ thù, hoặc như hai nước xa lạ, hai dân tộc không có liên can gì đến nhau. Ngay trong một làng, ai nấy cũng chỉ để tâm đến gia đình, đến họ hàng, còn việc hàng xóm thì "bằng chân như vại". Công việc xã hội "tuyệt nhiên không có". Đó là một thực trạng (cả ở thời HĐ lẫn thời bây giờ) cần phải chấm dứt bởi vì "Đời này là đời của người sống, đời của cá nhân hay nói cho cao hơn một bậc nữa, là đời của đoàn thể" hiểu theo nghĩa rộng... "Cá nhân" cần phải tự mình kết đoàn, gom tài gom sức để cùng đưa nhau đến thế giới rộng rãi của khoa học... để mưu việc cho xã hội, để cứu lấy nhau".

Trong đtn4 này, quan điểm của HĐ và TLVĐ về tương quan cá nhân – gia đình – xã hội thật rõ rệt. Các ông chủ trương thoát ly cá nhân khỏi gia đình không phải vì cá nhân chủ nghĩa như nhiều người hiện nay ngộ nhận, mà cốt để cá nhân có thể tham gia, kết đoàn thành một thực thể khác là đoàn thể xã hội. Nếu có những thanh niên hiểu lệch quan điểm của TLVĐ mà lao vào cá nhân chủ nghĩa thì dữ kiện này cũng tương tự như những thanh niên đầu bù tóc rối sống ngoại khổ ở St. Germain-des-Prés của Pháp đã tự nhận là "hiện sinh" bất chấp mọi thắc mắc khiếu nại của J-P.Sartre.

Cá nhân thoát ly khỏi gia đình (xin hiểu đây là đại gia đình hay gia đình theo khuôn mẫu cổ truyền) không phải để tự do trong bơ vơ, mà để kết hợp thành các đoàn thể. Để làm gì? HĐ đưa giải đáp: để cải cách xã hội, để lập nghiệp đoàn, hội ái hữu, tương trợ, để khai trí quần chúng – điều sau chót này quan trọng nhất vì theo HĐ "mở mang trí thức là một sự cần cho dân ta như cơm bữa. Ngàn vạn sự đều do đấy mà ra cả"... Nếu thanh niên làm theo cái đề nghị của đtn này thì chính ra là họ đang đi vào chặng đầu của con đường cách mạng -điều mà HĐ, TLVĐ mong muốn nhưng không thể nói ra, minh định, mà chỉ gián tiếp mượn lời của Yen-yan-Chu, một thanh niên trí thức thiện chí Trung Hoa:

"Ông Yên có ngỏ với nhà phóng viên Pháp rằng: Dân nước chúng tôi trụy lạc dần. Nếu chúng tôi không tự cứu lấy nhau, thì ai cứu? Bọn tân tiến chúng tôi bây giờ đã đông, bọn ấy phải là sức mạnh: Sức mạnh ấy, đem ra dùng một cách có qui củ, có phương pháp hẳn hoi, thì một ngày kia - mà ngày đó tất thế nào cũng đến - nước Tầu sẽ có thể tự lực mà cứu lấy mình được."

Điều tâm niệm thứ 8: CẦN SỰ NGHIỆP KHÔNG CẦN CÔNG DANH

Khuyên thanh niên ra hoạt động xã hội, HĐ e ngại thanh niên sẽ dễ sa vào một hố thông thường: cứ tưởng ra làm quan cai trị dân dã là làm việc xã hội và càng làm quan to thì tức là đã đạt được chí. Vì thế ông vội phân biệt sự nghiệp và công danh một cách hết sức rõ rệt, và dĩ nhiên ông đả phá công danh, và tán dương sự nghiệp - như bất cứ một nhà giáo dục nào cũng thường làm. Giá trị của đtn này không ở nội dung rất thông thường của nó, mà ở điểm nó được tung ra để chống lại lòng ham muốn làm quan của thanh niên trí thức thời đó. Làm quan là làm cho ai? Cho chính quyền bảo hộ chống lại dân, ai ra làm quan tất nhiên là làm tay sai ngoại bang... Đtn8 như vậy là một chống đối gián tiếp chính quyền đương thời. Ẩn dụ này hiện rõ trong phê phán có tính cách tiên tri về Phạm Quỳnh: "Nhưng nên nghĩ rằng ông Quỳnh có để tiếng lại về sau, sẽ không bao giờ vì ông đã thành một trong tứ trụ của triều đình, mà sẽ nhờ đời văn chương của ông mà ông đã ruồng bỏ" (2)

Các điều tâm niệm 5, 7, 9, 10

Bốn điều tâm niệm này hoàn toàn nhắm vào địa hạt tu thân. Điều 5: Luyện tính khí. Điều 7: Luyện lấy bộ óc khoa học. Điều 10: Cần có trí xếp đặt. Điều 9: Luyện thân thể cường tráng. Ba điều dành cho tinh thần, một điều dành cho thể xác, tất cả đều có tính cách giáo dục phổ thông.

Nếu có điểm cần nêu ra ở đây là điểm: HĐ đề cao những đức tính thanh niên Việt thời ấy đang thiếu hơn cả để theo đuổi thực hiện cách mạng và đời sống mới.

Điều tâm niệm thứ 6: PHỤ NỮ RA NGOÀI XÃ HỘI

Đối với người hiện nay, việc phụ nữ ra ngoài hoạt động ngoài xã hội là chuyện dĩ nhiên. Nhưng vào thời của HĐ, chế độ gia đình cũ còn mạnh, thì điều tâm niệm này là cả một khẩu hiệu đòi giải phóng phụ nữ. Khuyến khích phụ nữ hoạt động xã hội là điều hợp lý một khi TLVĐ đã tranh đấu để thoát ly thanh niên khỏi gia đình cổ. Nhưng thoát ly không phải chỉ để tự do làm đẹp, mà để hoạt động xã hội. Lập trường như vậy thuận lý so với chủ trương chính. Chỉ có điều cần bàn là HĐ chỉ mới khuyên phụ nữ hoạt động *từ thiện* mà thôi - nghĩa là lời khuyên có một giới hạn rõ rệt là đóng khung trong giới phụ nữ thành thị và trưởng giả mà thôi.

Trong tất cả những điều tâm niệm (hay ước vọng của HĐ và TLVĐ?) điều thứ 6 này được theo đuổi thực hiện thành công hơn cả. Hiện tình phụ nữ bây giờ đôi khi còn chứng tỏ ước vọng của HĐ còn bị bỏ tụt lui quá xa - hiện tượng Trần Lệ Xuân và Phong trào Phụ nữ Liên đới là một bằng cớ rõ rệt nhất.

Nhận xét chung về Mười Điều Tâm Niệm

Tập tiểu luận nhỏ bé của HĐ như vậy không chứa đựng những tư tưởng cao siêu hay suy nghiệm siêu hình: giá trị của nó không phải ở địa hạt tư tưởng mà là ở địa hạt thực dụng, ở địa hạt vận động văn hóa. Nó không làm cho ai, kể cả những người đồng thời ngạc nhiên về nội dung mới mẻ, nhưng nó có tác dụng tâm lý mãnh liệt đối với thanh niên có học thời bấy giờ. Rất nhiều thanh thiếu niên thế hệ trẻ 1933-1940 đã chịu ảnh hưởng của các điều tâm niệm ấy và đã hành động theo chúng. Giá trị của MĐTN là ở chỗ ấy.

MĐTN thực ra còn tóm tắt một phần các chủ trương văn hóa chính trị của HĐ nói riêng, TLVĐ nói chung, và có thể sử dụng nó để soi sáng tìm hiểu một phần các hoạt động văn hóa chính trị của tác giả cũng như của văn hóa - nghĩa là của nhóm mạnh nhất có ảnh hưởng lớn nhất trong cuộc vận động văn hóa mới 1930-1945 của lớp trí thức trẻ Âu học. Giá trị đích thực của MĐTN như vậy không phải là giá trị tư tưởng hay nghệ thuật, mà là giá trị chỉ đạo thực tiễn, tác động tâm lý về văn hóa trong khuôn khổ một phong trào vận động văn hóa của một giai đoạn lịch sử.

Bùn lầy nước đọng

Sau các thất bại của những năm 1929-30, cả hai loại cách mạng quốc gia và cộng sản đều xét lại phương lược đấu tranh của mình cũng như nội dung của thứ cách mạng mình theo đuổi.

Về phía cộng sản, chỉ có vấn đề xét lại phương lược đấu tranh mà thôi, còn về nội dung đã có sẵn đầy đủ: chủ nghĩa Mác Lê. Các thất bại tại Trung Việt mang lại nhiều hậu quả tốt: các đảng viên được thu về một tổ chức duy nhất và chấp nhận một lãnh tụ duy nhất là Nguyễn Ái Quốc. Về sách lược, đường lối của Litvinov bắt đầu hình thành và được tuân theo triệt để cho tới tận 1950: cách mạng giải phóng trước cách mạng xã hội sau. Về phương thức dĩ nhiên là trước sau không thay đổi: bạo động, chính trị và quân sự song hành.

Việc xét lại của những người cách mạng quốc gia vất vả hơn nhiều. Trước hết họ phải xét và giải quyết cả hai vấn đề lớn: phương lược đấu tranh và nội dung của thứ cách mạng đã và còn theo đuổi. Người viết đã có lần trình bày (3) rằng nhược điểm lớn nhất của những người quốc gia trong suốt tiền bán thế kỷ 20 là không có phân biệt nào giữa cách mạng giải thực (còn thường được gọi là cách mạng chính trị hay cách mạng giải phóng) và cách mạng xã hội. Có thể nói rằng đa số những người quốc gia tranh đấu trong thời kỳ ấy chỉ biết tới có một thứ cách mạng: cách mạng giải thực. Đuổi giặc Pháp, giành Độc lập, lập Cộng hòa Dân quốc Việt Nam... Chỉ có vậy. Còn nội dung xã hội của cái Cộng hòa hay Dân quốc Việt Nam ấy như thế nào, cái dự phóng không có gì khác hơn một số ý niệm và mẫu mực lấy từ Quốc dân đảng Trung Hoa và các nỗ lực canh tân của Minh Trị Thiên Hoàng. Về phương lược tranh đấu, việc xét lại không có hậu quả tạo thống nhất tranh đấu như trong trường hợp các người cộng sản –còn trái lại là khác.

Những người đảng viên VNQDĐ cũ và mới cùng đa số các đảng viên tân lập sau này đều vẫn giữ phương lược cũ: tổ chức khởi nghĩa bạo động, vẫn hoạt động trong địa bàn cũ: các thành phố và trong các giai tầng tư sản và tiểu tư sản. Nông thôn và nông dân cùng thợ thuyền ít được chú trọng. Nhưng, như đã trình bày ở phần đầu, có những người khác trẻ tuổi chọn phương lược mới: Hoàng Đạo và Tự Lực Văn Đoàn. Cách mạng văn hóa đi trước, cách mạng giải thực tới sau. Và trong các dự phóng của những người này, cuộc

cách mạng dự trù, *lần đầu tiên* của những người cách mạng quốc gia, đã có một nội dung xã hội và một địa bàn tranh đấu mới: nông thôn và nông dân. Đặc điểm này được biểu lộ qua loạt bài BÙN LẦY NƯỚC ĐỌNG, sau in thành sách dưới tên tác giả Hoàng Đạo. Cuốn sách này có một vị trí quan trọng nhưng ít được nhắc tới vì hai lý do chính: lý do 1: sách bị cấm tàng trữ và lưu hành ngay từ ấn bản đầu năm 1938. Lý do 2: Sách có nội dung quá cấp tiến về phương diện nông thôn nên các chính quyền quốc gia kể từ Trần Trọng Kim, Bảo Đại cho tới Ngô Đình Diệm và hậu - Ngô Đình Diệm (đa số gồm các địa chủ có quyền lợi ngược với nông dân nghèo) đều không muốn nhắc tới nhiều.

Căn cứ vào ấn bản do Cơ sở Tự Do ấn hành năm 1959, sách gồm 20 mục chia ra làm 3 phương diện (4).

Phương diện hành chính và chính trị: 5 mục

1. Quan trường
2. Tiếng trống ngũ liên
3. Miếng thịt giữa làng
4. Phá đình
5. Tự do với dân quê

Phương diện kinh tế: 10 mục

1. Sinh kế ở thôn quê
2. Nỗi lo hàng năm
3. Thuế dinh điền
4. Tự do uống rượu
5. Đội không quận Nam Việt
6. Công nghệ
7. Công điền
8. Đồn điền
9. Di dân
10. Nạn cho vay nặng lãi ở thôn quê.

Phương diện tinh thần: 5 mục

1. Vấn đề giáo dục dân quê
2. Vũng nước tù
3. Tinh thần thể thao
4. Ánh sáng ở thôn quê
5. Hạng trí thức sau lũy tre

Xét sơ khởi 20 đề mục trên, thấy Hoàng Đạo đã đặt vấn đề nông thôn trên bình diện toàn thể đưa ra các giải pháp căn bản và cụ thể. Từ địa hạt Chính trị Hành chánh. Văn hóa Giáo dục, Kinh tế tới Xã hội, phương diện nào cũng đưa ra biện pháp sửa đổi, cải cách...

Về phần nhận định, Hoàng Đạo đã tỏ ra am hiểu nông thôn thấu đáo đến mức độ tỉ mỉ. Ai muốn hiểu xã hội nông thôn trước 1945, chỉ cần đọc cuốn BÙN LẦY NƯỚC ĐỌNG là đủ. Đó là một xã hội có các đặc tính chính yếu sau:

- dân nghèo khổ: hầu hết sống bằng nông nghiệp.
- dân ngu dốt và hủ lậu: hầu hết thất học và mê tín dị đoan ở cặn bã của văn hóa Khổng Mạnh.
- dân bị áp bức và bóc lột: bị bóc lột trực tiếp bởi thực dân bản xứ (cường hào ác bá địa chủ và quan lại phong kiến) và gián tiếp bởi thực dân ngoại bang (Pháp).

Các biện pháp thay đổi do Hoàng Đạo đưa ra rải rác và đôi khi vụn vặt nhưng đều liên hệ với nhau để cùng hướng về một mục tiêu chung và duy nhất là chấm dứt thảm trạng nông thôn gồm 3 đặc tính trình bày trên.

Về vấn đề hành chánh và cai trị.

Trong mục "Quan trường", HĐ nhận định có hai sự kiện: các quan (xin hiểu là các chức từ tỉnh trưởng trở xuống) không được huấn luyện về vấn đề cai trị và được trao nhiều quyền hành quá, bao gồm cả các lãnh vực hành chánh, tư pháp, quan thuế, công chánh... Hai sự kiện trên đưa đến một hậu quả là: Ăn tiền. Biện pháp đưa ra để chấm dứt tệ trạng đó là:

- phân công lại các ngành: quan chỉ giữ lại nhiệm vụ hành chánh mà thôi.
- thanh trừng tham quan ô lại.
- giáo hóa dân cho hiểu quyền lợi nghĩa vụ của mình.

Trong mục "Tiếng trống ngũ liên", sau khi trình bày tình trạng mất an ninh của nông thôn làm hại sức sản xuất kinh tế, HĐ có đề nghị lập "một bộ phận coi riêng về vấn đề trị an". Đề nghị này có vẻ khó hiểu với thời nay có dân vệ, nghĩa quân, địa phương quân. Nhưng cách đây mấy chục năm, nông dân chỉ có hệ thống tuần phiên (trai tráng trong làng) để tự vệ, đề nghị đó rất hợp lý.

Về địa hạt hành chánh cai trị, HĐ không hề nhắc tới sự hiện diện của người Pháp, một phần vì lý do chính trị, một phần khác vì hệ thống quan trường và an ninh như thế phần lớn là do chính quyền cũ của Việt Nam để lại. Điểm đáng chú ý là đề nghị của ông rất ôn hòa, không khác gì các đề nghị cải cách hành chánh của các chính phủ Đệ I và Đệ II Cộng Hòa Việt Nam. Nói một cách khác, các đề nghị đó là vô nghiệm, không thể làm được nếu không có các thay đổi căn bản trên bình diện quốc gia -nói theo kiểu bây giờ là nếu không có một cuộc cách mạng toàn diện, điều mà HĐ âm thầm theo đuổi và những người quốc

gia sau ông một thế hệ cũng chưa thực hiện được.

Sau khi bàn về quan lại, HĐ nói tới một lớp người cai trị cấp thấp nhất ở nông thôn mà trước đến nay ít ai đả động tới. Đó là cường hào ác bá. Theo HĐ, lớp người này phát xuất từ "sự tôn ti á thánh ở nơi thôn ổ", căn cứ ở giáo lý Khổng Mạnh, biểu lộ qua cái đình làng. Nói cách khác, cường hào ác bá là một giai tầng đặc biệt chỉ có trong xã hội Việt Nam và một phần tại các nước nông nghiệp theo văn hóa cổ mà thôi. Chính vì thế mà sau HĐ, các người cầm quyền quốc gia về sau này, đi học ở Tây phương, đọc sách Tây phương, xa cách nông thôn, đã ít chú ý tới giai tầng đó (sách Tây không có bàn tới, làm sao biết được). Trong khi đó, giai tầng cường hào ác bá còn tồn tại đến tận bây giờ tại miền Nam. Chỉ cần thay tên gọi các chức vụ trong đoạn văn sau, trích từ mục "Miếng thịt giữa làng", là đủ chứng tỏ sự kiện đó: "Chính bọn kỳ hào này là đàn anh trong làng, nhất nhất mỗi việc đều có họ dính tay vào, mà phần nhiều là để tìm sơ múi cả... hạng bạch đinh là hạng dân nghèo đói rách, khổ sở, chỉ có quyền phục tòng, chỉ có quyền cúi đầu vâng lệnh, chỉ để cho người bóc lột áp chế, không mong gì nhấc đầu lên được".

Theo ông, các "cải lương hành chánh" cũng như định chế dân chủ hiện đại, "đã hoàn toàn thất bại" trong việc tiêu diệt các cường hào ác bá, bởi vì "cải lương có bề ngoài, cải lương có vài cơ quan hành chánh mà không nghĩ rằng nhổ cỏ phải nhổ cả rễ." "Rễ" đây là người Pháp và cái chế độ tôn ti kia. Về cái "rễ" thứ hai, HĐ đề nghị "nâng cao trình độ trí thức dân quê" và "phá đình".

Đình tại nông thôn Bắc Việt và Trung Việt thời trước, ngoài là trụ sở cơ quan hành chánh xã, còn là nơi thờ phụng, HĐ dám đề nghị "phá đình" luôn, quả thực là quá táo bạo và cấp tiến vào thời đó. Và các đình quả sau có bị phá thực sau 1945. Nhưng tại quốc gia miền Nam, cường hào ác bá vẫn còn. Vậy vấn đề hiện nay lại phải kiếm rễ mà nhổ lại.

Nói chung trong vấn đề cải cách hành chánh cai trị tại nông thôn, HĐ đưa ra một giải pháp căn bản trong mục "Tự do với dân quê". Theo ông, phải mang lại các nhân quyền căn bản cho nông thôn và giáo dục dân chủ cho nông dân. Có như thế mới hiệu quả. Cũng vẫn thứ đề nghị hợp lý mà một thế hệ sau người quốc gia vẫn chưa làm nổi. Trong mục này, HĐ có kể một câu chuyện một chánh hội muốn cải cách làng mình thì bị "người ta đổ cho cái tiếng làm Cộng sản". Hiện tượng chụp mũ này không có gì đáng chú ý ngoài sự kiện tiếu lâm là hơn ba mươi năm sau người cấp tiến tả khuynh ở miền Nam cũng bị chụp cái mũ y hệt như vậy, không đổi dù một kiểu vành mũ.

Về phương diện kinh tế

Hoàng Đạo nhận định "dân quê nghèo khổ đến cực điểm... họ đói nhưng không có cơm mà ăn, rét nhưng không có áo mà mặc. Vợ chồng nhìn nhau, nhìn con, rồi lẳng lặng nhịn đói nhịn khát, rồi nếu không nhịn được nữa, thì đành chết, có thế thôi." Sự nghèo khổ này chỉ mỗi ngày một tăng bởi vì "theo một bản thống kê của chính phủ làm năm 1931, thì số hết thảy các điền chủ lớn nhỏ ở Đông Dương chỉ có 2.179.500 người, mà toàn thể nhân dân tới những 20.170.000 người" (*Sinh kế ở thôn quê*). Tuy không minh định nói ra, HĐ qua nhiều mục kế tiếp, đã cho rằng nguyên nhân thứ nhất của sự nghèo khổ của nông dân là sự phân chia ruộng đất không đồng đều. Ngay từ thời Hoàng Đạo, cứ 10 người dân Việt chỉ có một người có ruộng, còn 9 người khác là bần nông tay trắng.

Nhưng đó không phải là nguyên nhân duy nhất. Còn nhiều nguyên nhân khác nữa không kém quan trọng và liên đới tới sự đất đai mỗi ngày tập trung vào tay một thiểu số. Đó là thuế má, nạn cho vay nặng lãi, cường hào ác bá, chế độ đồn điền...

Về thuế má, Hoàng Đạo trong mục "Nỗi lo hàng năm" đã ghi lại một chứng từ thay cho mọi phân tích nhận định:

"Hồi đó, tôi học ở một trường huyện, hàng ngày qua một cái chợ nhỏ, quán thấp lè tè và xơ xác. Chiều hôm ấy tôi về sớm, ghé vào chợ tìm tổ chim. Chợ đã vãn, dưới những quán xiêu vẹo, chỉ còn rác bẩn và bã mía. Một vài người đàn bà đang vội vàng thu dọn gồng gánh. Một cảm giác buồn rung động trong lòng tôi, cảm giác đứng trước một cảnh hoang tàn.

"Bỗng tôi chú ý đến một người đàn ông ở góc chợ. Bây giờ tôi chỉ còn nhớ rằng lúc đó tôi thấy người ấy có bộ mặt khó đăm đăm. Người ấy chống đòn gánh đứng cạnh đôi thúng, mà, tôi lấy làm lạ quá, trong thúng là một thằng bé con. Thấy tôi lại gần, người đàn ông ngập ngừng như muốn nói lại thôi. Tôi nhìn thằng bé, thằng bé nhìn tôi mỉm cười. Tò mò tôi hỏi:

- Sao bác lại cho em ngồi trong thúng thế?

"Tôi nghĩ bụng rằng được ngồi trong thúng để bác gánh chắc cũng dễ chịu như người ngồi xe. Nhưng tôi ngạc nhiên hết sức khi nghe bác ta trả lời:

- Tôi đem bán cháu đấy, cậu ạ.

- Bán? Bán để làm gì hở bác?

- Bán để lấy tiền đóng thuế.

"Rồi bác ta mỉm cười chua chát:

- Cả ngày chả có ai mua, khốn khổ quá. Đấy, cậu có mua tôi bán rẻ cho.

"Tuy là câu nói đùa, bác ta mặt cũng tỏ hi vọng như người chết cố vớ lấy mảnh ván mỏng để mong thoát thân."

Thuế má ở nông thôn hồi đó có hai loại chính: loại trực thâu gồm thuế đinh và thuế điền, và thuế gián thâu. Đối với những người hiện nay, đa số đều hiểu thuế điền là gì, còn thuế đinh? Thuế đinh là thuế-làm-dân-thuộc-địa hồi Pháp thuộc. Cứ sinh ra làm người là phải nộp thứ thuế ấy, 2$50 một năm (tương đương với từ 300$ đến 500$ hiện nay). Dân nghèo gần như lúc nào cũng đói, lấy đâu ra số tiền ấy - bởi thế Hoàng Đạo phải gọi thuế đinh là "Nỗi lo hàng năm".

Hai thứ thuế trực thu đó được thu ra sao? Hoàng Đạo trình bầy như sau:

"Thuế đinh điền là hai thứ thuế trực thuế dân quê lo đến trước hết mọi việc. Mỗi năm lúc cánh đồng lúa đỏ ối như vàng, là lúc họ nghe thấy tiếng gọi thiết tha của bổn phận đối với công quỹ. Đầu tiên, ông lý tiếp được bài chỉ là họp hội đồng để định đoạt việc quân phân xem mỗi dân đinh phải đóng bao nhiêu tiền. Việc quân phân ấy, lệ thường xảy ra nhiều điều bất công. Hội đồng toàn là đàn anh trong làng, nghĩa là những người giàu có. Cho nên thường thường họ đồng lòng dành lợi về phần họ, đổ hết sự thiệt thòi lên đầu dân nghèo, không có người bênh vực.

"Đến lúc đem thi hành sự bất công đó, ta sẽ thấy xảy ra nhiều sự bất công khác. Tưởng không cần phải nói, ai cũng biết rằng lúc ấy là lúc hoành hành của bọn cường hào tham nhũng. Lúc ấy, họ tha hồ mà hống hách: giữ đồ đạc, có khi cả đồ thờ nữa - trói, đánh, giam, những việc phi pháp vụt chốc trở nên những việc xảy ra hàng ngày, và công nhiên thi hành. Lúc ấy họ mới trổ tài cho dân quê biết rằng họ không làm công cho ai, nên ngoài số tiền thuế, họ cần phải lấy thêm tiền phụ thuế nữa, số tiền nhỏ to không nhất định, còn tùy ở thế lực của cường hào và tính ngây thơ của dân đen.

"Lúc ấy ai có về nhà quê mới thấu hiểu nông nỗi của dân quê. Trong làn không khí lo sợ, tiếng trống thúc giục thuế nghe buồn thảm nặng nề, giọng quát tháo, dọa nạt của ông lý trở nên oai vệ, hống hách, lẫn tiếng van lơn của kẻ bạch đinh đói khát, không có tiền nộp thuế, ngoài chợ, nào mâm nồi, bát đĩa, nào lợn, nào gà, chó, người ta cố mang đi bán một giá rất rẻ, trong nhà trọc phú, tấp nập những người nghèo xơ xác đến vay mượn, kẻ gánh đôi lọ cổ của ông cha để lại, người đem văn tự ruộng đến để mong vay một số tiền, với một số lãi nặng gấp ba..." (Nỗi lo hàng năm)

"Những năm được mùa thì đổ đồng mỗi mẫu được độ năm, sáu tạ thóc nghĩa là được ước chừng hai chục bạc. Trong số hai chục đó, thì phân nửa là hoa lợi của người điền chủ. Mỗi chục đổ đồng phải trả thuế 2$ hay 2,5$, thành thử ra thuế điền thổ cao tới 20 phần trăm hoa lợi của nhà nông. Đó là không kể tiền xe pháo của ông lý và những thứ tiền khác không kể xiết.

"Một thứ thuế như vậy không thể gọi là nhẹ được. Vì vậy những năm mất mùa, những tiểu điền chủ - số đông nông dân - đều phải đem cầm bán ruộng nương đi bằng một giá rất rẻ. Kết quả: những nhà giầu cho vay nặng lãi dần dà thu hết đất cát trong làng, khiến dân quê hầu hết trở nên đầy tớ họ, nghĩa là làm nô lệ cho họ."

Đó là về thuế trực thâu. Còn về gián thâu, dĩ nhiên người nông dân phải chịu đủ mọi thứ sản phẩm cần thiết lưu dụng trong nước. Nhưng có sự kiện oái oăm mà một người bây giờ dù có óc tưởng tượng phong phú cũng không thể nghĩ tới được: đó là thuế rượu. Không phải thứ thuế gián thâu chính quyền bảo hộ đánh vào các mức sản xuất của công ty rượu Fontaine (như thuế đánh vào công ty BGI hiện nay) mà là sự việc sau: tư bản chủ nhân công ty rượu Fontaine dùng thế lực bắt ép dân phải uống rượu do hãng chế, mỗi tháng mỗi làng xã phải tiêu thụ bao nhiêu chai, dù biết uống hay không mặc kệ. Trong mục "Tự do uống rượu", Hoàng Đạo đã phải viết: "Không ai không biết rằng nhiều nơi, thuế rượu thành ra một trực thuế na ná như thuế thân: mỗi người mỗi tháng cần phải uống một chai bố, dẫu không muốn say rượu cũng vậy."

Trước thực trạng như thế của nông thôn. Hoàng Đạo đưa ra nhiều biện pháp. Chúng ta có thể suy đoán ra dễ dàng: giảm tô, giảm hay miễn thuế đinh thuế điền, bãi bỏ các thứ thuế quái dị như thuế rượu, triệt những kẻ cho vay nặng lãi. Đó là những biện pháp các minh quân Việt Nam thường dùng thời xưa. Nhưng Hoàng Đạo còn đi xa hơn:

đề nghị cho nông dân "quyền lập nghiệp đoàn để bênh vực lẫn nhau", và đề nghị cách mạng điền địa theo phương thức kolkhozes hay artels. Ông viết: *(Xin đừng kiểm duyệt đoạn văn trích sau bởi vì đó là chủ trương của Hoàng Đạo, một nhà cách mạng quốc gia và nhà văn có tên trong văn học sử cùng tác phẩm giảng dạy tại học đường. Cám ơn).*

"Dân quê Nga đem đất, ruộng trâu bò và cầy bừa... để làm của chung, để cùng chung cày cấy trồng trọt, hoa lợi sẽ đem chia nhau, hơn kém tùy theo giờ làm nhiều ít. Ngoài ra mỗi gia đình lại có một ít đất riêng để khai khẩn nữa. Tương lai của chế độ ấy người ta bảo rất là rực rỡ. Dân quê ta có thể lấy đó làm gương nếu bọn đàn anh trong làng bỏ được lòng vị kỷ lớn lao của họ đi, không lẫn việc công với việc tư nữa, và lúc nào cũng mưu sự ích lợi chung".

Ngoài các biện pháp trên, Hoàng Đạo còn đề nghị hai giải pháp chính yếu để giải quyết tận gốc vấn đề kinh tế nông thôn. Biện pháp thứ nhất là mở mang tiểu kỹ nghệ:

"Mở mang tiểu kỹ nghệ là một công cuộc cần phải có. Muốn đạt được mục đích ấy, trước hết phải xét xem ở nước ta, những tiểu kỹ nghệ có là những kỹ nghệ nào, rồi chọn xem kỹ nghệ ấy, những kỹ nghệ nào có thể đem đến những làng chỉ biết có việc nông, dạy cho dân biết mà làm. Còn những nơi đã sẵn có tiểu kỹ nghệ hay kỹ nghệ gia đình, lại cần phải tìm phương pháp mở mang những kỹ nghệ ấy."*(Công nghệ)*

Biện pháp thứ hai là di dân -biện pháp các cụ xưa đã sử dụng khéo léo tới mức đáng phục để khai quốc và lập quốc. Sau khi nêu cái khó khăn của vấn đề này, Hoàng Đạo đề ra nguyên tắc chỉ đạo như sau:

"Điều cốt yếu trong việc di dân, là làm thế nào cho nông dân đem đến khai thác miền hoang dã trở nên chủ nhân trong ruộng nương mà họ đã có công bón tưới... Công cuộc di dân đây không phải là đem dân đến làm lao động cho một điền chủ, bởi di dân như vậy không giải quyết được vấn đề gì, mà lại di hại nữa: cái hại tạo thành một hạng lao động nông dân nai lưng ra làm việc khổ sở cho một số ít ngồi hưởng."

Như vậy, về vấn đề cải cách ruộng đất, dù vẫn tôn trọng quyền tư hữu, Hoàng Đạo dứt khoát đứng về phía bần nông tiểu nông, chống lại địa chủ và đại địa chủ. Một nhà cách mạng quốc tế đã nói đại ý rằng sự khác biệt *giữa một cuộc cách mạng chính trị và một cách mạng xã hội là cuộc cải cách ruộng đất.* Nếu chấp nhận thứ định nghĩa này, có thể gọi Hoàng Đạo là một nhà cách mạng xã hội quốc gia đầu tiên của Việt Nam - ít ra là trên bình diện lý thuyết, sự gọi tên này còn được xác định bổ túc trong mục bàn về chế độ đồn điền.

Theo Hoàng Đạo, lịch sử, tiến diễn và hậu quả của chế độ đồn điền là như sau:

"Chế độ đồn điền là một chế độ mới. Ngày xưa... không bao giờ có những đại điền chủ ruộng thẳng cánh cò bay hay quyền sở hữu trên những đồi núi trùng điệp, trồng trọt hay bỏ hoang. Nhưng văn minh Âu Mỹ tới, và cùng với nền văn minh, với sự tiến bộ người ta thấy hiện ra chế độ đồn điền, một phương pháp khai khẩn của bọn đại tư bản thạo việc lý tài.

"Mới đầu là những ông cố đạo, rồi đến những quan lại về hưu, rồi đến những công ty vô danh đua nhau xin khai khẩn đồn điền để giúp cho sự mở mang của xứ Đông Dương. Lẽ tự nhiên cũng để giúp cho họ làm giầu nữa... Vài năm sau khi lá cờ ba sắc phất phới ở Hà-nội, chế độ đồn điền đã có vẻ phởn phơ lắm, năm 1890, rải rác khắp Đông Dương đã có tới một trăm sở đồn điền của người Pháp, khai khẩn có tới hơn mười một ngàn mẫu tây...

"Năm 1907, người ta quay đầu về những khoảng đất mầu mỡ để trồng cao su... Những sở đồn điền cao su bỗng dưng phát ra ở trong rừng miền Nam như bụt mọc: thử tính mà xem, hồi ấy mỗi ki-lô nhựa có giá trị có đến 25 quan tiền tây, mà trái lại, công các cu-ly mồ hôi nước mắt lấy được nhựa thì rất ít, rất hạ.

"Chế độ đồn điền lúc đó mở mang lắm. Trong Nam, bên Cao miên, thì là đồn điền cao su, ngoài Bắc, thì là đồn điền cà-phê hay đồn điền cấy lúa... Cho đến năm 1930, những đất dùng làm đồn điền có đến hơn một triệu mẫu tây...

"Năm 1930 là năm đầu tiên của sự khủng hoảng về kinh tế.. Trong những năm chán nản ấy, chỉ có nhà băng Đông Pháp là vững tay chèo; các đại điền chủ đều hoặc thua lỗ, hoặc có khi bị mất cả cơ nghiệp... Nhà băng ,đem bán đấu giá những cơ sở điền linh, nghiễm nhiên chiếm lấy những khoảng đất mênh mông mà chỉ phải trả một giá rất rẻ."

Đó là lịch sử và tiến triển của chế độ đồn điền một chế độ do "văn minh Âu Mỹ" mang tới, trình bầy cho tới năm tác giả viết BÙN LẦY NƯỚC ĐỌNG. Hậu quả của chế độ đó là như thế nào - dĩ nhiên là nhìn dưới quan điểm của một người

VN yêu nước? Theo Hoàng Đạo thì dù có nghị định này nọ rất đàng hoàng:

"Chế độ đồn điền tuy vậy, vẫn sinh ra lạm dụng... Điều lạm dụng thứ nhất, là có khi đồn điền nhượng lại quá rộng, chỉ lợi riêng cho một vài người mà thiệt hại cho số đông: đã có lần, không biết vì lẽ gì một ông Toàn quyền lại ký nghị định nhượng một lần, cho một người, có tới 25 ngàn mẫu tây. Một điều lạm dụng khác, là nhiều ông chủ đồn điền làm thiệt thòi đến quyền lợi của người khác, của những dân có ruộng nương trong đồn điền của họ. Tuy đơn xin nhượng đồn điền cần phải đăng vào công báo, dán ở công đường của ông sứ trong tỉnh, dân nghèo dốt có ruộng trong đồn điền vẫn u minh không phản kháng và thường bị mất không điền địa của mình một cách đáng thương.

"Ngoài những sự lạm dụng ấy, lập đồn điền còn có một kết quả đáng để ý, là gây nên một hạng lao động cặm cụi khổ sở, làm lợi cho người khác hưởng."

"Đồn điền ở Đông Dương càng ngày càng nhiều. Những khoảng đất mênh mông, những đồi núi liên miên bát ngát được khai thác. Số dân lao động vất vả trong đồn điền càng ngày càng nhiều hơn."

Trước thực trạng ấy, trong thời Pháp thuộc lúc ấy, Hoàng Đạo tất nhiên chẳng thể viết ra hoàn toàn giải pháp thay đổi đích thực của mình. Ông chỉ có thể đề nghị: "... cho họ quyền lập nghiệp đoàn để họ có cơ quan bênh vực lẫn nhau, và, nếu có thể, cho họ dự một phần vào số tiền lãi của bọn chủ."

Về phương diện văn hóa xã hội

Trong các diện trên, Hoàng Đạo đã đưa ra gần như cả một bản cương lĩnh cho những ai muốn cải cách, cách mạng, bình định hay xây dựng nông thôn xưa và nay. Vấn đề đương nhiên đặt ra là: LÀM BẰNG CÁCH NÀO ĐÂY? Hoàng Đạo bao giờ cũng chỉ có một lời giải duy nhất: GIÁO DỤC DÂN QUÊ, GIÁO DỤC DÂN CHÚNG. Theo ông, chìa khóa của vấn đề là ở chỗ đó và tất cả nỗ lực của Tự lực Văn đoàn cũng không ra ngoài khuôn khổ này.

Vấn đề đương nhiên nữa phải kế tiếp đặt ra là: AI ĐỨNG RA LÀM ĐÂY? Trong mục chót của cuốn BÙN LẦY NƯỚC ĐỌNG, mang đề "Hạng trí thức sau lũy tre xanh". Hoàng Đạo đã viết như sau:

"Một điều ai nấy đều công nhận, là sau lũy tre xanh, chung quanh cái đình làng, mọi sự cần phải sửa đổi, cần phải hoàn cải cả. Tòa nhà cũ của ông cha ta xây đắp nên, đến nay đã lung lay muốn đổ, không thể ở được nữa. Học thuật cổ dần dà suy nhược, biến đổi thành những thành kiến hủ bại, những tục lệ dã man. Nhân dân về phương diện tư tưởng, cũng nghèo nàn như về phương diện khác. Đưa nhân dân ra khỏi nạn nghèo nàn ấy, cải tạo lại thôn ổ, xây đắp một tòa nhà mới, sáng sủa phong quang, thay vào tòa nhà cũ, công cuộc ấy cần phải là công cuộc của các bạn trí thức mới.

Cũng như ngày xưa, mười thế kỷ về trước, công cuộc cải tạo xã hội Việt Nam hồi bấy giờ là công cuộc của nhà Nho, hạng trí thức theo học thuật Trung Hoa. Như vậy, các bạn trí thức mới hành động sẽ hợp với một di phong đáng kính, đáng yêu, khác hẳn những sự mà người ta thường gọi là di phong: trí thức ở nước ta bao giờ cũng được trọng vọng..."

"Tuy nhiên, hiện nay, hạng trí thức (mới) ấy còn là một sức mạnh rời rạc. Ta chỉ thấy những sáng kiến, những hành động lẻ tẻ, không ăn ý với nhau ở các làng, cũng vì thế mà họ bị coi rẻ. Bọn đàn anh hoặc thuộc về phái cũ, hoặc chỉ biết đến lợi riêng, coi họ như những người lạ; nếu không coi họ như kẻ thù... Vì thế, cuộc tiến hóa của dân tộc Việt Nam đi một cách quá chậm."

"Nhưng các bạn trí thức không lấy thế làm nản lòng. Trái lại, các bạn cần coi sự ngăn cản ấy như một sức mạnh giúp thêm chí phấn đấu của các bạn... Ở thôn quê, các bạn nên rõ rằng các bạn cần cho dân là ngần nào. Thực vậy, chỉ có các bạn mới có thể, mới có đủ điều kiện để đạt được lý tưởng chung... Nhưng trước hết, ta phải tự giúp ta đã... Nếu làng nào cũng vậy, các bạn trí thức có học mới đều dốc lòng dạy lẫn nhau và dạy các người khác những điều cần thiết cho sự sống, lập thành đoàn thể để mưu cuộc cải cách xã hội, thì đó là một hạnh phúc lớn cho dân Annam. Đó cũng là một điều mong ước thành thực của những người biết nghĩ."

VÀI NHẬN ĐỊNH THAY KẾT LUẬN

1- Hoàng Đạo là một nhà văn hóa là một nhà văn hiểu theo nghĩa thông dụng. Ông gần một Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu hơn là gần một Nguyễn Du hay Nguyễn Gia Thiều. Tư tưởng của ông, một phần là của Đông Kinh Nghĩa Thục, Duy Tân, một phần là do phát kiến riêng sau khi học hỏi văn hóa Tây phương và suy nghiệm trên

thực tế xã hội Việt Nam. Ông vừa là sự tiếp nối của nền văn minh nông nghiệp Khổng Mạnh cũ, vừa là sự tiếp nhận nền văn minh Hi-La tới sau. Từ tiếp nối và tiếp nhận ấy, ông là một trong những tổng hợp Đông Tây đầu tiên với sự thiên về Tây phương.

2- Vì là tiếp nối của văn minh Á đông cổ truyền, con người và sự nghiệp văn hóa và chính trị cách mạng của ông mang những đặc điểm sau:

- Không tách con người viết văn khỏi con người xã hội: không thể đặt ra vấn đề dấn thân hay không dấn thân. Con người hiện diện trên đời là một con người toàn diện. Viết văn chỉ là một cách thế biểu lộ sự hiện diện của con người mà thôi. Vấn đề đặt ra chỉ còn là: từ vị trí nào mà viết, viết thế nào và viết cái gì cùng cho những ai mà thôi. Ở Hoàng Đạo: *vị trí* là người trí thức Âu học, một thứ *kẻ sĩ mới*; *viết thế nào* là viết với bút pháp giản dị trong sáng, ít chữ Hán nhiều từ ngữ thuần túy Việt Nam, dùng cả các thể văn sáng tác lẫn châm biếm, nghị luận, giảng thuyết và biên khảo; *viết cái gì* là viết về cuộc đời xấu xa hiện tại và viết về dự phóng cho các cuộc đời tương lai tươi sáng hơn; *viết cho ai* là viết cho những người trẻ tuổi trí thức Âu học và viết cho đa số dân nghèo khổ đọa đầy.

- Tin tưởng ở vai trò kẻ sĩ mới trong xã hội Việt Nam; ông trao phó cho kẻ sĩ mới các nhiệm vụ tương tự như của kẻ sĩ cũ.

3- Vì là tiếp nhận văn minh Tây phương, con người và sự nghiệp văn hóa chính trị của ông có các đặc điểm sau:

- Tin tưởng ở các giá trị tinh thần của Tây phương, đến độ gần coi chúng như có giá trị tinh thần của nhân loại. Ở bình diện xã hội, tin tưởng này làm cho ông muốn tổ chức lại xã hội Việt Nam theo mô thức Tây phương nhưng không phải là mô thức tư bản.

- Tin tưởng ở đường lối xã hội chủ nghĩa không cộng sản, các vận động cách mạng của người quốc gia cho tới Hoàng Đạo mới mang một nội dung xã hội cấp tiến. Hoàng Đạo là người quốc gia xã hội đầu tiên.

4- Về phương diện văn hóa, Hoàng Đạo có vị trí của một kẻ vận động văn hóa của thời kỳ 1930-1945. Sự nghiệp của ông không phải chỉ là các tác phẩm đã viết mà còn là ở những nỗ lực, những tổ chức tạo ra tác động vào sự tiến triển văn hóa của tiền bán thế kỷ 20. Về phương diện chính trị cách mạng ông có vị trí và công trạng của một kẻ sĩ đi mở đường cho cách mạng 1945 và các cách mạng khác về sau này - kể cả cuộc cách mạng xã hội sẽ phải xảy ra tại miền Nam Việt Nam hiện nay.

5- Hoàng Đạo và Tự lực Văn đoàn đã thành công trong cuộc vận động văn hóa mới bao gồm sự tiếp nối và tiếp nhận như đã trình bày. Nhưng Hoàng Đạo và Tự lực Văn đoàn đã thất bại trên diện tranh đấu cụ thể bởi vì:

- quá tin tưởng ở khả năng tranh đấu của các trí thức thành thị, sản phẩm lai căng của văn minh Tây phương tại thuộc địa. Các trí thức này đã bị bứng rễ khỏi dân tộc ít hay nhiều, sống và có quyền lợi mỗi ngày một tách biệt với đại đa số dân là nông dân. Họ không thể đảm nhiệm nỗi vai trò của kẻ sĩ xưa.

- quá cấp tiến so với thời của mình: giai tầng tư sản sợ hãi tránh xa trong khi Hoàng Đạo và TLVĐ cùng các tổ chức đấu tranh chìm lại không tạo được cơ sở ở nông thôn. Cách mạng không có đất đứng vững chắc nào ngoài tình tự ái quốc.

6- Nhìn toàn diện con người Hoàng Đạo: ông chính thực ra là một KẺ SĨ hiểu theo nghĩa đẹp nhất của danh từ. Cả cuộc đời ông, từ cách thế tranh đấu cho tới cầm bút, đều phát xuất từ giòng kẻ sĩ này. SĨ là đúc kết trên bình diện con người của văn hóa Khổng Mạnh phát xuất từ Trung Hoa. Ông chết đi như một trong các cái khoen cuối cùng bị đứt của truyền thống ấy, và do một mỉa mai của lịch sử, ông đã lại chết ở trên mảnh đất đầu tiên tạo ra SĨ.

THẾ UYÊN

(tháng 4/1968)

(1) Người viết không có và chưa được đọc tập Tiếng đàn, *các loạt bài về* Vấn đề Cần lao và thuộc địa ký ức, *và cũng không có cơ hội đọc lại* Phong Hóa, Ngày Nay *nên trong bài này sẽ thiếu sót phần nhận xét về các loạt bài văn đó cũng như các tập văn khác của ông. Người viết xin hứa sẽ bổ túc thiếu sót đó khi nào được giã từ vũ khí.*

(*) Mọi chữ in nghiêng trong phần nhận định tác phẩm là nguyên văn của Hoàng Đạo -Người viết.

(2) Ông Phạm Quỳnh đã trao tờ Nam Phong *cho người khác để nhận chức vụ Thượng Thư của triều đình Huế thời đó.*

(3) Xin đọc "Nghĩ Trong Một Xã Hội Tan Rã" cùng người viết. Thái Độ xb.

(4) Chúng tôi phỏng đoán cách chia chương mục trên là do nhà xuất bản chứ không phải do tác giả thực hiện. Người viết.

giấc mơ

NGUYỄN LÂN

Lân lấy xe lửa từ Hongkong đi Quảng Châu. Chuyến xe này sẽ ghé qua trấn Thạch Long, nơi chàng ao ước tới. Khởi hành từ Hongkong, đoàn xe lửa cũ kỹ chở đầy hành khách, hàng hóa, ồn ào hỗn độn với những người xạ phang nói gì chàng cũng chẳng hiểu và chàng cũng chẳng cần hiểu. Lân chỉ mong chóng tới trấn Thạch Long, cái đích của chuyến du hành này thôi.

Mỗi lần tầu dừng lại một trạm, số người mang hàng hoá xuống nhiều hơn lên nên càng lúc tầu càng bớt dần người, các toa trống dần nên cũng đỡ ồn ào. Lân chợp ngủ... chàng thấy mình chỉ là một cậu bé cỡ mười tuổi đang nắm tay cha tung tăng trên sóng cát Sầm Sơn. Thế rồi, hai cha con leo lên tận đỉnh hòn Trống Mái. Bầu trời trong xanh, lơ lửng từng cuộn mây trắng cuốn tròn bay ngang. Gió biển lồng lộng thổi tung mái tóc bồng bềnh của ông Hoàng, cha Lân. Cậu bé ngước nhìn cha như ngắm một thần tượng dạn dầy sương gió, khuôn mặt dắn dỏi, sống mũi thanh cao nằm giữa đôi chân mày rậm, miệng mím mà như cười, cặp mắt sáng, tia nhìn thẳng thắn mà xa xăm. Lân biết cha đang mơ một viễn ảnh đẹp đẽ... Ông Hoàng có lần nói với con: "Sau này lớn lên, muốn làm gì cũng được nhưng làm gì mà ngửng mặt nhìn trời không thẹn với trời, cúi xuống nhìn đất mà không hổ cùng đất... và nên giúp đỡ người nghèo, con ạ."

Có lần ông Hoàng giắt con đi chơi, rồi để mặc cậu bé thơ thẩn một mình, ông ngồi xuống ghế đá trong công viên, đọc sách. Bỗng một đứa bé trai cùng trạc tuổi Lân, bẩn thỉu rách rưới sán lại gần. Rõ ra là một đứa trẻ ăn mày. Hắn dơ tay sờ vào bộ đồ nhung đen cậu bé đang mặc. Sợ bẩn bộ đồ đẹp, Lân ù té chạy về phía cha, la hoảng: "Ba ơi! Ba ơi! Ăn mày!"

Ông Hoàng ngẩng đầu, nhìn về phía hai đứa trẻ. Ông thong thả đứng dậy đón con, nắm chặt tay cậu bé và thong thả dắt Lân trở lại chỗ đứa bé ăn xin đang giương mắt nhìn sợ hãi, ông nhỏ nhẹ nói với con: "Con hãy chào người bạn mới này đi!" Giọng ông như có một uy quyền nào khiến Lân phải làm theo. Ông móc túi lấy ra một hào đưa Lân, nhắc: "Con hãy đưa đồng hào này cho bạn." Lân làm theo cha như một cái máy. Lân vẫn thấy ghê ghê đứa bé ăn mày bẩn thỉu, nhưng như có một sức mạnh nào tận đáy lòng thúc đẩy cậu tuân lời cha vì đó là lời khuyên đúng.

Ông Hoàng là tấm gương sáng cho Lân noi theo ngay từ khi cậu bé bắt đầu biết suy tư. Ông không có nhiều cơ hội gần gũi các con vì luôn luôn ông phải đi xa, nay đây mai đó. Sự bận bịu phải xa gia đình, vợ con, Lân mơ hồ biết là vì thời cuộc đòi hỏi. Những con người quốc gia vào những thập niên 20, 30, 40 đã sẵn sàng hi sinh bản thân, gia đình vì đất nước. Họ dành hết cuộc đời cho đại cuộc, cho vận mạng tổ quốc, cho tương lai dân tộc. Lân chỉ biết thế vì cậu còn nhỏ... nhưng trong tâm hồn Lân, cậu đã thấy được chính nghĩa của những người quốc gia, của các bác, các chú, của cha cậu. Vì thế Lân nhìn cha như một mẫu người lý tưởng nên theo. Tính ông Hoàng điềm đạm, giản dị và vui vẻ với tất cả mọi người, ông thích đùa giỡn với các con, ông lạc quan dù ở hoàn cảnh khó khăn, ông trầm ngâm tìm ra biện pháp thích ứng cho mọi trường hợp. Nhưng với chính bản thân, ông là người biết khắc chế, không cờ bạc, rượu chè, hút sách, trai gái, không đàn đúm, tán gẫu. Ông chỉ ham mê văn chương, sách vở và thích làm những gì có ích cho mọi người, cho đất nước không quản công sức, thời giờ. Rất may, ông gặp được những người đồng chí hướng, cùng tổ chức một nhóm văn đoàn đã gây một tiếng vang, làm xao động xã hội thời đó mà dư âm còn ảnh hưởng tới ngày nay. Đó là những người có nhiệt tâm với dân, với nước. Đó là những người dám dấn thân.

Năm lên mười tuổi, cậu bé Lân đã cảm thấy thú vị và tự hào về những cuốn sách Hồng do nhóm văn đoàn của cha cậu tạo ra, mà sau này lớn lên, Lân mới biết cha và bác ruột là những

người đi vào lịch sử và có một sự nghiệp văn chương vững vàng. Mười tuổi, Lân đã cảm thấy sung sướng, hãnh diện mỗi khi nghe mọi người nhắc đến tên cha cậu với niềm kính trọng mà sau này Lân mới thấy tinh thần của cha là ngọn đuốc soi đường, là kim chỉ nam cho thanh niên Việt Nam giầu lòng yêu nước.

Lân đăm đăm nhìn bức tượng sống động trước mắt, một hình ảnh thân yêu mãi mãi khắc sâu trong tâm khảm... Bỗng bầu trời chuyển động, mây đen vần vũ che phủ khắp vạn vật. Tất cả chìm trong bức màn tối âm u với những tiếng sấm ầm ầm ghê rợn... Một lần chớp lóe sáng lên, rạch đôi bầu trời... Tự thinh không cao vút, một vì sao rớt xuống, đâm thẳng vào đầu thần tượng của cậu bé... Ông Hoàng té nhào từ trên đỉnh núi xuống vực thẳm... mất hút trong biển sâu... sóng bạc đầu trắng xóa. Trời vẫn gầm gừ. Mây đen vẫn ùn ùn kéo đến. Lân luống cuống sợ hãi, gào trong tuyệt vọng: "Cha! Cha!" ... Một tảng mây đen sì giáng xuống, úp chụp trên đầu cậu bé...

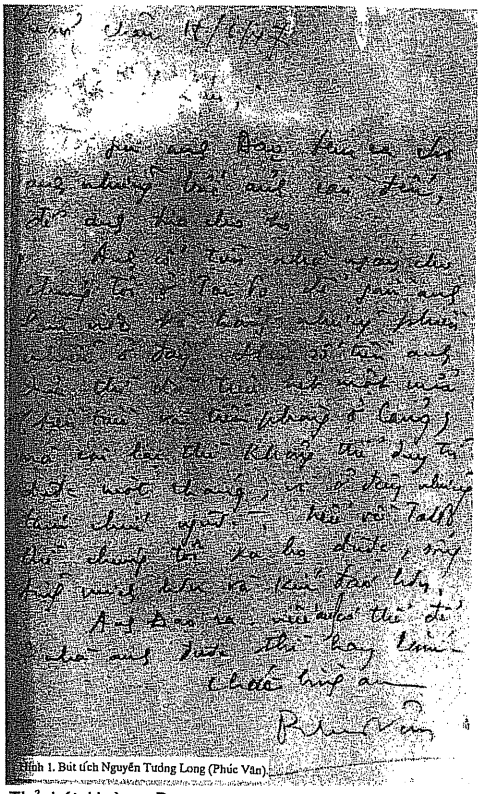
Thủ bút Hoàng Đạo

Mồ hôi toát ra như tắm, Lân vùng dậy. Chỉ là một giấc mơ. Tấm chăn bông phủ kín đầu làm Lân ngộp thở... phải chăng chính là đám mây đen? Nghĩ tới cha, lòng cậu bé đau thắt. Giờ này, cha cậu ở đâu? Chắc xa xôi lắm, tuốt mãi tận Quảng Châu bên Tầu như mẹ nói. Bao giờ cha mới trở về với gia đình?

Hơn một tháng sau, vẻ buồn thảm, nước mắt ngấn mi, mẹ gọi ba đứa con lại và cho biết ông Hoàng đã mất đúng vào ngày Lân nằm mơ thấy bố. Ông gục xuống trong một chuyến xe lửa từ Hongkong về Quảng Châu ngay khi xe chạy trên một cây cầu bắc ngang qua một con sông lớn nước chẩy cuồn cuộn gần thị xã Tây Hội, trấn Thạch Long. Xác ông đã được đưa tới nhà quàn để thân nhân tới nhận.

Nghe tin dữ, anh và chị Lân khóc ầm lên. Lân bé nhất nhà, chưa ý thức rõ nghĩa "sinh ly, tử biệt," cậu ngơ ngác, chui vào một góc tối nơi xó nhà, tưởng niệm tới bố. Số cha cậu chết trên sông nước; có phải dòng sông gần trấn Thạch Long là dòng sông định mệnh? Có phải cha về báo mộng hay chỉ là một sự trùng hợp tình cờ? Lân nhớ cha day dứt mà cậu vẫn không sao khóc được!

Đã năm mươi năm qua... Cứ đến ngày giỗ, nhìn di ảnh cha trên bàn thờ, Lân vẫn tâm niệm sẽ có ngày chàng tới Quảng Châu, tới trấn Thạch Long để tận mắt thấy nơi an nghỉ cuối cùng của người cha yêu dấu. Thời thế đổi thay, mệnh nước nghiêng ngửa... Cũng như bao nhiêu người dân Việt khác, Lân đã phải xa lìa quê hương, nhưng lòng chàng vẫn khắc khoải hướng về cố quốc với những đồng bào đói khổ, vẫn văng vẳng bên tai lời dặn dò của cha: "Con nên vì ai mà sống, vì ai mà hi sinh." Cứ mỗi năm mỗi lớn, lòng nhớ thương mỗi tăng dần khiến Lân phải đáp máy bay tới Hongkong. Để có được cái cảm giác cùng cha đi chung một toa tầu, Lân đã lấy vé xe lửa tới Quảng Châu. Lân chỉ muốn được thấy những gì ông Hoàng đã thấy năm mươi năm về trước nhưng chàng vẫn e ngại vì biết chắc tất cả đã đổi thay với thời gian. Dù vậy, chàng vẫn mơ được đi trên những tuyến đường mà ông Hoàng đã đi. Lân biết ước mong đó chỉ là ảo tưởng. Nhưng khi ngồi trên xe lửa, quan sát toa tầu sao thấy cũ kỹ cổ xưa, ngó ra hai bên đường sao trông cổ hủ lạc hậu. Có người hành khách đi cùng cho biết tuyến đường từ Hongkong tới Quảng Châu không có gì thay đổi kể từ hơn năm mươi năm, ngay cả chuyến xe lửa đương chạy cũng vẫn là chuyến xe của năm mươi năm cũ...

Gần đến trấn Thạch Long, trên toa Lân ngồi chỉ còn hai hành khách, một người đàn ông và chàng. Người đàn ông mặc bộ đồ tây xám gợi Lân nhớ tới bộ đồ của ông Hoàng. Người đó ngồi ngay trước mặt Lân, đang chăm chú đọc báo.

Bỗng ông ta bỏ rơi tờ báo, gục xuống…

Lân đứng phắt dậy. Cha chàng đây mà. Ông Hoàng thỉnh thoảng vẫn ngất đi mỗi khi lên cơn đau tim kể từ khi bị bọn thực dân Tây bắt và tra tấn tại nhà tù Vụ Bản hồi trước năm 1945 tại Việt Nam. Lân sẽ làm hô hấp nhân tạo trong khi chờ đợi toán cấp cứu… nhưng… Lân vừa nắm lấy tay cha, ông Hoàng bỗng tan biến vào hư vô…

Tiếng còi tầu lanh lảnh làm Lân chợt tỉnh, chàng nhoài mình ra cửa xe, ngó xuống. Tầu dần dần chậm lại… xình xịch… xình xịch… ì ạch nặng nề, rùng mình thật mạnh trước khi ngừng tại một ga nhỏ, trấn Thạch Long!

Khung cảnh buồn hiu hắt với những cây sấu cằn cỗi, lá lìa cành gần hết. Mùa thu đang tàn trong bầu trời u ám, ảm đạm… Xa xa, những rặng tre ngà còn vương chút lá vàng…

Nhà quàn của thị xã nằm lẻ loi đơn độc gần đường xe lửa, tường vôi ẩm mốc, mái rêu phong, trông nghèo nàn, tiêu điều, buồn tẻ. Nơi này, chính nơi này, ông Hoàng đã nằm chờ anh em tới nhận xác. Lân xuống tầu, chạy như bay tới nhà quàn. Phòng khách tối tăm, lèo tèo vài chiếc ghế đẩu cũ tróc sơn, một bàn gỗ mộc chân đã gẫy, trống vắng. Ở góc phòng một cỗ quan tài đơn sơ nằm chơ vơ lạnh lẽo, không hương nến. Lân tiến tới bên quan tài, nâng nắp hòm lên… Người đàn ông trong bộ đồ tây xám, cha Lân đấy, mặt mũi sưng vù, méo mó, đôi mắt nhắm nghiền… trong khoảnh khắc, hình hài lại mờ ảo… Định thần, Lân không nhìn thấy gì nữa… chỉ mình chàng trong căn phòng âm u, trống lạnh.

Lân đi ra ngoài, tìm đường tới nghĩa trang. Đây là khu đồng không mênh mông gần đường cái quan, kế bên những thửa ruộng đã gặt chỉ còn trơ gốc rạ. Lác đác, vài ba bia mộ ngả nghiêng. Bỗng Lân thấy những vệt lân tinh sáng lấp lánh từ một ngôi mộ bay ra. Lân nhắm ngôi mộ đó tiến tới. Có phải vong linh cha về dẫn dắt chàng không? Trời chiều đã ngả bóng. Chiều thu trên tha ma mộ địa không làm Lân rợn lạnh mà chàng chỉ thấy đớn đau nhung nhớ cha đang vò xé tâm hồn. Hai lần gặp gỡ mà cha chàng khi ẩn khi hiện không một lời nhắn nhủ. Lân vẫn hi vọng tại nghĩa địa hoang vắng này, tại nơi an nghỉ cuối cùng này, chàng sẽ được nghe lại giọng ấm áp thân yêu. Lân quì xuống trước ngôi mộ. Nắng quái chiều hôm hiu hắt rớt trên tấm bia cũ kỹ, nét khắc phai mờ vừa đủ đọc được những dòng chữ trong những tia nắng yếu ớt gần tắt lịm:

HOÀNG ĐẠO
Sinh 16/11/1907 – Mất 22/07/1948
Người Việt Nam
Yên nghỉ tại đây

Lân nghẹn ngào: "Cha ơi!" Người đàn ông trong bộ đồ tây xám đứng trước mặt chàng. Bóng chiều sẫm hẳn. Màn đêm đã xuống. Lân không thấy rõ mặt cha dù hai người chỉ cách nhau trong tầm tay với. Ông Hoàng đứng thẳng. Lân quì dưới chân. Văng vẳng từ xa, giọng nói nhẹ nhàng thân yêu: "Con cố hành động theo khả năng, theo lương tri… những gì có ích cho dân tộc, cho nhân loại. Đừng ham danh vọng, giầu sang, phú quí. Đừng ganh ghét. Đừng kiêu ngạo. Đừng sợ sệt. Ở tuổi con, ba không cần nói nhiều. Ngày nào còn tồn tại trên cõi đời, hãy vui vẻ, hăng say sống… cho mình mà cũng cho người…"

Lân kêu lên: "Cha ơi! Con muốn hỏi…"

Ông Hoàng ngắt lời: "Con đừng nghĩ tới những điều không đáng chú trọng. Hãy tìm lấy chỗ thoải mái, yên bình cho tâm hồn. Đó là hạnh phúc, con ạ!"

Bóng người cha nhạt dần… chỉ là khoảng không hụt hẫng… chới với… chàng ngã quị, đầu đập lên bia mộ.

Lân sực tỉnh. Đồng hồ báo thức trên đầu giường rơi vào trán khiến chàng đau điếng. Có lẽ trong cơn mê, chàng quờ quạng, vùng vẫy làm rớt cái đồng hồ. Cảm giác nhớ thương, mong muốn gặp gỡ vẫn bóp nghẹt tim chàng. Giấc mộng tìm tới nơi an nghỉ của cha, Lân không thể thực hiện được nữa. Đã năm mươi năm qua rồi, nước Tầu thay đổi, trấn Thạch Long cũng đã đổi thay, khu nghĩa trang chôn cất ông Hoàng đã bị đào xới để trở thành vùng kinh tế mới. Nắm xương tàn của cha chàng còn biết ở đâu? Thân cát bụi lại trả về cát bụi…

Hôm nay là ngày giỗ ông Hoàng. Ngày giỗ thứ năm mươi. Cộng đồng người Việt miền nam California tổ chức lễ truy niệm, tưởng nhớ tới một người suốt đời đã hi sinh cho chính nghĩa, cho dân tộc. Lân buồn rầu vì chưa làm được những gì chàng mong ước theo ý hướng cha. Lòng kính yêu người cha quá cố vẫn rào rạt trong tâm khảm. Lân chỉ gặp lại cha trong giấc mơ… vẫn còn nhiều giấc mơ nữa… vì tình nhớ thương không bao giờ phai nhạt.

Kính tặng vong linh CHA
nhân ngày giỗ thứ năm mươi.
Ngày 22, tháng 7, năm 1999

cấy óc

đặng thơ thơ

Dựng lại một người đã chết là điều khó làm.

Vào đúng ngày giỗ năm ngoái của ông ngoại thì tôi nẩy ra ý định dựng lại ông. Ý tưởng này nằm ẩn sâu trong tiềm thức đã lâu, đến ngày giỗ chợt bộc phát như một tai họa không cách nào ngăn cản. Những ý tưởng có tính cách tai họa khi chúng ta không thể nào làm chúng biến đi, như một vết mực hay vết máu. Nhưng lần này, ý tưởng dựng lại một người chết, thoáng nghe có vẻ kinh dị, kỳ thực không có gì là mới. Tôi vẫn thấy đầy dẫy, trên đường phố, trong thư viện, phòng triển lãm, nhất các rạp hát, những con người mới được dựng lại từ những bản sao. Không phải một, mà nhiều lần liên tục.

Dọc theo thế kỷ vẫn xảy ra những vụ dựng lại người chết, thoạt đầu để tưởng niệm, cuối cùng biến thành động mồ quật mả, một cách bất nhẫn và biếm nhục. Nhẹ lắm thì hóa ra trò hề mua vui (những cuộc vinh danh lãnh tụ, những giải thưởng nhân danh một nhà văn, những viện bảo tàng cho một tổng thống, những tượng đài cho kẻ sát nhân diệt chủng...) Tôi không thể để điều ấy xảy ra cho ông. Ông tôi - tác giả của 5 cuốn sách đã in, của nhiều cuốn sách chưa in, của ngàn bài phóng sự đã đăng báo. Ông tôi – một người dám nói và dám sống theo điều mình nói, đánh đổi ngục tù và cái chết cho lý tưởng, công khai thách đố và chống đối bạo quyền... Một người như vậy xứng đáng được dựng lại nguyên bản, dựng lại theo đúng khuôn mẫu có thật, không chấp nhận một sai sót nào.

Hoàng Đạo khi bị mật thám Pháp bắt năm 1941

Vào tuần thứ ba của tháng 7 (các anh em Nguyễn Tường thường chết vào tháng 7, vì họ gồm 7 anh em tất cả), tôi đã quyết định: *Mình không làm giỗ, vì làm giỗ không thể dựng lại một người đã chết.* Ngày giỗ chỉ là một dấu mốc tạm thời, một gợi nhớ vô vọng về tàn rữa của linh hồn trước vĩnh cửu thời gian. Dựng lại được người chết thì vẫn tốt hơn đắp mộ hay thắp nhang cho họ. Muốn dựng lại một người đã chết thì phải ngưng ngay việc làm giỗ, vì càng làm giỗ thì càng khiến người ấy chết nặng hơn. Mỗi lần giỗ là một tảng đá chồng lên mộ, xác nhận sự bất diệt của cái chết. Muốn dựng lại một người đã chết, việc trước tiên là phải công nhận: Người ấy đã chết. Rồi sau đó đi ngược lại cái chết, đi trở về thời gian đã sống.

&

Khởi đầu mọi sự rất khó khăn vì tôi không có đủ chứng tích hay tài liệu về ông. Nhất là ông chết năm 1948, mười ba năm trước khi tôi ra đời. Ông lại chết bên Tàu, và tôi sinh ra ở Việt Nam, điều này khiến việc dựng lại càng thêm phức tạp. Mộ ông theo lời kể của bà Nguyễn Tường Bách, đã bị đào xới

dưới chế độ cộng sản Trung Quốc, hài cốt đã tan tác và thất lạc[1] (theo khoa địa lý dịch số thì đây là điềm cực gở, xấu hơn cả chuyện quan tài bị rễ cây đâm ngang, hay nước lụt đẩy trôi ra đường). Hậu quả của chuyện mộ bị phát tán quả là khôn lường. Kể từ năm 1954 trở đi, biết bao đại họa xảy đến cho chúng tôi - kể cả chết chóc, ly tán trong gia đình. Ngay cả danh tiếng ông cũng bị suy xụp đáng kể, một phần vì những lời dèm pha, phần nữa là sức mạnh của một guồng máy chính trị đã biến ông từ một danh nhân thành kẻ tội đồ.[2]

Trong viện bảo tàng Văn Hóa, nơi dựng lại những danh nhân đất nước, còn bức tượng Hoàng Đạo đứng cao ngạo trong tư thế nghiêng mình xuống, đôi mắt lộ vẻ xót thương những người nông dân nằm ngồi lẫn lộn dưới chân ông. Tựa đề bức tượng nhằm minh họa ý đồ của tác giả: Người Phú Hào và Lũ Dân Quê. Mỗi lần nhìn bức tượng, vì tôi rất hay phải ra vào nhà Văn Hóa, tôi cảm thấy tức giận, gần như là xúc phạm. Xúc phạm thay cho những người dân quê vì bị đặt nằm dưới chân Hoàng Đạo. Tại sao họ không thể đứng ngang hàng trong mắt người nặn tượng? Một bức tượng làm cẩu thả, lệch lạc kích thước. Toàn thể là một ngộ nhận, một cách nhìn phiếm diện, được dựng lên thành biểu tượng. Một việc làm thiếu trách nhiệm với công chúng thưởng ngoạn, tôi rùn vai nghĩ vậy, ước gì mình có thể lấy búa đập vỡ nó đi.

&

"Chúng ta phải dựng lại Hoàng Đạo", tôi bắt đầu nhồi nhét sứ mệnh này vào đầu những người trong nhà. Thoạt đầu ai cũng cho rằng ý kiến này quá táo bạo và quái gở. Vì chẳng mấy người còn lưu giữ ký ức về ông. Mẹ tôi là người duy nhất biết được tính tình của ông, những tính tình không một ai ngờ đến, như sợ máu, sợ giao thiệp, sợ tiếp xúc, sợ nói trước đám đông, sợ tất cả những gì nghiêm trọng. Vả lại, công việc này không dễ, vì phải tìm lại văn bản của ông, những văn bản chưa in thành sách[3].

Để làm việc đó, tôi phải góp nhặt lại từ trong trí nhớ của những người còn sống (và đã bắt đầu già nua – như ông Nguyễn Tường Bách, mẹ tôi, cậu tôi, các chú bác bên ngoại...), những ghi chép còn lại trên giấy của những nhà văn đương thời, những sách vở cũ nát của những nhà phê bình văn học sử. Đáng lẽ tôi còn phải bay qua Paris, New York, ở trong thư viện quốc gia cả tháng trời để soạn và sao chép tài liệu. May thay, nhờ một giảng viên đại học nhận lời chụp, scan, và gửi qua điện thư mà tôi khỏi phải làm một chuyến đi xa như vậy.

Tôi còn dựa vào lời nói của một người đã chết, những lời nói còn ghi lại trên trí nhớ lờ mờ của tôi, về một người chết trước mình. Nhiều người sẽ nghĩ rằng đó là lời của những nhà báo đàn em[4]. Những lời nói ấy kể là đáng tin cậy. Cũng như sau này nhiều người sẽ tin vào lời nói của tôi, khi tôi đã chết đi rồi, vì chẳng còn ai kiểm chứng được.

&

Tôi bắt đầu vẽ một bản đồ tưởng tượng dựa vào những dấu mốc ngày tháng trong cuộc đời Hoàng Đạo. Một bản đồ bắt đầu từ địa chỉ 18 & 18 bis đường Lý Thái Tổ (tức đường Amiral Courbet) Hà Nội; đến các tòa án rải rác khắp nước An-nam, quay ngược lại tòa báo Phong Hóa, Ngày Nay. Một dấu mốc màu đỏ nối từ sở Liêm Phóng Hà Nội đến khu an trí Vụ Bản, kéo sang trụ sở bộ Kinh tế thời chính phủ liên hiệp. Một đường vẽ khúc khuỷu vượt biên giới Việt-Hoa dẫn đến Hội nghị Hương Cảng, Côn Minh, Bạch Hạc động, Quảng Châu... Bản đồ kết thúc ở một

---

[1] Mộ xây lại khang trang năm 1949 khi vợ Nguyễn Thị Nhã và con gái lớn Nguyễn Minh Thu sang Tàu. Sau này khi cộng sản Trung Quốc thực thi các phong trào ruộng đất họ đã san bằng nghĩa trang, đào xới và trộn tung các hài cốt trong huyệt mộ.

[2] Ở miền Nam tuy 2 tác phẩm của ông được đưa vào chương trình giảng dạy của bộ giáo dục, khối lượng đồ sộ những bài phóng sự và những bản thảo quan trọng đã bị thất lạc vì chiến tranh, do đó nhà phê bình Nguyễn Văn Xuân chỉ biết đến ông qua cuốn Con Đường Sáng và Mười Điều Tâm Niệm như kiến thức phổ thông bắt cứ học sinh trung học nào. Ở miền Bắc trong suốt nửa thế kỷ ông là người chủ xướng văn chương lãng mạn, đồi trụy và phản động.

[3] Nguyễn Văn Xuân đã nhầm lẫn khi nói: "Hoàng Đạo đâu có dám góp hết tất cả các bài báo của ông để in thành sách mà phổ biến." Mười Điều Tâm Niệm, Trước Vành Móng Ngựa, Bùn Lầy Nước Đọng đều là tập hợp bài viết từ báo. Năm 1938 cuốn Bùn Lầy Nước Đọng vừa xuất bản đã bị cấm phát hành. Năm 1940 Ngày nay bị đình bản, Hoàng Đạo bị Pháp bắt và đày đi Vụ Bản. Năm 1943 Hoàng Đạo bị quản thúc tại Hà Nội. Sau đó, do hoạt động cách mạng, do chiến tranh và kiểm duyệt, loạt bài Thuộc Địa Ký Ước, Vấn Đề Cần Lao và Công Dân Giáo Dục không có điều kiện để xuất bản. Hoàng Đạo mất sớm năm 1948, lúc đó mới 41 tuổi, nếu không chắc ông cũng chẳng sợ gì mà không dám.

[4] Ông Như Phong vẫn được gọi là nhà báo của nhà báo. Khi còn sống ông tự nhận là nhà báo đàn em của Hoàng Đạo. Ông Như Phong đã bỏ ra một phần lớn cuộc đời để thu thập tài liệu về Hoàng Đạo, phần đời ấy đã trở nên hoang phí nếu không muốn nói là vô ích, vì tất cả những gì ông thu thập đã không còn nữa sau cái chết của ông (Như Phong).

nhà ga xe lửa, một nghĩa trang thê lương, trên một vùng đất đồng không mông quạnh.

Trên bản đồ ấy, một con đường nối từ số 80 Quan Thánh đến ga Thạch Long được đặt tên là đường Tứ Ly, sau năm 1936 đổi thành đường Hoàng Đạo. Con đường ấy so với các phố cổ Hà Nội thì dài lắm. Cũng dài như khi nối kết toàn bộ những bài báo Hoàng Đạo viết trong mười năm trời (tôi đã tính nhẩm được 300,000 dòng chữ in một cột, hay là 4 ngàn cột báo, hay là một cột báo dài 2 cây số). Một trong những con đường dài nhất, trong lịch sử.

&

Phòng nhì Pháp vừa gửi cho tôi một cái hộp sắt nhỏ, đựng móng tay và móng chân Hoàng Đạo. Một tặng vật bất ngờ. Thì ra sau khi lột móng, họ không vứt đi phi tang mà lại cất trong hộp sắt suốt ba năm tra tấn, và sau đó lưu trữ trong hồ sơ mật suốt sáu mươi năm còn lại. Tôi đọc lướt qua xấp hồ sơ viết bằng tiếng Pháp, giấy đã mòn thành bụi, trang đầu tiên dán tấm hình chụp năm 1941, tóc hớt ngắn đeo số tù trên ngực. Thời đó ông còn là một thanh niên mạnh mẽ rắn rỏi, nhìn tôi bằng ánh mắt lì lợm, môi mím chặt thách đố, đúng phong cách tù chính trị thời thuộc địa. Tất cả những chi tiết ấy khiến tấm hình cực kỳ sống động, mỗi lần nhìn tôi đều kiêng nể dè chừng. Người chụp hình hẳn phải là một tay nhà nghề, chụp được tính cách nguy hiểm và ngạo nghễ, chụp được sự phẫn uất câm lặng của người tù, chụp được cả áp lực của người tù lên người chụp.

Cách trình bày móng trong hộp cũng từa tựa những vỉ móng bột bây giờ trong kỹ nghệ "làm neo". Khác với móng tay, tuy quánh máu khô đặc màu nâu, nhưng vẫn còn nguyên hình dạng; móng chân vênh, dúm dó và sứt mẻ, dưới là những ghi chú ngày tháng khác nhau. Thì ra mỗi lần tra tấn họ chỉ bóc đi một cái móng, một cái thôi. Họ lột từ từ, với tất cả nghệ thuật điêu luyện, nhích từ li từ tí, ngưng lại, rồi lấy dao nậy tiếp, để khuếch đại cái đau và sợ hãi đến cực điểm. Đến cái móng cuối cùng thì cái đau đã được ghi vào ký ức. Một ký ức vĩnh viễn. Đến độ sau này chỉ nhìn, hay nghĩ tới chữ "móng", là cảm giác đau lập tức ùa đến khiến người ấy bật tiếng thét thất thanh. Có người đã hóa điên, không phải vì cái đau tra tấn lúc đó, mà là cái đau tái diễn sau này, liên hồi trong trí nhớ.

&

Trong cuốn Tự Điển Danh Nhân Văn Hóa do nhà xuất bản Việt Nam ấn hành, Hoàng Đạo mang khuôn mặt người chết nằm trong quan tài: mụ mị, sưng phù, vô hồn và giả tạo, được trang điểm kỹ càng. Những người thực hiện hẳn đã sửa chữa lại từ tấm hình in trong cuốn Bùn Lầy Nước Đọng ngày xưa (một việc làm phản nghệ thuật). Họ làm sáng trưng một nửa mặt vốn chìm trong bóng tối, vẽ lông mày phải cao hơn bên trái, tô mắt đen kịt như một hồ mực, và đồ màu son đỏ choét lên môi. Tôi không hiểu vì sao người ta không chấp nhận nửa mặt tối kia. Tấm hình đẹp nhờ phần chìm khuất, như một người đang vừa đi vừa trải cái bóng đàng sau bước chân. Đột nhiên, một lúc nào đó, tất cả những cái bóng được vẽ thêm chi tiết, màu mè, cho đến khi chúng mặc quần áo, có mặt mũi, trở nên giống y người thật. Tôi đã nhìn thấy những hình người hóa hai, một đứng một nằm trên đường phố, như những cặp sinh đôi dính nhau ở chân. Y hệt một đoạn phim ma quái tôi đã xem hồi nhỏ.

&

Đầu tháng 9 thì thư viện quốc gia Hà Nội gửi cho tôi một thùng lớn đầy những bài phóng sự của ông, những tài liệu đăng báo trong thời gian 1935 đến 1940. Trong một lá thư gửi cho người nhận (là tôi), người quản thủ thư viện viết:

"Chúng tôi rất tự hào đã làm tốt công việc bảo quản những bộ óc của danh nhân nước nhà. Về mặt này chúng tôi làm tốt hơn khâu nhà xác bệnh viện. Bệnh viện là nơi chứa thịt và máu. Còn thư viện là nơi lưu trữ óc, một hình thức tồn tại cao hơn hẳn sự tồn tại của hơi thở và sự sống (...)

Việt Nam ta có truyền thống cấy óc như một dạng văn hóa, cũng không cấm đoán việc cấy các phôi thai. Nhưng vì các cuộn não đã nhiễm độc chất cực nặng, tuyệt đối cấm dùng óc này để cấy lên thành óc khác (...) [5]

Trong tương lai, nếu ông/bà cần thêm óc, chúng tôi rất vui lòng nhận thêm đặt hàng..."

"Hàng" đây là một thùng gỗ hình dạng như cái áo quan thu nhỏ, thể tích khoảng một thước khối, in chữ ***Hàng Việt Nam - Chất Lượng Cao*** và đóng dấu ĐÃ KIỂM TRA. Tuy rất cảm động

---

[5] Óc chứa độc chất châm biếm cực nặng, bắn vào ai sẽ bị họ thù cho đến chết (đến bây giờ họ đã chết hết rồi). Dưới kính hiển vi, các nơ-ron não tai quái có cấu trúc như hai chữ Tứ-Ly viết xoắn vào nhau.

vì điều mình mong đợi đã đến kịp thời, tình huống trở nên khôi hài do chuyện bao bì. Nhất là vì nó giống cái áo quan, mà áo quan lại là cách chơi chữ xỏ xiên của Hoàng Đạo mỗi lần diễu các ông quan.[6]

&

Người ta có thể chạm vào quá khứ, chạm vào lịch sử, chạm vào bí ẩn. Như cách tôi chạm vào những tờ báo (trong thùng gỗ là một linh hồn bị giam giữ đã lâu - hơn nửa thế kỷ, một linh hồn chống đối và đam mê dữ dội, một linh hồn không chịu khuất phục số mệnh - dù một số mệnh đến sau cái chết).

Cho đến lúc đó, tôi vẫn tin rằng chuyện đi ngược thời gian là khả thi. Cũng như việc xây dựng lại người chết là có thể, để cứu vãn một điều đã xảy ra, và xảy ra sai lầm. Nhưng những điều tìm thấy và đọc được sẽ làm thay đổi suy nghĩ của tôi.

Dẫu sao tôi cũng may mắn tìm được những bài viết chưa hề công bố, chưa được đăng báo, thỉnh thoảng kèm theo ghi chú của ông, viết bằng bút tích sắc và nghiêng, chữ cứng và thoáng. Tôi đã dùng máy scan lại và in ra những trang dưới đây:

Ghi chú của Hoàng Đạo

Trang 1

ghi chú 1: Đừng tin rằng đây là lời nói của tôi. Hãy kiểm chứng lại. Cũng đừng tin vào một gia phả bất di dịch, truyền từ đời này sang đời khác, như một xác ướp. Nếu như ký ức gia phả tiếp tục suy giảm, hay biến dạng, thì cũng không phải điều bất hạnh.

ghi chú 2: Người ta nên sống bằng cách đi tới tương lai. Đừng dựng lại một người đã chết.

ghi chú 3: Hãy bỏ quên Hoàng Đạo. Bỏ quên ngay từ trong lòng gia đình. Sự quên lãng sẽ đến vào ngày giỗ mỗi năm, khi trên bàn thờ vẫn còn tấm ảnh chụp năm 30 tuổi, khi trên kệ sách và những nhà sách vẫn còn vài tác phẩm quen thuộc trưng bày. Một cái chết được trưng bày, nói như thế đi. Dù chết là một cách vượt qua giới hạn thân xác, dù chết là một cách kéo dài linh hồn, không cái bóng nào cứ dài ra mãi vào lúc hoàng hôn.

ghi chú 4: Trong suốt thời gian làm báo, Hoàng Đạo đã dựng lên nhiều vụ án. Khi Hoàng Đạo chết rồi, hẳn thiên hạ sẽ đem Hoàng Đạo ra xử án lại. Vì vậy Hoàng Đạo viết sẵn những dòng này, gọi là Hậu Trước Vành Móng Ngựa.

Người đời sau sẽ nhớ tới Hoàng Đạo dưới hai thái cực, và cách nhớ sẽ vô cùng phức tạp. Đó là điều Hoàng Đạo muốn.

trang 2 - Hậu Trước Vành Móng Ngựa

Nhìn Xuống 1

Nhìn lên, nhìn xuống hay nhìn ngang đều có thể là phạm tội. Một người có tội không bởi cách họ nhìn, mà bởi cách người ta nhìn họ. Hoàng Đạo đang bị đưa ra tòa về tội nhìn xuống. Đây là lần đầu tiên người miền Trung và Nam đòi xử Hoàng Đạo (còn ở miền Bắc thì những người cộng sản đã thi hành án từ lâu). Hôm đó ra tòa còn một số nhà văn, cùng độc giả. Gia đình Hoàng Đạo không ai có mặt.

Ông Chánh án - Ông có nhận tội của ông không?

Hoàng Đạo (*mặt hãy còn hốc hác vì vừa ở tù ra*) – Tội gì?

Ông Chánh án (*mỉa mai*) – Ông còn khéo vờ...Ông bị buộc vào tội "nhìn xuống", ông còn chưa biết?

Hoàng Đạo (*mỉm cười*) – Tôi không hiểu? Nhìn xuống mà là có tội?

Ông Chánh án (*cũng mỉm cười*) – Chứ còn gì nữa? Ông có nhận đã viết Con Đường Sáng không?

Hoàng Đạo (*gật đầu*) – Vâng. Tôi viết chung với ông Nhất Linh.

---

[6] *Áo quan, chữ Hoàng Đạo dùng để đùa các quan lớn. Trên Ngày nay số 64, mục tranh cười với tựa đề Đồng Nghiệp:*
-Ông làm nghề gì?
-Tôi may áo quan, còn ông?
-Tôi đóng áo quan.

Ông Chánh án (*gật gù, ra dáng hiểu biết*) – Ông Nhất Linh thì để cho lịch-sử xử.[7] Hôm nay tòa chỉ xử ông thôi. Theo nguồn tin của các nhà nghiên cứu thì trong Con Đường Sáng ông lấy tên là Duy, tuy ông trá hình nhưng lừa được thế nào người đọc.

Hoàng Đạo – Nhưng Duy là một nhân vật. Tôi viết tiểu thuyết chứ có viết nhật ký đâu mà tòa bảo Duy chính là tôi.

Thì ra vậy. Nhưng ông Nguyễn Văn Xuân lại không nghĩ vậy, cứ khăng khăng Hoàng Đạo đã mắc một tội rất lớn, tội "nhìn xuống" của Duy. Ông Nguyễn Văn Xuân ra khai, cầm trên tay một chồng sách, lẫn bản thảo để làm bằng chứng.

Nguyễn Văn Xuân (*giơ tay thề*)– Tôi nói có sách mách có chứng, chính ông Vũ Ngọc Phan đã bảo thế, trong quyển Nhà Văn Hiện Đại.

Đoạn ông dở sách ra đọc: "Cái khuynh hướng thương xót người nghèo của Hoàng Đạo vẫn còn là cái khuynh hướng của người phú hào nghiêng mình xuống hạng thấp kém mình."

Ông Chánh án (*nhìn bị cáo, ra vẻ băn khoăn, không hiểu sao thương xót người nghèo mà lại thành ra có tội*) – Người ta bảo thế, ông nghĩ thế nào? Câu ấy có đúng không?

Hoàng Đạo (*bình tĩnh*) – Ông Vũ Ngọc Phan chưa đọc hết những thứ khác tôi viết. Ông ấy tưởng những thứ kia cũng giống hệt Con Đường Sáng. Có nghĩa là tôi đã viết cả ngàn quyển Con Đường Sáng. Rồi ông ấy lấy hành động của nhân vật gán cho tác giả. Nếu phê bình dễ thế thì tôi cũng muốn làm nhà phê bình lắm. Còn tất nhiên truyện tôi viết ra, văn tài hay hay dở thì các nhà phê bình cứ việc phê bình, nếu quả thực họ có tài năng và kiến thức để phê bình.

Ông Chánh án (*chế diễu*) – Ông biện bác giỏi lắm, thảo nào người ta bảo ông là chuyên viên 'đấu kiếm một lưỡi'[8]. Nhưng có người lại không nghĩ như ông.

Quả vậy. Ông Nguyễn văn Xuân đang có những ý tưởng rất mới và độc đáo về ông Hoàng Đạo. Ông nhất quyết phải trình tòa và công chúng đi xem.

Nguyễn Văn Xuân (*buộc tội*) – Ông ấy chính là Duy. Mà Duy là phú hào, là giai cấp bóc lột, là thanh niên tiểu tư sản trụy lạc, theo chủ nghĩa cá nhân nông cạn và hời hợt. (*chỉ vào Hoàng Đạo*) Lòng thương người của ông ấy là giả nhân giả nghĩa. Bao nhiêu sách vở đã minh xác như thế rồi. Tôi còn bằng chứng cả đây.

Ông Chánh án (*vui mừng*) – Nếu có bằng chứng thì tốt quá. Ông đưa bằng chứng ấy cho tòa đọc, xem tên sách và tên người viết.

Nguyễn Văn Xuân (*đưa cho ông chánh án*) – Tất cả đây. Ông sẽ thấy người ta mạt sát Hoàng Đạo, và mạt sát đúng như thế nào.

Ông Chánh án (*lẩm nhẩm đọc*) – Từ Phong trào Duy Tân đến Tự Lực Văn Đoàn, Hoàng Đạo và Con Đường Sáng[9]. Tác giả là ai? À, Nguyễn Văn Xuân. À, ra tất cả đều là sách của ông. Thảo nào mà ông dùng làm bằng chứng. Thế thì tiện thật.

Tiện thì rất tiện. Nhưng khổ nỗi vì bằng chứng bên nguyên cáo đưa ra là do bên nguyên cáo sáng tạo, thành thử bị coi là không đủ giá trị, hay chỉ có giá trị như lời tố cáo.

Vì một lý do không rõ, ông Hoàng Đạo không được quyền có trạng sư, và những nhân chứng của ông Hoàng Đạo hôm ấy đều bị mật thám bắt đi tù cả, nên tòa bãi, hẹn tuần sau sẽ xử tiếp. Thành thử ông Hoàng Đạo có nhìn xuống hay không, và nhìn xuống nghĩa là gì, nhìn xuống có lỗi thế nào, thì vẫn là bí mật. Muốn hiểu thì phải đọc ông Nguyễn Văn Xuân.

trang 3

Nhìn Xuống 2

Tòa xử tiếp vụ án Hoàng Đạo nhìn xuống. Hôm ấy các ông toàn quyền, thống sứ, các ông nghị và các ông chủ tư bản cũng có mặt để kiện Hoàng Đạo về nhiều tội khác. Đúng là họa vô đơn chí. Bị cáo vốn hay mỉa mai châm chích nên bây giờ đang bị luật nhân quả phản hồi. Trong cử tọa hôm ấy, nhiều người xì xào bảo nhau:

- Ai bảo đòi phá đình, ai bảo diễu thần làng, ai bảo dám xem tế lễ là trò đùa. Thánh vật đấy.
- Ai lại đi diễu nhạo cả Diêm Vương lẫn Khổng Tử bao giờ.
- Lại còn đụng đến động Tân Dân nữa.
- Lại dám phạm thượng các quan lớn nữa.

---

[7] *Thư tuyệt mệnh của Nhất Linh, viết ngày 7 tháng 7 năm 1963 trước khi tự tử.*

[8] *Một cách nói của Hoàng Đạo để chỉ việc tranh luận hay bút chiến, cũng để diễu động Tân Dân hay in sách kiếm hiệp, là loại sách Hoàng Đạo cũng rất mê đọc.*

[9] *Tựa đề hai bài viết của Nguyễn Văn Xuân, trên Văn số tưởng niệm HoàngĐạo, số 107&108, ngày 15/6/1968.*

Ông Chánh án (*vẻ hào hứng vì sự có mặt của những nhân vật cực kỳ quan trọng*) – Các ông cũng kiện ông Hoàng Đạo về tội nhìn xuống phải không?

Ông Toàn quyền (*dõng dạc*) – Ông ấy bảo nếu mẫu quốc không giao quyền tự trị lại cho dân An Nam thì nhục cho văn minh nước Pháp. Rồi ông ấy bảo tôi thi hành chế độ mộ phu tức là dung túng chế độ nô lệ trá hình. [10]

Ông Thống sứ Châtel (*lưỡng lự vì không hiểu tội nhìn xuống là gì*) – Tôi không biết ông ta có nhìn xuống không, nhưng cách nhìn của ông ấy khinh người lắm. Ông ấy đòi tôi bỏ thuế thân và các thứ quan thuế khác, tôi bảo còn sớm quá, thế là ông ấy bảo tôi bất công, bóc lột và bần cùng hóa dân An nam. Dân An Nam quả thật đã bần cùng đến cực điểm, còn làm sao mà bần cùng hơn nữa được.

Ông Toàn quyền Brévié (*lại dõng dạc*)– Ông ấy xuyên tạc ý tôi. Tôi chỉ nói trình độ và tư cách báo giới ở xứ này còn hèn kém lắm, đó là một sự thật. Thế mà ông ấy dám bảo là tự do ngôn luận dưới quyền tôi thì biến tướng. Dám bảo tôi là vặt lông cắt cánh con chim tự do.[11]

Vừa nói ông vừa nhún vai, như thể chuyện cắt lông chim là cực kỳ vô nhân đạo. Việc gán hành vi ấy cho ông là một sự xúc phạm không thể nào tha thứ.

Một tiên cáo nữa là chủ mỏ than, một người Pháp béo tốt, tướng mạo phương phi, đúng tác phong của một nhà đại tư bản. Trông mặt mà bắt hình dong thì ông không phải người xấu bụng. Ông bị Hoàng Đạo vu oan, ông đâu có thiếu lương tâm như thế:

"Tôi không trả tiền tai nạn lao động vì các công nhân họ mưu mô lắm. Họ tự chặt tay chặt chân để đòi lãnh tiền bồi thường.[12] Nhưng tôi không nói họ rủ nhau tự sát để lãnh tiền làm ma[13]. Đấy là ông ấy vu cáo cho tôi."

Hoàng Đạo (*giọng diễu cợt*) – Thì chỉ có cách tự sát họ mới hưởng được tiền của họ. Không tiêu được ở dương trần thì tiêu ở âm phủ vậy.

Ông Chánh án (*nhìn bị cáo*) – Thế nào, ông có nhận các tội vừa kể không?

Hoàng Đạo – Tôi có viết bài đả kích thật, nhưng không phải công kích cá nhân. Tôi chỉ công kích việc làm của các ông ấy thôi. Cũng như phê bình các ông nghị hay quan trường hay các đồng nghiệp, mục đích là để cho tiến bộ, không phải để dìm người. Tôi giữ lễ độ của người có giáo dục, mai mỉa sâu sắc đến đâu cũng vẫn có thể ở trong sự lễ phép được.[14]

Các ông nghị (*đứng cả dậy, nhao nhao phản đối*) – Ông ấy chỉ cãi lấy được, không có số báo nào mà ông ấy không chế diễu chúng tôi, bảo chúng tôi chỉ biết gật, chết xuống âm phủ vẫn gật, không đại diện cho dân, không phải là dân biểu.

Ông Chánh án (*đùa*)– Quái, các ông không phải dân biểu thì còn ai làm dân biểu được nữa. Việc gì mà phải tức?

Một ông nghị – Nhưng ông ấy bảo chúng tôi là chính phủ biểu ạ.

Cử tọa cười rộ lên, đến ông chánh án cũng phải nhếch mép một cách kín đáo.

Ông Chánh án (*nhìn bị can, lấy giọng nghiêm khắc*) - Ông có biết nhạo báng người khác là phạm tội nhìn xuống không? Ông đã phạm tội nhìn xuống với các ông Nghị viên, ông Thống sứ, ông Toàn quyền. Đó là một điều bất kính. Ông chỉ được quyền nhìn xuống với những hạng người thấp kém hơn ông thôi. Như nông dân, như thợ thuyền, như phu đồn điền chẳng hạn.

Hoàng Đạo (*cố cãi*) – Nhưng tôi có nhìn xuống đâu? Tôi chỉ dùng tự do ngôn luận để chất vấn chính quyền. Tôi chỉ tìm cách bênh vực những người khốn khổ.

Ông Chánh án (*gằn giọng*) –Thế là ông nhìn xuống rồi! Nhìn xuống có nhiều cách lắm ông không biết à? Mà ông có nhìn xuống hay không cũng không quan trọng. Cái quan trọng là người ta bảo người ta nhìn thấy ông nhìn xuống.

Vụ án nhìn xuống lại phải hẹn đến tuần sau, vì có nhiều người đòi ra làm chứng tiếp cho Hoàng Đạo. Người ta cũng biết những vụ án như thế xử rất lâu, có thể kéo dài hàng thế kỷ. Nhiều khi đã xử xong rồi, lại phải đem ra xử lại. Những vụ án làm hao tốn nhiều giấy mực, nguyên tắc, lý lẽ và nước bọt. Cũng có người bảo đó là cách tốt nhất để trở nên bất diệt.

---

[10] *Theo Vấn Đề Cần Lao và Vấn Đề Cần Lao ở Đông Dương của Hoàng Đạo, một loạt bài đăng trên Ngày Nay, từ số 127 đến số 159*

[11] *Theo Tự Do Nghiệp Đoàn của Hoàng Đạo – Ngày Nay số 68, năm 1937 – Mục Từng Tuần Lễ Một*

[12] *Theo Nạn Lao Động của Hoàng Đạo, trong mục Từng Tuần Lễ Một, Ngày Nay số 42, ngày 10/1/1937*

[13] *Như trên*

[14] *Theo Làm Báo của Hoàng Đạo - Ngày Nay số 91, năm 1937 – Mục Người và Việc*

Nhìn xuống 3

Hôm ấy bị can trông mệt mỏi và già hẳn, mới có vài tuần mà già đi cả hàng chục tuổi. Má hóp, râu để lởm chởm, thần sắc suy nhược rõ rệt. Nghe nói bị can mới bị choáng váng rồi ngất đi vì bệnh tim. Bị can đã bị ngất đi bốn lần cả thảy, một lần ở tòa báo, một lần lúc tra tấn, một lần lúc đứng mặc niệm với chính phủ liên hiệp, một lần nữa trên toa xe lửa tốc hành ngang trấn Thạch Long. Tất cả những lần ngất đi ấy đều đúng vào giờ Hoàng Đạo.

Ông Chánh án – Thế nào, hôm nay ông đã khỏi hẳn chưa? Và ông có nhận tội nhìn xuống không? (*phàn nàn*) Khổ quá, biết đến bao giờ tôi mới thôi hỏi ông câu ấy?

Hoàng Đạo (*bám vào thành móng ngựa vì chóng mặt*) – Tôi không nhìn xuống. (*thành thực*)Vì mệt tim mà nhìn xuống dễ bị chóng mặt lắm. Tôi thích nhìn thẳng hơn. Với ai cũng thế, với vua, với ông toàn quyền, với triệu phú hay với dân quê. Tòa nên phạt tôi về tội nhìn thẳng thì hơn. Tôi sẽ đưa bằng chứng để cho toà đỡ mất thì giờ.

Ông Chánh án (*bình phẩm*) – Ông có tật hay nói mỉa, tật ấy đã gây cho ông vô số kẻ thù mà ông còn bỡn được. Vụ án này cũng do chính ông gây ra cả. Gọi nhân chứng ra đây.

Một nhân chứng quan trọng hôm ấy là ông Vu Gia, một nhà văn, nhà báo và nhà biên khảo. Một người có tấm lòng và nổi tiếng công tâm. Để ra làm chứng, ông đã phải soạn nhiều cuốn sách công phu, lại phải đọc hơn mười năm báo Phong Hóa và Ngày Nay cộng lại.

Vu Gia (*giơ tay thề*) - Tôi đã nói rồi và tôi phải nói lại: báo Ngày Nay vào cuộc đấu tranh với chính quyền để dành cơm áo cho dân cày, họ có tấm lòng với những người cùng khổ, chứ không phải họ đóng vai "những nhân cách cao thượng nghiêng mình xuống lũ dân quê đói khổ đáng thương" như nhiều người nói.[15]

Ông Chánh án (*châm biếm*) – Ông có bằng chứng gì không? Xin ông đừng mang chính sách ông viết ra làm bằng chứng như ông Nguyễn Văn Xuân nhé.

Vu Gia (*nghiêm nghị*) – Thưa ông, tôi có mang theo những chứng cớ giá trị nhất trong lịch sử để giúp cho vụ án được công bằng.

Ông đem trình tòa một thùng gỗ nhỏ hình dáng tựa tựa cái áo quan. Trên thùng có in triện Hàng Việt Nam - Chất Lượng Cao và đóng dấu ĐÃ KIỂM TRA. Theo lời ông thì tất cả óc của Hoàng Đạo nằm trong ấy. Ông Chánh án mở thùng nhón lấy một quyển ở trên cùng, quyển Bùn lầy Nước Đọng.

Vu Gia (*vẻ dõng dạc tự tin*) – Thưa ông, tôi nghĩ điều cần thiết để xử Hoàng Đạo cho công minh là phải đọc hết những gì Hoàng Đạo viết. Mà để đọc hết những chữ trong cái thùng này phải mất ít ra là một tháng. Mong tòa để đến tháng sau hãy xử.

Nhưng ông Chánh án cố nhiên là không muốn đọc. Ông chỉ liếc qua các chương sách, rồi tủm tỉm cười thú vị như đã tìm ra chân lý:

"Bằng chứng đây rồi. Ông là trí thức thành thị mà lại đi viết về tệ nạn thôn quê. Chẳng nhìn xuống thì còn là gì nữa? Tang chứng rành rành chối làm sao được? Ai bảo ông bênh vực họ, tìm cách cứu vớt họ, rồi lại còn đòi 'giáo dục họ đến ánh sáng của sự văn minh nữa' (*gằn giọng*). Bút sa gà chết. Tôi nói thật: chỉ riêng cái tựa sách Bùn Lầy Nước Đọng cũng đủ kết tội ông rồi.

Đoạn ông gấp sách lại, quẳng vào thùng:

"Tôi có lời thành thực khuyên ông, nếu có viết thì tránh đừng đá động gì đến dân quê nữa. Nguy hiểm lắm. Chính trị cả đấy.

Rồi với giọng ôn tồn pha lẫn thương lại, ông Chánh án an ủi bị can rằng nhìn xuống là tội mà cũng không hẳn tội. Tùy người, tùy lúc, lại tùy thời nữa. Thôi thì ông Hoàng Đạo cứ kiên nhẫn chờ đợi, sẽ có lúc được xử lại. Mười năm, hai mươi năm, năm mươi năm nữa biết đâu. Còn nếu chẳng may ông Hoàng Đạo chết vì bệnh tim thì đành chịu. Bản án ấy sẽ là chung cuộc, một bản án đời đời.

Vì ai cho người chết cái quyền được nói?

&

trang 4

ghi chú 5: Không ai muốn đời đời đứng trước vành móng ngựa.

(...)

ghi chú cuối cùng: Người chết không có quyền chọn tư thế để quay lại cuộc đời. Đó là đặc quyền của người sống trên người đã chết.

---

[15] *trích từ cuốn Hoàng Đạo - Nhà Báo - Nhà Văn, trang 110 – Tác giả Vu Gia*

Mẹ vợ và các cháu nội, ngoại của Hoàng Đạo

&

Thời gian đọc tất cả chữ trong cái thùng gỗ ấy, tính ra là hơn một tháng, đúng như lời ông tiên đoán về một tương lai sau cái chết của ông.

Lại sắp đến ngày giỗ, trời u ám và tôi không có đủ thời gian để làm công việc dựng lại người đã chết. Không bao giờ đủ thời gian để đi ngược về quá khứ, vì quá khứ mênh mông quá. Tôi buồn bã như thể đánh mất một điều quý giá, đồng thời nhẹ nhõm như thoát khỏi gánh nặng. Vả lại ông đã dặn đừng dựng lại làm gì. Có lẽ ông sợ cách dựng lại của tôi sẽ biến ông thành một hình dung quái dị: một người cùi cả móng tay lẫn móng chân, thỉnh thoảng lại ngất đi vì tim đập chậm. Một người nửa mặt tối đen như phim âm bản. Một người chưa rõ hình dạng. Một người với bộ óc phát tán, thất lạc, nằm trong những nghĩa địa bị khai quật vô tội vạ, những lịch sử được viết lại một chiều dưới cách đọc của người không muốn đọc.

&

Chúng tôi vẫn chơi trò đưa đám vào ngày giỗ của ông. Một ngày giỗ lớn trong họ, nhà đầy người, và những người lớn đều bận rộn, để mặc trẻ con muốn làm gì thì làm. Chúng tôi lúc đó từ 5 đến 11 tuổi, luôn luôn cãi vã tranh giành nhau quả trứng cúng trên bàn thờ. Trong lúc người lớn ăn cỗ và chuyện trò thù tạc, chúng tôi rủ nhau ra vườn làm đám ma, đắp mộ và khóc than thảm thiết. Đứa nào khóc lâu nhất sẽ thắng cuộc và được ăn trứng luộc. Bên cái huyệt (giả) ngoài vườn, có một bông hoa vạn thọ, một ít trái cây, một chai nước ngọt, và tất nhiên quả trứng luộc mang từ bàn thờ xuống.

Đến lúc làm lễ thì chúng tôi khựng lại. Nên chọn nghi lễ nào cho ông? Chúng tôi không biết nên theo đạo gì, đạo Phật hay đạo Chúa, đạo Khổng hay đạo Hồi? Vì con người hay phải bám vào một thứ tôn giáo để thực hành niềm tin; chúng tôi nhân danh tất cả mọi tôn giáo, mọi thượng đế để cầu nguyện cho ông được mồ yên mả đẹp. Có một lần tôi khóc rất lâu, khóc mãi trong khi những đối thủ đã bỏ cuộc. Không hiểu chính tôi làm tôi khóc hay ông đã linh thiêng xui khiến. Nhưng tất nhiên một đám tang rất cần có nước mắt, nên tôi khóc trong một nỗi buồn dễ chịu. Không bao giờ tôi quên được lần khóc đó (ước gì những lần khóc trong đời đều như thế).

Sau khi làm lễ, chúng tôi xây mộ cho ông, thay thế cho cái mộ bên Tàu đã bị phá hủy. Mộ chỉ là một cái hộp giấy trong đựng mấy quyển sách. Nhưng có mộ vẫn hơn không. Đối với những đứa bé, đây mới chính là mộ thực, đụng chạm được bằng tay và xây dựng bằng chất liệu rất dư thừa: tưởng tượng. Mộ này giá trị hơn những xương cốt mục rã, hơn những bia đá cẩm thạch, hơn những long mạch đế vương. Mộ này là óc, là tinh thần, là linh hồn còn sót lại và còn tươi sống. Chúng tôi xây mộ với hy vọng óc ấy không bị hủy hoại, óc ấy sẽ được cấy lên trong những óc khác, những óc chưa suy tàn, óc của chúng tôi, chẳng hạn.

Bia mộ viết bằng chữ gì, một đứa hỏi. Chữ Tàu nhé, như mộ ông Nhất Linh ở Hội An, như những mộ theo truyền thống Nguyễn Tường ở Cẩm Giàng, cho đồng bộ và tiện việc. Nhưng chúng tôi không biết viết chữ Nho. Vì ông đã chủ trương theo mới, nên mộ của ông cũng nên hoàn toàn theo mới. Không chút do dự[16], chúng tôi viết nguệch ngoạc những dòng quốc ngữ như sau:

mộ của ông
nhà báo – nhà văn
sinh năm 19XX – chết năm 19YY

Một nấm mồ sơ sài, nhưng bao la, không giới hạn thời gian. Những đứa bé không nhớ năm chết và năm sinh của người trong mộ. Chẳng để làm gì. Đằng nào người ấy cũng chết rồi, và sẽ còn chết mãi, vào ngày giỗ.

đặng thơ thơ

---

[16] Trong Mười Điều Tâm Niệm của Hoàng Đạo, điều tâm niệm thứ nhất là: "Theo mới, hoàn toàn theo mới, không chút do dự."

MỘT GIA ĐÌNH

TRUYỆN NGẮN của HOÀNG-ĐẠO

LTS: Chúng ta nhìn thấy Hoàng Đạo trên bề nổi qua những bài chính luận, thời sự và phóng sự. Nhưng còn một Hoàng Đạo, với mặt chìm khuất của những sáng tác chưa được khám phá và đánh giá đúng mức. Với Một Gia Đình, chúng ta sẽ thấy một Hoàng Đạo khác. Truyện ngắn như một cánh cửa mở vào thế giới nội tâm đầy kinh ngạc của người nghệ sĩ, nhà văn, kẻ đam mê nghệ thuật không cùng. Hơi văn đầy nhạc tính. Sự kết hợp các hình ảnh - ý tưởng – cảm xúc hết sức mới mẻ, độc đáo và tinh tế. Không khí truyện thấm thía và buốt giá, đau như một vết cắt trên một linh hồn đầy trắc ẩn.

Độ ấy, tôi hay đi chơi tối. Sau bữa cơm chiều, tôi đứng hóng mát ngoài hiên một lát, rồi đi bách bộ về phía chợ Hôm. Nhà tôi ở một ngõ hẻo lánh gần bờ sông, phải đi qua những phố rộng, lặng lẽ và tối tăm dưới những vòm lá cây đen sẫm. Từng quãng, một ngọn đèn điện nhỏ, lắc lư như người say rượu, lay động một vùng sáng lờ mờ vàng. Tôi lặng yên bước, nghe tiếng gót giày vang lên trong đêm vắng. Thỉnh thoảng ngước mắt lên nhìn qua kẽ lá, một miếng trời xám hay vài ngôi sao ánh sáng trong và mát. Thong thả, tôi đi vào bóng tối, trong lòng bình tĩnh như vào nhà một người bạn. Đêm ở Hà thành dịu dàng, thân mật khác hẳn với những đêm âm thầm, mênh mang đầy sự kinh hoảng của thôn quê.

Ra đến phố Huế, tôi có cái cảm tưởng vào một thế giới khác, rộn rịp, đầy ánh sáng. Tiếng người ồn ào, lẫn với tiếng xe cộ, tiếng rao hàng. Bóng người đi lại. Trước gian hàng sáng trưng, một đám người ngồi nói chuyện hay một bọn trẻ con nô giỡn. Những cảnh tượng ấy tôi đã quen lắm, nhưng mỗi lần tôi lại thấy trong lòng đầm ấm hơn lên. Sự cô tịch, dầu êm ái bao nhiêu, cũng vẫn giấu chút hương buồn. Và bỗng dời sự quạnh quẽ đến một nơi đông đảo, sáng sủa, lòng người tự nhiên vui vẻ lên, sung sướng hơn, như sống lại cái cảm giác xa xôi của ông cha đời thái cổ trước ánh lửa trại.

Những lúc ấy, sự vui vẻ ngọt ngào hơn, nếu ta được nghe những giọng điệu du dương của cung đàn tiếng hát. Có lẽ vì thế mà không bao giờ tôi quên được vợ chồng nhà chị Tạc. Tôi không biết chị ở đâu, nhưng cứ vài ba hôm, vợ chồng chị lại đến ngồi ở góc đường hát xẩm. Chồng kéo nhị hay gảy đàn bầu, vợ hát. Thằng cu con, độ sáu bảy tuổi, nhem nhuốc, cái áo cánh nâu rách ngắn, để hở rốn, ngồi nghịch cái chậu thau đã han rỉ, dùng để đựng tiền.

Lần đầu tôi gặp cái gia đình nhỏ ấy là một buổi tối oi bức. Không một ngọn gió. Hơi nóng hấp ở đất xông lên, nồng nực, đầy cát bụi. Tôi sắp sửa gọi xe để đi tìm ít gió mát ở nơi khác, bỗng ngay đầu phố cất lên tiếng hát của chị Tạc, trong vắt như nước suối, ngân nga, gợi lên một cảm giác mát và nhẹ nhàng. Tiếng đàn bầu họa theo, vang lên những tiếng khóc trong. Lũ trẻ con đương chơi bóng trên hè dừng lại. Một đứa kêu lên:

- A! Xẩm. Lại nghe đi.

Chúng chạy xô ra đầu phố, rồi đứa đứng đứa ngồi, ngây ra nhìn và nghe. Mấy người hóng mát

ở gần đấy, dừng câu chuyện ngồi lặng yên lắng tai. Mọi người đều quên cả nóng bức. Tiếng hát mỗi lúc một cao, người đến xem mỗi lúc một đông.

Chị Tạc giở đủ giọng, chị đi từ giọng Bắc, nhanh nhẹn, lưu loát, sang giọng Nam, chứa đầy nỗi buồn mênh mang. Toàn những âm điệu hồn nhiên, rung động lòng người, đưa tâm hồn đến những thế giới hồn nhiên xa xăm, đầy thơ, đầy mộng, đầy hương thơm. Chốc chốc chị ngừng hát, nhưng trong yên lặng, dư âm của lời ca vẫn còn xao xuyến trên dây đàn của linh hồn. Giọng trong trẻo của chị Tạc bắt theo điệu đàn trong khiến tôi mê mẩn tâm linh như hòa hợp với những thời kỳ vãng mung lung. Tôi sống lại cả một thời thơ ấu, đương ẩn náu trong nơi vô giác của tâm tình: tôi say sưa hưởng hết cả hương vị của những tiền kiếp nào, xa xôi, mịt mù, và trùm qua ký ức ấy, một tình cảm nhớ thương không bờ bến.

Từ hôm ấy, không mấy ngày tôi không đến nghe vợ chồng chị Tạc. Thằng cu con đã quen mặt, thấy tôi là nó cười, bỏ chiếc chậu thau chạy lại. Có khi tôi đưa nó một xu, một trinh nhưng thường thường tôi mua cho nó một chiếc kẹo. Nó thích lắm, giựt lấy rồi vội vàng chạy về chỗ, cắn, nhai cả cái giấy bọc. Vợ chồng chị Tạc biết tính tôi, thi nhau khoe tài, chồng nắn nót từng tiếng đàn, vợ cất giọng thật trong theo những điệu tôi chưa từng nghe. Những điệu ấy, chị Tạc hình như quen lắm. Tôi thấy, lúc chị dễ dàng hát thay đổi những bài chị đã thuộc, mặt chị khác hẳn đi. Mắt chị ngày thường lờ đờ, bỗng sáng hẳn lên, khuôn mặt trái xoan răn reo quá sớm như trẻ lại. Tôi sực nhớ đến câu bình phẩm mà tôi đã được nghe một buổi chiều nào:

- Nhà chị xẩm này hình như ngày xưa đi hát chèo thì phải!

Có lẽ chỉ là một câu đoán phỏng của một người nghe thấy chị Tạc hay ca giọng chèo, nhưng tôi không thể đừng nghĩ ngợi bâng khuâng. Lắm khi, ngồi nghe chị, tâm trí tôi vẩn vơ trôi theo dòng tưởng tượng. Chị Tạc là một đào có tiếng của một gánh hát chèo nhí nhảnh, nũng nịu, một nụ cười tinh ranh luôn luôn nở trên môi thắm. Chị theo gánh hát đi hết nơi này đến nơi khác, qua những cánh đồng lúa non, gió thổi tạt xuống như tấm thảm nhung lay động, qua những ngọn đồi tím, trơ trụi mấy cây thông giơ thân hình khắc khổ, men những vùng cát trắng, những ruộng muối đỏ, mơ màng nhìn những cánh buồm nâu cắt hình lên mặt biển màu ngọc bích. Chị đi, vui vẻ, không lo, không nghĩ, như một con vật non, sống cái đời phiêu bạt, chìm đắm trong tiếng hát, cung đàn. Đêm đêm chị lại thay hình trở nên cô công chúa nõn nà dưới dải mũ rung rinh ánh sáng, hay cô thôn nữ thơ ngây, áo nâu non, thắt lưng cá vàng, ngồi bán nước dưới gốc đa. Con mắt sắc của chị đã say đắm bao nhiêu trai làng khăn lượt, áo thâm, giọng hát trong của chị đã đem lại cho bao nhiêu người vất vả một chút quên, quên những nỗi cực khổ hằng ngày để đắm đuối trong âm thanh.

Thế rồi, một ngày xuân ấm, lộc cây đầy nhựa, chị gặp người yêu.

Tôi nhìn anh Tạc, gầy ốm trong mảnh áo rách, nước da đen xám vì dãi dầu. Thủa ấy, có lẽ anh là một trang niên thiếu phong nhã, yêu âm nhạc, cảm thanh sắc, bỏ nhà cửa theo gánh hát của cô đào xinh xắn đã cướp đoạt lòng anh. Hai người đã sống trong ái tình; những đêm thanh vắng, chị đã biết bao lần cất tiếng ca nỗi lòng u ẩn để riêng anh rạo rực nghe; những buổi chiều vàng rực, linh hồn của hai trẻ đã từng hòa hợp với lá, với cỏ xanh non hơn với ánh nắng sắp tàn.

Ánh chiều qua, ánh chiều lại qua. Chuỗi ngày ái ân bao giờ cũng ngắn ngủi. Thời khắc trôi, và trôi theo tuổi trẻ, tình yêu và hy vọng. Gánh hát tan. Anh chị đưa nhau về ẩn một nơi thôn quê trầm tịch, nhưng người ta không thể chỉ sống bằng ái tình và nước lã. Hai người đã cố tìm việc làm, đã dày dạn nắng mưa, đã biết đời cực nhọc.

Cũng như những con ve không biết phòng xa, anh chị đã phải sống trong sự khốn cùng. Bây giờ đây, sống tạm bợ cho qua ngày, hai người có lẽ không còn nhớ những tình cảm ngây ngất, những giây phút mãnh liệt thủa trước nữa. Sự nghèo khổ đã in vết nhăn trên trán. Người lam lũ chóng khô héo. Tôi ngồi nhìn vợ chồng chị Tạc, bây giờ không còn tìm thấy dấu vết cuộc đời xưa. Trên nét mặt hai vợ chồng, tôi chỉ còn thấy vẻ nhẫn nhục của những người nghèo khó. Không lúc nào hai vợ chồng còn nở được một nụ cười vui vẻ: họa hoằn một đôi khi nghe tiếng trinh, tiếng xu ném vào chậu thau liên tiếp, vẻ mặt hai người mới sáng lên một chút. Lúc đó, chồng nắn cung đàn, vợ cao giọng hơn lên, nhưng chỉ còn là mong được người ta thưởng nhiều hơn. Không bao giờ chị còn hát cho chị nghe, cho chồng chị nghe nữa, mà chồng chị cũng không còn rạo rực như xưa: Chị, ngày nay, chỉ còn hát để mà nuôi thân.

Những này hè oi nồng đã hết, và cũng đã hết những ngày trong sáng của mùa thu ngắn ngủi. Gió bấc đã bắt đầu đuổi lá bàng trên những con đường vắng, và tiếng sếu kêu lạnh đã vang động

trong đêm khuya. Con gái nhà giàu mặc thử những bộ áo nhung ấm, con nhà nghèo rét run trong mảnh áo rách.

Đêm đến, đường sá vắng tanh, không có vẻ đông đúc rộn rịp nữa. Cuộc sinh nhai ngoài phố càng thêm khó khăn; càng ngày càng thấy vắng người dừng chân lại nghe vợ chồng chị Tạc. Họ vội vàng đi về những căn nhà ấm cúng, hưởng sự êm đềm của gia đình, không ai nghĩ đến những cảnh đời thiếu thốn chung quanh. Tiếng xu rơi vào chậu thau mỗi đêm một hiếm, và tiếng hát của chị Tạc không thấy cao lên nữa.

Thỉnh thoảng, tôi vẫn gặp hai vợ chồng chị nhưng gió mỗi lúc một rét, tiếng đàn tiếng hát mỗi lúc một nhanh, và những buổi mưa phùn lạnh lẽo thì điệu Nam ai gần hóa ra điệu Bình bán. Thằng cu con, trời rét mà vẫn mặc có cái áo cánh rách; mẹ nó chỉ bó thêm vào mình nó một manh chiếu con để che gió. Tuy vậy, tôi vẫn thấy nó run cầm cập và bỏ cả chậu thau, nép mình vào người mẹ cho ấm. Chị Tạc vừa ôm con lên lòng vừa hát; chị cũng thấy lạnh, môi chị đã thâm lại, chốc chốc chị dừng lại, ho khan lên một tiếng ngắn. Một vài phút sau, không có ai, vợ chồng cuốn chiếu dắt nhau, không biết đi về đâu. Nửa tháng sau đến chỗ cũ, tôi không thấy vợ chồng chị Tạc như mọi lần. Thu hình trong áo, tôi nghĩ rằng rét mướt đã đuổi anh chị đi phương khác kiếm ăn và cũng không để ý đến nữa.

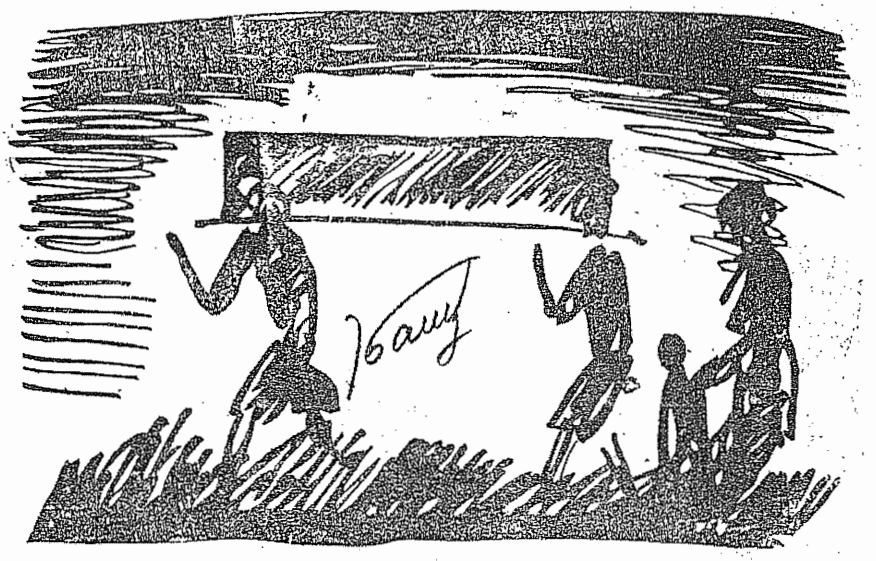

Một hôm, có việc về chơi người anh em ở Bạch Mai, tôi rẽ qua xem nghĩa trang Hợp Thiện. Trời đã xế chiều, ánh nắng còn thếp vàng những ngọn cây cao. Cỏ tươi thắm. Hoa vạn thọ vàng thẫm. Bỗng tôi rùng rợn thấy lạnh lẽo cả tâm hồn, nhưng không dám phân tách rõ cái cảm giác lạnh lẽo ấy.

Trời tối dần. Về phía mộ làm phúc, tôi chợt thấy một đám ma người nghèo. Ba, bốn người phu đương khiêng một cái quan tài mộc, theo sau một người lớn và một đứa trẻ. Một nỗi buồn thấm thía đến cắn lấy lòng tôi khi tôi nhận ra cha con anh Tạc. Tôi sực nhớ đến tiếng ho khan của chị những đêm đông giá lạnh, và tôi chợt hiểu vì lẽ gì ít lâu nay tôi không gặp vợ chồng chị. Trong lúc ấy, áo quan từ từ đặt xuống hố, tôi nghe tiếng rút dây rõ ràng trong sự yên lặng của buổi chiều. Rồi có tiếng khóc rên rỉ, đem lại một nỗi buồn mênh mông.

Mộ đã đắp xong. Đột nhiên tôi thấy những nét trắng của mấy bông huệ rung trong bóng tối, như sự xao động cuối cùng của một linh hồn sắp bị tiêu diệt. Người tôi lúc đó dễ xúc cảm như một cốc pha-lê mong manh, sẽ động vào là có tiếng vang. In sâu vào trí nhớ những chấm đỏ thẫm của hương, mùi thơm mát trong gió. Anh Tạc, thằng cu con, mấy người phu trở nên những vết lờ mờ không rõ, nhòa trên nền cỏ quen. Không một tiếng động. Im lìm, trong một giây, tôi có cái cảm giác người và vật sắp sửa tan vào bóng tối.

Có tiếng nói, như một sự quái lạ:

- Cho chúng tôi tiền để chúng tôi về. Tối rồi.

Câu nói thản nhiên của bọn phu trong không khí âm thầm, tôi nghe như một sự xúc phạm. Lặng lẽ, tôi bước lại, cho chúng một hào, và còn bao nhiêu tiền trong túi tôi dốc cả vào tay thằng cu con.

Từ hôm ấy, tôi không gặp cha con anh Tạc lần nào nữa. Có lẽ anh lang thang với chiếc đàn lẻ loi, với những nỗi đau khổ ngầm ngầm, cha con không chết đói là anh không còn mong mỏi gì nữa.

Và từ đấy, tôi cũng bỏ mất cái thú đi hóng mát buổi chiều./.

VẤN ĐỀ THUỘC ĐỊA

Lấy Thuộc Địa Có Chính Đáng Không?

HOÀNG ĐẠO

Những dân tộc có thuộc địa thường tự đặt vào địa vị ân-nhân của những nước quá yếu đã được họ chiếm lấy đất để khai thác, luôn luôn khoe khoang thán thưởng những công cuộc của mình ở thuộc địa, và rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy dân thuộc địa có kẻ không lấy làm ân, lại còn oán thán nữa. Ít người, thật ít người biết vắt tay lên trán nghĩ đến nguyên nhân của sự "làm ân nên oán" ấy, và dám tự hỏi một cách thiết tha rằng công cuộc khai thác thuộc địa của mình đây có phải là một công cuộc nên làm, vì chính đáng hay không?

Mấy thế kỷ về trước không có ai bàn luận đến vấn đề ấy cả. Hồi đó, chỉ có võ lực là hơn; không cần nghĩ xem có chính đáng hay không chính đáng, các cường quốc châu Âu cứ tự nhiên đem binh đi đánh các nước yếu hơn để lấy làm thuộc địa. Mãi đến thế kỷ vừa qua, nhiều nhà tư tưởng mới đứng lên tố cáo một cách quyết liệt nguyên tắc của sự khai thác thuộc địa, và phái ưa thuộc địa mới cần phải tìm lẽ, tìm thuyết để bênh vực cho công cuộc của mình.

Họ không có thể che đậy được cái nhược điểm quan trọng nhất của họ, là buổi ban đầu, việc lấy thuộc địa chỉ là một việc ức hiếp của sức mạnh, một công cuộc ích kỷ, làm lợi riêng cho một bên, bên có cường quyền. Nhưng họ bảo rằng có thế chăng nữa, cũng là theo luật tự nhiên của trời đất. Cái công lệ đào thải, là khỏe thì sống, mà yếu thì chết. Côn trùng, cầm thú đều chịu theo cái công lệ ấy, người ta cũng vậy.

Song cái lý thuyết ấy không đứng vững được. Vì nó làm cho người ta chỉ phục có một điều: võ lực. Vì nó hạ người ta xuống cái địa vị thấp hèn của loài vật vô tri.

Người ta có hơn cầm thú không phải là vì khỏe mạnh hơn, biết tìm cách giết loài khác một cách nhanh chóng hơn, mà chỉ vì có lương tâm, biết trọng công lý. Sự cường quyền dẫu thắng, nhưng không bao giờ khuất phục được ai.

Phái ưa thuộc địa cũng hiểu vậy. Họ cũng nhận ra rằng vin vào luật đào thải tự nhiên không khác gì người sắp chết đuối với được đám bèo, ngọn cỏ không có gì là chắc chắn cả. Họ vội đi tìm lẽ khác để làm nền tảng cho công cuộc khai thác của họ.

Họ bèn chia loài người ra từng hạng, tùy theo màu da hay tùy theo sức mạnh. Những dân tộc thuộc địa, theo họ, đối với dân tộc khác, là những dân tộc bán khai, kém hèn, dẫu có được hưởng giáo dục học vấn đến mực nào chăng nữa, cũng vẫn kém hèn, bán khai mà thôi. Đối với những dân tộc ấy, sự tự do độc lập là một sự đáng sợ, dùng tới cũng như trẻ con chơi dao, thế nào cũng đến đứt tay chảy máu. Đối với những dân tộc ấy, cần phải có một dân tộc khác có trí thức hơn chỉ dẫn, bắt ne bắt nét, thì may họ còn sung sướng được. Những dân mọi ở Phi Châu chẳng hạn, trước khi được các nước Âu châu chia tay cai trị, vẫn là có độc lập đấy, nhưng họ sống một cách khổ sở, ức bách dưới quyền thế ghê gớm của các tù trưởng, của các vua chúa nhỏ. Bây giờ, được làm thuộc địa cho các nước văn minh, họ được yên ổn làm ăn, sung sướng hơn thời buổi trước nhiều.

Nhưng đó là phái ưa thuộc địa nghĩ ngợi bàn tán như vậy thôi, chứ thực ra, hạnh phúc của con người ta có phải đủ ăn là được rồi đâu? Con chim hoàng-oanh, bị nhốt trong lồng, dẫu no nê suốt buổi đấy, vẫn thèm thuồng quãng không, và vạn nhất được thả ra, nó bay vút lên cao, ca một bài trong trẻo và vui mừng biết bao nhiêu. Hạnh phúc của con người ta, lấy cớ gì mà bảo rằng là sống một đời vội vã, hấp tấp như cái máy của người châu Âu, chứ không phải là sống một đời êm tĩnh, dản dị của dân bán khai? Vả lại, cứ sự thực mà xét, thì dân thuộc địa đã được những hạnh phúc gì đâu? Một phần bị lưỡi gươm, hòn đạn mà chết, một phần bị đàn áp, xô đuổi về miền rừng xanh núi đỏ, dân tộc da đỏ ở châu Mỹ hay dân tộc da đen ở châu Úc đến nay hầu như không còn nữa.

Họ lại còn bảo: Ừ thì hạnh phúc là một sự khó phân biệt, tùy theo từng người mà thay đổi, nhưng còn việc hiển nhiên trước mắt: dân tộc Âu-Mỹ đã đem đến cho dân thuộc địa nào trật tự, hòa bình, nào học thức, nào sức khỏe... bao nhiêu điều cần cho cuộc sinh hoạt của người đời. Viết đến đây, tôi sực nhớ đến một câu trả lời của một ông

thượng nước Ai cập, thuộc địa Anh vừa mới được tự trị: "Nhưng nếu chúng tôi ưa sự hỗn độn riêng của chúng tôi hơn là sự trật tự của nước ngoài đem tới, thì các ông còn nói gì nữa?" Sức khỏe, học thức của dân tộc khai thác đem đến cho thuộc địa cũng vậy, là do sự bắt ép mà thôi, mà đã có điều ép uổng, thì không có hiệu quả gì đáng kể được.

Còn như bảo rằng chủng tộc có nhiều đẳng hạng hơn kém nhau, thì việc đó nên để dành riêng cho đồ đệ Hitler. Không có cớ gì chính đáng khiến cho ta phải khâm phục riêng một chủng tộc, như dân tộc Đức chẳng hạn, và coi rẻ những dân tộc khác. Chủng tộc nào cũng có thể tự xưng là đệ nhất chủng tộc trên hoàn cầu và có thể lấy cường quyền mà bắt chủng tộc khác công nhận như vậy. Nhưng, tôi xin nhắc lại lần nữa, cường quyền không bao giờ bắt được lòng người khâm phục.

Gần đây, phái ưa thuộc địa tìm ra một ý tưởng khác để thuyết minh cho công cuộc khai thác. Một dân tộc không có thể sống riêng một mình được; đất của một nước không xuất sản cho đủ mọi vật liệu cần dùng cho thảy các dân tộc, hết thảy các nước trong thế giới giúp đỡ lẫn nhau, trao đổi lẫn nhau những vật liệu riêng của mỗi nước, mỗi dân tộc. Mặt trời ở Ấn độ không phải riêng soi cho người Ấn; than đá của nước Anh không phải của riêng của người Anh, mà là của chung cả nhân loại. Nhân loại một ngày một đông, cần phải nỗ lực khai thác hết nguyên liệu trong hoàn cầu để dùng vào sự nhu cầu của mọi người. Như vậy, một dân tộc không có thể coi đất nước mình như của riêng, có thể để vậy không khai khẩn được. Nếu không khai khẩn, tức là đắc tội với nhân loại, dân tộc khác tài giỏi hơn có quyền đến mà khai khẩn.

Song, đem ngay lý thuyết ấy mà luận cho đến cùng, ta cũng đã nhận rõ ra rằng dân tộc khác có đến khai khẩn những vật liệu bỏ liều, cũng chỉ có quyền khai khẩn cho tất cả nhân loại, nghĩa là cho cả thổ-dân, cho thổ dân trước nhất nữa. Mà khai khẩn nguyên liệu ấy, cần gì phải dùng đến võ lực, đến sự lấy đất của người; những dân tộc có cái ý tốt ấy chỉ cần giúp đỡ thổ dân trở nên một nước đủ tài sức như họ mà thôi.

Xem như vậy, thì không có lẽ gì chính đáng có thể khiến một nước, như nước Ý hay nước Nhật, đem quân đội sang tàn phá một nước khác, như nước Á hay nước Tàu, để lấy đất nước của họ làm thuộc địa.

Có một điều rằng thuộc địa đã có rồi, thì cần phải thực lòng làm lợi cho thổ dân, có khi phải chịu thiệt thòi riêng nữa. Có như vậy, mới xóa bỏ được cái vết võ lực buổi trước và mới có đủ lẽ để lưu lại ở đất nước người được.

Hoàng-Đạo

(Báo Ngày Nay số 77, 19-9-1937)

Vấn Đề Thuộc Địa

"Hai trăm họ" ở thuộc địa

Một khẩu hiệu mới, rất mạnh, hiện ra giữa cuộc tranh đấu của Mặt trận bình dân Pháp, và đã giúp cho sự chiến thắng của Mặt trận ấy trong cuộc tổng tuyển cử năm ngoái ở bên Pháp, là khẩu hiệu: "chống với hai trăm họ."

Hai trăm họ, tức là trong ngoài hai trăm nhà đại phú hào đại biểu cho nền tư bản, lúc nào cũng ra công vơ vét những lợi tức của hết thảy nhân dân Pháp vào trong túi không đáy của họ, lúc nào cũng nỗ lực lợi dụng những giai cấp bình dân, nhất là giai cấp lao động.

Hiện giờ, thế lực của hai trăm nhà phú hào ấy vẫn rất mạnh. Chính họ đã trăm phương ngàn kế mưu đánh đổ chính phủ bình dân, một chính phủ chỉ nghĩ đến việc bênh vực quyền lợi của kẻ yếu. Cuộc phá hoại của họ tuy không thành, nhưng họ cũng đã có lần gieo sự sợ hãi vào lòng người. Chính họ đã đang tâm coi nước là khinh, cố ý đem tiền tài ra ngoại quốc thật nhiều để làm sụt giá đồng "franc" và để làm mất lòng tín nhiệm của nhân dân đối với chính phủ.

Họ tuy không phải là số đông, tuy chỉ có dúm người, nhưng họ mạnh... vì họ có tiền, rất nhiều tiền. Tiền ấy kinh doanh hộ họ, làm lợi cho họ, họ chỉ có việc ngồi uống sâm banh, ngậm sì gà, khoan khoái trong đệm êm ấm, trong lúc người khác, hàng triệu người khác làm lụng nặng nhọc khổ sở.

Bọn đại tư bản ấy, thế lực theo lẽ tự nhiên tràn ngập cả thuộc địa. Họ ngồi trong ban trị sự các nhà ngân hàng phát tiền cho các nhà kỹ nghệ cùng các nhà buôn, nắm những cổ phần to trong những công ty lớn, công ty mỏ, công ty địa ốc, công ty hỏa xa, công ty rượu, công ty điện, công ty nước... đương khai thác một cách sốt sắng thổ sản và túi tiền của dân thuộc địa.

Nhưng họ ở tận Pháp sai khiến những công ty ấy làm việc khai thác các thuộc địa không phải là họ vì lòng nhân loại, vì tự nhận lấy cái bổn

phận lớn lao là dìu dắt thuộc địa đến một cõi đời sáng sủa. Lòng nhân đạo ấy, bổn phận lớn lao ấy, chỉ là những công trình sáng tạo của óc thi sĩ một nhà ngoại giao khôn khéo. "Hai trăm họ" lúc nào cũng nghĩ đến sự làm tiền, còn thì giờ đâu mà đeo đuổi những chuyện mơ mộng như vậy được. Họ hãy nghĩ đến nguồn lợi của họ trước hết đã. Đó là thường tình con người ta. Những người sống xa họ hàng ngàn vạn dặm thì số phận có chán nản buồn thảm đến thế nào nữa cũng khó lòng mà khiến họ ăn bớt ngon, ngủ bớt yên được.

Vì vậy, họ thẳng tay khai thác. Buổi đầu, họ nghĩ một cách chí lý rằng thuộc địa chỉ là một nơi để tiêu thụ hóa vật của mẫu quốc, nghĩa là của họ. Vậy một mặt họ yêu cầu bỏ thuế thương chính riêng cho những hóa vật của họ đem sang bán cho dân thuộc địa dùng, một mặt họ tìm phương pháp để ngăn sự tranh dành của kỹ nghệ thuộc địa trên thương trường: đánh thuế những sản vật của thuộc địa nhập cảng vào Pháp, định số mua sản vật ấy... Rồi dần dần, khi họ hiểu rằng sang thuộc địa dùng những nhân công rẻ để mưu lợi là một điều hay cho túi họ, họ bèn gây nên những công ty để trồng trọt, khai thác, và thường thường họ tìm cách làm cho những công ty ấy có độc quyền. Vì họ nhận thấy rõ độc quyền lợi cho họ đến cực điểm. Nhân đó, ở thuộc địa, mới sinh ra một hạng lao động sống trong sự khổ cực, khổ cực gấp trăm, ngàn lần thợ thuyền bên Pháp, trong khi những nhà đại tư bản, chủ nhân hạng dân cực nhọc ấy, thu tiền lợi mỗi năm không biết bao nhiêu mà kể.

Sự lợi dụng quá tay, nếu cứ lưu liên mãi, rất có hại cho tương lai thuộc địa, và là một điều trái ngược hẳn với công lý. Mồ hôi, nước mắt của dân thợ hay dân cầy không thể mãi mãi sinh ra tiền bạc để riêng cho "hai trăm họ". Ngoài đám dân lao nông, những hạng bình dân khác, hạng tiểu kỹ nghệ, tiểu thương mại, sinh mệnh đều ở trong tay bọn phú hào kia cả, vì trên thương trường, họ đã bị và sẽ bị bọn ấy đè bẹp, không còn thở được nữa. Một chế độ nuông những sự bất công như thế không thể đứng vững mãi được.

Chợt Mặt trận bình dân thắng. Những sự cải cách về xã hội lần đầu thấy xuất hiện ở thuộc địa. Chính phủ lần đầu cúi xuống hạng dân lam lũ, cực nhọc, để bênh vực họ, khiến cho sự lợi dụng của phái đại tư bản bớt vẻ quá quắt. Đạo luật lao động tháng chạp năm 1936 tuyên hành ở Đông-dương chẳng hạn là một chứng cớ của sự bênh vực ấy.

Nhưng, đường đi còn dài, nếu chính phủ bình dân muốn sự công lý về phương diện xã hội có mặt ở thuộc địa. Là vì, trái lại với mẫu quốc, những hạng bình dân ở thuộc địa không có đoàn thể để bênh vực lấy quyền lợi của mình. Mà họ không có đoàn thể, là vì họ không được một chút tự do gì của nền dân chủ. Một bên là một hạng người có đủ cả tiền tài, thế lực, đoàn thể, một bên là một số đông, rất đông, nghèo đói, không thế lực, không đoàn thể; như vậy lẽ tự nhiên là số đông ấy sẽ bị hạng người kia lợi dụng, chỉ trừ khi nào hạng người ấy có lòng vị tha... Nhưng đợi lòng vị tha nẩy nở ra trong tâm hồn hạng người ấy thì chẳng khác gì đợi mặt trăng rơi xuống chậu nước.

Hoàng-Đạo

(Báo Ngày Nay số 84, 7-11-1937)

HUY CẬN

GIẤC NGỦ CHIỀU

Tặng Hoàng Đạo

Thức dậy, nắng vàng ngang mái nhạt,
Buồn giao theo bóng lá đong đưa.
Bên thềm. - Ai nắn lòng tôi rộng,
Cho trải mênh mông buồn xế trưa.

Than ôi, trời đẹp nhưng trời buồn,
Như cảnh tươi màu rạp cải lương;
Tôi đội tang đen cùng mũ trắng,
Ra đi không hẹn ở trên đường.

Rưng rưng hoa phượng màu thương nhớ;
Son đậm bên thành mệt sắc xưa!
Cánh rực đòi cơn rơi lối đỏ,
Bên chân ghi đọng dấu bao giờ.

Không khí vờn xoay, mộng rã tan;
Tưởng như tim đã cũ muôn vàn.
- Thâu qua cái ngáp dài vô hạn,
Hình ảnh lung linh vũ trụ tàn.

HOÀNG ĐẠO

QUA CÁC MỤC THƯỜNG LỆ TRÊN BÁO "NGÀY NAY"

Lời Tòa soạn Thế Kỷ 21: *Mời bạn đọc theo dõi các đoạn trích dưới đây do Hoàng Đạo viết trên các mục Người và Việc, Ngày Nay Trào Phúng và Từng Tuần Lễ Một của báo Ngày Nay trong những năm cuối của thập niên 1930. Đó là những bài viết ngắn, gọn và súc tích, hầu hết chỉ trích nhà cầm quyền thực dân và phong kiến của thời bấy giờ qua từng sự việc cụ thể của thời sự. Với ngòi bút linh động, dí dỏm, với con mắt quan sát tình hình thông minh và sát sao, và nhất là với lòng quả cảm, nhà báo Hoàng Đạo đã là một chiến sĩ đấu tranh cho quyền sống của dân Việt Nam giữa thời Pháp thuộc. Những bài báo như thế này, cùng với những bài đã được in trong các cuốn sách Trước Vành Móng Ngựa và Bùn Lầy Nước Đọng chỉ rõ chỗ đứng của ông trong cuộc tranh đấu: ông đứng giữa, đứng với quần chúng đông đảo đang bị khổ sở áp bức chứ không phải từ một tầng lớp trên "nhìn xuống" đám cùng khổ như nhận xét của những người chỉ nhìn ông qua một số nhân vật tiểu thuyết của Tự Lực Văn Đoàn. Và cái giá mà ông phải nhận lãnh từ cuộc tranh đấu ấy cũng rất rõ: các trận đòn thù vô cùng dã man mật thám Pháp đã dành riêng cho ông khi ông bị bắt và những năm tháng tù đày sau đó.*

NGƯỜI và VIỆC

THÔNG CÔNG !

Bộ Đường-Ngay đăng một bài cấm-đoán rất-ghê gớm. Xin trích ra-đây một vài đoạn :

« Mấy năm trước đây Thầy đã cấm xem hai tờ báo *Tiếng dân* và *Thanh Nghệ tĩnh* vì có lại chuyện linh-tinh kể xem.

« Nay Thầy lại cấm mua nhật và xem báo *Đông-dương hoạt động*, vì báo ấy cũng có sinh hại cho kẻ xem, dăng-nhiều bài mở đầu lối nhiều điều rất châu..... Ai chẳng vâng cứ, thì phải biết rằng: mình không đăng ấn mấy các phép trong dạo nữa.

« Sau nữa báo *Đông-dương hoạt động* đăng cổ động lập Việt nam nhân-quyền đại hội. Thầy báo trước cho ai nấy giữ mình : trong các hội xấu đã bị tòa Thánh cấm và ra vạ rất nặng mà phạt những kẻ vào.

« Vì vậy Thầy cấm rất ngặt không ai được ban phép cho biên tên vào hội ấy bao giờ, nếu chẳng

bộ Mật là một người có thiên tài. Mussolini tuyên bố rằng chính những người ấy nhận là yêu miến hòa bình và mong mỏi hòa bình. Nghĩa là chỉ có thủ tướng bọ Mật là bạn thành thực của sự hòa bình thôi. Những người tả hào giảm tài binh, bàn nên lấy phương pháp hòa bình để kết những cuộc biểu bình giữa hai nước, dẫu là người phản hòa bình cả. Phải như nước Ý của tỉnh-tướng, đem quân sang Đông Phi diệt nước Á, đem quân sang Tây-ban-nha giúp tướng Franco, tăng binh bị mới thật là làm việc cho hòa bình.

Nghe bài diễn văn của ông bạn quý hóa kia, cô á hòa bình chắc phải ngửa mặt lên trời mà than rằng :

« Trời xanh thăm thẳm ! xin trời che chở cho tôi khỏi mắc vào tay bọn. Còn kẻ thù của tôi, trời để mặc tôi ».

Hoàng-Đạo

— Em có thấy con lợn nào chạy qua đây từ sáng đến giờ không ?
— Không, chỉ bầy giờ thấy ông thôi.

một đạo lệnh rất tàn kỳ đặc biệt : không những nhà buôn nào tăng giá bị phạt, mà người nào mua

cấp, thì có lẽ tòa án sẽ vắng tanh, còn người bị mất cắp thì sẽ giữ mình hơn trước ; việc trộm cắp

Về một phương diện khác, qua những bài này, chúng ta thấy báo chí thời Pháp thuộc ở giai đoạn này có tự do hơn là "báo chí" trong nước Việt Nam hiện nay. Thời ấy hầu hết báo chí là do tư nhân, thời nay một trăm phần trăm báo chí là của chính quyền. Thời ấy nhà báo Hoàng Đạo có thể có những nhận xét, phê phán từ vua Bảo Đại đến ông Toàn quyền người Pháp, có thể diễu cợt đám quan lại hay phẫn nộ với những chính sách bất công, thời nay báo của đảng thì dĩ nhiên "im re" về đám lãnh tụ với những hà lạm ghê gớm của họ cùng những sai lầm của chủ nghĩa cộng sản mà họ đang theo, mà rõ nhất là quan niệm độc đảng và chối bỏ nền dân chủ, trong đó quyền tự do báo chí là một bảo kê vững chắc. Thời ấy những gì người làm báo viết ra là xuất phát từ lương tâm và trí óc độc lập của người tranh đấu cho tự do, thời nay "nhà báo" cắm cúi viết theo chỉ thị của đảng cầm quyền. Thời ấy nhà cầm quyền không làm cái việc thỉnh thoảng tập họp nhà báo lại để dạy bảo phải làm thế này thế khác cho hợp với ý mình, ngày nay việc ra mệnh lệnh ấy, tức là sự kèm kẹp ấy, xảy ra thường xuyên.

Vì vậy việc bây giờ quay trở lại với nhà báo Hoàng Đạo của nửa đầu thế kỷ 20 hoàn toàn không có tính cách khảo cổ, mà là dựng lại một tấm gương, vẫn rất mới mẻ rất sống động, hữu ích cho người Việt Nam đầu thế kỷ 21 cùng soi chung.

*

Nghề đẹp nhất thế gian

Hôm thứ năm vừa rồi, ở trường Cao đẳng, người ta đã phát bằng cho bảy ông huyện mới trong sự

huy hoàng và tiếng kèn trống inh ỏi. Các ông huyện phớn phở trong bộ lễ phục tây, mà mai kia, các ông sẽ lấy mũ cánh chuồn, áo thụng xanh thay vào.

Ba bài đít cua đem lại cho các ông ta những lời khuyên, những ý tưởng đẹp đẽ về nghề làm quan, khiến cho các ông sung sướng, tưởng chừng như sắp được theo cái thiên chức sáng sủa để bắt đầu một công cuộc vĩ đại: đi làm quan.

Ông Thống sứ nói trước tiên. Cứ nghe ông, các viên tri huyện mới bắt đầu noi theo cái lý tưởng cao quí của một tâm hồn lớn lao: phụng sự tổ quốc. Ông Thống sứ lại khuyên các ông huyện nên giữ lấy đức tính của tuổi trẻ: lòng vị tha, đức liêm chính, trí công minh. Rồi ông trang nghiêm bảo các ông ấy nên cúi xuống đám dân nghèo đương trông mong ở các ông, xem họ sống, nghe họ than thở, để hiểu biết sự khổ cực của họ và cố hết sức tìm cách làm cho đỡ bớt đi, không phút nào nản. Làm cho các ông huyện thấy náo nức, phấn khởi trong lòng cái ý muốn tha thiết chia tiền lương cho dân nghèo đói trong hạt họ sẽ đến trọng nhậm.

Đoạn đến lượt ông Phạm Quỳnh lấy tư cách đàn anh trong nghề lên giảng cho nghe thế nào là một ông quan. Ông quan, theo ông, không phải chỉ là cái mũ cánh chuồn. Mà còn là một viên chức nhà nước có quyền hành, về mặt cai trị và chính trị, một thế lực về mặt xã hội và luân lý. Ấy là ông ta còn quên đấy: ông quan còn là một viên chức nhà đoan, một tay kỹ sư của sở lục lộ, một người làm việc đắc lực của sở kho bạc, của ty mật thám và nhiều sở khác nữa. Nói tóm lại, ông quan còn là một... ông quan nữa.

Sau cùng, ông Toàn quyền lên tiếng. Nghe ông, thì một ông quan cũng như một ông chủ tỉnh bên Pháp, là một người thay mặt cho chính phủ để giao thiệp với dân gian và để đạt lên chính phủ nguyện vọng của của dân, còn quan trường là một chế độ thích hợp với trình độ xã hội và chính trị trong xứ này. Nghề làm quan, theo ông, còn là một nghề đẹp đẽ nhất trong mọi nghề, vì là nghề dẫn đường chỉ lối cho người khác. Và cũng là nghề khó nhọc nhất, vì cần phải hy sinh nhiều nhất.

Nghe đến đây, tôi thấy ông Hoàng trọng Phu và mấy ông quan nữa nở một nụ cười khoái trá trong khi nhiều kẻ vô danh nở một nụ cười bí mật.

Thiếu một bài đít cua

Có người cho là ba bài đít cua nghe là đủ quá rồi.

Nhưng tôi cho vẫn còn thiếu: thiếu một bài của bọn dân đen. Có lẽ vì họ bẩn thỉu, rách rưới quá, cho họ đến sợ làm nhơ nhớp cả cái cảnh rực rỡ, đẹp đẽ và long trọng bày ra để mừng mấy ông huyện tân khoa.

Gần đây, về thăm quê, tôi thấy một người nông phu, áo đụp, khố rách, lẩm nhẩm một bài diễn văn. Hỏi ra, thì là để mừng các ông huyện mới, thì vội sao lục ra đây. Đít cua rằng:

Thưa các quan bé,

Các ông sắp sửa lên làm quan lớn, ra tay sinh phúc cho bọn dân đen chúng tôi. Các ông sẽ theo lời ông Phạm Quỳnh, tu lấy thân, tề lấy gia rồi trị lấy quốc, nhiên hậu bình cả thiên hạ nữa, không sợ gì họ Hít và họ Mút cả. Các ông sẽ cúi mình nâng chúng tôi ra khỏi sự đói rét, sự ức hiếp, dẫn đường chỉ lối cho chúng tôi đến một đời sống đầy đủ, tự do, trong bình đẳng và bác ái. Còn gì nữa?

Nhưng bọn đàn anh các ông trong đó có cả ông Phạm Quỳnh, đã dìu dắt chúng tôi lâu lắm rồi, khiến cho chúng tôi mơ màng không biết những vĩ nhân ấy đã đưa chúng tôi đến cái đời tươi sáng kia chưa hay là hiện chúng tôi đã được sống cái đời tươi sáng ấy mà không biết.

Ông Toàn quyền có bảo rằng nghề làm quan là một nghề rất đẹp. Chúng tôi cũng tin như vậy. Còn gì đẹp đẽ hơn là ở trong chiếc ô tô hòm lộng lẫy bước ra, vẻ mặt phì nộn dưới chiếc mũ cánh chuồn rung rinh, thân người súng sính trong bộ áo thụng xanh điểm chiếc thẻ ngà lóng lánh chữ đỏ, theo sau một cô vợ mơn mởn như hoa trong kiểu áo tân thời! Khen nghề làm quan đẹp thật chẳng khác gì khen phò mã tốt áo vậy.

Các ông sẽ được nếm cái thú phong lưu ấy... và nhiều thú khác nữa. Các ông sẽ biết thế nào là một ông quan lành nghề, biết làm quan, được ở những huyện tốt, được chóng thăng lên ông phủ, ông án, ông tuần, ông thượng, ông Thiếu ... Và các ông sẽ biết thế nào là làm ơn cho dân quèn chúng tôi, thế nào là thương bọn dân bẩn thỉu, xấu xa, rách rưới chúng tôi. Các ông sẽ còn phải vì chúng tôi mà hy sinh nhiều. Còn chúng tôi? Đối với cái thịnh tình của các ông, chúng tôi lấy gì đáp lại được? Dẫu bán nhà, bán cửa, dẫu phải cởi cả áo rách khố ôm để đền ơn lòng các ông, cũng vẫn chưa xứng đáng vậy.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 157, ngày/ 4/1939)

Đi Làm Xâu

Đi làm xâu, ai cũng biết là dấu vết đáng khinh của thời đại phong kiến. Ai cũng biết là một thể tài của chế độ nô lệ, một cái nhục của nhân loại.

Ấy thế mà nó còn sót lại ở đất Đông-Dương. Tôi không muốn nói đến những công việc nhỏ trong làng, tôi cũng không muốn nói đến những công việc khẩn cấp có ích chung như việc đắp đê lúc nước lớn, vì bắt dân đi làm xâu trong những trường hợp ấy còn có thể coi là hợp luật, nếu chưa hẳn đã là hợp công lý.

Nhưng tôi muốn nói đến những hành vi bất hợp pháp ở một vài tỉnh, không những ở Trung-kỳ, xứ sở của cánh chuồn, mà cả ở Bắc-kỳ nữa. Một vài ông huyện, ông phủ, ông chánh sở lục lộ hay bắt dân quê đi làm đường hay giồng cây không công. Tôi đã thấy có người đem cơm nhà đi giồng cây cho nhà nước. Tôi thấy họ hi sinh nhiều quá, họ không biết hoặc không biết dám bênh vực quyền lợi của họ.

Nhưng có phải thế mà nên bắt họ hi sinh một cách quá đáng không? Chúng tôi mong chánh phủ để ý đến những sự bất công, những sự ức hiếp như thế, cố ngăn ngừa đừng để cho xảy ra nữa, vì dân quê, bị uy hiếp, họ sợ mà làm nhưng trong lòng họ chứa chất những điều uất ức.

Chúng tôi mong có một tờ thông tư về sự cấm ngặt việc bắt đi làm xâu, trừ trong một vài trường hợp đặc biệt mà tờ thông tư sẽ nói rõ cho dân quê biết, có thế mới mong hết những sự lạm quyền.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 155, ngày 1/4/1939)

Lục Bộ Thêm Quyền

Các cụ thượng trong Huế đương ăn mừng.

Một đạo dụ của đức kim thượng ban hành ngày bảy tháng tư năm nay và đã được ông Toàn quyền duyệt y, đã định giới hạn quyền thế của các cụ và hình như đã nới rộng ra một ít.

Trong đạo chỉ dụ ấy, ta nhận thấy mấy điều chung cho cả lục bộ, đáng để ta chú ý, đáng để các cụ thượng vui mừng.

Điều thứ nhất, là cụ nào cụ nấy đều có quyền đem nghiên cứu hết thảy những vấn đề trong quyền hạn của mình, nhưng cần phải hợp tác với viên cố vấn người Pháp trong bộ.

Thật là một sự hợp tác mật thiết rất có lợi cho các cụ, và đúng nhịp với chính sách đề huề.

Điều thứ hai, là cụ nào cụ nấy đều có quyền ban những phẩm hàm văn, võ cho đến tòng ngũ phẩm, còn những phẩm hàm cao hơn, thì cũng có quyền, sau khi đã thỏa hiệp với viện Cơ mật và ông Khâm sứ đệ lên đức Kim thượng một bản tâu xin cho những người xứng đáng.

Lần này thì từ tòng ngũ phẩm trở xuống các cụ không cần phải hiệp tác với ai, cứ việc tự do phân phát.

Cứ xem đó thì đủ biết quyền hạn của các cụ thượng Annam đã nới rộng lắm rồi. Hẳn là báo Xứ sở Annam vui mừng cho hạnh phúc và tương lai của dân chúng đương khổ sở cặm cụi trong ruộng lầy.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 69, ngày 25/7/1937)

Ông Thần Tây

Trong Nam, mới có một tin lạ, nửa thuộc về lịch sử nửa thuộc về tôn giáo.

Làng Ninh-Thạnh tỉnh Tây Ninh mới có một ông thần mới có danh vọng lúc còn sinh thời: ông quan ba tàu bay Đỗ hữu Vị, chết trận hồi Âu chiến. Sắc rước về, hội mở linh đình, cờ ba sắc phấp phới lẫn cờ đuôi nheo, trông thật có vẻ đề huề. Có tàu bay về lượn, có ông Công sứ đứng đọc diễn thuyết tán tụng công đức của ông thần mới; lại có cuộc rước long trọng theo lối nửa tây nửa annam đi đầu tiên là cuộc rước sư tử, rồi đến xe hoa, sau rốt, ở trong đình, có cuộc lễ bái đặc Annam. Thế là ông Đỗ-hữu-Vị đã nghiễm nhiên trở nên một ông thần hoàng vâng lệnh Hoàng Đế và Ngọc Hoàng, phù hộ cho dân làng Ninh Thạnh làm ăn phát đạt, mùa màng lúc nào cũng khá.

Nhưng phiền một nỗi, ông Đỗ-hữu-Vị, lúc sinh thời, lại vào làng tây, nghĩa là ông đã hóa ra một ông tây. Như vậy, ông thần mới làng Ninh Thạnh hóa ra một ông thần tây.

Tuy nhiên cái đó cũng không hại gì, vì xưa kia, ta có nhiều ông thần tầu, thì ngày nay, ta cũng có ông thần tây được. Một sự đáng lo hơn, là ông Đỗ-hữu-Vị là người theo đạo gia-tô. Mà theo đạo ấy, thì ông ta, linh hồn ông ta có lẽ đã bay lên Thiên- đường, không có thể nào trở về dương thế làm thần hoàng phù hộ cho làng Ninh-Thạnh được, như vậy, dẫu Ngọc hoàng Thượng đế trời Nam có lấy chức thượng đẳng thần mà phong cho ông nữa, ông cũng không dám nhận và đến từ chức mất thôi. Lúc đó, chỉ thiệt cho dân làng Ninh Thạnh mất một ông thần thiêng. Mà cũng riêng sướng cho ông thần cũ, may ra được người ta rước về. Vì thế nào dân làng Ninh Thạnh chẳng có một ông thần rồi.

Ông đợi đến ngày ấy, thì ông thần cũ này đi

đâu? Ông ấy bị về hưu hay bị thải hồi? Còn ai thương xót đến thân phận ông thần thất nghiệp ấy không? Không có người nào nhắc nhở đến ông ấy nữa. Người ta đã quên ông, có lẽ vì ông là một ông thần hiền lành, chứ nếu ông là một ông thần ác, ra oai tác quái, thì người ta còn kiêng nể ông. Nếu ông biết nghĩ, thì chắc ông cũng ngậm ngùi đôi chút và thầm nhủ rằng lần sau quyết không làm thần nữa.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 69, ngày 25/7/1937)

Cũng Là Người Cả

Gần đây bên Pháp, ông nghị nhiều tuổi nhất trong Hạ nghị viện, trong một bài diễn văn, có hô to cho thiên hạ biết rằng:

"Mặc dầu khuôn mặt, vẻ người, màu da có khác nhau, chúng tôi tin tưởng rằng những người đã cùng một thứ đất sét nặn nên thì cũng có một linh hồn giống nhau."

Lời hô to ấy đã bay qua ngàn trùng, lọt vào tai các người da vàng, da đen, mũi tẹt, môi dầy, và những người ấy đều vui vẻ vỗ tay hoan nghênh những lời nói nhân đạo ấy.

Chỉ phiền một nỗi những người ấy có linh hồn giống với người mẫu quốc, nhưng quyền lợi thì lại không giống tí nào.

Thí dụ như ở Đông-dương. Bình đẳng với nhau ư? Thì 15 vạn người Annam chỉ bằng bốn ngàn người Pháp: Không tin cứ ra hội đồng thành phố hỏi cụ Malanh. Cũng được tự do như nhau ư? Một đằng thì được cái tự do của nền dân chủ, một đằng thì chỉ được tự do uống rượu và hút thuốc phiện.

Như vậy thì những linh hồn giống nhau kia, tùy theo lúc nhập vào màu da, vào khuôn mặt, vẻ người mà trở nên khác đi chăng? Ai chẳng mong đó chỉ là một câu khôi hài, và từ bên mẫu quốc bay qua thuộc địa một ngọn gió đượm hương thơm của công lý, bình đẳng và tự do...

Nhưng trong khi mong đợi cơn gió ấy, dân thuộc địa thấy màu da mình mà buồn cho cái linh hồn của mình vậy.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 148, ngày 4/2/1939)

Lại Hội Quốc Liên

Hội Vạn quốc đương ngủ yên. Nay bỗng choàng tỉnh giấc.

Một bức điện tín của Phần-lan, bị Nga uy hiếp, đến lay bà già ấy dậy.

Bà vội vàng trang điểm, lấy phấn ra đánh má cho khỏi răn reo, lấy sáp tô môi cho đỏ rồi nở nụ cười tình ra tiếp khách.

Nhưng bà đã già mất rồi. Đáng tiếc.

Đáng tiếc cái thời bà xuân xanh hơ hớ, chân còn rẻo, thịt còn chắc, răng chưa rụng.

Thời đó, người ta hy vọng vào bà nhiều. Nhưng người tình đầu tiên của bà, nước Hoa-Kỳ, đã bỏ ngay bà từ độ ấy. Bà không lấy thế làm buồn, vì bà còn trẻ, còn đẹp, chán vạn người bíu lấy áo bà. Các nước cầu cạnh được tiếp kiến bà như bươm bướm. Thời của ông Briand, của cuộc hòa giải các nước Nam Mỹ: bà còn đẹp lắm.

Nhưng số hồng nhan là thế, càng đẹp bao nhiêu lại càng chóng già bấy nhiêu. Người ta bắt đầu bỏ bà: nào Đức, nào Ý, nào Nhật... không kể nhiều nước không khỏe mạnh bằng. Chỉ trong vòng mười năm...

Đến nay, từ ngày họ Hít hiếp Áo, lấy Chếch, bà cảm thấy bà già, không còn đủ sức cung phụng ông chồng Hòa Bình nữa, đành ngủ cho qua thời giờ.

Bỗng nước Phần-Lan, bị Nga ức bách, hiếp chóc, nhờ đến bà và cầu cứu bà.

Vài hôm trước đây, bà đã hội họp các nước còn thủy chung với bà để... bàn bạc.

Một nước nhỏ bị một nước lớn đánh. Rồi bà sẽ luận bàn và công bố rằng nước nhỏ bị xâm lấn. Rồi bà sẽ tuyên ngôn rằng bà mong các nước khác nên giúp đỡ nước bị xâm lấn. Rồi bà lại đi ngủ, vì đã làm xong bổn phận. Các nước kia có muốn giúp nước bị xâm lấn hay không, còn tùy họ, bà không biết được, bà không còn đủ sức đủ tài để bắt họ giúp, cũng như bà không đủ sức để bắt nước đi xâm lấn đừng đi xâm lấn nữa.

Nhưng bà già, bà không được việc, cũng không nên đổ tội cho bà. Lập một hội để duy trì hòa bình, cái ý kiến ấy rất hay, bao giờ cũng hay, nhưng người đời đã dùng sai: nếu không, biết đâu bà vẫn trẻ, vẫn đẹp...

Nhưng cứ "nếu" mãi, thì ta có thể cho hòa bình vào trong lọ.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 192, ngày 16/12/1939)

Hòa Bình

Thế là chiến tranh lại nhường chỗ cho hòa bình... ở bên Âu châu.

Bốn vị thủ tướng Anh, Đức, Pháp, Ý, đã họp nhau ở Munich để bàn việc Tiệp-Đức và đã giải quyết xong một cách mau lẹ. Mà xem ra, thì ai cũng tự xem mình là thắng cả.

Thứ nhất là thủ tướng Hitler. Họ Hít đã được quyền lấy về làm của mình một ít đất của nước Tiệp: chỗ nào có quá 50% người Đức, là Đức cứ việc tuần tự chiếm lấy, còn chỗ nào không đến 50%, người Đức sẽ có cuộc đầu phiếu do quân Quốc tế tổ chức. Hiện nay, Đức đã chiếm nhiều tỉnh rồi và thủ tướng họ Hít đã thân hành sang đất cướp được, diễn thuyết và nghe dân Đức hoan hô.

Rồi đến ba vị thủ tướng Daladier, Chamberlain, Mussolini, về nước đều được hoan hô cả. Là vì nếu họ không đem được tấc đất nào về, họ cũng được cái tiếng là làm vững nền hòa bình. Báo Ý thì bảo đó là công của họ Mút, báo Anh công của Chamberlain, báo Pháp công của Daladier.

Chỉ có nước Tiệp là buồn. Nước đã nhỏ, nay chỉ còn tí ti, chịu thiệt biết bao là đất đai, mà không ai bảo là đã hi sinh cho hòa bình cả. Là vì nước ấy bé và yếu lắm, không đáng kể.

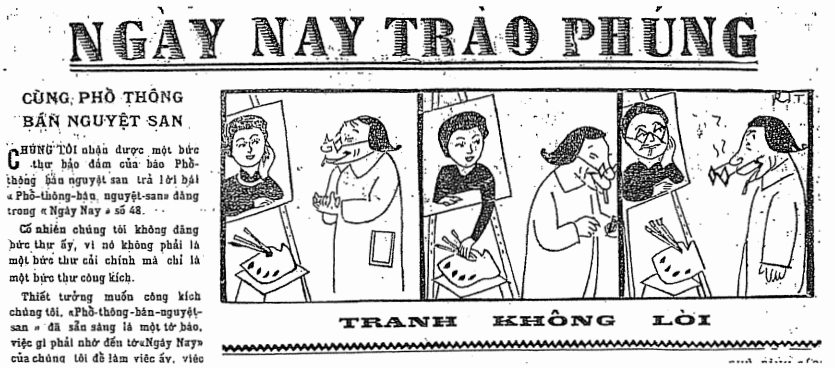
NGÀY NAY TRÀO PHÚNG

CÙNG PHỔ THÔNG BÁN NGUYỆT SAN

CHÚNG TÔI nhận được một bức thư bảo đảm của báo Phổ-thông bán nguyệt san trả lời bài « Phổ-thông-báo, nguyệt-san» đăng trong « Ngày Nay » số 48.

Cố nhiên chúng tôi không đăng bức thư ấy, vì nó không phải là một bức thư cải chính mà chỉ là một bức thư công kích.

Thiết tưởng muốn công kích chúng tôi, «Phổ-thông-bán-nguyệt-san » đã sẵn sàng là một tờ báo, việc gì phải nhờ đến tờ«Ngày Nay» của chúng tôi để làm việc ấy, việc

TRANH KHÔNG LỜI

Dẫu sao, hội Quốc-liên không vì cuộc hội họp bốn nước kia, mà giữ gìn được cái danh đã mờ. Một việc quan hệ đến vận mệnh thế giới như việc Đức-Tiệp, mà người ta quên mất rằng ở cạnh hồ Genève có một nơi để Vạn quốc đến tìm hòa bình và hạnh phúc. Chính những nước cột trụ của hội ấy, Anh và Pháp đã bỏ mà đi ăn mảnh với nhau ở Munich. Chính sách phòng ngự chung đã bỏ, người ta lại trở về cái chính sách liên kết cũ.

Chính sách ấy kết quả sẽ ra sao? Nghĩ đến cuộc Âu chiến năm 1914 thì ta không thấy vững dạ lắm. Có lẽ ông Duff Cooper, một vị thượng thư Anh, vì nghĩ thế, và nghi ngờ sự thành thực của Hitler, nên đã từ chức. Người ta còn bảo Hitler sẽ đòi nhiều cái khác nữa, đất Memel, Dantzig, và thuộc địa chẳng hạn, nhưng đó lại là chuyện khác. Lúc đó, có lẽ các thủ tướng lại cứu vãn hòa bình lần khác... cứ thế mãi, cho đến lúc nào không nhượng bộ được nữa.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 131, ngày 8/10/1938)

Quần đảo của ai? (*)

Quần đảo Paracels bỗng nhiên hóa ra quan trọng.

Mấy hòn núi nhấp nhô trên mặt biển Đông, bỏ hoang đã bao nhiêu thế kỷ, bỗng nhiên ai nấy đều đến hỏi han một cách âu yếm lắm.

Nước Pháp và nước An-nam bảo là lĩnh thổ của mình và cố tìm trong kho sách mọt những chứng cớ cổ: Người An-nam đến đảo đã hơn một trăm năm, và vua Gia Long đã có dụ sát nhập đảo vào nước Nam. Và hăng hái đem quân đến.

Nước Nhật không bằng lòng, và cả quyết nói: đảo ấy của người Nhật.Vì có người Nhật được khai khẩn trong đảo. Rồi cũng hăng hái đem quân đến.

Nước Tàu của Tưởng giới Thạch cũng ra mặt đòi là của mình. Vì từ 1909, Tàu đã sát nhập quần đảo vào lĩnh thổ Tàu rồi. Nhưng không hăng hái đem quân đến, vì có muốn cũng chẳng còn quân đâu mà kéo đến nữa.

Vậy quần đảo là của ai?

Lấy mới cũ mà nói, thì nó là của An-nam. Nhưng ở trường quốc tế, người ta không ai theo luật mới cũ cả.

Cho nên quần đảo ấy chẳng là của ai cả. Nó chỉ là của sức mạnh.

Rồi đây, Pháp mạnh hơn Nhật, thì nó là của Pháp. Mà nếu Nhật mạnh hơn Pháp, thì nó là của Nhật.

Còn Tàu, cái nước to mà yếu, thì ai người ta kể đến làm gì cho nhọc.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 120, ngày 24/7/1938)

* **Lời bàn của Thế Kỷ 21**: *Qua bài báo này chúng ta mới được biết, thì ra đảo Hoàng Sa, mà người Pháp gọi là Paracels, đã gây rắc rối từ ngày xưa. Hoàng Đạo đã bàn về sự kiện ấy một cách tiên tri: "nó chỉ là của sức mạnh." Ngày nay thì số phận Hoàng Sa rõ ràng như thế, nhưng điều đáng tiếc cho người Việt Nam là sức mạnh chiếm*

cứ ấy càng được củng cố thêm bởi sự thần phục một cách tệ hại của đảng cộng sản Việt Nam với những người đồng đảng với họ, ở bên Tàu.

Giải Thưởng Văn Chương

Ông toàn quyền Brévié không những giỏi về kinh tế, mà lại còn là người yêu văn chương nữa.

Chẳng thế mà ông mới lập lại giải thưởng văn chương về Đông-Dương mà ngày xưa ông Pasquier đã đặt ra.

Nhưng giải thưởng Pasquier chỉ để phần riêng cho các nhà văn Pháp viết chữ Pháp. Ý ông cựu toàn quyền Đông-Dương là để có người đem Đông-Dương vào làng văn cho dân Pháp biết đến cái bán đảo nghèo nàn này.

Nay giải thưởng ấy lập lại, thì có lẽ nguyên tắc vẫn để vậy, nghĩa là lại chỉ riêng những nhà văn Pháp viết về Đông-Dương là được nhận cái giải văn chương kia. Khoan hồng cho lắm thì may ra ông toàn quyền cũng cho các nhà văn An-nam viết chữ Pháp được dự vào chút đỉnh.

Nhưng dẫu cho thế nữa, cái tin kia không làm cho chúng tôi cảm động gì cả. Vẫn biết rằng văn chương có ích cho dân, nhưng đó chỉ là có ích cho dân Pháp là những độc giả của những văn sĩ kia. Vậy thì, thứ lý luận rẻ tiền nhất bảo ta rằng giải thưởng đó nếu để cho công quỹ Đông-Dương, nghĩa là cho dân Đông-Dương chịu, ít ra cũng phải viết bằng một thứ văn mà dân Đông-Dương có thể đọc được. Thứ văn ấy, nói là văn Pháp, thì có điều hơi ngoa một tí.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 133, ngày 22/10/1938)

Có Thế Thôi

Trước đây, một bản thông cáo của bộ Thuộc Địa có cho bọn thần dân ta biết rằng người An-nam, dẫu là dân bảo hộ hay dân thuộc địa, dẫu là da vàng, mũi tẹt, cũng được phép vào học các trường binh bị Pháp và sau khi tốt nghiệp ra cũng được bổ dụng vào tất cả các bậc trong ngạch sĩ quan như người Pháp.

Dân da vàng mũi tẹt đã vỗ tay reo mừng rằng ít ra về mặt bảo vệ đất đai, nước Pháp bình đẳng tự do và bác ái đã bắt đầu theo một chính sách bình đẳng. Ừ, da có vàng, mũi có tẹt, mà cái bộ óc thông minh có bằng người da trắng mũi cao, thì theo công lý, họ phải được quyền lợi ngang. Người ta vui mừng rằng nước Pháp đã thực hành những điều hứa trong các diễn văn, không phân biệt chủng tộc giữa cái tôi con nữa.

Nhưng điều ấy đẹp đẽ quá, không sao thực hiện được. Một tờ trình của bộ chiến tranh và một đạo sắc lệnh của ông Tổng thống Pháp đã đến gội một thùng nước lạnh vào đầu những người quá vội tin lòng tốt của người như ta.

Theo đạo sắc lệnh ấy, dân bản xứ ở đất bảo hộ hay thuộc địa đều có thể vào học các trường binh bị Pháp chuyên việc huấn luyện các sĩ quan. Nhưng, lúc tốt nghiệp ra, chỉ có thể làm sĩ quan ở những nơi có lính cùng một chủng tộc với mình, mà già đời cũng chỉ thăng đến thiếu tá là cùng.

Có thế chứ! Một đại úy da vàng, dẫu tài giỏi tột vời, cũng không thể cai quản được một anh lính da trắng. Vì một lẽ rất hợp với công lý: vì anh lính ấy da trắng. Cũng như một bác da vàng, dẫu có tài làm tướng như Thống chế Foch, cũng không thể làm được trung tá. Vì một lẽ rất hợp với đạo trời: vì bác ấy da vàng.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 151, ngày 2/3/1939)

Quá Lo

Báo Đông Pháp trích đăng một bài của báo Điện Tín trong Nam nói về vấn đề đem quân Do Thái trú ở bên Pháp qua đây, và cũng như mọi lần báo Đông Pháp "không khỏi đồng ý" với bạn đồng nghiệp.

Họ có ý lo dân Do Thái sẽ "tranh sống" với người mình. Họ bảo ví với dân Tàu, "người Do Thái nhẫn nhục cần lao không thua gì, không chừng hơn cũng có," họ sợ dân ta sẽ bị "hai bên ép lại có lẽ sẽ phải lòi cơm ra hết."

Nếu "lòi cơm" ra thì cũng đáng ghê sợ thật. Nhưng trước khi ghê sợ, ta hãy thử tự hỏi xem có lòi cơm hay không đã.

Người Tàu chỉ nghĩ về Tàu với đống tiền lớn, còn người Do Thái là dân "vô quốc," không nghĩ đến về đâu cả. Họ sẽ thành ra dân Việt-nam. Hơn nữa, họ có thể coi và thờ nước Việt-nam như tổ quốc của họ. Họ sẽ là Do thái Việt-nam, như họ đã là Do thái Đức, Do thái Pháp, hay Do thái Ba-lan.

Vậy nếu họ có phải lao tâm khó nhọc mà tranh sống với mình một cách lương thiện, thì cũng là một việc hay. Người Do Thái thông minh, họ sẽ thành người An-nam thông minh. Ta sẽ học được lắm điều hay của họ. Nhưng điều cốt yếu nhất, là muốn đem họ sang đây, phải yêu cầu họ sẽ thành người An-nam, quyền lợi không hơn người An-nam, sự "tranh sống" mới lương thiện. Nếu

không..., nếu không sẽ thêm một giai cấp nữa trong nước thì dân ta cũng đến "lòi cơm" ra thật.

(Trích Ngày Nay Trào Phúng, Ngày Nay số 50 ngày 14/3/1937)

Nụ Cười Đế Quốc Pháp

Tờ báo MATCH, dưới mục "Đế-quốc Pháp mỉm cười với các bạn," có đăng hình các cô con gái của các xứ thuộc địa và bảo hộ của nước Pháp, và tán dương những nụ cười của các cô, những nụ cười tình tự, êm đẹp.

Hay lắm. Nước Pháp là một nước có hàng trăm triệu người đàn ông, và suy ra cũng có một số ngang chừng ấy đàn bà con gái. Và từ đây người cùng nước với nhau hẳn là quen biết nhau, và ít ra là đối với thuộc địa, người ta không thể nói diễu rằng: "Người Pháp là một người không biết địa dư" nữa.

Và có lẽ vì thế, nên tờ báo Match đăng ảnh một cô con gái ở Đông Dương lên để cho người ở mẫu quốc biết mặt mà nhìn nhận người cùng nước. Ảnh cô con gái ấy là ảnh một cô "Mèo" và bên cạnh, tờ báo lớn kia chua câu phê bình xác đáng rằng:

"Đông Pháp – Cách trang điểm của người Xiêm, than ôi, lại bắt răng – thường đẹp lắm – phải đem nhuộm đi, hoặc bằng giầu-không, hoặc bằng một thứ sơn riêng."

Thật là đã biết rõ nhau lắm, hỡi người cùng nước ở báo Match! Dân Xiêm chúng tôi gọi là dân Mèo, dân Cao-mên, dân An-nam; và nếu xưa nay chúng tôi không dùng giầu-không nhuộm răng bao giờ, đó chỉ là chúng tôi không biết giầu-không là thuốc nhuộm răng mà thôi. Từ rầy về sau chúng tôi sẽ theo lời các ông mà nhuộm răng bằng giầu-không để tỏ tình thân thiện với người cùng nước và để cho người ngoài khỏi biết rằng dân Pháp không biết rõ người cùng nước họ.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 165 ngày 10/6/1939)

Không Có Thế

Tin đức Bảo Đại ngã gẫy chân đã bay đi xa, đến cả nước Anh. Đó là một sự đáng mừng cho ta, vì ngày thường, họ có biết nước Nam là cái gì, mà dân An-nam, thì họ coi như là không có.

May sao đức Bảo Đại lại bị nạn. Thành ra ta mới biết trong nước Nam ta có nhiều sự lạ mà ta chưa biết. Thí dụ như báo News Chronicle đăng rằng Hoàng đế An-nam có những 200 cung tần, và có một đội nữ nhạc do ông Jock Hylton giám đốc từ năm 1932. Hơn nữa, nhờ báo ấy, ta mới biết Hoàng đế ham đọc tiểu thuyết như bọn ngu dân chúng ta, mặc quần áo may ở Luân-đôn và hay chơi ping pong. Hoàng đế đã truất Thái hậu và Thủ tướng lúc đến tuổi lên ngôi và cai trị sáu triệu dân theo sở thích của ngài.

Thật là nên thơ quá. Người ta nghĩ ngay đến những hoàng tử trong các truyện thần tiên. Nhưng sự thực bắt ta phải cải chính mấy điều nhỏ.

Hoàng đế An-nam chúng tôi không có bọn nữ nhạc nào và không may quần áo ở Luân-đôn. Còn việc cai trị dân theo sở thích của ngài, thì cái đó đến chúng tôi cũng không được biết, nữa là một tờ báo ở mãi bên Anh.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 150, ngày 25/2/1939)

Đi Tây

Đức Bảo Đại và gia quyến đã đi Tây. Có ông Phạm Quỳnh đeo kính hộ giá, và ông Nguyễn Tiến Lãng đem cán bút theo hầu hạ.

Người ta thì thầm với nhau, không biết Hoàng đế đi Tây để làm gì. Theo báo Xứ Sở, thì mục đích to tát lắm: yêu cầu nước Pháp quay lại thi hành cho đúng hòa ước năm 1884 và trả lại nhà vua một ít quyền lực. Nhưng theo nhiều người thì cuộc viễn du ấy cốt để đức Kim Thượng có dịp tỏ lòng trung thành với nước Pháp trong lúc tình hình quốc tế nghiêm trọng.

- Không phải, có người bảo. Ngài sang Pháp chỉ là để điều trị cái chân gãy và thăm dinh thự mới mua ở Cannes.

Nhưng người khác lại bảo rằng đức Bảo Đại sang Pháp chỉ có một mục đích: là đi chơi cho đỡ buồn.

Dầu sao, thế nào ngài chẳng đến Cannes để hưởng cái khoái nhìn dinh thự mới sắm rồi lên Paris hưởng cái thú nghiêng mình trước đài chiến sĩ... không quen biết, và tỏ lòng trung thành với tổng thống Lebrun.

(...) Còn dân An-nam? Họ cũng có cái thú được biết rằng cuộc viễn du ấy đã tốn cho họ đến hàng trăm vạn.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 165 ngày 10/6/1939)

Về Tây

Ông Gineston về Pháp.

Theo lệnh trên, ông đã đáp máy bay về ngay, để Nha Thương Chánh lại với những công cuộc bỏ dở.

Ông là giám đốc nha ấy. Và là người đã can đảm gửi tờ thông tư cho thuộc hạ dặn phải dè dặt trong lúc bắt rượu lậu, nhất là lúc tìm thấy bã rượu ở ruộng nương xa nhà khổ chủ.

Hơn nữa. Trước Đại-hội Kinh-tế kỳ bất thường vừa rồi, ông đã bênh vực cho tư tưởng ở đây. Không những ông phản đối thuế quốc phòng đánh vào các sách học, ông lại còn yêu cầu các sách vở chữ Pháp khỏi chịu thuế 5,50% nữa.

Nhưng hình như có người đã không bằng lòng ông, cho nên ông đã phải về bên bộ một cách đột ngột và vội vàng. Người nào vậy? Có lẽ không có ai cả, chỉ có rượu. Bởi vì rượu mạnh lắm. Rượu, nhất là rượu ty, dân An-nam uống vào thì say, ông Gineston có uống thì uống, chứ đừng đụng vào.

Ông đã đụng vào. Có lẽ vì thế nên ông được đi máy bay về bên bộ. Vì nếu chỉ để nói rõ tình hình Đông-dương thì ở Ngày Nay chúng tôi cũng có vài người biết rõ lắm, bên bộ có cho máy bay đến mời sang đâu!

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 165 ngày 10/6/1939)

Nhà Hát Lớn

Ở Hà-nội và Hải-phòng, có hai tòa nhà đẹp thì không đẹp nhưng đồ sộ và đắt tiền lắm: đó là hai nhà hát lớn của thành phố mà dân nghèo gọi một cách ngây thơ là nhà hát tây.

Đắt tiền không phải là vì xây mất nhiều tiền của thành phố mà thôi. Mỗi năm, dân thành phố lại phải cung đốn vào đấy nữa.

Cung đốn các gánh hát tây.

Hẳn có người cho là lạ hết sức. Vì họ thấy các hội thiện tổ chức các cuộc vui ở nhà hát lớn đều phải trả tiền thuê rạp cho thành phố cả. Các hội thiện còn thế, huống hồ một gánh hát nhà nghề.

Nhưng đây là nhà nghề tây.

Cho nên thành phố không những cho họ diễn không lấy tiền, mà lại còn phải bỏ thêm tiền ra hiến họ nữa. Hiện giờ thành phố Hải-phòng đã nhất định bỏ ra ngàn sáu bạc để làm quà yết kiến gánh hát Roland. Còn thành phố Hà-nội thì đang lưỡng lự, không biết nên bỏ vạn mốt biếu gánh Roland hay hai vạn biếu một gánh khác, hay là đang lúc thiếu tiền này, bỏ cả ba vạn mốt biếu cả hai gánh cho thêm vui.

Biếu như vậy, dân thành phố được một mối lợi to ghê: là bỏ tiền túi ra để đến xem gánh hát kia diễn, và nếu không có tiền, thì được ngẫm nghĩ đến cái thú sẽ được xem, nếu có tiền!

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 165 ngày 10/6/1939)

Thành Phố Hanoi

Thành phố Hanoi đến buồn cười. Có ngoài 14 vạn người Annam với độ chừng 9 ngàn người tây, mà động cái gì cũng thấy tây là tây.

Thí dụ như nhà hát lớn. Hễ người Annam dùng đến nhà hát của thành phố để diễn kịch hay diễn cải lương, dù là để lấy tiền hay là giúp hội thiện, nha Đốc lý cũng lấy tiền ráo. Họ viện ra lẽ cứng lắm:

- Ông muốn khuyến khích nghề kịch Annam? Ông muốn làm việc thiện? Tốt lắm, đáng khen lắm. Nhưng Thành phố phải chịu tiền điện này, tiền bảo hiểm này, tiền nghĩ cách ngăn ngừa và chữa cháy này một trăm thứ bà rằn. Vậy ông không nên để cho Thành phố chịu thiệt.

Kết quả: ông phải trả cho Thành phố một ít tiền.

Nhưng nếu ông là một gánh hát tây, như gánh hát Gil Roland, thì khác hẳn. Một trăm thứ bà rằn kia, Thành phố xin vui lòng mà chịu, lại còn tống tiễn cho ông ít nhiều tiền lộ phí là khác.

Có người bảo vì thế người ta gọi nhà hát lớn là nhà hát tây. Phiền một nỗi, làm nó lên, lại có tiền người Annam.

Lại thí dụ như Hội đồng Thành phố hiện giờ.

Mười hai ông đại biểu tây trước mặt bốn ông hội viên Annam, các ông Thăng, Chiểu, Lạc, Cương.

Nói thế chưa thật đúng, phải nói là 13 ông hội viên tây, trước mặt 3 ông hội viên Annam. Vì ông Chiểu, ông Bùi tường Chiểu, đã xin và đã được vào làng tây. Người ta không hiểu tại sao ông này đã hóa tây, lại còn nằng nặc đòi thay mặt người Annam. Có lẽ vì ông nghĩ Tây, Nam cũng thế cả..., về bổn phận.

Thành thử ra, nhà hát lớn đã gọi là nhà hát tây, thì Hội đồng Thành phố, đúng lý ra cũng nên gọi là Hội đồng Tây mới phải.

Và Thành phố Hanoi cũng nên gọi là Thành phố Tây nốt cho yên chuyện.

Tuy nhiên, dân Annam vẫn có cái thú đóng thuế như thường.

Ba Vạn...

Ấy thế là dân khổ cực ở Đông-Dương lại được một vị thượng khách qua chơi nữa. Đó là ông Lejas, ở Thương-nghị-viện, được chính-phủ Pháp phái sang điều tra.

Không phải là điều tra về nguyện vọng dân Annam đâu, ông ấy chỉ điều tra về việc học. Về việc học? Năm ngoái, nếu tôi còn nhớ rõ, thì chính-phủ Pháp đã phái ông Francois Vial thanh tra học chính, sang đất nước vô duyên này, và ông đã điều tra rất cẩn thận về việc học rồi. Ông là người trọng nghề, hẳn là trông rõ những điều khuyết điểm và hẳn đã làm tờ trình rõ ràng đệ lên chính phủ... Chỉ còn một việc thi hành nữa là xong.

Vậy thì ông Lejas này còn sang đây làm gì nữa? Thực là khó hiểu! Nghe đâu ông ta đã qua Huế thăm con và đến Hanoi diễn thuyết về táo và rượu táo. Ý chừng ông cho rượu táo có ảnh hưởng mật thiết đến nền học chính của Đông-Dương và rượu táo là thứ trẻ con uống có thể hóa ra thần đồng được. Hỏi ra mới biết là ông ấy làm đại lý cho các nhà bán rượu táo bên Pháp.

TỪNG TUẦN LỄ MỘT

NẠN HOA LIỄU

VIỆC TUẦN LỄ

TỰA «LÀNH LÙNG»

Nghe đâu, cuộc điều tra của ông ta sẽ tốn cho chính phủ một số tiền cỏn: ba vạn... quan! Nhưng không biết rõ tiền ấy, nước Pháp hay Đông-Dương phải chịu.

Theo ý chúng tôi, Đông Dương chịu là phải, vì công cuộc điều tra của ông có ích cho dân Đông-Dương không biết ngần nào! Dân Đông-Dương mới biết nhắm mùi rượu ti, nay ông đem rượu táo sang nữa, thật là quý hóa quá.

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 155, ngày 1/4/1939)

Công Lý

Ai nấy đều than phiền về những vụ tòa Đại-hình xử nhẹ những người Pháp đánh hoặc giết người Annam. Những vụ án ấy thường làm sôi nổi dư luận và khiến cho người Nam tin cái thuyết "công lý theo màu da" là có thực.

Mới đây vụ án hai người Pháp đánh Lý Nguyên-Bình ở Hà-tiên đến chết làm dư luận náo động. Báo chí trong Nam quyên tiền giúp kẻ thiệt mạng và tỏ lòng phẫn uất vì thấy tòa Đại-hình phạt án treo hai người Pháp.

Việc đến tai ông Tổng-trưởng Thuộc-địa Moute; ông đã đánh điện cho ông Toàn-quyền để gửi hồ sơ việc ấy về bộ xem xét lại.

Ở bên này, ông Giám-đốc Tư-pháp Duyré cũng lưu ý tới. Vừa rồi, ông có gửi một tờ thông tư cho các quan tòa, ra lệnh rằng khi có những vụ án, dẫu có lẫn người Tây và người Nam là người Âu hay người bản-xứ phạm tội, đều phải xử ngang nhau hết.

Đó là một tin đáng mừng. Ở trên mặt đất Đông-dương này, công lý - nhất là công lý – cần phải công bằng, không có thể tùy màu da mà thay đổi được. Một người Pháp, hay một người Nam, đứng trước luật pháp, phải bằng đẳng nhau, mà nếu phạm tội, đều là tội nhân cả. Mạng một người Nam, tưởng cần phải trọng bằng mạng một người Pháp, hay một người Anh... Ta nên mong từ nay về sau, các tòa án nhớ lời ông Giám-đốc Tư-pháp cho.

(trích Từng Tuần Lễ Một, Ngày Nay số 64, ngày 20/6/1937)

Trước Tòa Nam Án

Ai cũng biết trước tòa Nam-án không có thầy kiện. Cách đây hai năm, đại hội đồng kinh tế và lý tài có đệ đơn thỉnh cầu xin cho các thầy kiện có quyền cãi ở trước tòa Nam-án và nới rộng chế độ hiện hành để cho người Annam có thể làm luật sư một cách dễ dàng hơn.

Chính-phủ đã trả lời. Trả lời rằng tòa Nam-án cứ để nguyên như bây giờ là tốt lắm rồi, không nên thay đổi gì nữa.

Chính-phủ không cười đâu. Nghiêm trang lắm kia. Có tòa Nam-án, nghĩa là có các ông quan cai trị làm chánh án, ấy thế là dân lấy làm mãn nguyện rồi, ấy thế là hạnh phúc cho công lý rồi. Chứng cớ? Chính-phủ đã viện ra một: Ít người chống án.

Ừ, biết đâu đấy? Chống án ít là đủ tỏ ra rằng các tòa Nam-án lên án công bằng lắm. Vì nếu

không công bằng, thì người ta đã chống án lên tòa thượng thẩm như bươm bướm.

Những người nào bảo khác là không thông minh. Thí dụ như bảo rằng người ta không chống án vì không có đủ tiền để theo đuổi việc kiện, vì các ông trạng sư ở tòa thượng thẩm đòi tiền quá đắt, vì người ta sợ mất thêm tiền mà vẫn không được gì. Một người nhà quê mất năm chục, một trăm để chống án, thì thà họ chịu ngồi tù còn hơn!

Nhưng không, không phải vì thế đâu, chỉ vì tòa Nam-án quá công bằng rồi, không ai phàn nàn kêu ca gì cả. Không tin, cứ đi hỏi các ông quan ngồi chánh án hay bồi thẩm các tòa ấy thì đủ biết.

Còn dân thua kiện, thì không nên hỏi họ làm gì, họ ngu lắm kia, không biết gì đâu, sẽ chỉ nói bậy bạ mà thôi.

Chỉ phiền một nỗi những kẻ dèm pha có thể nói rằng nếu bảo người ta không kêu ca gì là tòa Nam-án công bằng thì cũng có thể bảo rằng dân chúng ở nước Á bây giờ chẳng hạn cũng là sung sướng lắm, vì chẳng nghe thấy họ kêu ca gì cả.

Sự thực, tòa nam-án không phải là một tòa án thuần túy. Nó chỉ là một ty phụ thuộc vào cơ quan cai trị mà thôi. Đời ông toàn quyền Robin, người ta đã nghĩ đến việc phân quyền và lập ra ngạch tư pháp, nhưng đó chỉ là một sự cải cách bề mặt, cũng như viện dân biểu hiện nay chỉ có hư danh mà không có thực – Tại làm sao thế nhỉ? Tại làm sao những công cuộc cải cách ở đây nó không bao giờ đến nơi đến chốn được? Chẳng có lẽ vì những người nêu những công cuộc ấy thiếu thành thực hay là thiếu can đảm theo đuổi sự cải cách của mình cho đến cuối cùng? Thế thì có lẽ vì thủy thổ bất phục, nên những cái hay ở bên Pháp sang xứ này nó hóa ra lở dở cả rồi!

(trích Người và Việc, Ngày Nay số 131, ngày 8/10/1938)

Một Nhà Đạo Đức

Ông Trương-Tửu phê bình "Lạnh Lùng" trong báo Thời Thế, một tờ báo mới ra đời.

Nhưng lần này phê bình, ông không phải là nhà phê bình. Đố ai đoán được? Ông là một nhà... đạo đức.

Ông cả quyết bảo "Lạnh Lùng" là cái mối họa lớn cho bạn gái vì nó định phá hoại sự tiến bộ của phụ nữ Việt-nam.

Làm sao vậy? Vì ông cho rằng: người đàn bà góa, đã là mẹ, phải lấy việc nuôi dạy con làm nghĩa vụ và hạnh phúc của đời mình.

Theo ông, lý tưởng tuyệt đối của một người đàn bà là làm một người mẹ hoàn toàn. Sự hy sinh ở đây là một điều kiện cần thiết.

Nghĩa là ông bắt người đàn bà phải bỏ mình đi để ra công nuôi con, dẫu trong lòng còn muốn đi lấy chồng cũng mặc, dẫu trong lòng còn mong mỏi theo đuổi nghĩa vụ khác cũng mặc. Nghĩa là ông Trương-Tửu là một tín đồ của nền luân lý Tống nho, cái luân lý chật hẹp coi "người" như một phần tử nhỏ mọn, không đáng kể của "đoàn thể".

Ông không thể nghĩ rằng bổn phận làm mẹ không bắt một người đàn bà góa còn trẻ hy sinh hết cả đời xuân xanh để làm mẹ, chỉ làm mẹ. Ông không nghĩ đến chữ nhân-đạo.

Ông bảo đàn bà bao giờ cũng vị tha; người đàn bà chỉ sung sướng bằng cái sung sướng của người khác. Nghĩa là ông cho đàn bà không phải là một người, một người hoàn toàn như đàn ông. Ông quên mất chữ công-lý và quên mất cả tâm-lý.

Ông quên nhiều quá, khó lòng mà thành được nhà phê bình không thiên vị, chỉ có thể thành được một ông đồ nho.

(trích Ngày Nay Trào Phúng, Ngày Nay số 53, ngày 4/4/1937)

Thông Công!

Báo *Đường Ngay* đăng một bài cấm đoán rất ghê gớm. Xin trích ra đây một vài đoạn:

"Mấy năm trước Thầy đã cấm xem hai tờ báo *Tiếng dân* và *Thanh Nghệ Tĩnh* vì có hại cho linh hồn kẻ xem.

"Rày Thầy lại cấm mua nhặt và xem báo *Đông dương hoạt động*, vì báo ấy cũng có sinh hại cho kẻ xem, đăng nhiều bài mở đàng lỗi nhiều điều răn chúa... Ai chẳng vâng cứ, thì phải biết rằng: mình không đáng ăn mày các phép trong đạo nữa.

"Sau nữa báo *Đông dương hoạt động* đăng cổ động tập Việt Nam nhân quyền đại hội. Thầy báo trước cho ai nấy giữ mình:

"Nhân quyền đại hội là một trong các hội xấu đã bị Tòa thánh cấm và ra vạ rất nặng mà phạt những kẻ vào.

"Vì vậy Thầy cấm rất ngặt không ai được ban phép cho biên tên vào hội ấy bao giờ, nếu chẳng vâng cứ thì mắc vạ dứt phép thông công."

Những nghe cũng đủ rùng mình: nào cấm đoán, nào thông công! Ai còn dám "ăn mày" các phép trong đạo nữa?

(Trích Người và Việc, Ngày Nay số 58, ra ngày 9 tháng 5, 1937)

Đi Xem Mũ Giấy

TỨ LY

Thay lời tựa: *-Phương ngôn ta có câu rằng: hay đi đêm có ngày gặp ma.*

Xem như vậy thì đủ biết có ma, mà muốn gặp ma, ắt là phải đi đêm.

Nhưng không phải ai đi đêm cũng gặp ma: phần nhiều là gặp ả đào.

Muốn gặp ma phải có duyên với ma, mà có duyên với ma thì chẳng ma nào muốn.

Bởi nhẽ ấy, tuy có ma mà chưa ai được gặp.

Riêng có tôi là khác thường: tôi có thể gặp được các cụ lớn đội mũ cánh chuồn, thời tôi cũng có thể gặp được ma (ma đây là những danh nhân đã khuất). Cho nên những lúc trà dư tửu hậu, tôi xuống chơi dưới suối vàng, đem sự mắt thấy tai nghe, ghi chép vào thiên ký sự này, ngõ hầu mong về sau người nào nối gót xuống du ngoạn cõi âm khỏi lạc đường vào chỗ chết.

Tứ Ly

Có một lối xuống cõi âm giản dị nhất, ai cũng biết: là chết đi. Nhưng lối ấy có một điều bất tiện: là không sống được nữa. Đã không sống được nữa, thì những điều trông thấy, nghe thấy còn kể cho... ma nghe!

Cho nên, tuy giản dị, nhưng những người làm nghề đi xuống cõi âm -tôi muốn nói bọn phù thủy- không hay dùng lối ấy. Họ chỉ hay dùng lối đánh đồng thiếp. Công hiệu của lối này lạ lắm: muốn xuống chơi nơi địa ngục, tôi đã chịu nằm ba đêm chẳn để cho họ lôi đi. Nhưng họ chỉ lôi vào giấc ngủ dài và say.

Lối ấy vô công hiệu, tôi bèn làm sớ gửi cho Diêm Vương, mượn tay một bà đốt đi. Nhưng tốn đến hàng chục tờ sớ, đêm nằm tôi chỉ nghe thấy tôi ngáy. Chán nản, tôi đành ở lại dương thế vậy.

Bỗng một đêm không có trăng, tôi đương mơ mơ màng màng, chợt thấy người tôi hóa ra nhẹ nhàng như đám mây. Tự nhiên, tôi mở mắt ra, bay bổng lên không, lọt qua khe cửa mà ra ngoài. Tôi ngạc nhiên, chung quanh tôi không phải là thành phố Hà Nội, nhưng là một cảnh trí thơ mộng. Nhà cửa san sát nhưng có vẻ mỏng mảnh như bằng giấy; trên đường, người qua lại gầy gò và cứng nhắc như hình nhân. Hỏi ra mới biết là âm phủ.

Tôi còn đương ngơ ngác, bỗng có ba người lính lệ nhẹ nhàng chạy đến trước mặt tôi. Một người thộp ngực, còn một người quát hỏi:

- Anh ở đâu? Tên là gì?

- Tôi là Tứ Ly ở Hà Nội.

- Có giấy căn cước không? Thẻ đâu?

Ấy, đi ngủ còn ai giắt thẻ vào người làm quỷ gì! Nhưng tôi giảng giải thế nào họ cũng không nghe, nhất định lôi tôi vào phủ... Sau tôi phải lôi ra đồng bạc -may là bạc giấy- biếu họ xơi thuốc, họ mới tha cho đi: đâu cũng vậy, có tiền là xong cả, cụ Nguyễn Du tiên tri thật.

Đi được một quãng, tôi lại gặp mấy người đầu trâu, mặt ngựa chạy lại hỏi thẻ: thật là quan tha ma bắt, chẳng đi đâu cho thoát. Nhưng cũng may, bọn sai nha này lại là người của đức Diêm Vương. Họ nghe thấy tôi nói là xuống điều tra dưới âm, họ bèn vồn vã mời tôi về tòa Diêm Vương.

Trong một phố vắng, trước một cái vườn hoa trồng tường vi và dâm bụt, lâu đài của đức Diêm Vương trông có vẻ đồ sộ nguy nga. Chỉ hiềm lối kiến trúc giở kim giở cổ, làm tôi nhớ đến kiểu nhà bánh khảo ở cõi dương.

Đức Diêm Vương còn trẻ và có vẻ tân thời hơn tòa nhà lối trung dung của người nhiều. Người đương vận áo sơ-mi cụt tay, thấy tôi, bắt tay niềm nở chào hỏi:

- Ông tha lỗi cho, tôi vừa đánh xong một sét ten-nít. Ông có muốn đánh, tôi xin hầu.

Tôi cáo từ, hơi lấy làm ngạc nhiên. Đức Diêm Vương như biết ý, cười bảo tôi rằng:

- Ông không nên lấy làm lạ, nếu ông thấy một người mới như tôi còn ở một tòa nhà cũ kỹ và không có mỹ thuật. Nhưng hẳn ông biết, cá nhân tiến bộ bao giờ cũng chóng hơn hoàn cảnh.

Tôi lại càng ngạc nhiên. Một ông Diêm Vương

mà ăn nói như một ông sinh viên trường Cao đẳng Hà Nội!

- Cứ lấy sự kinh nghiệm còn non của tôi mà suy xét, người cõi âm không khác người cõi dương một tí gì.

Đức Diêm Vương mỉm cười trả lời:

- Ông vẫn chưa biết điều ấy ư? Ông há lại không biết rằng không phải vì hết thở mà tâm tính người ta thay đổi đi. Chết xuống cõi âm, người đời vẫn y nguyên như khi ở trên trần. Họ xuống đó thì họ lại đem những điều xấu của họ theo xuống. Sự chết thật không có ích gì cho họ. Ông để ý mà xem, ông sẽ lại thấy họ ích kỷ, tham lam, hám hư danh và ưa giả dối. Nói tóm lại, họ vẫn là người...

- Tôi ở trên trần vẫn thường nghe nói địa ngục là nơi trừng phạt những người có tội đối với lương tâm. Sự đó không có hay sao?

- Địa ngục chỉ có ở trong trí tưởng tượng người ta. Họ nói dối nhau để cho bớt cái tính tàn ác thiên nhiên của họ, chứ thực ra chúng tôi làm gì có thì giờ rỗi mà xét đến công việc từng người chết xuống đây. Họ dọa nhau những hình phạt ghê gớm: như bỏ vạc dầu, cưa đôi người. Nhưng chúng tôi nào có ác tâm như họ đâu, mà lấy sự đau đớn của người khác làm sự vui sướng của mình. Thực ra thì chết xuống đây, người nào đem nết xấu của người ấy xuống là họ đã đem theo cái hình phạt của họ rồi...

- Bẩm vậy, ra người ta xấu xa thật, nhưng chết đi vẫn chưa được yên thân. Cái hình phạt như vậy thì nặng nề quá.

Đức Diêm Vương mỉm cười:

- Nặng nề đối với người biết nghĩ mà thôi. Còn thì họ lấy sống làm mãn nguyện rồi, dẫu sống một cách khổ sở hết chỗ nói.

Tôi sực nhớ đến người ta trên cõi trần, sực nhớ đến vô số người ham cái sống phù du, ham cái vinh thân, phì gia mà làm những điều kém với lương tâm... đức Diêm Vương thực đã biết người lắm.

Thán phục, tôi từ tạ trở về sau khi xin được phép của đức Diêm Vương cho tự do đi điều tra dưới cõi âm và phỏng vấn những danh nhân đã thác. Tiễn ra cửa, đức Diêm Vương còn ân cần nói với tôi:

- Khi nào thư thả, ông đến chơi đánh ten-nít cho vui nhé.

Đức Diêm Vương ngài ưa đánh ten-nít. Ý chừng lúc còn ở trên trần, ngài chỉ có cái nết xấu vừa vừa ấy...

*

Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tai giả bởi chi, khuynh giả phúc chi.

Trời sinh ra muôn vật, nhân cái tài lực của từng vật mà đôn đốc thêm, cho nên vật nào có thể vun đắp được, thì vun đắp vào cho tốt lên, vật nào nghiêng lệch thì làm cho đổ nát đi.

Trung Dung

Cõi âm mờ mịt như đám sương mù. Hai quỷ sứ dẫn tôi đi như bay, bỗng tôi thấy ở bên cạnh đường có một tòa văn miếu đã đổ nát như ẩn như hiện. Hỏi quỷ sứ, tôi mới hay là dinh thự của đức Khổng Tử. Dừng chân lại, tôi đến cổng bấm chuông rồi đưa danh thiếp cho quỷ sứ đem vào.

Một lát sau, cánh cửa mở từ từ theo lệ, rồi bỗng thấy khởi nhạc.

Đương lúc bát âm cùng hòa, một lũ ma, đứa cầm khiên (can), đứa cầm búa (kích), đứa cầm lông chim sẻ (vũ), đứa cầm lông đuôi bò (mao), múa lung thiên.

Đối cảnh ấy, lòng tôi sinh cảm xúc, nên vừa đi vừa hát bài bình bản:

Trên trời thanh có trăng,
Dưới đây thuyền đưa khách thung thăng.
Thuyền đi dắt theo cô Hằng
Trên dòng trường giang người người ca xang.

Thật là đủ cả chuông trống, đàn địch, múa hát và văn thơ, nhạc đủ hết.

Đức Khổng Tử nhường cũng biết là tôi hiểu thấu lễ nhạc của người, nên tươi cười bước ra đón. Đến trước mặt tôi, người theo lễ chắp hai tay lại, mình giữ thẳng, tà áo giữ ngay nếp rồi đưa tôi vào, bàn tay vẫn chắp lại, còn hai khủy tay để ngang như hai cái cánh chim, trông thật ngoạn mục.

Lúc người mời tôi ngồi, người giơ tay ra. Tôi bèn bắt lấy mà nói rằng:

- Tôi được biết ngài, rất lấy làm hân hạnh.

Đức Khổng tử Ngạc nhiên, rút tay lại mà kêu lên:

- Lễ hồ! Lễ hồ! (lễ vậy ôi! lễ vậy ôi!)

Tôi vội nói ngay:

- Sở dĩ chế trung giã. Tôi vẫn biết vậy, nhưng muốn chữa cho vừa đạo trung thì bắt tay hay vái dài, cũng không khác nhau lắm.

Đức Khổng nét mặt bỗng dịu lại: những vạch của quả dưa chín dần dần nhạt đi. Người ngồi xuống chiếu, cùng với tôi hàn huyên.

Tôi nhìn chung quanh, thấy bên tay phải đức Khổng, đứng một người học trò na ná như nhà thi

sĩ Tản Đà, nhất là vì người ấy đeo ở dây lưng một cái bầu: ý chừng là bầu rượu. Nhìn kỹ, tôi mới rõ là bình đựng nước, bấy giờ tôi mới biết người ấy là thầy Nhan Hồi. Bên tay trái đức Khổng, có con kỳ lân què, cố đứng thẳng theo lễ, nhưng không được.

Giữa chiếc chiếu vuông vắn, tôi thấy để một cái mâm cũng vuông vắn. Trong mâm, mấy đĩa đồ ăn, đồ ăn vuông vắn. Tôi cố ngồi vuông người lại, chắp tay mà nói rằng:

- Người ta nói quả không sai. Ngài thích những đồ vật ngay ngắn và vuông vắn. Giá Ngài sống về thời bây giờ, hẳn ngài sẽ là một nhà kỷ hà học có tài.

Đức Khổng tử nhìn thẳng, cất giọng ôn hòa đáp lại:

- Vâng, chính tôi như vậy. Đồ ăn thái không vuông vắn, tôi không ăn.

- Nhưng còn cơm?

- Cơm thì chẳng nhẽ tôi không ăn, chứ thật tôi lấy làm khó chịu, vì không sao mà làm vuông hột cơm đi được.

Tôi cười mà bảo rằng:

- Nếu vậy, ngài ăn bánh tây thì tốt lắm. Là vì bánh tây có thứ bánh vuông. Họ lại lấy ruột bánh ra, cắt từng miếng vuông rồi cho miếng thịt "jambon" vuông vào, gọi là sandwich.

Vui vẻ, đức Khổng hỏi:

- Thật thế ư? Nếu tôi được thứ bánh mì đó mà ăn thì hay quá.

Rồi ngài dặn đi dặn lại tôi có lên trần thì gửi xuống cho ngài vài chục chiếc.

- Tôi lại nghe nói, ngài chỉ đi đường thẳng, không đi đường quẹo. Có thật thế không?

Trịnh trọng, đức Khổng đáp:

- Quả có vậy. Tôi bao giờ cũng đi chính đạo, không dùng đường cong queo, dẫu gần hơn mấy cây số cũng vậy.

- Tính ngài như thế thì lại càng nên ở đời khoa học bây giờ lắm. Chúng tôi có xe lửa, có ô tô, cứ theo đường thẳng mà đi, ngài ngồi trên những xe ấy, chắc không bao giờ ra ngoài lễ cả.

Nghe tôi nói, đức Khổng vừa lấy làm lạ, vừa háo hức muốn lên trần chơi một chuyến. Nhưng vì biết không sao vượt được thiên mệnh, ngài đành phải ung dung ngồi thúc thủ để giữ lấy đạo trung vậy.

Ngài nói rằng:

- Tôi tiếc sinh khí sớm một ít. Nhưng người quân tử bao giờ cũng phải vui, nên tôi không lấy thế làm buồn.

- Chúng tôi cũng vậy, bao giờ cũng vui.

Đức Khổng cả cười mà rằng:

- Nếu vậy thì linh hồn đôi ta gặp nhau rồi.

- Nhưng hai linh hồn ta khác nhau ở chỗ ngài muốn khuôn người ta vào vòng lễ nghi phiền phức, mà chúng tôi lại không muốn vậy; ở chỗ ngài hiếu tĩnh, mà chúng tôi hiếu động; đạo ngài đặt ra tôn ti trật tự quá phân minh, mà chúng tôi lại cho thế là một sự bất công, trái với thiên ý...

Nhưng lúc đó, đức Khổng đã bắt đầu cầm đũa, nên ngài không trả lời gì cả. Ngài thực hành đạo của ngài: thực bất ngữ, tẩm bất ngôn, nên ngài không nói gì nữa, cứ việc "chuyên nhất chi tâm" mà ăn.

Còn tôi, tôi cũng đành "chuyên nhất chi tâm" mà về.

*

Dân nào, nghị viên nấy

Tục ngữ mới

Tôi ở dinh đức Khổng phu tử ra, quỷ sứ dẫn đường nhe bộ răng ngựa bảo tôi rằng:

- Mời ông vào xem nghị viên.

Vừa nói vừa trỏ một tòa nhà giống nhà Khai Trí như đúc.

Ngạc nhiên, tôi hỏi:

- Nghị viên à? Nghị viên dưới âm ty? Ở dưới âm ty cũng có bầu dân biểu à?

Quỷ sứ lắc đầu trâu, giảng giải:

- Không phải thế. Nghị viên đây không phải là một cơ quan thay mặt dân cõi âm để thỉnh cầu những việc tầm phơ, đây chỉ là tòa nhà của các ông nghị ở trên dương thế đã hạ cố chết xuống dưới này.

Tôi chợt nghĩ ra rằng ở trên trần, đương lúc các ông nghị sống bàn việc nước, biết đâu các ông nghị chết lại không họp nhau bàn việc dân. Tôi bèn cưỡi xe ô tô giấy, phóng vào nhà một ông cựu nghị viên, phỏng vấn:

Đến ngõ, tôi bỗng nghe thấy tiếng sang sảng: "... Ích quốc... lợi dân... hiến tim cho xã hội..." Tôi giật mình đã tưởng là ông Phạm huy Lục. Nhưng không, tôi nhầm: thật là may cho ông Nghị trưởng viện dân biểu Bắc kỳ, mà cũng may cho lỗ tai của tôi.

Ông nghị ma này chỉ là một ông nghị thường đã bỏ vợ, bỏ con, bỏ nghị viên một buổi trời đông lạnh lẽo. Thấy tôi, ông bỏ tờ đít-cua ông đang đọc xuống bàn, nhìn tôi đợi vỗ tay. Tôi bèn vỗ tay. Ông ta mỉm cười, khẽ nghiêng mình như nhận lấy sự hoan nghênh; rồi vồn vã mời tôi ngồi. Ý chừng ông ta lầm tôi là một cử tri của ông hẳn.

- Ngài đã xuống cửu tuyền mà còn nghĩ đến dân đến nước như thế này, thì chắc thuở sinh thời, ngài đã nhiều phen xả thân...

- Ngài tính có lợi lộc gì mà xả thân. Tôi cũng như các ông nghị khác mà thôi. Có điều khi còn ở trên trần, tôi hay tập đọc diễn thuyết một mình, lâu thành ra thói quen, nên xuống dưới này, mỗi năm cứ đến ngày họp hội đồng thường niên, tôi lại nhớ đem diễn văn cũ ra bình lại... kể cũng còn hợp thời lắm.

Tôi sực nhớ rằng, những người chết đi, nết nào vẫn giữ tật ấy. Tôi nhìn kỹ ông nghị ma của tôi, nhận thấy đầu ông cử động luôn luôn: không lắc lư từ bên trái sang bên phải và từ bên phải sang bên trái, thì cũng lắc lư từ trên xuống dưới và từ dưới lên. Thấy tôi nhìn, ông ta hiểu ý, hơi buồn mà bảo tôi rằng:

- Ông nhìn tôi cử động, phải không? Đầu tôi như vậy chẳng qua là nó nhớ lại hồi ở trên dương gian, nó hay gật và lắc. Bây giờ đã thành tật, không thể nào chữa được nữa.

Rồi ông mỉm cười, nói tiếp:

- Nhưng tôi không lấy thế làm hổ thẹn. Là vì mười ông nghị chết xuống đây, đến chín ông rưỡi cũng như tôi. Cái tật ấy vốn là cái tật thông thường của anh em chúng tôi. Phiền một nỗi là ở dưới này, chúng tôi khó chịu vì cái tật ấy hơn xưa nhiều, mà người nào lúc sống gật nhiều, thì lúc chết đi tật lại càng nặng. Vậy ngài có trở lên dương thế, phiền ngài làm ơn nhắn các bạn đồng nghiệp tôi rằng, gật vừa vừa thôi.

Ông ta nói vậy thì tôi cũng biết vậy, chứ dám đâu đem lời ông thuật lại với các ông nghị trên trần: họ lại cho là mình nói thóc mách hay đặt điều thì chẳng bỏ công.

Tôi đành phải theo phép lịch sự mà ừ hữ cho qua, và nói đãi bôi rằng gật hay lắc không phải là phạm tội gì to lắm.

- Vâng, ông nói chí phải. Bằng lòng thì gật, không bằng lòng thì lắc. Lỗi đó, thưa ông, không phải là tại nghị viên. Thật thế, ông ạ. Từ ngày tôi xuống đây, trí tôi sáng suốt ra, nên tôi biết. Nghị viên chỉ có quyền tư vấn và quyền thỉnh cầu. Vậy tôi lại phiền ông về trên ấy nhắn hộ bạn đồng nghiệp tôi rằng, không nên lấy thế làm thẹn, cứ việc gật đi.

Nghe lời ông nghị ma bàn, tôi bỗng thấy động lòng thương các ông nghị sống từ xưa đến này bị diễu oan. Các ông ấy có tội tình gì đâu? Dân nào, nghị viên nấy. Tội là tội ở dân chọn các ông ấy ra thay mặt. Dân ta có học hơn chút nữa, sẽ có ông nghị tài giỏi hơn bây giờ. Vậy điều cần nhất là mở mang trí tuệ cho dân, cho toàn thể quốc dân... Công việc lớn lao, không phải một vài người làm nổi. Hay là ta lập hội, lập hội để khai trí thức cho dân quê, hô hào dân quê bỏ việc xôi thịt, phá lũy tre mà sống một đời văn minh hơn? Tôi chợt nhớ ra rằng, đã có hội Khai Trí...

Ông nghị ma lúc đó dường như cũng nghĩ đến hội Khai Trí. Ông tắc lưỡi bảo tôi:

- Viện dân biểu họp ở nhà Khai Trí thì hơi chật. Nếu để ăn uống thì chen vai, thích cánh cùng vui, nhưng nào chỉ có thế thôi. Còn phải biên chép nữa. Mà lúc biên chép lại đụng chạm nhau, thì thật là bất tiện: nghị viên chứ nào phải người dưới xóm đâu mà lấy sự đụng chạm nhau làm dễ chịu hơn.

Tìm được một câu bông đùa lý thú, ông nghị ma lấy làm thích chí, cười mãi. Rồi vui chuyện, ông tỉ tê kể lể công cuộc ông đã làm lúc ông còn sống ở trên cõi dương. Nhưng công cuộc của ông giống như công cuộc của các ông nghị còn sống lắm, nên tôi kiếm lời từ tạ. Ông ta chưa chịu tha, níu lại hỏi nhỏ tôi:

- Nghe đâu trên ấy mới có cuộc cải cách: nghị viên được đeo thẻ bài riêng...

- Vâng, có vậy.

- Nếu thế thì tôi chết tiếc khi sớm quá.

Rồi ông ta hậm hực than thở mãi, khiến tôi cầm lòng không đậu, đành phải hứa với ông ra rằng, lên trên cõi trần tôi sẽ đốt cho ông một cái thẻ bài để ông đeo. Được lời như cởi tấm lòng, ông nghị ma nở một nụ cười sung sướng tiễn tôi về.

*

Có thì có tự mảy may
Không thì cả thế gian này cũng không
Kìa như bóng nguyệt lòng sông
Ai hay không có, có không là gì.

Từ Đạo Hạnh

Quỷ sứ dẫn tôi đi, đi rất lâu về phương tây. Đến một xứ mơ mộng, lúc ẩn lúc hiện, như có như không. Hai bên đường trồng toàn trúc cả, thỉnh thoảng lại có cây bồ đề cành lá rườm rà: tôi đã đến Tây Trúc mà không biết.

Ngồi dưới một cây bồ đề lớn, trên một tòa sen bằng gỗ sơn son thiếp vàng, đức Phật Như Lai đương từ bi tĩnh tọa. Trông thấy tôi, ngài mỉm cười, cái mỉm cười bí mật của những pho tượng Phật ở Đế Thiên, Đế Thích. Rồi như người sáng suốt soi thấu lòng tôi. Người tự nhiên điềm tĩnh bảo tôi rằng:

- Hãy dừng chân lại!

Tôi cũng điềm tĩnh lại gần, ngồi ở bên tòa sen. Đức Phật gọi tiểu đồng pha nước cam lồ mời tôi uống. Nước ngọt như đường cát, mát như đường phèn, và thơm như nước cam Nghệ: thật là một thứ nước cam hiếm có.

Nhấp giọng rồi, tôi vừa định bụng phỏng vấn đức Phật về cái đạo mầu nhiệm của Người, đã thấy Người mỉm cười nói rằng:

- Tôi trông thấy ý nghĩ của ông. Tôi từ lúc ngộ đạo, phát nguyện lăn bánh xe để cứu độ cho chúng sinh, vẫn thường nhìn về cõi tục. Tôi thấy đạo tôi đã suy vi, nhưng tôi không lấy thế làm buồn, vì tôi không còn biết đau khổ nữa...

Trên nét mặt thản nhiên của đức Phật, tôi nhìn thấy rõ lòng hờ hững, lãnh đạm đối với sự vật. Nhưng tôi nghĩ thầm, có lẽ đâu ngài lại hờ hững với Phật giáo hội ở nước ta được. Tôi bèn hỏi:

- Chắc đức Phật ngài biết ở nước chúng tôi đương có người cổ động chấn hưng đạo của ngài?

- Tôi biết rõ lắm. Nhưng những tư tưởng mà họ bảo là của tôi, nào có phải là tư tưởng của tôi nữa đâu. Nếu sống là thay đổi, biến hóa đi, thì những tư tưởng của tôi đã sống một cách mạnh mẽ lắm.

- Ngài có lấy thế làm vui không?

- Lấy thế làm vui, tất là còn ham muốn, thì sao đến được cõi Nát Bàn.

Vậy ra đức Phật ngài không vui, không buồn, không còn biết cảm giác là gì nữa. Tôi nhìn Người rồi lại nhìn cây bồ đề vô tri vô giác điềm nhiên mọc ở giữa trời, không đau khổ mà cũng không sung sướng. Tôi lại nhớ đến hai ông Lê Dư, Nguyễn Năng Quốc, tín đồ khi vui khi buồn của đạo Phật; tôi lại nhớ đến mấy nhà sư đi tìm cảm giác mới lạ ở dưới xóm chị em. Nhưng, tôi nhớ nhất, là sự cạnh tranh của hội Phật giáo và bọn sa môn của chùa Bà Đá.

Tôi bèn đem những việc ấy nói với đức Phật. Người chỉ mỉm cười, không trả lời. Hỏi gặng mãi, Người mới đáp rằng:

- Ta coi ngôi vương hầu như luồng bụi qua khe hở, coi cả đại thế giới như một hạt cải con. Vậy trong hạt cải con ấy, nếu có lũ vi sinh vật vì tham sân, si, hay bố, mà công kích, mà phỉ báng nhau, thì có can hệ đến ta đâu.

- Nhưng, như lời Người đã nói, Người không vào địa ngục, thì còn ai vào được địa ngục thay Người nữa?

Động lòng bác ái, đức Phật phán rằng:

- Nếu vậy, nhờ ông về nhắn giúp với họ rằng, họ nên chín bỏ làm mười, theo phép lục hòa mà cùng nhau tu tỉnh lại, mới mong đến cõi Nát Bàn được.

Nhưng nếu họ chỉ hỏi tôi: đến Nát Bàn để làm gì, thì tôi biết trả lời họ ra sao?

- Ông sẽ thuyết pháp cho họ nghe. Ông sẽ bảo họ rằng, đạo tôi giản dị lắm, đại cương như thế này: "Làm người là khổ: sinh là khổ, bệnh là khổ, cái gì không ưa mà phải hợp là khổ, cái gì ưa mà phải rời là khổ, cái gì muốn mà không được là khổ, chung qui cái gì cũng khổ cả."

Cũng mỉm cười bí mật, tôi hỏi:

- Nhưng cái gì ưa mà hợp lại là sướng, cái gì không ưa mà không hợp lại là sướng, cái gì muốn mà được cũng lại là sướng. Vậy ở đời, không những có khổ, còn có sướng...

- Sướng ít, khổ nhiều...

- Nhưng có khổ mới có sướng. Ăn cơm gạo tám mãi không biết gạo ngon; nhưng nếu ngày ngày ăn gạo hẩm, bỗng được bát cơm gạo tám thì thơm tho biết là chừng nào! Còn khổ mãi cũng quen đi, không biết là mình khổ nữa, như dân Annam chẳng hạn.

Mỉm cười, đức Phật đáp:

- Nếu lấy ở đời là sướng, thì cứ việc mà ở đời, còn mong đến Nát Bàn làm gì nữa. Nhưng đời là khổ...

- Nếu đời là khổ, thì quyên sinh là thượng sách?

- Nhưng còn có luân hồi, nghiệp báo. Chết đi sẽ sống lại, sống lại sẽ chết đi, cứ loanh quanh mãi trong cái vòng lẩn quẩn ấy, là vì lòng ham sống, lòng tham dục hãy còn vướng lại trong tâm hồn. Diệt được dục là thoát khỏi luân hồi, là tới cõi Nát Bàn rồi vậy.

- Nhưng lấy nhẽ gì mà bảo là có luân hồi?

Cầm cành dương phe phẩy, đức Phật nở nụ cười bí mật:

- Bởi vì có luân hồi.

Rồi, Người ân cần nhắc lại:

- Vậy, nhờ ông về bảo hộ chúng sinh tìm đường diệt dục đi.

Nhưng tôi, một chúng sinh còn muốn uống nước cam lồ ngon ngọt, nếu trước khi từ tạ đức Phật, hãy rót thêm một cốc uống cho tan lòng dục đi đã. Uống cạn cốc ấy, lại thấy muốn uống nữa, nhưng cũng phải nén sự khổ -cái gì ưa phải rời là khổ- vui vẻ ra về. Trời trong xanh vờn mấy đám mây trắng, gió mát ca trong cành trúc la đà, tôi cảm thấy sự vui sống ở đời (tuy rằng lúc đó, tôi đang ở dưới âm ty).

TỨ LY

Phong Hóa, *số 139, ngày 8 Mars - số 158, ngày 18 Oct.1935*

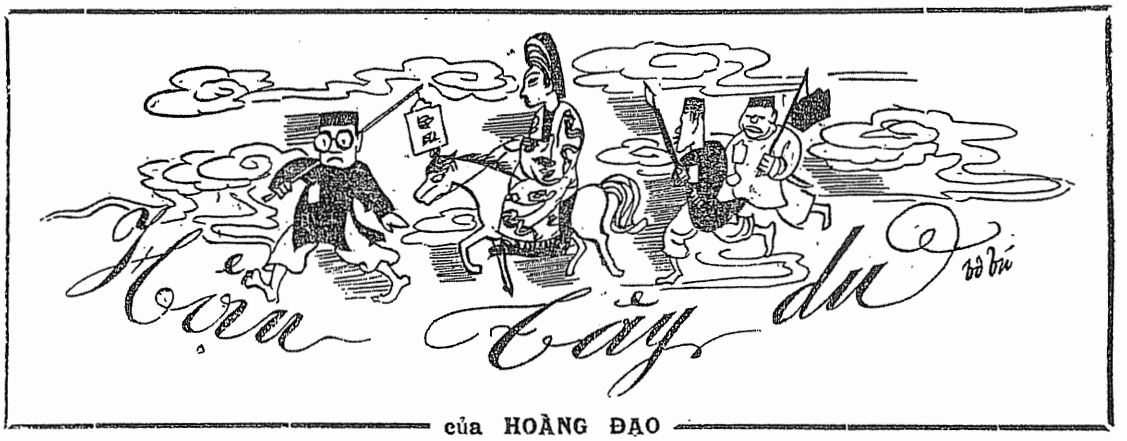

của HOÀNG ĐẠO

Lời Tòa soạn Thế Kỷ 21: Để độc giả biết thêm một khía cạnh viết lách của Hoàng Đạo, chúng tôi xin trích đăng lại bài Hậu Tây Du của ông viết trên tuần báo Ngày Nay từ số 170, ra ngày 15.7.1939 đến số 175 ra ngày 22.8.1939. Bài viết theo thể trào phúng đả kích một nhân vật quyền thế đương thời là ông Phạm Quỳnh giúp ta hình dung được không khí làm báo cuối thập niên 30 của thế kỷ trước, cách đây 67 năm. Mặt khác, việc viết chuyện trào phúng để giễu cợt ông Phạm Quỳnh của báo Ngày Nay hoàn toàn có tính cách thời sự, nói lên các quan niệm khác nhau của thức giả thời ấy, không ảnh hưởng gì đến việc đánh giá công lao và sự nghiệp chung của Phạm Quỳnh đối với văn hóa Việt Nam như chúng ta đã và đang làm thời nay.

*

Thay lời tựa

Có người hỏi: tại làm sao lại có chuyện Hậu Tây Du này?

Xin trả lời rằng:

Ngày xưa, Tề thiên Đại thánh cùng hai sư đệ phò Đường-Huyền-Trang đi lấy Kinh, trải qua bao nhiêu sự hiểm trở gian nan mới thành công quả. Người đời nhân đó mới đặt nên chuyện Tây Du, kỳ kỳ quái quái.

Ngày nay, Phạm Quỳnh tiên sinh, tuy phép thần thông không được bằng Đại- Thánh, náo được thiên đình, ăn trộm được tiên đan, nhưng cũng có lắm điều sở đắc, cũng đã có phép hô được quốc tiền quốc túy, cũng đã từng nhảy vô Hoàng Cung, đội mũ đi hia, và kể về mặt mũi hình dung thì còn xinh đẹp hơn Tôn ngộ Không nhiều.

Thế cho nên, Phạm tiên sinh phò Hoàng Hậu vượt biển như Tây, khó nhọc vất vả ra sao, mắt thấy tai nghe những gì, mơ ước nghĩ ngợi thế nào, chắc là còn kỳ kỳ quái quái gấp trăm gấp nghìn những sự kỳ quái trong chuyện Tây Du.

Nhân đó, mới đặt ra chuyện Hậu Tây Du này vậy.

*

HỒI THỨ NHẤT

Hương Quỳnh thơm nức đốt Nam Quốc.
Kỳ Nhân thụ giáo động Nam Phong.

Kể từ đời Bàn Cổ mở mang, Tam Hoàng trị đời cho đến Ngũ Đế định ra luân thường, thế giới phân ra làm bốn châu lớn là Đông-thắng thần-châu, Tây-ngưu-hạ-châu, Nam-chiêu-hộ-châu và Bắc-câu-lư-châu. Ở Nam-chiêu-hộ-châu, tục gọi là Cựu-Á-châu, phía Đông Nam có một nước gọi là Việt Nam quốc, có tên nữa gọi là nước Annam.

Nước Annam trải qua mấy nghìn năm bỗng sinh ra được một kỳ nhân họ Phạm. Tục truyền rằng lúc sinh ra kỳ nhân, trong phòng sực nức mùi hoa quỳnh, nhân đó mới đặt tên là Quỳnh. Cậu bé Phạm Quỳnh từ đấy bú sữa mẹ, rồi lớn dần lên, mọc răng, ăn được cơm, nói được tiếng người, biết đi đứng cười đùa và làm nhiều việc kỳ lạ như thế nữa. Đến năm vỡ lòng, bỗng biết cắp sách, biết tập viết, tập học, và vì thế nổi tiếng là thần đồng trong bọn trẻ con.

Thời gian thấm thoát, cậu thần đồng không mấy chốc đã lớn khôn, thân thể nở nang, tâm trí mở rộng, nhưng không biết tự đâu hai con mắt ngày càng kém vẻ tinh thần. Bỗng một hôm, cậu nhìn thấy trong một cửa hàng kia một vật gì tựa tựa như cặp mắt trong và tròn, vội vàng vào mua.

Ướm thử vào mắt, thấy mắt trở nên tinh tường lạ lùng, cậu mừng rỡ hoa chân múa tay, chắp tay vái bốn phương trời mà rằng: "Thật là trời tựa ta." Cặp mắt ấy sinh ra hai đạo kim quang chiếu lên Đẩu phủ làm kinh động đức Ngọc hoàng. Ngọc hoàng ra ngự Kim Khuyết, thấy có ánh sáng dưới hạ giới chiếu lên, bèn sai Thiên lý Nhỡn và Thuận phong Nhĩ ra mở thiên môn dòm xuống. Một lát, hai tướng về tâu rằng: chỗ tia sáng ấy là do cặp mắt một kỳ nhân ở nước Nam thuộc Nam-chiếu-hộ-châu chiếu lên. Ngọc hoàng phán rằng cặp mắt ấy là cặp kính trắng, một vật dưới hạ giới làm bằng thủy tinh không lấy gì làm lạ. Đoạn, Ngài bãi chầu.

Nói về kỳ nhân từ ngày được cặp kính coi như một bảo bối hộ thân và từ đó sinh ra chí tu thân, đem bảo bối kia ra luyện sớm tối. Chẳng bao lâu, bốn con mắt nhìn vào thiên kinh vạn quyển, nào sách của các bậc danh nhân bên Tây-ngưu-hạ-châu, nào sách của Trung-hoa cổ nhân, kỳ-nhân đều nhập tâm. Ngày kỳ nhân thành tài là ngày kỳ-nhân đỗ bằng Thành chung, thời ấy gọi là bằng tân-học cử nhân, và bổ vào chức thư ký trường Viễn đông. Lúc đó, người ta nhận ra kỳ nhân đã xuất tướng linh, thân cao dong dỏng, mặt trắng và tròn như vành nguyệt, lưng rộng và gù như lưng gấu, tiếng nói oang oang. Chân dận đôi giày da bóng, thân khoác chiếc áo đoạn đen loáng, đầu chít cái khăn nhiễu chững chạc, trông ra có vẻ tiên phong đạo cốt lạ thường.

Kỳ nhân từ ngày đại đăng khoa, lấy vợ đẻ con, chí bình sinh đã thỏa được ít nhiều nên có vẻ yên vui sung sướng. Nhưng một hôm, kỳ nhân được mục kích một cảnh tượng lộng lẫy, khiến kỳ nhân bồi hồi cảm hứng. Kỳ nhân được trông thấy trong một kỳ đại hội mấy kỳ đại thần, đầu đội mũ cánh chuồn, chân đi giày ủng, mình mặc áo chào lộng lẫy, lóng la lóng lánh, kỳ nhân ngây người ra nhìn không chớp mắt. Trông người lại ngẫm đến ta, kỳ-nhân cảm thấy tủi thân là kẻ bạch đinh, ứa hai hàng lệ mà than rằng: "Được đội mũ cánh chuồn thì thật là chết cũng thỏa."

Ý nghĩ ấy vừa lởn vởn trong óc thì kỳ nhân bỗng thấy hai bên tai văng vẳng tiếng nói: "Học đạo Nam Phong" đó là tiếng thần linh mách bảo.

Từ đó, kỳ nhân dốc lòng đi tìm thầy học đạo. Một ngày kia, kỳ nhân đương đủng đỉnh ở đất Thăng Long, bỗng có ngọn gió hây hẩy từ phương nam thổi đến. Kỳ nhân đánh hơi ngửi thấy mùi lạ, bèn theo dõi ngọn gió đi về phía hàng Da. Thì bỗng tự nhiên hiện ra một tòa nhà đột ngột ở giữa phố như một ngọn cô phong ở giữa đám quần sơn vạn hạc. Kỳ nhân chẳng sợ gì hùm beo, nhanh nhẹn bước vào trong. Đang ngắm phong cảnh, bỗng vẳng nghe trong phòng tối như cái động có tiếng rì rầm, kỳ nhân bèn len lỏi đi vào lắng tai nghe té ra tiếng hát. Hát rằng:

Ngày ngày trông ngọn gió Nam,
Đưa hương quỳnh đến để làm phép tiên
Du hồn Nam quốc liên miên
Rồi ra chân trắng mọc lên cánh chuồn.

Phạm Quỳnh nhân nghe đoạn mừng rỡ mà rằng: thần tiên ở chốn này rồi. Liền vội vã đẩy cửa vào, và hơi ngạc nhiên khi thấy một người mắt xanh như mắt mèo, ở giữa cằm có một cái rãnh chạy thẳng từ trên mồm xuống, đương ngồi mỉm một nụ cười bí mật.

Kỳ nhân bèn lại gần nói rằng:

- Thưa lão thần tiên, đệ tử xin bái kiến.

Người mắt xanh vội vàng đứng dậy đáp lễ mà rằng:

- Ông nhầm rồi, tôi có phải là thần-tiên đâu.

Kỳ nhân khẩn khoản thưa rằng:

- Đệ tử quả không nhầm. Câu hát vừa rồi của sư phụ, đệ tử thấy vang lên những ý tưởng tiên tri, quả là một câu hát của một vị tiên. Dám xin sư phụ dủ lòng thương mà thâu nạp, đệ tử sẽ hết lòng phụng sự.

Người mắt xanh nhắm mắt lại ngồi yên, không nói nửa lời. Phạm kỳ nhân lại đập đầu kêu van:

- Đệ tử một lòng tìm đạo, đến nay mới có diễm phúc gặp được sư phụ, cúi xin sư phụ thương đệ tử với.

Người mắt xanh lại tỏ vẻ giận dữ mà rằng:

- Ai là sư phụ của nhà ngươi!

Kỳ nhân vẫn phủ phục kêu van tha thiết. Hồi lâu, người mắt xanh bèn đổi vẻ giận dữ ra vẻ mỉa mai, cười mà nói rằng:

- Đã vậy ngươi giơ tay ra đây.

Kỳ nhân vội vàng đến gần cung kính chìa hai tay ra. Người mắt xanh bèn khạc vào tay kỳ nhân một miếng đờm lớn rồi mỉm một nụ cười chế nhạo:

- Đấy! Phép tiên của ta chỉ có thế, nhà ngươi có thích thì nuốt đi.

Phạm kỳ nhân định nhỡn nhìn bãi đờm, rật mình kinh hãi. Bãi đờm màu xanh, nổi lên những tia màu đỏ thắm, kể người thường trông thấy hẳn phải lợm giọng, dẫu ai bảo nuốt xong là thành tiên phật cũng không dám bỏ vào miệng. Nhưng kỳ nhân không phải là người thường, cố giương mục kỉnh để ngắm kỹ của vưu vật ấy. Thì bỗng mục kỉnh hóa ra cặp kính hiển vi, và dưới cặp

kính đó, bãi đờm hóa to lên gấp bốn năm trăm lần.

Không hay cảm động như kỳ nhân cũng đâm ra hoảng hốt. Vì trong bãi đờm, kỳ nhân trông rõ từng đám vi trùng lớn bằng những con dòi một, lổn ngổn bò ngang bò dọc. Kỳ nhân vội nhắm nghiền mắt lại, nhưng trước mắt, vẫn thấy hiện ra màu xanh rùng rợn của bãi đờm. Kỳ nhân buồn rầu mà nghĩ rằng:

- Ta bây giờ thật là khó xử. Nuốt ư? Không nuốt ư? Trời ơi! biết làm sao đây.

Nhưng Kỳ nhân thấy trong tâm trí nẩy ra ý tự kiêu rằng tình cảnh của kỳ nhân lúc ấy giống tình cảnh của các nhân vật của nhà kịch sĩ Corneille. Và một cuộc tranh đấu kịch liệt làm náo động linh hồn lớn lao của Kỳ nhân. Mặt Kỳ nhân lúc hồng hào, vui vẻ, lúc tái ngắt.

Bỗng Kỳ nhân nức nở khóc rằng:

- Nuốt ư? Sẽ phải tự hạ nuốt cục đờm đầy vi trùng ghê gớm, lỡ ra mang hận suốt đời.

Rồi lại nức nở cười rằng:

- Nhưng nuốt đi sẽ được học đạo, sẽ thoát được cái xác thịt bạch đinh mà bay lên cao vót.

Đoạn, lại cười lên ba tiếng:

- Không nuốt ư? Sẽ khỏi phải chịu cái khổ nhục nuốt đờm.

Nhưng lại khóc luôn ba tiếng:

- Nhưng không nuốt thì cái công tìm thầy học đạo chẳng hóa ra uổng lắm ru.

Và Kỳ nhân nghĩ đến những người đời xưa đi tu tiên cũng phải chịu khổ nhục nuốt đờm. Kỳ nhân bèn cười một mắt, khóc một mắt, rồi lấy hết can đảm há miệng thật to như miệng cá ngão, ném tuột cục đờm vào miệng nuốt thật nhanh. Tức thì một thứ mùi kỳ dị xông lên, rồi kỳ nhân thấy bụng sôi lên sùng sục. Trong lúc ấy người mắt xanh hả hê lắm.

Phạm kỳ nhân nuốt xong, thấy thân thể tự nhiên trở nên nhẹ nhàng, rất lấy làm sung sướng, vội phủ phục trước mặt người mắt xanh. Người mắt xanh nín cười mà bảo rằng:

- Nhà ngươi có thể dạy được. Chịu khổ nhục đã khá lắm rồi. Miếng đờm nhà người vừa nuốt, ta đã khổ công lấy khinh khí luyện cho đặc lại, nay vào trong bụng nhà ngươi sẽ làm cho thân thể biến ra nhẹ nhàng có thể bay lên cao được.

Phạm kỳ nhân rập đầu lạy ta, mừng rằng đã nuốt được một bảo bối. Nhưng từ đấy, kỳ nhân đâm ra chứng đau dạ dày và màu da trở nên xanh xao như tẩm bằng màu xanh của miếng đờm tiên kia vậy. Âu cũng là thiên số đã định như vậy.

Người mắt xanh lại nói tiếp:

- Ta là Mạc-tiên chân-nhân, thấy ngươi lòng thành nên ta rời động phủ ở bên Tây-phương sang đây chỉ bảo cho nhà ngươi. Nay đã làm đệ tử ta, thì ta đặt cho hỗn danh là Thượng-Chi.

Kỳ nhân vui mừng nhảy nhót mà rằng:

- Đa tạ Sư-phụ, từ nay tôi có tên là Thượng-Chi.

Từ đó Thượng-Chi ở lại động Nam Phong. Mạc-tiên chân-nhân sai đồng tử dạy bảo quét tước, thưa gửi, rồi ngày ngày đến Hoàng đình đứng hầu nghe giảng kinh bàn đạo, quét động thắp hương.

Thượng-Chi làm công việc kia dần dà đã được bảy năm. Có một hôm, chân-nhân lên đàn hội họp các vì tiên giảng đạo. Thượng-Chi đứng cạnh nghe giảng mặt mày hớn hở, hoa chân múa tay. Chân nhân trông thấy bèn gọi lại gần hỏi vì cớ gì lại điên cuồng như vậy.

Thượng Chi nói:

- Đệ tử thành tâm nghe giảng rất lấy làm vui sướng, nên hóa ra vô lễ như thế, dám xin Sư phụ tha tội cho.

Chân nhân nói:

- Ngươi đã biết thế thì cũng có ngạo cốt. Vậy ta hỏi ngươi đến động này được mấy năm rồi.

Thượng Chi đáp:

- Đệ tử không rõ là bao lâu; chỉ nhớ rằng đi vào sau động kiếm củi thấy một cây đào quả ngon lắm đã bảy lần ăn đào.

Chân nhân nói:

- Núi ấy là Lan-đào-Sơn, ngươi đã bảy lần ăn đào, tức là bảy năm rồi. Ngươi theo ta kể như vậy cũng đã lâu, vậy người muốn học đạo nào?

- Xin Sư phụ chỉ giáo cho.

Chân nhân nói:

- Đạo học cả thảy ba mươi sáu môn đều là chính quả, chẳng hay nhà ngươi định học về môn gì?

Thượng Chi nói:

- Xin tùy ý sư phụ.

Chân nhân nói:

- Ta dạy ngươi đạo Thuật tự môn trung, ngươi có bằng lòng không?

Thượng Chi hỏi:

- Thuật tự môn trung là thế nào?

Hỏi rồi đứng ngẩn người ra.

Muốn biết sự thể thế nào, xin xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ HAI

Biết lẽ trước, Mạc-chân-nhân diệu toán
Luyện đờm đơn, Phạm Thượng-Chi thành tiên.

Nói về Thượng-chi nghe Mạc tiên chân-nhân hỏi có muốn học đạo Thuật-tự môn trung hay không, Thượng Chi ngẩn người ra mà hỏi rằng:

- Thuật-tự môn trung là thế nào?

Mạc tiên đáp:

- Là học mỹ thuật, hoặc vẽ sơn, hoặc học kiến trúc, hoặc nặn tượng.

Thượng chi hỏi:

- Có thể đội mũ cánh chuồn được không?

Chân nhân đáp: không được.

Thượng Chi nói: thế thì không học.

Chân nhân nói:

- Hay là ta dạy ngươi đạo Nông tự môn trung.

Thượng Chi hỏi Nông-tự môn trung là nghĩa thế nào.

Chân nhân nói:

- Là học vác cày, chăn trâu, cấy lúa, giã gạo.

Thượng Chi hỏi:

- Có thể mất bạch đinh được không?

Chân nhân cười đáp:

- Không được, nhưng cũng được ung dung tự tại, sung sướng lúc lúa chín, nghêu ngao hát đêm trăng trung thu.

Thượng Chi lắc đầu một cách quả quyết.

Chân nhân bèn nói:

- Thế ta dạy ngươi đạo Thương lý an chu vậy.

Thượng Chi hỏi:

- Đạo Thương lý an chu là nghĩa thế nào?

Chân nhân đáp:

- Cũng thí dụ như đi mua giá rẻ, rồi đem bán lấy lời, tiền lợi súc tích để mua nhà cửa ruộng nương, cứ như thế mãi.

Thượng Chi nói:

- Như thế thì chỉ có thể giàu có, chứ không sinh ra mũ cánh chuồn được, đệ tử không học.

Chân nhân nói:

- Hay là ta dạy ngươi đạo Bốc tự môn trung.

Thượng Chi hỏi thế nào là Bốc tự môn trung.

Chân nhân nói:

- Đạo ấy cứ ngồi yên, đeo kính đen, rồi bấm đốt ngón tay, ý kiến gì đến là nói ra miệng, không cần nghĩ ngợi gì mà cũng đủ cơm ăn.

Thượng chi nói:

- Đệ tử không cốt ăn cơm, chỉ cốt đội được mũ cánh chuồn, đeo được bố tử mà thôi.

Chân nhân nói:

- Muốn thê thì phải học đạo Tĩnh tự môn trung.

Thượng Chi hỏi:

- Tĩnh tự môn trung là đạo gì?

Chân nhân nói:

- Là đạo ở trong hang tĩnh mịch gõ mõ ăn chay hay giả là ăn chay cũng được.

Thượng Chi nói:

- Có thể có mũ cánh chuồn được chăng?

Chân nhân đáp:

- Cũng có khi gặp may thì cũng hóa ra Tăng-Cương hay Thiếu-Bảo được, nhưng thường ra thì chỉ được mặc áo cà sa.

Thượng Chi đáp:

- Nếu thế thì đệ tử không học.

Chân nhân nói:

- Hay là ta dạy ngươi đạo Luật tự môn trung.

Thượng Chi lại hỏi là thế nào.

Chân nhân đáp:

- Là đi học luật, cố đi thi đỗ tri huyện, rồi luyện dần chiếc thẻ bài ngà cho to lớn ra, có thể đội được mũ cánh chuồn, đeo được cân đai bố tử.

Thượng Chi hỏi:

- Có chóng đeo được cân đai bố tử không?

Chân nhân đáp:

- Chóng ra thì 20 năm, chầy ra thì 30 năm. Có khi bạc đầu cũng chỉ vẫn chiếc thẻ bài kiểm thảo nho nhỏ.

Thượng Chi nói:

- Thế thì lâu quá, đệ tử không học.

Chân nhân tức giận nhảy xuống đài, tay cầm cây tầm xích mắng rằng: "Mày tham lam quá độ, ban nào cũng chẳng muốn học". Liền lấy tầm xích đánh vào đầu Thượng Chi ba cái rồi quay lưng đi vào phía trong.

Các đồ đệ ai nấy đều sợ hãi đổ lỗi tại Thượng Chi. Riêng Thượng Chi hớn hở vui mừng, không tỏ vẻ phiền não gì.

Lui về phòng, Thượng Chi tự nghĩ rằng: sư phụ

đánh ta ba cái tầm xích, nghĩa là bảo ta đến canh ba thì vào Động sẽ truyền đạo cho.

Với ý nghĩ ấy, Thượng Chi sắp sửa khăn áo để đợi nửa đêm.

Giờ tí, giờ của sự tối tăm, ám muội. Thượng Chi lẻn ra cửa sau thấy không cài then vội đẩy cửa đi vào thấy Tổ sư đang ngủ không dám làm kinh động, quỳ ở trước giường Hồng kông. Một lát, Tổ sư thức giấc, ngồi dậy cầm chai rượu *cognac* rót một cốc uống rồi than rằng:

- Đạo thị thông huyền biết tìm ai mà truyền thụ.

Thượng Chi nghe nói vội kêu lên rằng:

- Trăm lạy sư phụ, đệ tử đến hầu quỳ đợi đã lâu.

Tổ sư biết đích là Thượng Chi bèn quát rằng:

- Loài ăn-na-mít kia, không đi nghỉ đến đây làm gì?

Thượng Chi nói:

- Dám thưa sư phụ, hôm qua ở trước đàn sư phụ có bảo đệ tử đến hồi canh ba thì đi cửa sau vào hầu sư phụ.

Tổ sư nghe nói ngẫm nghĩ rằng tên này quả nhiên là một kỳ nhân trời đất sinh thành nên hiểu ý ta.

Thượng Chi nói ở đây vắng vẻ chỉ có một mình đệ tử, xin sư phụ chỉ giáo cho đạo làm quan to.

Tổ sư nói: Ngươi đã hiểu câu nói của ta thì lại gần đây ta dạy cho.

Tổ sư bèn đưa cho Thượng Chi một quyển Kim Vân Kiều thiên thủ và một bảo bối hình cái điếu hút thuốc lào gọi là "Quốc túy bảo vật" rồi lẩm dẩm đọc hồi lâu.

Thượng Chi lắng nghe, nghe đến đâu nhớ đến đấy, rồi lạy tạ Tổ sư đem thiên thủ và bảo bối về thiên môn, ngày ngày ôn đọc luyện tập, thấm thoát đã qua ba năm.

Có một hôm Tổ sư lại lên ngự trên bảo tọa, các đệ tử cùng đứng nghe giảng. Bỗng Tổ sư hỏi Thượng Chi đâu.

Thượng Chi đến gần quỳ xuống.

Tổ sư hỏi: Từ trước đến nay ngươi "học tập đã tinh thông chưa."

Thượng Chi thưa rằng:

- Lâu nay đệ tử học tập phép thuật cũng đã hơi thông.

Tổ sư nói: "như vậy ngươi còn cần phải phòng bị cái hạn tam tai."

Thượng Chi rập đầu kêu xin Tổ sư dủ lòng dạy cho tránh khỏi hạn ấy. Tổ sư báo rằng có một ban là Thiên la số biến hóa thành 36 ban và một ban Địa sát số biến hóa thành 27 ban. Thượng Chi xin học ban địa sát biến hóa.

Tổ sư bèn dủ lại gần và ghé vào tai truyền cho Thượng Chi diệu pháp Địa sát biến hóa mà người ta gọi là thôi miên thuật. Thượng Chi vốn thông minh chẳng bao lâu thông hiểu 27 ban biến hóa.

Lại một hôm, Chân nhân cùng đồ đệ du ngoạn ở phương đông.

Chân nhân hỏi Thượng Chi:

- Hỡi Thượng Chi, ngươi học tập đã thông hiểu chưa?

Thượng Chi nói:

- Đội ơn sư phụ dạy bảo, đệ tử cố công tu luyện đã có thể nhảy cao lên mây được rồi.

Chân nhân dạy Thượng Chi nhảy thử coi. Thượng Chi liền lắng mình nhảy lên trên không cách xa mặt đất chừng năm sáu thước ta rồi lại nhảy xuống trước mặt Chân nhân mà rằng:

- Dám thưa sư phụ, đấy là phép đằng vân.

Mạc tiên chân nhân trông thấy Thượng Chi nhảy cao lên được năm, sáu thước ta bật buồn cười mà bảo rằng:

- Nhảy như vậy thì chẳng cần là lực sĩ mới nhảy được, không phải là phép đằng vân đâu. Phép đằng vân, nhà ngươi khá nhận rõ, là buổi sớm bắt đầu đi từ Đông Hải, qua Thái Bình dương, Mỹ châu, Đại tây dương vòng về Ấn độ dương lên Bắc băng dương xuống Nam băng dương, một ngày đi được khắp năm biển lớn, thế mới gọi là đằng vân.

Thượng Chi nói:

- Như thế thì dẫu ngồi trên chiếc phi cơ tối tân cũng không được, thật là khó lắm.

Chân nhân đáp:

- Ở đời không có sự gì là khó hết, chỉ sợ không có công đấy thôi.

Thượng Chi dập đầu vái lạy xin sư phụ dạy phép đằng vân.

Tôn sư gật đầu, miệng đọc chân ngôn, rồi khoác cánh tay Thượng Chi lắng mình nhảy lên mây đi xa chừng 10 vạn ngàn dặm, đến lúc tới bóng ngả về chiều hai thầy trò lại trở về động.

Từ đấy, Thượng Chi luyện phép đằng vân, chẳng bao lâu nhảy đã cao và đã xa, một bước có thể quá 600 cây lô mét, từ Hà-nội vào Huế.

Một ngày kia, Thượng Chi cùng các chúng bạn đứng chơi ở vườn hoa con cóc. Chúng nói: hỡi Thượng Chi sư huynh! ngày nọ lão sư dạy sư huynh phép biến hóa có phải không?

Thượng Chi vừa cười vừa nói: "Bỉ nhân chẳng dám giấu gì các sư huynh, một là nhờ sư phụ chỉ

giáo, hai là tiểu đệ có công tu luyện nên mới biết được."

Chúng đều đòi diễn cho xem, Thượng Chi nói:

- Xin các sư huynh ra một đầu đề bảo biến hóa thế nào.

Chúng bảo thử biến hóa hệt con rồng, bay lượn trên cái bể nước. Thượng Chi miệng đọc thần chú lắng mình biến thành ra một con rồng đất, miệng phun nước trắng xóa, kêu lên: "Rồng Nam phun bạc, đánh đổ Đức tặc."

Chúng thấy vậy cười ầm lên, làm kinh động đến Mạc tiên chân nhân. Chân nhân lập tức xách cây ba-toong đi ra cửa hỏi rằng:

- Ai làm huyên náo ngoài ấy, thật là không phải người tu hành.

Chúng đều sự thực kể lại và xin lỗi chân nhân.

Chân nhân gọi Thượng Chi đến mắng rằng:

- Nhà ngươi có ít pháp thuật dám khoe khoang trước mặt mọi người, không đáng làm học trò ta.

Thượng Chi dập đầu vái lạy kêu rằng:

- Xin sư phụ tha tội cho.

Chân nhân nói:

- Ta không bắt tội nhà ngươi, ta đi đây.

Thượng Chi nghe nói ứa hai hàng lệ, kêu nài Chân nhân ở lại chỉ giáo.

Chân nhân nói:

- Ta không nhiều lời. Ta đi, về sau này nhà ngươi chắc làm điều ngộ nghĩnh gây vạ đến ta, thế thì không được nói là học trò ta. Nếu nhà ngươi nói ra, ta sẽ bắt đem cắt da rạch ruột giam vào nơi cửu-u không bao giờ lên được nữa.

Thượng Chi nhất nhất vâng lời.

Chân nhân bèn niệm thần chú, một trận cuồng phong nổi lên, cát bụi bay mịt mù, khiến Thượng Chi tối tăm cả mặt mũi. Đến lúc mở được mắt ra nhìn, thì Mạc tiên cùng cảnh đồng núi chung quanh đều biến mất, Thượng Chi thấy mình đứng ở trong một cái nhà gác ở phố hàng Da, nhìn ra ngoài đường thấy xe cộ tấp nập đi lại. Thượng Chi buồn rầu buồn rĩ, cố tìm mọi xó xem còn dấu vết của người tiên chăng, nhưng tuyệt nhiên không thấy gì. Mãi sau lúc bước chân ra cổng thấy một cái biển đen, nét hai chữ vàng Nam Phong còn rõ rệt, Thượng Chi mới mừng rỡ nghĩ thầm rằng gặp tiên không phải là trong giấc chiêm bao và mũ cánh chuồn không phải là một mục đích xa xôi quá.

Từ đấy, ngày đêm tu luyện những bảo bối để phòng khi ứng dụng, Thượng Chi đi dần đến bực cánh-chuồn-địa-tiên. Thượng Chi thu thập đồ đệ, kết liên với bọn Hạn mạn du Vương, Tùng vân đạo nhân Mân châu vương, Đông chân vương Thiếu sơn vương, để xây dựng Nam Phong động vững như thể thành vàng. Thanh thế dần dà lẫy lừng, làm kinh động đến quái thú, các núi và yêu vương các xứ, đâu đâu cũng phải đến yết kiến Phạm địa tiên, Thượng Chi lấy làm khoái chí lắm, nhưng vẫn có một điều chưa vừa ý bèn ngỏ cho đồ đệ biết:

- Các ngươi luyện tập đã đủ, duy ta còn thiếu một môn khí giới để hộ thân.

Mân châu vương bước ra nói rằng: Đại tiên là bậc cao quý, binh khí thường thật chẳng đáng dùng, nhưng bên Anh quốc có nhiều khí giới lạ lùng: Đại tiên sang đấy mượn thì mới vừa lòng.

Thượng Chi nghe nói lấy làm mừng lắm, liền chạy ra ngoài đằng vân vào Bác cổ trường nghiên cứu các thứ binh khí của nước Anh. Thượng Chi bay lùi mãi về quá khứ, đến tìm thấy những hiến pháp nặng nề của Anh quốc nằm nguyên trong lịch sử, hào quang chiếu ra rực rỡ. Thượng Chi lại gần xem té ra một cây chùy to bằng cái thúng. Thượng Chi hai tay vừa lay vừa nói: cái này khí to, ước gì nhỏ lại mới dùng được. Nói dứt nhời, bảo bối ấy liền nhỏ ngay lại.

Thượng Chi mừng lắm nói rằng: đây là cây "như ý hiến pháp chùy" ta muốn to được to, muốn nhỏ được nhỏ, có thể biến hóa ra một chiếc tú-hoa-trâm gài ở mai tai. Rồi lại sục sạo một hồi tìm được ở tây phương một bộ áo giáp da báo và một cái mũ trụ văn sĩ quán.

Thượng Chi bèn đội mũ, mặc áo cầm cây như ý đằng vân về động.

Đồ đệ trông thấy đều quỳ xuống nói rằng: Đại tiên có bộ khôi giáp đẹp quá.

Thượng Chi mặt mày hớn hở bảo đồ đệ rằng: "Da báo hiện hãy còn nhiều, ta đi lấy cho đồ đệ mỗi người một chiếc." Nói đoạn đằng vân đi liền, một lát sau trở về với một gói áo giáp da báo phân phát cho mỗi đồ đệ một chiếc. Vì thế từ đấy, Nam Phong động mới đổi tên là Nam-Phong Báo-Động.

Từ đó Thượng Chi khiển Hạn-mạn-du-vương khua chiêng đánh trống luyện tập binh tướng, không bao lâu trên 33 nơi thiên cung, dưới 18 từng địa ngục, cùng yêu vương khắp 72 động, đều quay về triều phục, xin mỗi năm một lần cống hiến 6đ.00.

Bỗng một hôm, có tiểu yêu chạy vào động báo rằng có một vị xưng là Tản-đà trích tiên đến chơi. Thượng Chi bèn ra nghênh tiếp vào cung phân tân chủ. Trè nước xong, Thượng Chi mới

hỏi rằng:

- Thượng tiên đắc đạo bao giờ, có điều gì đến dạy bỉ nhân?

Trích tiên đưa hai quyển thiên thư "Khối tình con" và "Giấc mộng con" ra cho Thượng Chi mà bảo rằng:

- Bần đạo luyện được hai vật bảo bối nầy, muốn đem tặng sư huynh.

Thượng Chi xem xong bĩu môi mà bảo rằng:

- Mộng mị lắm, sư huynh nên bỏ con đường tà đạo thơ thẩn để mà theo lời của bỉ nhân.

Trích tiên giận lắm mắng lại, rồi tung bầu hồ lô lên đánh Thượng Chi.

Muốn biết sự thể ra sao, xin xem hồi sau phân giải.

HỒI THỨ BA

Quan phòng Trước-tác lòng chưa thỏa
Tước tới Nghị-viên ý chửa yên.

Nói về Tản Đà trích tiên nghe Thượng Chi nói riễu nổi giận cầm hồ lô tung lên đánh. Rượu trong hồ lô tuôn ra như nước suối, chưa đầy một giờ đồng hồ đã tràn ra mênh mông như nước lụt, khiến lũ tiểu yêu chết đuối không biết bao nhiêu mà kể.

Duy có Thượng Chi cười ha hả mà rằng:

- Trích tiên kia không có mắt. Cái phép nho nhỏ ấy thì làm gì nổi ta.

Nói xong bèn hóa ra một con quạ khoang bay lên trên không rồi xuống thẳng đến trước mặt Trích tiên hiện nguyên hình cầm hiến pháp dùng nỗ lực đánh xuống. Trích tiên giơ hồ lô đón đánh. Được hai mươi hợp, Trích tiên không địch nổi bèn hóa ra một luồng lửa bay về phương Nam.

Thượng Chi không đuổi, quay về ha hả cười, lấy làm đắc chí lắm.

Đây nói về Ngọc hoàng Thượng Đế có một hôm ra ngự giá ở linh tiên bảo điện, hội họp các vị thần viên lại chầu, bỗng thấy sát khí ở Nam phương bay lên ngùn ngụt, bèn sai Thiên lý Nhỡn ra xem. Một giây sau, Thiên lý nhỡn trở vào tâu rằng:

- Đó là cuộc tranh đấu của Tản trích tiên với một yêu tinh xuất hiện ở An-nam quốc.

Ngọc Hoàng nổi giận phán rằng:

- Thân danh là một tên tiểu yêu mà dám hung hăng, làm kinh động đến Trẫm, đáng khép vào tội khi quân. Vậy có thần tướng nào xuống hạ giới đánh bắt tên yêu ấy không?

Ngọc đế hỏi chưa rốt lời, có Lễ bộ thượng-thư-tinh phủ phục tâu rằng:

- Muôn tâu Ngọc hoàng, tên yêu ấy đã có công tu luyện, cùng loài người chẳng khác gì, cúi xin Bệ hạ khá nghĩ ơn sinh hóa ban một đạo thánh chỉ chiêu an, phong cho một chức quan nho nhỏ, nếu chịu mệnh trời sẽ thăng thưởng cho, ví bằng trái mệnh sẽ sai đi bắt, một là không rối động đến quân, hai là mở lòng hiếu sinh.

Ngọc hoàng lấy làm phải, liền sai văn-khúc-tinh viết chiếu chỉ, rồi sai Lễ-bộ kim-tinh đem chiếu chỉ đi chiêu an. Kim tinh lĩnh chỉ ra cửa Nam thiên môn cưỡi mây xuống Nam Phong động bảo các tiểu yêu rằng:

- Ta nay là thiên sứ trên trời xuống có thánh chỉ đem theo, ngươi khá mau báo Đại vương ngươi biết.

Tiểu yêu vội chạy vào thông báo với Thượng Chi. Thượng Chi vội vàng đội mũ đeo mục kỉnh ra đón vị Kim tinh vào trong động.

- Ta là Lễ bộ Kim tinh vâng chỉ Ngọc hoàng xuống xách phong cho ngươi được liệt vào sổ các hàng thần-tiên.

Thượng Chi vừa cười vừa nói:

- Đa tạ lão tinh giáng lâm. Chẳng hay Thượng đế ban cho bỉ nhân chức gì?

Kim tinh đáp:

- Thượng đế thấy nhà ngươi giỏi về khoa mồm mép nên phong cho ngươi chức Hàn lâm trước tác tiên.

Thượng Chi mừng hớn hở, lòng lại nhủ lòng.

- Bõ công tu luyện từ đây.

Bèn thắp hương án hướng lên trời lạy tạ, đoạn mời Kim tinh ở lại uống rượu tẩy trần. Kim tinh từ tạ về trời. Thượng Chi ở lại như mở cờ trong bụng, vội vàng sai tiểu yêu đi làm một chiếc thẻ bài ngà đề sáu chữ son đỏ chói "Hàn lâm viện trước tác tiên" và treo ngay ra trước cửa Động Nam Phong Báo để khoe danh cùng thiên hạ.

Từ đó, Thượng Chi ngày ngày luyện chiếc thẻ bài, cùng với bọn Kiểm thảo tiên và Đãi-chiếu tiên cùng ngồi một chiếu.

Thì giờ thấm thoát, Thượng Chi tại chức đã được vài năm. Một hôm được tin Hạn-mạn-Du-Vương được triệu về kinh nhậm chức quang lộc tự khanh. Thượng Chi nghĩ tình bè bạn nên đặt ra một tiệc rượu tiễn chân.

Khi rượu uống đến nửa vời, Thượng Chi dừng chén lại hỏi rằng:

- Nguyễn hạn mạn vương huynh nay được triệu về kinh, rồi ra chẳng mấy lúc ngồi cao, tổng đốc trọng thần, thật là nhiều diễm phúc. Như ta nay,

đã có cái diễm phúc phong làm trước tác, chẳng hay các ngài có biết là chức gì không?

Chúng đáp rằng:

- Cũng là một chức quan.

Thượng Chi hỏi:

- Chức quan ấy mấy phẩm?

Chúng nói:

- Độ sáu phẩm.

Thượng Chi nói:

- Nhiều phẩm như vậy thì chắc là một chức quan rất lớn.

Chúng cười to đáp:

- Lớn chi mà lớn. Đó là một chức quan nhỏ, chẳng qua hơn hạng giải chiếu một nước, đến thẻ ngà cũng không được đeo, cầm như mũ cánh chuồn chỉ mọc có một cánh.

Thượng Chi nghe nói hầm hầm nổi giận mà rằng:

- Sao dám khinh lão tiên này thế! Lão tiên này đương ở động Nam Phong xưng hùng xưng bá, nay đi làm đứa đi hầu viết thư từ cho người, thôi ta không làm nữa.

Nói đoạn rút bảo bối chạy ra cổng động đập vỡ chiếc thẻ bài và giở bảo bối Nam Phong xóa hai chữ "trước tác" đi. Lúc bấy giờ, mới hả được cơn thịnh nộ.

Bỗng tiểu yêu chạy vào dâng một bức thư, nói rằng là của Văn-Vĩnh-tử gửi đến. Thượng Chi xem xong cười ha hả mà rằng:

- Tay này có lẽ là Quỷ-cốc-tử phục sinh nên mới biết rõ gan ruột ta như vậy.

Nói rồi, vội vàng mũ áo chỉnh tề đến Annam-mới động thăm Văn-Vĩnh-tử.

- Tiểu huynh viết thư cho đệ, chỉ đề hai chữ "Chính trị" là đủ biết lòng đệ lắm rồi. Vậy xin lĩnh ý tu theo con đường ấy từ đây.

Từ đó, Thượng Chi hạ sơn đến kết bạn với Văn-Vĩnh-tử, bắt đầu học phép Dân quyền và Nhân quyền, nghiền ngẫm Cộng-hòa-thiên-thư và nhập giáo Tam điểm-pháp-môn. Không bao lâu, tiếng tăm lừng lẫy Thượng Chi đã hóa ra một học-phiệt-tiên được các quái thú cùng yêu vương các nơi bầu lên làm Nghị-hàn đại vương.

Có một hôm, Nghị-hàn đại-vương ngồi nghĩ đến phép dân-quyền, vui vẻ nhìn về tương lai rực rỡ của Nam quốc, bỗng thiu thiu ngủ gật. Trong đám tường-vân, Đại vương thấy Mạc tiên chân nhân hiện ra mắng rằng:

- Đồ nghiệt súc kia, ngươi đi lầm đường rồi.

Thượng Chi sợ toát mồ hôi, giật mình tỉnh dậy, té ra một giấc chiêm bao, Thượng Chi buồn rầu ngẫm nghĩ, không hiểu câu nói của sư phụ ra làm sao:

- Sao sư phụ lại mắng ta? Ta tu luyện để thành cánh chuồn đại tiên; Văn-Vĩnh-tử chỉ cho ta phương pháp "chính trị" kể đã là hay vậy. Hay là Văn-Vĩnh-tử lừa ta chăng? Ta phải hỏi cho ra mối mới được.

Thượng Chi nghĩ vậy, lòng nóng như lửa đốt, vội vàng ra khỏi động, đằng vân đến thăm Văn-Vĩnh-tử.

Văn-Vĩnh-tử vác niên lịch thông thư ra tiếp. Hai người phân ngôi chủ khách ngồi, đồng tử dâng trà, Thượng Chi chắp tay vái Văn-Vĩnh-tử mà rằng:

- Đa tạ tiên huynh chỉ dẫn, bỉ nhân được đọc bấy lâu cuốn Cộng-hòa thiên-thư, thấy có chỗ không vừa ý, nên đến hỏi lại tiên huynh.

Văn-Vĩnh-tử nói:

- Về thiên nào?

Thượng Chi đáp:

- Về thiên bình đẳng. Bỉ nhân thiết nghĩ đã bình đẳng, thì làm gì còn phân biệt ra tà chính, ra tiểu yêu với cánh chuồn đại tiên.

Văn-Vĩnh-tử nói:

- Chính vậy. Không ngờ tiên huynh đã hiểu thấu đến nước ấy.

Thượng Chi nghe nói biến sắc mặt, lớn tiếng mắng rằng:

- Nếu vậy thì rõ mặt nhà ngươi về phái bàng môn tả đạo rồi, còn dám rủ rê ta đi lầm đường nốt.

Văn-Vĩnh-tử cũng nổi giận mắng lại:

- Loài nghiệt súc này sao không biết lẽ phải trái. Đường quang minh chính đại ta chỉ dẫn cho mà đi, lại đâm ra oán ta. Ta nhất định không tha.

Nói rồi, ném chén uống nước xuống đất. Thượng Chi cũng hầm hầm nhảy ra ngoài, rút hiến pháp chùy ra khiêu chiến.

- Mi có giỏi thì ra đây.

Văn-Vĩnh-tử nhảy lên ngựa sắt bịch bịch chạy ra cửa động không nói không rằng vác cây trực

trị đâm Thượng Chi. Thượng Chi khua cây hiến pháp chùy đón địch.

Hai bên đánh nhau hơn ba nghìn hợp không phân được thua. Văn-Vĩnh-tử ra oai hét lên một tiếng biến thành ba đầu sáu tay, mỗi tay cầm một thứ khí giới, nào là dây trực trị, gươm trực trị, gậy trực trị, đao trực trị, nào là tú cẩu hỏa luân, xông lại đánh. Thượng Chi cũng hóa phép thần thông biến thành ba đầu sáu tay, mỗi tay cầm một hiến pháp bảng cùng nghênh chiến. Hai người đánh nhau từ đầu giờ Dần đến cuối giờ Dậu mà vẫn không phân biệt hơn thua. Văn-Vĩnh-tử dừng tay nói rằng:

- Hôm nay tối rồi ngày mai ta sẽ cùng ngươi quyết phân thắng phụ.

Sáng hôm sau, Thượng Chi và Văn-Vĩnh-tử lại cùng nhau quyết một trận sống mái. Thượng Chi nghĩ thầm rằng:

- Tên yêu này quả nhiên lợi hại, đánh nhau với nó chưa chắc ta đã được. Chi bằng ta lấy bảo bối ra tay trước là hơn.

Bèn miệng niệm câu thần chú "có đồng đẳng mới bình đẳng được" tay ném cây quốc-hồn-phan lên trên không, bảo Văn-Vĩnh-tử:

- Trông bảo bối của ta đây này.

Văn-Vĩnh-tử trông lên, thấy cây quốc hồn phan tỏa hào quang ra nhắm thẳng vào đầu mình rơi xuống, vội thò tay vào túi quần lấy ra sợi thực-tế-thằng ném lên trên không. Hai cái bảo bối đụng nhau, tiếng kêu chan chát, nhưng không bên nào đánh ngã được bên nào. Thượng Chi thấy vậy bèn ném lên trên không cái điếu cầy quốc túy, Văn-Vĩnh-tử cũng tung lên cái vòng Âu-tây tư tưởng.

Hai bên giao chiến đang hăng, bỗng một tiểu yêu chạy đến nói nhỏ với Thượng Chi:

- Dạ bẩm đại vương, có Lễ bộ Kim tinh giáng lâm.

Thượng Chi nghe nói trong lòng mừng khấp khởi, bèn thu bảo bối về, nói với Văn-Vĩnh-tử:

- Hôm nay hãy tạm đình chiến. Mai ta sẽ đánh ngươi không còn mảnh giáp mà về.

Nói xong, đằng vân về động.

*

Nguyên các vị sơn thần thổ địa ở Hàng Da kinh động về việc Thượng Chi đập phá biển trước tác tiên và tập luyện phép Nhân quyền, vội vàng dâng biểu lên Thượng đế. Biểu rằng:

"Muôn tâu đế quân, tên trước tác tiên dám tự ý lộng quyền hủy bỏ biển trước tác của thiên cung, luyện phép hiến pháp và nhân quyền, làm náo động nhân tâm, cúi xin Thượng đế sai thần binh đi bắt để trị tội. Nay cẩn tấu."

Xem xong biểu, Ngọc hoàng rật mình mà nói rằng:

- Sao nó dám càn rỡ như thế? Nên sai các thiên tướng đi đánh giết đi.

Lễ bộ Kim tinh bước ra phủ phục tâu rằng:

- Sai binh tướng đi đánh nếu không thu phục được sẽ thêm nhọc nhằn quần chúng, chi bằng mở lượng từ bi cho nó làm Giáo dục cánh chuồn thượng tiên để nuôi lấy lòng tà của nó.

Ngọc hoàng chuẩn tấu, bèn ban chiếu thư sai Lễ bộ Kim tinh đem đi. Kim tinh đi ra thiên môn đến thẳng Nam Phong động thấy oai phong lẫm liệt sát khí đằng đằng liền bảo với chúng yêu rằng mau báo cho Thượng Chi biết. Thượng Chi mừng rỡ, tự nhủ rằng lần trước Kim tinh phong ta làm trước tác, chức quan không được lớn nhưng cũng được thoát phàm thai bạch đinh, nay đến chắc là có ý hay, liền lại về động nghênh tiếp.

Kim tinh đứng ngoảnh mặt về phía nam nói rằng:

- Hỡi Thượng Chi! Ngươi ngày nọ chỉ hiềm chức nhỏ, bỏ mất chức tước của thiên triều ban cho, lại sinh ra dị tâm. Thượng đế có phán rằng, đại phàm làm quan phải từ nhỏ dần dần mới thăng lên chức lớn, nay ngươi muốn lớn ngay, thực là tham lam vô độ, đáng tội chết. Duy lão hán này cố sức xin phong cho ngươi chức Giáo dục thượng thư tiên, Thượng đế chuẩn tấu nên sai ta xuống vời ngươi lên.

Thượng Chi hỏi:

- Chẳng hay chức Giáo dục thượng thư tiên có thể đeo được thẻ ngà không?

Kim tinh đáp:

- Có. Lại có thể đội được mũ cánh chuồn, mặc được áo gấm hồng, đi được ủng, cầm được hốt, có thể quỳ, có thể vái, có thể còng lưng và có thể ăn được cả đồng cả bạc nữa.

Thượng Chi nghe nói hoa chân múa tay, rồi cúi lạy Lễ bộ Kim tinh, hai tay nâng đỡ cái mũ cánh chuồn Kim tinh đưa cho nhận và nói rằng:

- Đa tạ tinh quân giáng lâm, để chúng tôi sai dọn tiệc tẩy trần.

Kim tinh nói:

- Có thánh chỉ không dám ở lại lâu, mau mau ngươi cùng đi với ta.

Thượng Chi lập tức gọi bạn Đông châu vương, Tùng Vân đạo nhân đến dặn dò cẩn thận rồi cùng Kim tinh đằng vân lên thượng giới.

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim